



Huyền sử Cỏ tiên

Phạm Thái Quỳnh

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 1



Rừng khộp mênh mông. Trời cao nguyên xanh thăm thẳm. Gió như đàn thú dữ lồng lộn khắp rừng ù ù suốt ngày suốt đêm. Lá khộp như những bàn tay vẫy lấp lánh, lấp lánh vô hồi vô tận.

Nắng! Nắng ời ời lửa. Rừng khô rang. Đá bốc khói. Nước bị mặt trời nung cháy hút sạch. Nền rừng kiệt nước trắng phớt một màu. Những con cua có bộ giáp vững chắc như thép cũng không chịu được nóng phải rời khỏi hang hốc chui lên mặt đất kiếm chút sinh khí. Những con phượng hoàng đất xoè đôi cánh che rợp cả mặt trời uể oải quạt gió. Đâu đó, lừng thừng bước voi đi dẫu chân hằn trên đá, in vào hồng hoang. Không gian khoáng màu nguyên thủy u tịch, hoang man, rợn rùng. Đi vài giờ đồng hồ, ta mới gặp một bản lều tều mấy nếp nhà sàn, mái lợp ngói gỗ ẩn bóng me xanh. Xa xa, ngôi chùa chơ vơ tịch liêu. Hoa cham pa bảng lảng hương hư vô. Lốc cốc tiếng mõ buồn. Người ta đã bay lên vũ trụ vậy mà ở đây vẫn đóng khố, cởi trần, chọc lỗ tra hạt. Con người ở đây gần hoa lá cỏ cây, gần đất, gần trời, gần trăng sao, mây gió. Họ đã tin, đi trên rừng gươm vẫn tin, đã yêu núi sập cũng yêu, đã ghét cho vàng vẫn ghét, đã căm chém đá rửa hờn.

Rừng khộp vẫn mênh mông. Không gian, thời gian vẫn thế. Nhưng mặt trời đã biến mất. Mưa!

Mưa Trung Lào ù ù như xay lúa. Trời có bao nhiêu nước nghiêng cả xuống rừng. Hàng tháng, đất trời không tia nắng mỏng manh. Lính chúng tôi phải nhảy lên điểm cao tránh lũ. Quan trọng hơn, chúng tôi phải chuyển kho đạn lên khu vực mà nước lũ không "xâm lược" được. Điểm cao bỗng hoá thành đảo giữa rừng. Để trốn lũ, rắn, rết, kiến, mối ... ngoi cả lên đỉnh cao mà sống, mà thương yêu nhau, mà cắn xé nhau. Kẻ thù nham hiểm cứ nhè các điểm cao rải bom đạn. Rừng cũng vô số kẻ thù nhưng chúng tôi sợ nhất kiến và mối. Hai binh chủng này đông tới tỷ tỷ con. Thân dù bé nhưng gan của chúng không loài nào sánh kịp. Chúng không có khái niệm chết. Một kẻ thù đã không biết chết là gì thì sự hung hãn đối với chúng cũng như sự yêu thương.

Kiến rừng Lào to và đen, nanh sắc nhọn như kim, nọc như axít. Ai bị dăm bảy con đốt đã bứt rứt, đứng ngồi không yên, bị dăm bảy chục con đốt có thể phát điên. Nếu ai bị vài trăm con gặm nọc độc vào da thịt là quy. Lúc ấy, điều kinh hoàng xảy ra. Toàn thân người bị phủ một lớp kiến không biết bao nhiêu tầng, chỉ thấy một đồng động vật nhưng nhúc nhích mang hình người cựa quậy làm cái việc chúng hằng làm. Vài ngày sau, thân thể người không may ấy biến thành một đồng xương. Vài tháng sau, đồng xương ấy cũng biến mất. Kiến là vậy nhưng thi tài với mối kiến cũng chỉ là á quân. Mối rừng Lào to, mồn đen, răng như hai gọng kìm. Đàn mối di chuyển như cơn giông rào rào trên nền rừng. Trừ đất đá sắt, các vật còn lại đều bị chúng nghiền nát trên đường chúng đi qua.

Có chiến sỹ mệt quá lười mặc võng trải bạt xuống nền rừng nằm, lúc thấy chân tay nhúc nhút mới bật dậy, cái bạt chỉ còn lại đúng hình người nằm. Phần bạt xung quanh hình người nằm đã bị đàn mối đưa vào bụng chúng, Phần quần áo tiếp giáp với đất lỗ chỗ như tổ ong. Chân tay, mình mấy nhiều chỗ đã bị mối gặm, máu rỉ ra. Vài ngày sau, chỗ da thịt bị mối gặm mưng mủ rồi thối ra, đau đớn không tả xiết.

Rừng khuya, đất lạ, mưa vây trùng trùng, buồn thiu buồn chày, buồn nổi váng trong lòng. Để phá vỡ không khí u trầm ấy, Đỗ Trung Tấn "khai

hoả":

- Anh Xuân này, anh có tiệc Đại học Tổng hợp không?

Mai Như Xuân bần thần giây lát, đáp:

- Tiệc chứ! Nếu không phải ra trận, mình ra trường hơn hai năm rồi.

Nguyễn Ngọc Hải anh chàng ù lý nhất đại đội mà lúc ấy cũng lên tiếng:

- Giá không có giặc, anh Xuân thành Nhà văn rồi ấy chứ.

Xuân đáp giọng buồn buồn:

- Nhà nọ nhà kia còn lâu lắm nhưng những trang viết thì có rồi. Vào đầu năm học thứ ba, mình đã lập xong dàn ý viết lại một chuyện rất hay mà ông mình đã kể nhiều lần. Tuổi thơ của mình được tắm trong câu chuyện lấp lánh đó. Tiếc rằng ...

Anh chàng lém nhất quê ở "Thái Bình bay" tên là Nguyễn Quang Ngân góp lời:

- Anh Xuân này, những chuyện anh đã kể cho chúng em nghe anh đều rút từ "kho Đại học" mà ra phải không?

- Không hẳn như thế. Có chuyện mình nhặt được ngoài đời. Các làng, các xóm còn nhiều câu chuyện hay lắm. Sau này trở về, mình sẽ la cà ở các làng các xóm góp nhặt những chuyện vương vãi làm thành một quyển sách.

Tấn đề nghị:

- Mưa thối ngày thối đêm thối thế này, đài lại hết pin, sách báo không có, anh kể chuyện đi.

Ngân tiếp lời:

- Anh chơi một cú dài dài vào chứ như mọi ngày không bõ dính răng.

- Phải đấy!

- Yên tâm đi. Anh Xuân còn một kho trong bụng kia mà.

Trung đội trưởng Mai Như Xuân suy nghĩ một lúc có lẽ là anh lục lọi trí nhớ rồi nói:

- Thôi thế này, trung đội còn gần hai chục người mà khu kho lại rộng. Chia làm bốn kíp không bao hết kho, ta chia làm ba kíp thôi. Ba khẩu đội trưởng làm ba kíp trưởng. Số vũ khí này chuẩn bị cho mùa khô tới đấy. Anh em ta phải bảo quản cho thật tốt. Tư lơ mơ là Chính uỷ Khả Phong cho xơi "món kỷ luật" ngay. Anh em có nhất trí không?

- Nhất trí!

- Nhất trí! Nhất trí!

- Minh sẽ làm lại lịch gác treo ở hầm trung đội. Lịch gác và lịch "hậu cần" chung một bảng quay theo chiều kim đồng hồ.

Lịch gác, bạn đọc cho tôi được phép không giải thích. Còn lịch "hậu cần", tôi xin la cà một chút. Đầu đuôi là thế này: Đêm mùng 7 rạng ngày mùng 8 tháng 3 năm 1965, trung đoàn tôi bị một cú đập ở Đồng Hới thuộc tỉnh Khăm Muộn trung Lào. ấy cũng là do trinh sát lơ mơ và chuẩn bị tác chiến ẩu. Sau trận đó, trung đoàn phải hành quân về phía đông củng cố. Để chuẩn bị cho mùa khô năm sau, trung đoàn để lại một phần lớn vũ khí chủ yếu là các loại đạn. Trung đội của Mai Như Xuân được phân công ở lại bên đó trông coi số vũ khí ấy. Rất ưu tiên, trung đoàn cũng chỉ lo cho trung đội của Mai Như Xuân số gạo tính đến từng lon đủ ăn trong bốn mươi lăm ngày. Tính đến mùa khô, số gạo ấy chỉ duy trì sự sống của chúng tôi được non nửa thời gian. Số gạo còn thiếu, chúng tôi chờ tiếp tế của Đất Thánh. Nhưng từ sau ngày mùng 3 tháng 4 năm 1965, giặc đánh Hàm Rồng. Thanh Hoá, chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam của "Nhà trắng" ngày càng ác liệt. Nguồn tiếp tế của chúng tôi bị đứt. Vấn đề đơn giản mà thiêng liêng là chúng tôi phải sống. Gạo hết, chúng tôi trông vào rừng suối. Còn nhân dân Lào, họ rất thương bộ đội Việt Nam nhưng họ nghèo lắm, nghèo hết mức nghèo. Bởi vậy, lo hậu cần đối với chúng tôi là tối thượng, tối linh. Trong trung đội, người nào cũng phải tìm thức ăn để mà sống. Để có tổ chức và mang tính chất bắt buộc, mỗi khẩu đội phải lo ăn một ngày, luân phiên nhau. Do đó, lịch "hậu cần" xuất hiện. Các khẩu đội cứ theo lịch mà làm, không phải đôn đốc. Cứu tinh của chúng tôi là măng rừng thay cho gạo. Thức ăn là cá suối, cua rừng, rắn, bọ cạp, mối đất. Bọ cạp và mối đất mà rang lên thì trên cả tuyệt vời. Riêng muối, Mai Như Xuân phải trực tiếp quản lý. Vì nếu không có muối, bệnh phù nề xuất hiện ngay. Do đó, muối thành hàng chiến lược, vàng ngọc cũng phải đứng sau muối. Chao ôi, muối ở quê ta ai cất lời cũng xin được hàng bát nên nó rẻ rúng lắm. Nhưng sang tới đất bạn, muối là hoàng đế.

Hơn hai tháng trời, chúng tôi không một hạt gạo. Vậy mà chúng tôi vẫn

sống bằng khả năng vượt lên sự chết bủa vây. Bản năng sinh tồn của con người thật kỳ diệu.

Sau khi đã bài binh bố trận lại cho hợp với hoàn cảnh chiến trường, Mai Như Xuân nói với anh em trong trung đội:

- Hôm nay, mình sẽ cho các cậu nghe một cú "trường thiên", có lẽ cũng phải mười, mười lăm buổi mới hết. Vì là trường thiên nên không có chuyện kể lại đâu. Ai đến kíp gác mà không được nghe thì nhờ người đã được nghe kể lại. Có tán thành không nào?

Mọi người đều tán thành. Hoàng Tất Thường chàng trai quê gốc Châu Văn hỏi:

- Hôm nay, anh cho chúng em nghe chuyện gì mà anh nói là "trường thiên"?

- "Huyền sử cỏ tiên"

- Tên gì mà lạ thế anh?

- Cũng không lạ lắm đâu. Chuyện này mình nghe ông nội kể nhiều lần. Thế nào mình cũng viết thành sách.

Thường néo đến cùng bèn hỏi:

- Gọi là Huyền sử cỏ tiên nghĩa là thế nào hở anh?

- Cỏ tiên thì không phải giải thích. Nó sẽ hiện ra trong tích. Nhưng còn huyền sử, các cậu tạm hiểu thế này: Nó chỉ là cái bóng của lịch sử. Nó thật thật ảo ảo xen lẫn yếu tố kỳ lạ để người nghe có cảm hứng. Những chuyện lưu truyền trong dân gian phảng phất sự kiện lịch sử xã hội thuộc về mọi thời, mọi nơi thì có thể gọi là huyền sử.

- Vậy là chuyện bia ra hở anh!

- Bia mà lại không bia "Tây Du Ký" làm gì có thật một trăm phần trăm mà chỉ có một sự kiện sử Huyền Trang sang Ấn Độ lấy kinh Phật. Còn lại, Ngô Thừa Ân sáng tạo ra cả. "Liêu trai chí dị" của Bồ Tùng Linh không có chút nào thật ở cuộc đời. Bồ Tùng Linh "bia" một trăm phần trăm. Điều quan trọng là ý tưởng nhân văn - làm cho con người đẹp lên mà tác phẩm thể hiện. Trong văn chương không nên tìm một không gian thực, một thời gian thực. Với huyền sử, không gian và thời gian càng không có biên giới.

Tấn reo lên:

- Chưa vào tiết mục chính mà đã thấy hay.

Thường đế vào:

- Thôi, anh kể đi. Thằng nào dốt chưa hiểu ngay sau này phải học.

Ngân đồng tình:

- Có lý lắm !

Thế rồi, giữa cao nguyên xa xôi, rừng hoang mưa xối chỉ có lính với lính, tiếng Mai Như Xuân trầm ấm vang lên. Anh đã cho chúng tôi gặp minh quân, lương thần, tham quan, ô lại. Những phụ nữ tài hoa, những cô bé, cậu bé thánh thiện. Phải đến chín mười buổi, Mai Như Xuân mới kể xong "Huyền sử cỏ tiên". Những người khác nếu được nghe anh kể thì không biết thế nào. Với lính chúng tôi, chuyện anh cho chúng tôi nghe hay lắm. Rồi lính lại kể cho lính nghe. Chuyện của anh đã góp phần giúp chúng tôi vượt qua những ngày gian khổ nhưng rất đẹp của thời thanh xuân chiến trận. Ngày nay, một ai đó trong chúng tôi muốn sống lại những giây phút giữa cao nguyên xa lạ thì cũng chỉ là ước mơ trong mộng.

Hết mùa khô năm 1966, chúng tôi trở về đất mẹ rồi vào chiến trường B. Khi ấy Mai Như Xuân đã là đại đội trưởng.

Ngày 27 tháng 11 năm 1967, nguy quyền Sài Gòn bầu cử tổng thống tay sai. Liên danh bán nước Thiệu Kỳ là ứng cử viên số một. Đại đội tôi được lệnh đánh vào huyện lỵ Hải Lăng, Quảng Trị để cảnh cáo bọn tay sai bán nước. Trước khi xuất kích, Mai Như Xuân nói với tôi:

- Tao thấy mày cũng có khiếu văn chương. Văn thì chưa biết thế nào còn thơ thì rất khá. Nếu tao còn được trở về, tao sẽ viết lại "Huyền sử cỏ tiên" để trả nghĩa ông nội. Còn nếu như..."

Tôi biết Mai Như Xuân sẽ nói gì nên xoè tay bịt lấy mồm anh, nói:

- Trước giờ ra trận không được gỡ mồm.

Tuy tôi đã ngăn nhưng Mai Như Xuân vẫn nói. Có điều, anh không nói trắng ra.

- Nếu tao không được viết thì mày phải viết, cứ nhớ cốt và có ý tưởng là viết được. Hay dở bàn sau, mày cứ mạnh dạn mà viết, nhưng cần phải nhớ là giữ ngòi bút cho sáng. Văn kia mà.

Tôi xao lòng nhìn bạn... Thế rồi, điều mà Mai Như Xuân tiên cảm xảy ra

thật. Đại đội cối của chúng tôi đánh vào Hải Lăng tạo nên những đám cháy lớn. Trận địa pháo của địch bị cầm họng. Khi rút, chúng tôi dính một trái cối 106,7 mili mét từ La Văng bắn tới. Mai Như Xuân bị một mảnh cối vào bụng. Chiến sĩ quân y mới ra trường lại đánh trận đầu hoảng hốt bằng không trúng vết thương. Vì toàn thân Mai Như Xuân chỗ nào cũng thấy máu. Gần 6 giờ sáng ngày 27 tháng 11 năm 1967, Mai Như Xuân tắt thở. Khi bó cho anh, Ngân phát hiện ra anh bị thương vào bụng nhưng chiến sĩ quân y lại băng vào sườn. Ngân nói với tôi điều đó. Tôi nói với Ngân: "Đồng chí không được nói điều này với ai. Đồng chí Hường trót băng nhằm chứ không cố ý. Tôi là trung đội trưởng tôi sẽ chịu trách nhiệm chứ không phải là đồng chí. Vì đồng chí đã báo cáo tôi rồi". Nghe lời tôi, Ngân im như thóc giống để trong bồ. Sau khi mai táng cho Mai Như Xuân, tôi nói riêng với chiến sĩ quân y Hường: "Đồng chí phải rút kinh nghiệm. Đồng chí Xuân bị thương vào bụng chứ không bị thương ở sườn". Hường ôm mặt nước nớc: "Anh Xuân ơi! Em giết anh rồi!" Tôi sảng giọng: "Thôi, im đi! Lộ ra là bị kỷ luật đấy."

Xuân Mậu Thân, đại đội tôi đánh vào Quảng Trị, Hường bị thương nặng. Trước khi nhắm mắt, Hường thều thào: "Em cảm ơn anh và anh Ngân. Em không phải mang kỷ luật xuống mồ". Nghe được câu nói ấy của Hường, Ngân cũng khóc. Có điều, Ngân không phải ân hận với Hường.

Sự ký thác của Mai Như Xuân tôi không bao giờ quên. Tôi đã định viết "Huyền sử cỏ tiên" từ lâu rồi. Nhưng những trang viết khác cứ "ăn vạ" tôi nên điều ký thác của người đã khuất cứ nằm trong ý nghĩ.

Bỗng một ngày vào cuối tháng 10 năm 2001, một bà già tìm đến nhà tôi, hỏi:

- Xin lỗi, bác có phải là bác Hoàng không?

Tôi lục bộ nhớ và thấy rằng tôi không quen bà này.

- Vâng, tôi là Hoàng, mời bà vào nhà.

Vừa vào trong nhà, người đàn bà đã tự giới thiệu:

- Tôi là Thảo, chị gái của Mai Như Xuân. Tôi từ Sài Gòn ra. Bác ơi, tôi đi khắp các nghĩa trang ở Quảng Trị mà không tìm thấy phần mộ của cậu Xuân. Nghe nói bác biết nơi chôn cậu Xuân?

- Xin lỗi bác, ai nói như vậy và vì sao bác biết nhà tôi?
- Tôi vừa vào anh Thịnh ở ý Yên. Anh Thịnh cho tôi địa chỉ của bác.
- Thế bác Thịnh đã nói với bác những gì?

Bà Thảo kể lại những điều mà Thịnh đã nói. Tôi bèn nói với bà Thảo:

- Những điều bác Thịnh đã nói với bác là đúng. Vì bác Thịnh là một trong số những người mai táng Mai Như Xuân. Chỉ có điều, ngày Mai Như Xuân hy sinh là không đúng. Nhưng thôi bác ạ, bác cứ căn cứ vào giấy báo hy sinh của cơ quan chuyên ngành. Còn mộ phần của Mai Như Xuân, tôi tin tưởng rồi sẽ tìm thấy.

- Tôi nghe bác Thịnh nói, bác và cậu Xuân tôi có kỷ niệm sâu đậm với nhau?

- Có đấy!

Rồi tôi bèn ngui hỏi bà Thảo:

- Xin lỗi bác, ông nội của Xuân có kể cho Xuân nghe một câu chuyện hay lắm. Bác có được nghe không?

- Tôi có được nghe nhưng buổi được buổi không. Vì tôi là chị lớn còn phải đi làm.

- Bác có nhớ chuyện đó là chuyện gì không?

- Tôi không nhớ tên chuyện mà chỉ nhớ chuyện ông nội tôi kể có một cô gái rất giỏi chữa cho Vua khỏi bệnh. Nhưng làm sao bác lại lục vấn điều ấy mà không lục vấn điều khác.

- Thưa bác, tôi đang nợ Xuân điều đó.

- Bác nói gì tôi không hiểu?

- Thế này bác Thảo ạ, tôi có nhận lời với Xuân là viết lại chuyện mà Xuân đã kể cho tôi nghe.

Bà Thảo mừng rỡ:

- Thế thì quý hoá quá. Bác viết lại đi. Khi nào in xong, bác cho tôi mua một quyển.

- Thưa bác, tôi phải biểu bác chứ. Đó là nén hương tôi viếng Xuân và đồng đội của Xuân đã nằm xuống ở trung Lào và ở miền Nam.

Bà Thảo về rồi, tôi ngồi lặng lẽ nhớ về Mai Như Xuân rồi tôi thiếp đi lúc nào không biết. Tôi bỗng gặp anh. Nơi rừng xa, anh đang kể chuyện xưa.

Anh không nhìn tôi mà nói một câu bông quơ: "Trên đời bớt đi một thằng Cuội tốt hơn nhiều là thêm một thằng Cuội..."

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 2

Một mái lá soi bóng xuống suối vắng. Chủ của mái lá là một bà già rất khó đoán tuổi bởi tóc bà đã nhạt xanh mà mắt vẫn như sao. Đôi chân vẫn còn đủ sức leo qua năm, bảy quả đồi mà mặt không hề biến sắc. Bà già tên là Dương Phụng. Một cái tên gợi trí tò mò cho những ai năng suy nghĩ.

Xung quanh bà có một phụ nữ trung niên và mấy bé gái. Đứa bé nhất chừng mười tuổi, đứa lớn nhất chừng mười sáu mười bảy tuổi. Trong nhà không có bóng đàn ông. Thỉnh thoảng có bóng đàn ông xuất hiện thì đó là bác tiêu phu. Bác chỉ đến chốc lát rồi về.

Cuộc sống của hai người đàn bà và những đứa trẻ chủ yếu là tự cấp, tự túc nhờ vào rừng, suối. Những thức gì không tự túc được họ mới nhờ vào thế giới bên ngoài qua trao đổi sản vật hoặc tiền bà thu được do lộc rừng ban cho thông qua trí tuệ của bà và mồ hôi của những đứa trẻ.

Phía sau mái lá là một khu vườn rộng. Trong vườn ngoài những giống hoa ta thường gặp như hồng, cúc, huệ, nhài còn có những giống hoa rất lạ dân quê rừng rú không ai biết tên. Một vài bé gái sống quanh bà tò mò hỏi tên những loài hoa lạ. Bà và ả Phụng nói là cũng không biết.

Đầu hồi phía Tây nhà là khu bếp và chuồng lợn, chuồng dê, chuồng gà. Đầu hồi phía Đông giáp phòng ngủ của hai người đàn bà là những hàng chè xanh thẳng tắp, cây nào cây nấy mơn mớn búp non. Sau những hàng chè xanh là hai cây bưởi và một cây hoàng lan cao lớn, chứng tỏ chúng đã nhiều tuổi. Hai cây bưởi không nói làm gì còn cây hoàng lan không thể là cây tự nhiên mà phải là cây do người trồng, và giống cũng phải từ nơi khác mang về. Bởi vì vùng này dọc ngang trăm dặm tìm đâu cũng không thấy bóng hoàng lan, còn bưởi thì vô số.

Bên ngoài khu vườn phía sau ngôi nhà là vạt đồi rộng để đến dăm bảy mẫu trồng hàng trăm loài cỏ thuốc. Có những cây cỏ thuốc là thảm họa cho các loài ong bướm. Vì ong bướm cứ đậu vào hoa hút mật xong là lăn đùng ra chết. Tên của những loài cỏ chết người ấy chỉ có bà Dương Phụng và ả

Phụng cùng một người nữa biết. Người đó là bé gái mười sáu mười bảy tuổi tên là Sơn Nữ. Vun tưới những cây cỏ đặc biệt ấy, bà ản Phụng giao cho Sơn Nữ.

Sơn Nữ cùng những đứa trẻ sống trong nhà này quan hệ thế nào với hai người đàn bà? Là con hay là cháu. Nếu là con thì chỉ vài ba đứa thôi chứ. Nếu là cháu, vậy bố mẹ chúng đâu?

Gần hai mươi năm trước, vào lúc hoàng hôn của một ngày mùa đông buốt giá có một thiếu phụ tuổi trên ba mươi và một cô gái tuổi chừng mười sáu mười bảy thất thểu tới hẻm núi này. Ngày ấy hẻm núi chỉ có hai nóc nhà của hai gia đình tiều phu. Thiếu phụ dắt cô gái đến một nhà xin ngủ nhờ qua đêm. Bác tiều phu bằng lòng, bởi lẽ nhà bác chẳng có của nả gì ngoài cây búa. Vợ chồng bác và hai đứa con tuổi còn nhỏ không thù hằn ai, không hề gây nguy hiểm cho ai, cho nên cũng không ai gây họa cho bác. Hai người chân yếu tay mềm ngủ nhờ nhà bác cũng không thể đe dọa bác được. Và lại, đêm đông rét mướt, người đàn bà và cô gái biết đi về đâu giữa núi rừng hoang vắng.

Thiếu phụ hỏi bác chủ nhà mua gạo nấu cơm. Nhà bác tiều phu chỉ có bồ rỗng. May sao rồi còn mấy củ sắn luộc, bác bèn đãi hai người khách cơ nhỡ. Hôm sau, người thiếu phụ không rời xóm núi mà lại đi dạo một vòng xem đồi núi, suối khe và con đường mòn thông với đường quan. Trở về, thiếu phụ bỏ ra một số bạc nhờ bác tiều phu dựng cho một nếp nhà bên suối. Hẻm núi có thêm một nóc nhà nữa nên trở thành xóm núi.

Bác tiều phu trở thành láng giềng tốt của thiếu phụ. Tuy vậy, bác vẫn chưa biết tên của thiếu phụ và cô gái. Bác bèn hỏi cho tiện xưng hô. Thiếu phụ ngẫm nghĩ một lúc mới nói: "Tên tôi là Dưỡng Phụng còn cháu nó tên là ản Phụng." Dưỡng Phụng và ản Phụng có phải là tên thật của hai người hay nó mới mọc ra từ ngày hai người bước chân đến hẻm núi hoang vắng này? Điều đó bác tiều phu không thể biết.

ản Phụng gọi bà Dưỡng Phụng là mẹ. Mẹ thật hay mẹ giả nào ai biết. Tóm lại tung tích của hai mẹ con bà Dưỡng Phụng được bao bọc bởi một màn sương khói mờ ảo. Nhưng điều này không thể không thừa nhận, hai mẹ con bà Dưỡng Phụng sống ngay lành, sẵn sàng giúp đỡ bác khi hoạn nạn và

những ai cơ nhờ.

Làm xong nhà, bà Dưỡng Phụng nhờ bác tiều phu cùng với bà và cô ả Phụng phát đồi trồng cây thuốc. Qua vài ngày giúp bà Dưỡng Phụng, bác tiều phu nhận thấy hai mẹ con bà Dưỡng Phụng chưa quen cày cuốc. Tuy vậy, cả hai đều rất cố gắng. Vất vả, rét mướt mà mẹ con bà vẫn cắn răng chịu. Chẳng bao lâu, đồi hoang đã trở thành đồi cỏ thuốc. Bà Dưỡng Phụng chặt về phơi khô, sao tẩm, đóng bõ để vào nơi cao ráo trong buồng.

Một hôm, con của bác tiều phu trúng phong ngã vật ra, mắt trợn ngược, rồi cứng khẩu. Bác tiều phu không biết làm thế nào để cứu con. Chợt nghĩ đến bà Dưỡng Phụng, bác bèn chạy sang nói với bà. Bà Dưỡng Phụng bảo ả Phụng sang cứu con bác tiều phu. Mang theo một nắm cỏ khô, ả Phụng bước sang nhà bác tiều. Giã nát nắm cỏ khô hoà vào một bát nước, bỏ thêm vào mười hạt muối, vớt bã bỏ đi, ả Phụng cạy mồm đưa trẻ đổ nước thuốc cho nó uống. Thật thần kỳ, một lát sau mắt đứa trẻ hết trợn ngược và nói được. ả Phụng quay về nhà lấy một nắm cỏ khô nữa đưa cho bác tiều phu nói: "Bác sắc cho bạn ấy uống, sắc cho đặc lấy một bát thôi." Bác tiều phu làm đúng theo lời ả Phụng. Con trai bác đã vượt qua cơn hiểm nghèo.

Một lần khác, bác tiều phu khác- người hàng xóm thứ hai của bà Dưỡng Phụng có cô con gái bị rắn cắn. Toàn thân cô gái phù nề, tím ngắt, mồm thở rốc. Bác tiều phu này cũng chạy đến nhà bà Dưỡng Phụng cầu cứu. Bà cho ả Phụng sang cứu đứa trẻ. Với một ấm thuốc lá tẩy độc, ả Phụng đã trả lại sự sống cho cô gái.

Tiếng lành của mẹ con bà qua hai bác tiều phu vượt qua hẻm núi bay đi. Nhiều người tìm đến bà Dưỡng Phụng để giữ lấy mạng sống. Hàng trăm người đã thoát chết bởi những nắm cỏ dại. Để tiện việc cứu người, bà Dưỡng Phụng đã dựng một căn lều gần ngã ba nơi con đường mòn nối với đường cái. Mỗi tháng, bà tiếp người bệnh ba lần vào các ngày mùng mười, hai mươi, ba mươi. Bà Dưỡng Phụng không bao giờ đặt giá thuốc với người bệnh. Ai trả bao nhiêu tùy tâm, không trả cũng chẳng sao. Những người nghèo khó có trả tiền bà Dưỡng Phụng cũng không lấy. Người bệnh đến không đúng ngày bà Dưỡng Phụng làm thuốc cứ gặp một trong hai bác tiều phu kể đúng trạng thái đau đớn là có nắm cỏ dại mang về. Hai bác tiều

phu nhờ những đồng tiền của bà Dưỡng Phụng bán "cỏ dại" san cho nên cuộc sống đỡ phần vất vả.

Bác tiều phu nhà ở gần nhà bà Dưỡng Phụng hay quan sát những hiện tượng khác thường. Vì bác thường vào rừng sâu nên phẩm chất ấy tự nhiên hình thành trong bác. Nhờ phẩm chất ấy mà hai ba lần bác thoát hiểm. Một lần thấy dấu chân hổ còn mới, bác biết hổ chưa đi xa. Bác bèn đi ngược chiều dấu chân hổ nên bác không gặp nguy. Hôm sau, bác tiều phu lại vào rừng. Qua đoạn đường hôm trước, bác phát hiện ra dấu chân hổ không xa. Bác thấy một vũng máu và một nắm lông hươu. Cây cỏ xung quanh đó nhàu nát cả. Vậy là đúng rồi. Một con hươu xấu số đã làm mồi cho con hổ. "Hôm qua mình không thay đổi hướng đi tất sẽ gặp nó".

Một lần khác, bác đi qua đồi tranh. Buổi sớm mùa xuân cả đồi tranh long lanh sương. Vậy mà, có một vạt cỏ dài như ai vừa dẽ ra không có hạt sương nào bám trên cỏ cả. Bác đoán chắc có con trăn lớn vừa đi qua. Bác lần theo, quả không sai. Phía trước bác, một con nai đang bị con trăn dữ dùng cái thân dài săn chắc vắn lên như sợi chèo tre thít lấy cổ.

Bác để ý thấy ánh đèn nhựa trám trong nhà bà Dưỡng Phụng thường sáng đến gần nửa đêm, có khi còn sáng khuya hơn. "Làm gì mà thức khuya thế?" Tính hiếu kỳ kích thích, bác lặng lẽ bước sang nhà bà Dưỡng Phụng. Qua khe hở của vách liếp, bác thấy hai mẹ con bà Dưỡng Phụng đang đối diện bên bàn cờ. Vẻ mặt cô ả Phụng có vẻ căng thẳng. Có lẽ thế cờ của cô đang bị hãm. Bà Dưỡng Phụng ba lần nhắc quân cờ, cô ả Phụng xin thua. Bà Dưỡng Phụng giảng giải: "Ván cờ này tiểu thư thua là vì xuất tướng quá sớm. Tướng tôn nghiêm chỉ xuất khi nào cần thiết. Như vậy tướng mới có uy. Còn quân để thay cho tướng trong nước cờ này, tiểu thư không dùng lại vội xuất tướng là lạc nước. Cờ đi đúng nước thì con tốt cũng to hơn tướng, còn tướng tham công, hiếu thắng, lạc nước dễ sa bẫy sẽ bị pháo mã khinh". Ván thứ hai cô ả Phụng lại thua. Bà Dưỡng Phụng lại nói: "Ván cờ này tiểu thư thua vì để tốt nhập cung. Tiểu thư tiếc con xe nên con tốt ấy mới sống sót. Tốt là tiểu nhân. Tiểu nhân vào được cung tất sinh loạn, tướng sỹ trên dưới nháo nhào ngay..."

Một trận gió ào qua. Cánh cửa liếp bị gió đẩy vào. Bà Dưỡng Phụng hướng

ra phía cửa. "Thế nào bà Dưỡng Phụng cũng ra đóng cửa". Sợ bị phát hiện, bác tiều phu lặng lẽ lui gót.

Bà Dưỡng Phụng gọi cô ả Phụng là tiểu thư vậy bà không thể là người đẻ ra cô gái. Và lại, mẹ con sao không hề có nét giống nhau. Thế thì bà là ai? Hôm sau, bác tiều phu mong cho ngày chóng qua để đêm tới nhanh. Trăng hạ huyền đã mọc. Đêm khuya lắm rồi. ánh đèn nhựa trám trong nhà bà Dưỡng Phụng vẫn hắt ra qua vách liếp thưa. Bác tiều phu rón rén bước tới nhà bà Dưỡng Phụng như con chồn buông những bước chân nhẹ tựa làn sương bám theo con gà rừng. Hôm ấy, bà Dưỡng Phụng và cô ả Phụng ngồi bên ấm trà. Hương thơm tinh khiết từ trong nhà loang trong không gian vắng lặng nhàn nhạt màu trắng. Chưa bao giờ bác tiều phu gặp hương trà thơm kỳ lạ như hôm ấy. ánh mắt của hai người đắm chiêu. Bỗng cô ả Phụng nói: "Nhũ mẫu đừng dấu con nữa. Nhũ mẫu đã hứa là sẽ nói cho con biết kia mà. Giờ con lớn rồi. Nhũ mẫu không coi con là con à?" Rồi cô khóc hu hu. Bà Dưỡng Phụng nựng: "Tiểu thư đừng khóc. Nhũ mẫu không muốn tiểu thư đau lòng." Cô ả Phụng giẫy nẩy: "Con không thích gọi là tiểu thư nữa. Nhũ mẫu không nói, ngày mai con đi khỏi nơi này". Nhũ mẫu sợ quá bèn ngọt ngào: "Nhũ mẫu sẽ nói, nhũ mẫu sẽ nói. Con nín đi!"

Nghe lời bà Dưỡng Phụng, cô ả Phụng cố nín. Tiếng khóc dừng hẳn, cô ả Phụng giục: "Mẹ nói đi mẹ! Bố con phạm tội gì mà bị Vua giết?". Bà Dưỡng Phụng đáp: "Phụ thân con can Vua nên mắc tội." Cô ả Phụng lại hỏi: "Thế còn mẹ con?" Bà Dưỡng Phụng đáp: "Chuyện mẫu thân con đau lòng lắm!" Cô ả Phụng lại giục: "Đau lòng như thế nào nhũ mẫu cứ nói đi". Bà Dưỡng Phụng giọng buồn rầu: "Hôm nay, nhũ mẫu chỉ nói thế thôi. Chuyện này rất rắc rối và còn dài lắm. Khuya lắm rồi đi ngủ thôi con ạ".

Bà Dưỡng Phụng bước tới giường buông màn. Cô ả Phụng bước theo nài bà nói tiếp. Bà Dưỡng Phụng chối khéo: "Nhũ mẫu mệt lắm rồi. Con bắt nhũ mẫu thức nữa nhũ mẫu sẽ ốm mất." Bà Dưỡng Phụng quay ra tắt đèn. Bác tiều phu quay về nhà nằm thức cho tới sáng...

Cô ả Phụng dấu mình trong xó rừng ngày ngày quanh quẩn bên cây thuốc. Cô những tưởng không ai để mắt đến nên cô được yên thân. Song dù hoa muốn dấu hương đi cho bướm ong không đến quấy nhiễu, thế nhưng

gió không bao giờ cho hoa dừng. Tiếng đồn cô ản Phụng như bông hoa rừng đã khiến công tử gần xa tìm đến. Bao lời cầu hôn đều bị cô ản Phụng khước từ. Thương cô, bà Dưỡng Phụng khuyên:

- Trong số những người đến cầu hôn con có một vài người hào hoa xứng bậc quân tử. Con hãy chọn lấy một người. Rồi một ngày nào đó, nhũ mầu cũng phải đi thì con sẽ có người ấm lạnh, nắng mưa.

Cô ản Phụng lễ phép hỏi nhũ mầu:

- Nhũ mầu lại khuyên con làm việc xấu à?

Bà Dưỡng Phụng ngẫm nghĩ lại nói:

- Không bao giờ nhũ mầu khuyên con làm việc bất nghĩa. Có điều, đó mới là lời hứa của phụ thân con với quan Ngự sử. Vả lại, người ấy đã bị bọn tham quan tàn bạo giết rồi. Vì thế, con có lấy người khác cũng được.

Cô ản Phụng lặng đi giây lát rồi nói rất cảm động:

- Con biết nhũ mầu thương con nên mới khuyên con tìm nơi nương tựa. Nhưng con không thể làm theo lời khuyên đó. Phụ thân con đã định nơi cho con. Người ấy thật xứng đáng. Nhưng chẳng may người ấy thiệt phận khi nhà Tướng công và nhà con gặp nạn oan do bọn gian ác gây nên. Vậy con phải một lòng với người ấy. Đó cũng là con giữ hiếu với người đã sinh thành ra con.

Hàng ngày, bà Dưỡng Phụng dậy đạo nghĩa cho cô ản Phụng. Những lời của cô đúng như lời dạy của bà, bà còn biết nói gì nữa. Bà Dưỡng Phụng ân hận đã nói ra điều bí mật ấy cho ản Phụng biết. Giá bà chưa nói ra...

Dù ản Phụng không muốn tiếp những người đến xin cưới cô làm vợ, nhưng đó là cô muốn. Ngẫm nghĩ nhiều đêm, cô ản Phụng đi đến một quyết định táo bạo. Cô lặng lẽ vào giữa vườn thuốc um tùm lấy dao rạch một vết dài trên má. Bà Dưỡng Phụng biết thì việc đã rồi. Bà xiết đôi bàn hoàng. Trời đất phú cho tiểu thư hiền thực một nhan sắc như hoa. Vậy mà tiểu thư lại phải tự huỷ hoại vẻ đẹp như hoa của mình. Thì ra trên cõi đời này, người con gái nhan sắc bình thường dễ yên thân hơn những người con gái có vẻ đẹp rực rỡ.

Vết sẹo dài trên má có làm cho mặt ngọc giảm đi vài phần. Tuy vậy, cô ản Phụng vẫn đẹp. Nhiều người vẫn tơ tưởng cô. Nhưng họ không tìm đến

xóm núi hoang nữa. Vì họ biết rằng, dù có cưới được người nhưng không cưới được lòng... Vậy có cưới được ả Phụng cũng không vui gì. Lòng đã không rung cảm thì tình có hơn gì nước ốc ao bèo.

Việc làm quyết liệt của ả Phụng đã đánh thức một thời đau đớn trong bà về nỗi oan của nhà quan Tổng đốc và những ngày đói rét, gió bụi của bà cùng tiểu thư coi bà như mẹ.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 3

Tiểu thư Kim Phụng là con thứ của quan Tổng đốc Hải Đông Hoàng Kiến Nghiệp. Năm lên tám tuổi, tiểu thư được quan Tổng đốc hứa gả cho công tử con quan Ngự sử tại triều. Năm ấy, công tử con quan Ngự sử mười tuổi. Quan Ngự sử và quan Tổng đốc là chỗ rất thân tình. Do đó, hai vị lo chuyện trăm năm cho hai trẻ bằng cách hứa cho chúng nên duyên với dụng ý một bên chọn rể, một bên chọn dâu, hai bên cùng tìm nơi xứng đáng cho con. Việc hai vị quan có tài có đức hứa cho hai con kết hôn với nhau, phía quan Tổng đốc, ngài chỉ nói với bà Thục Trâm. Vì bà Thục Trâm là người dậy chữ cho tiểu thư Kim Phụng. Còn quan Ngự sử, ngài cũng dấu kín chuyện này.

Bà Thục Trâm là con cả quan Tri huyện Trường Định Phạm Chí Thành. Ngài Tri huyện là người hay chữ, trọng học, trí sáng, đức cao. Bởi vậy, ngài đã dạy Thục Trâm chữ nghĩa để cho Thục Trâm hiểu đạo nghĩa làm người. Năm mười bảy tuổi, bà Thục Trâm kết duyên với ông Tú hơn bà bốn tuổi. Làm vợ ông Tú rồi, bà làm mọi việc để chồng theo đòi khoa bảng. Năm hai mươi năm tuổi, ông Tú lại lều chông đi thi. Trên đường đi thi, ông Tú chẳng may mắc bệnh nặng ở dọc đường rồi mất. Đau mất chồng, tủi phận chưa con, bà Thục Trâm lại trao thân cho kinh sách.

Mấy người giàu có chuộng sắc tài bà Thục Trâm bèn ngỏ lời cưới bà làm vợ lẽ. Bà bỏ ngoài tai những lời cầu hôn ấy. Chỉ có ông Tú mới xứng với bà. Ông Tú về Giời, giữ lòng thờ chồng, tài sắc nổi danh, bà không bao giờ làm lẽ.

Quan Tổng đốc biết bà chữ nghĩa giỏi giang, đức hạnh sáng tỏ bèn chọn bà làm thầy dạy chữ cho tiểu thư Kim Phụng. Sợ quan Tri huyện từ chối, quan Tổng đốc nhờ quan Ngự sử nói giùm. Có lời của quan Ngự sử, rồi quan Tổng đốc lại đến tận nhà mời, quan Tri huyện nhận lời với quan Tổng đốc. Là người con hiếu thảo, bà Thục Trâm không thể không nghe lời cha. Tuy vậy, bà vẫn nói với ngài Tri huyện: "Thưa bố, con biết bố khó có thể từ chối

quan Tổng đốc khi mà quan Ngự sử cũng tỏ ra rất quý tiểu thư Kim Phụng. Dù là như vậy, bố cũng phải cho con ngó qua mặt mũi ái nữ của Tổng đốc". Hiểu ý con, ngài Tri huyện bèn nói với Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp. Quan Tổng đốc Hải Đông liền sai gia nhân dẫn Kim Phụng sang bái yết bà Thục Trâm.

Thấy cô bé mặt mũi thanh tú, nói năng lễ phép, bà Thục Trâm nói với ngài Tri huyện: "Con xin làm theo ý bố". Biết tin này, ngài Tổng đốc vui lắm cho ngay phu nhân mang lễ sang dinh quan Tri huyện đón bà Thục Trâm. Thân phụ bà Thục Trâm dâng hương bái cáo gia tiên rồi cho con gái sang dinh Tổng đốc dạy dỗ Kim Phụng.

Năm ấy bà Thục Trâm ngoài hai mươi tuổi, dung nhan như trăng toả đêm thu, đoan trang lịch lãm. Là người sâu sắc, quan Tổng đốc phải cảnh giác với mình, với đời nên ngài suy nghĩ, đắn đo sau trước Ngài bèn kén cho bà Thục Trâm một người giúp việc hơn bà bảy tám tuổi. Vậy là ngoài nhũ mẫu ở riêng một nơi, bà Thục Trâm có một người cùng giới luôn đỡ đần bà sớm tối.

Bà Thục Trâm dạy chữ cho Kim Phụng từ năm cô bé mới bước sang năm thứ sáu. Vốn tư chất thông minh lại được người uyên bác dạy, Kim Phụng đã có chữ trong bụng ở cái tuổi mà những cô bé khác bắt đầu học chơi chữ, chơi chuyền. Làm thầy không có gì vui hơn là trò sáng dạ. Trò sáng, thầy dạy người cũng là dạy mình. Đầu trò mà tối thầy có giỏi may ra cũng chỉ xua đi được cái u ám trong đầu trò chứ dám nói gì đến ý lạ, văn hay. Bước vào cửa nhà quan, bà tự nhủ lòng, phải đem hết tài văn chương và tài chữa bệnh cứu người truyền thụ cho con gái yêu của quan Tổng đốc. Bởi vì quan Tổng đốc đã đi lại với thân bà từ lâu.

Nhận dạy chữ cho con gái quan Tổng đốc không phải là ý nguyện của bà Thục Trâm mà là bà nghe lời bố và bà kính trọng quan Ngự sử. Với bà, bà cũng được khuây khoả. Hơn nữa dạy cho một người làm người đâu phải ai cũng dạy được. Quan Tổng đốc rất tinh nên đã chọn bà. May cho bà là bà gặp được cô trò học một không chỉ biết một. Vậy là bà tìm được một niềm vui cho lòng dịu niềm đau goá bụa.

Nhũ mẫu của Kim Phụng là người rất thương yêu cô bé. Năm Kim Phụng

bảy tuổi, chẳng may bà ngã bệnh rồi mất. Quan Tổng đốc rất thương xót bà. Ông lo cho người nuôi con gái mình chu đáo rồi cho gia nhân đi tìm người khác chăm bẵm cho Kim Phụng. Bà Thục Trâm chưa được làm mẹ, ông Tú đã mất. Dạy chữ cho Kim Phụng, bà yêu cô bé như con. Nhũ mẫu mất, quan Tổng đốc tìm nhũ mẫu mới mãi mà chưa được. Bà Thục Trâm ngỏ lời với ngài Tổng đốc được kiêm luôn nhũ mẫu. Quan tổng đốc mừng rỡ hơn được Vua phong thêm một phẩm. Bà trở thành mẹ của Kim Phụng với ý nghĩa đẹp đẽ từ hôm ấy.

Ngoài việc dạy chữ, bà Thục Trâm còn dạy cho Kim Phụng những phẩm hạnh mà một tiểu thư con quan cần phải có. Kim Phụng còn được học cách trồng cây thuốc trị bệnh, trồng hoa cỏ để lấy hương lấy phấn. Bà Thục Trâm rất coi trọng thực hành. Chữ nghĩa học được, Kim Phụng phải thể hiện qua từ phú bằng nét chữ trên giấy theo đề của thầy ra. Kiến thức trồng cây, bà Thục Trâm cho Kim Phụng thực hành bằng việc chăm bón hoa cỏ trong vườn hoa của quan Tổng đốc. Có bàn tay của con gái, vườn hoa của vị quan đầu xứ tươi tốt hơn lên. Quan Tổng đốc đi vắng mấy ngày trở về bước vào vườn, ngài thấy lạ bèn hỏi. Bà Thục Trâm cho biết: "Vườn của Tướng công đẹp hơn lên là do cô nhà." Quan vui lắm. Ngài nhìn ra góc vườn phía xa thấy con gái đang tưới hoa. Ngài nảy ra một ý đối rất hay bèn bước lại phía con: "Con gái của bố giỏi lắm!" Kim Phụng nhào lại với bố. Ông ôm con, lòng thầm cảm ơn bà Thục Trâm. Bỗng nhiên ông đọc:

[i]Dưỡng hoa tiểu nữ như xuân vũ[/i]

Bà Thục Trâm khẽ cười nhắc khéo "Tướng công thử tài học của tiểu thư đây. Đối đi. " Kim Phụng chớp chớp mắt đối:

[i]Quốc lương thần tử nguyệt quang.[/i]

Quan Tổng đốc giật mình bởi vế đối chững chạc, sâu sắc. Các bậc trung thần, lương tướng nghe vế đối này hẳn phải vừa lòng.

Vế xuất: [i]Tưới hoa cô bé như mưa xuân[/i]

Vế đối: [i]Giúp nước trung thần tựa trăng sáng.[/i]

Quan Tổng đốc nhận thấy vế đối hay hơn vế xuất mà ngài đã ra. Ngài quay lại nói với bà Thục Trâm: "Giá bà là trai thì triều đình có thêm một lương thần. "Bà Thục Trâm cung kính: "Đó là trời phú cho tiểu thư có trí sáng.

"Bà Thục Trâm nói vậy nhưng lòng bà vui lắm. Vì dù sao trò cũng là tấm gương phản chiếu bóng của thầy. Để xem ngẫu nhiên hay là dụng ý Kim Phụng dùng chữ "Nguyệt", bà Thục Trâm hỏi Kim Phụng: "Nếu thay chữ Nguyệt bằng chữ Nhật có hay không?" Kim Phụng suy nghĩ rồi đáp: "Thưa nhũ mẫu, không được." "Sao lại không được?" Kim Phụng lại đáp: "Thưa, sẽ phạm tội khinh Vua." Bà Thục Trâm sung sướng đến ứa nước mắt vì học vấn của bà như hương như hoa đã thơm sang cô bé. Nhưng tự nhiên bà linh cảm một điều gì đó ... Rồi bà thấy gai người lên. Cái cảm giác này đã xuất hiện trong bà. Ấy là ngày ngài Tổng đốc cho bà biết ngài cùng quan Ngự sử đã hứa hôn cho hai trẻ. Bà nói: "Giá như tôi biết trước việc này...." Quan hỏi thêm bà không nói gì nữa. Từ hôm ấy, bà cảm thấy một cơn giông bão sẽ nổi lên và bà nhủ lòng: "Số phận đã đẩy bà đến với cô bé và đã là thầy, là mẹ cô bé thì bà sẽ cùng sướng khổ với Kim Phụng trên cõi đời mưa nắng này."

Một đêm thu đầy sương khói, bà không sao chớp được mắt. Bà ra sân giữa mặt trông sao. Chòm sao bảy ngôi ở phương Bắc đã quay ngang, nghĩa là đêm đã ngả về phía bình minh. Vườn nhà quan đầy bóng cổ thụ. Trăng thu trong lạnh rây qua bóng lá vẽ ra muôn hình kỳ ảo. Trăng trôi các hình trên đất biến hoá khôn lường. Chợt bà có một liên tưởng độc đáo. Sự đời cũng như những hình ảnh do trăng vẽ ra. Các hình ảnh kỳ ảo biến hoá thế nào, không ai biết được, bởi bước đi của trăng khiến ánh vàng chiếu qua bóng xanh luôn thay đổi. Bỗng nhiên bà nhớ tới bố mẹ. Bố bà rất thân với quan Ngự sử và quan Tổng đốc. Bà chợt dạ... Sóng gió nổi lên biết đâu nhà bà lại bị cuốn vào vòng xoáy thì sao. Bà vào nhà ngồi bên đèn chờ sáng.

Khi bình minh vừa xua tan bóng đêm, bà đã vào xin quan Tổng đốc về thăm bố mẹ. Ngài Tổng đốc sợ nhà bà có gì khó khăn bèn hỏi:

- Nhà Tướng công xảy ra chuyện hay sao mà bà phải đến sớm?

Bà Thục Trâm cung kính:

- Thưa Tướng công, song thân tôi không có chuyện gì đâu. Nhưng đêm qua tôi đọc lại một bài thơ cổ chạnh lòng nhớ quê...

Quan Tổng đốc tỏ vẻ yên lòng:

- Thì ra vậy. Đọc thơ nhớ quê là chuyện vẫn thường gặp ở những người

giàu tình cảm, cho tôi gửi lời kính thăm Tướng công và phu nhân.

Rồi quan Tổng đốc sai người nhà lấy trà ngon gửi biếu quan Tri huyện.

Ngài còn tiễn bà Thục Trâm tới gần một dặm đường. Người ta đồn quan Tổng đốc luôn giữ lễ với mọi người quả không ngoa.

Về tới nhà, bà Thục Trâm kể lại chuyện, nhân việc tiểu thư Kim Phụng tước hoa, ngài Tổng đốc đã nêu vế đối: [i]Dưỡng hoa tiểu nữ như xuân vũ[/i]

Thân phụ của bà Thục Trâm cười:

- Đây là quan Tổng đốc xem con dạy tiểu thư của ngài như thế nào đấy.

Ngẫm nghĩ rồi ông hỏi:

- Tiểu thư có đối được không?

- Thưa cha, sau một lát suy nghĩ, Kim Phụng đã đối: [i]"Hộ quốc lương thần tử nguyệt quang"[/i]

Thân phụ của bà Thục Trâm thốt lên:

- Hay lắm! BỐ mừng cho con. Thật là cha nào con ấy. Vế đối này chỉ có thể có ở con một vị lương thần. BỐ ra câu đối đã tài, con đối lại tài hơn. Khó mà tin được đó là chữ nghĩa của một cháu gái mới tám, chín tuổi. Con mừng lắm chứ?

Thục Trâm đáp:

- Thưa cha, con mừng nhưng con cũng buồn...

Thân phụ của bà Thục Trâm ngạc nhiên:

- Sao con lại buồn?

ánh mắt ưu tư, bà Thục Trâm đáp:

- Con cảm thấy sự ác đang rình rập đâu đây. Chắc tiểu thư rồi sẽ gặp gian nan. Vô hình chung con cũng phải gian nan cùng với tiểu thư.

Nghe con nói: "Con cũng phải gian nan cùng với tiểu thư", thân phụ của bà Thục Trâm hiểu rằng con gái của ngài đã neo đời mình vào số phận tiểu thư con quan Tổng đốc. Nhưng vì sao Kim Phụng phải gian nan. Ông hỏi:

- Con gái Tổng đốc rồi sẽ thành phu nhân quyền quý thì gian nan sao được?

Bà Thục Trâm nói:

- Quan Ngự sử và ngài Tổng đốc kết thân với nhau chẳng dẫu nhau điều gì. Hai người đều là lương thần chính trực, thấy việc gì trái mắt không bỏ qua, với Vua cũng không ngại nói thẳng. Tế tướng và bọn quyền thần vốn đã

ghét hai lương thần này. Liệu bọn chúng có để cho quan Ngự sử và quan Tổng đốc yên được không? Trên đời này cương nhu - cứng mềm - như âm với dương, như nước với lửa. âm dương ngang nhau hẳn không có chuyện gì. Âm át dương hoặc dương át âm đều không được. Quan Ngự sử và quan Tổng đốc lòng như ngọc nhưng lấy cứng chọi cứng không sớm thì muộn sẽ có chuyện.

Nghe con bàn rất có lý có tình, thân phụ Thục Trâm thở dài. Ông tin rằng con gái ông đã nhận định là không sai. Bởi mấy việc trước đây con ông nói với ông trước khi có chuyện đều đúng. Hai năm trước, chức sắc một tổng trong vùng đất của ngài cai quản làm sai lệch về thuế. Tiền thuế thu được đủ nhưng xem ra chưa công bằng vì nhà thu ít nhà thu nhiều không đúng theo biểu. Bọn phải nộp nhiều gửi đơn lên quan Tri huyện kiện Chánh tổng. Thân phụ của Thục Trâm định làm cho ngang bằng xổ ngay. Thục Trâm khuyên cha cứ lơ đi là tốt. Ngài Tri huyện còn phân vân thì quan Khâm sai đi làm việc Vua ghé thăm quan Tri huyện. Bởi hai người quen biết nhau. Quan Khâm sai hỏi dân tình trong huyện và những việc công còn mắc mớ. Quan Tri huyện đem chuyện chức sắc một tổng thu thuế sai nên bị bọn hào trưởng kiện nói với quan Khâm sai. Ngài đưa đơn từ cho quan Khâm sai xem. Ngó qua đơn từ, quan Khâm sai hỏi:

- Dân có kiện không?

Quan Tri huyện đáp:

- Thưa không.

Quan Khâm sai cười:

- Dân không kiện là được. Ngài phải thương cho chức sắc tổng đó. Ông ta không thu được thuế của người nghèo bèn lập mẹo bắt nhà giàu đóng hộ. Sau này bọn hào trưởng lên rầy la ngài, ngài cứ nói đơn từ đã gửi lên quan Khâm sai. Rồi xem bọn họ kiện đến đâu.

Nghe theo kế của quan Khâm sai, quan Tri huyện đã tiếp bọn hào trưởng rất mềm dẻo, rồi ngài cười cười nói: "Vừa qua quan Khâm sai về đây xem xét dân tình. Tôi đã gửi đơn từ của các vị lên ngài rồi. Các vị chờ cho. Vị nào sốt ruột lên gặp quan Khâm sai". Bọn hào trưởng đành ngậm bồ hòn ra về. Hoá ra con gái ngài đã nghĩ tới điều mà ngài chưa nghĩ tới. Nay con

ngài dự báo một điều liên quan đến hai vị quan thanh liêm. Nếu nó xảy ra thì thật tội cho hai vị đó. Ngài hỏi con gái:

- Vậy phải làm gì, chẳng lẽ để hai nhà chuốc vạ?

Bà Thục Trâm đáp:

- Thừa cha, cha nên nghỉ quan về với ruộng vườn và làm thuốc cứu đời là hơn. Còn với hai nhà, con chưa có gì để nói...

Ngài lại hỏi:

- Sao con lại khuyên cha như vậy?

Bà Thục Trâm thưa:

- Cha thân với cả hai nhà. Hai nhà có chuyện, cha khó mà yên khi ẩn còn trong tay cha. Hơn nữa, tính cha trung thực thẳng thắn, bọn gian ở với người ngay sao được.

Nghe con gái nhắc nhở chung chung như vậy, ngài Tri huyện nhớ ngay chuyện cũ mà con gái ngài giữ ý nên không đặng tới. ấy là người thân sinh ra ông Tú - chồng bà Thục Trâm đồng môn với Tế tướng. Nhưng đường khoa cử của bố ông Tú rất lận đận. Ba lần lều chõng đi thi, cụ chưa kiếm được một chân Tú tài. Bù lại, cụ có nghề thuốc rất giỏi. Thế là cụ xếp bút nghiên theo việc dao cầu. Tuy đã dễ sang con đường khác nhưng thân sinh ông Tú vẫn giữ tình với quan Tế tướng.

Năm mười bảy tuổi, bà Thục Trâm thành thân với ông Tú. Ngày hai người bái đường, Tế tướng cũng đến chúc mừng. Vị quan đầu triều bàng hoàng bởi dung quang như hoa như ngọc của Thục Trâm. Tế tướng vốn hiếu sắc, lòng thèm khát bùng lên ... Bất ngờ, ông Tú bị chết. Người ta xì xèo về cái chết của ông Tú trên đường đi thi có bàn tay sắp xếp của Tế tướng. Ông Tú mất rồi, Tế tướng chắc hẳn sẽ có báu vật của giới đất là giai nhân Thục Trâm. Tế tướng bèn thăm dò người bạn già đồng môn. Người để ra ông Tú từ chối khéo: "Việc này là quyền của ngài Tri huyện." Tế tướng liền bẩm tin đến ngài Tri huyện. Nếu ngài Tri huyện thuận tình cho Thục Trâm làm thiếp của Tế tướng thì đường công danh của ngài Tri huyện sẽ hiển đạt hơn nhiều. Là người không ưa gì nhân cách của Tế tướng, ngài Tri huyện cứ ngơ đi. Chờ mãi không có âm tín phản hồi, Tế tướng sốt ruột cho thuộc hạ mẫn cán tìm tới nhà ngài Tri huyện. Viên quan quyền nghiêng thiên hạ đình

ninh Tri huyện sẽ làm theo ý của mình. Là người thừa khôn ngoan, ngài Tri huyện đã trả lời thuộc hạ của Tể tướng rằng: "Con gái tôi đã xuất giá, mọi việc của Thục Trâm đều do nhà chồng quyết định." Thuộc hạ của Tể tướng phải mò mẫm đến nhà bố chồng Thục Trâm. Cân nhắc kỹ lưỡng, bố chồng Thục Trâm nói với thuộc hạ của Tể tướng: "Hễ con dâu tôi bằng lòng là tôi bằng lòng." Thuộc hạ của Tể tướng bèn gặp bà Thục Trâm. Thấy bà Thục Trâm đoan trang, lịch lãm quá, thuộc hạ của Tể tướng không dám há miệng. Y bèn lui thủi quay về tâu hết sự tình với chủ. Vàng trán của Tể tướng chau lại, dẫn ra mấy đêm ngày. Cuối cùng, viên quan hiều sắc, tàn bạo bèn nhờ bà mối giỏi nhất kinh thành đến gặp Thục Trâm với cái lễ làm quen gồm mười lạng vàng và mười cây lụa Thiên Vân. Loại lụa này các tiểu thư con quan ngũ phẩm trở xuống cũng chỉ dám nghĩ tới trong mơ. Kết quả là như giữa mùa đông giá rét căm căm, Thục Trâm dội cho bà mối một thùng nước: "Tể tướng đồng môn với người đẻ ra chồng tôi. Con gái út của Tể tướng chạc tuổi tôi. Mua tôi về làm thiếp có khác gì bố lấy con làm vợ. Là quan đầu triều, Tể tướng không biết xấu hổ hay sao?". Bà mối giỏi nhất kinh thành bẽ mặt ra về nói lại câu nói của Thục Trâm cho Tể tướng nghe. Ông ta tức tím mặt, ức thối ruột. Chẳng bao lâu sau, Tể tướng biết tin Thục Trâm vào làm gia sư quan Tổng đốc dạy dỗ Kim Phụng. Ông ta nghĩ xấu về quan Tổng đốc: "Lẽ nào lão Tri huyện lại sợ viên Tổng đốc hơn sợ ta? Thôi được, rồi xem kẻ nào cười, kẻ nào khóc ..."

Qua một đêm suy ngẫm, ngài Tri huyện thấy sự lo xa của con không thể xem nhẹ. Để lo cho con gái, thân phụ Thục Trâm dành một số bạc gửi vào nhà một người thân ở chợ Hải Đông dặn Thục Trâm lúc có chuyện chẳng lành tới đó lấy bạc, không về nhà nữa.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 4

Là một người xuất thân từ một gia đình nghèo chỉ quen cấy lúa, trồng khoai ở một vùng xương rồng cát trắng, Triệu Quảng Thành thấm nỗi nhục của sự nghèo hèn nên đã gắng dùi mài kinh sử. Năm 24 tuổi, Triệu Quảng Thành đậu Cử nhân. Vua ban cho Triệu Cử nhân một chức quan nhỏ và hành sự ở ngay trong triều. Nhân mấy tỉnh miền tây có biến, Vua kén người ra biên cương dẹp loạn, Triệu Quảng Thành xin được xuất chinh. Vua cân nhắc rồi chuẩn tấu. Nhưng Triệu Quảng Thành còn trẻ, e rằng sẽ khinh xuất, Vua đã cử thêm một viên quan tuổi tuy đã cao nhưng đa mưu túc trí làm phó tướng giúp Triệu Quảng Thành những lúc "tiến thoái lưỡng nan". Qua gần hai năm gọi sương tắm gió, Triệu Quảng Thành đã dẹp được giặc dữ. Hơn thế nữa, Triệu Quảng Thành đã làm cho dân vùng biên viễn một lòng với triều đình. Lần đầu xuất binh, Triệu Quảng Thành đã "mã đáo công thành" khiến Vua mừng lắm. Bốn năm sau, Triệu Quảng Thành vinh thăng vượt cấp cầm ấn Thượng thư Bộ Binh. Hễ vùng nào có biến là Triệu Quảng Thành có mặt và vùng đó mưa tạnh, gió ngừng. Võ công nối tiếp võ công, chẳng những thế, Triệu Quảng Thành còn có tài an dân. Do đó, năm 42 tuổi, Triệu Quảng Thành chỉ còn khuất sau có một bóng là Vua.

Đức Vua khai quốc ngày một già yếu. Là người có tầm mắt nhìn thấu trăm năm, Ngài biết những gì sẽ xảy ra sau khi người băng. Bởi vậy, Ngài đã cõi lòng cõi dạ với Thái tử. Trước hết, Ngài nói về Ngài: "Ta lập nghiệp gian nan những vì cứu dân nước lâm than, còn như chỉ vì vinh thân phì gia có khó gì. Nhưng đầu đội trời, chân đạp đất mà chỉ quanh quẩn với vinh thân phì gia thì sao xứng với một lần đứng trong trời đất. Hơn ba mươi năm đi qua bao lao lung tên đạn, ta mới nên cơ đồ. Nếu có một ai đó đủ tài đủ đức, ta sẽ giao giang sơn cho người đó không kể gì huyết thống. Vì sông núi đâu có là của riêng của một dòng họ. Cất được gánh nặng rồi, ta sẽ đến với suối, rừng, tùng, trúc. Những năm ta trị quốc chần dân, ước muốn của ta mười phần mới làm được ba bốn phần. Có những việc, ý ta muốn làm cho

dân yên vui, no ấm. Nhưng những vị quan chủ sự việc đó làm sai lạc đi khiến hàng vạn nhà oan ức, hàng nghìn người rơi đầu. Lỗi đó cuối cùng thuộc về ta. Ta không đau xót sao được! Lại có những vị quan làm gì cũng nói là làm theo ý ta, nhưng thật ra các vị đó lấy ta ra làm cái bình phong, mượn oai phượng hoàng để loè chim sẻ. Nếu làm theo ý ta, các vị quan đó không vơ vét của dân, không đục khoét quốc khố, không phè phỡn trên lưng dân, không kết bè kết cánh làm hại nhau. Từ cổ chí kim xem ra, những ai đó chưa có chút danh, chút quyền thì còn giữ được lòng, còn trọng tín nghĩa. Nhưng khi đã có chút danh chút quyền, mười người thì bảy tám người tìm mọi cách để được vinh thân phì gia, bất chấp nhân luân. Người kế vị ta phải biết điều đó để xem xét ai thanh, ai tham. Nước phải có Vua có quan. Vua và quan phải lo cho dân no, dân vui. Nếu không như vậy, Vua cũng như quan có là cái gì. Vua cũng có khối cái sai, đã sai thì phải nhận. Ông Vua dám nhận cái sai là ông Vua tốt". Thái tử cảm kích lắng nghe từng lời của Vua cha. Chàng biết đức Vua bộc bạch tâm can cũng là để răn dạy con cách trị quốc. Đức Vua phóng tầm mắt thấu suốt sông núi vạn dặm rồi nói tiếp: "Còn với Tể tướng, ông ấy là hộ quốc công thần công không phải là nhỏ. Nhưng ta e rằng, sau này ông ấy sẽ lộng hành. Vì người chưa đủ sức át vía ông ấy. Nếu điều ấy xảy ra, người phải xử cho khéo để giữ vững phép nước mà vẫn không mang tiếng là một ông Vua tàn bạo. Làm Vua phải lấy phép nước làm đầu, lấy dân làm gốc, lấy đức làm trọng. Nhân từ mà vẫn giữ được phép nước, vẫn làm cho dân yên vui đó mới chính là một minh quân, có hay gì lưỡi gươm luôn dính máu..."

Thái tử nghe sự lòng của Vua cha mà thấy lo lo ... Điều mà Thái tử lo không bao lâu sau đã xảy ra. Khi Vua cha băng, Tể tướng lo hậu sự cho đức Thái tử rất long trọng, chu đáo. Trong mắt dân chúng, ngày ấy Tể tướng như cây cột đá chống đỡ triều đình. Nhưng chẳng bao lâu sau ngày Thái tử lên nối nghiệp Tiên Vương, Tể tướng đã ngấm ngấm lấn át Vua. Những tấu chương nào có lợi cho Tể tướng, ông ta dâng lên nhà Vua. Những tấu chương nào bất lợi cho Tể tướng, ông ta im đi. Ai hầu với Tể tướng chắc chắn sẽ được Tể tướng cất nhắc. Ai trái ý Tể tướng không sớm thì muộn cũng bị cách chức. Ông ta tự ý sắp xếp lại các lộ, các trấn. Lợi hay hại, ông

ta không để tâm đến miễn sao thiên hạ biết bóng ông ta che rợp núi sông. Những việc ông ta làm có việc Vua biết, có việc Vua không biết. Cũng may, Vua cha đã tiên báo cho đương kim Hoàng thượng từ lâu rồi. Vì vậy, đức Kim thượng lạng lẽ đi những nước cờ thích hợp. Tuy Tể tướng chưa làm nghiêng đổ sông núi nhưng những việc làm của ông ta đã khiến cho nước thêm nghèo, dân thêm khổ. Tiếng oan thán nổi lên khắp nơi.

Tể tướng biết ông ta đã thất sủng. Ngôi cao mà không được lòng Vua thì cái đầu nay còn mai mất dễ như bỡn. Phải lấy lại quyền thế chốn triều trung, Tể tướng ngày đêm mưu tính. Chợt mắt Tể tướng sáng lên. Đức Vua còn khá trẻ, sức vóc cường tráng lại hào hoa chắc sẽ sập bẫy người đẹp. Vì mười vị Vua thì tám vị ham gái đẹp. Với người đẹp nghiêng nước nghiêng thành, nhiều vị Hoàng đế không khác gì con rối. Tể tướng quyết định đi nước cờ này. Vua mắc câu, Tể tướng thu lợi. Vua không mắc câu, tể tướng cũng không thua thiệt gì.

Tổng quản thị vệ là chỗ thân tình với Tể tướng. Ông ta có con gái tuổi trăng tròn mắt phượng mày ngài, cười như hoa nở, nói như chim ca, dáng đi nhẹ như sương thoảng. Tể tướng sẽ "mượn" con gái Tổng quản thị vệ thực hiện cuộc chơi. Ông ta bèn đến thăm nhà Tổng quản. Tổng quản thị vệ bèn gọi con gái ra chào khách cốt là để khoe "báu vật". Dù đã biết mặt con gái Tổng quản, Tể tướng vờ như mới gặp lần đầu. Người đẹp chào khách xong lui vào. Tể tướng nửa đùa nửa thật nói nhỏ với quan Tổng quản:

- Ngài có tài sản quý giá đáng nửa giang sơn mà không biết đặt đúng chỗ.

Tổng quản hỏi:

- Tể tướng nói gì tôi chưa hiểu.

Tể tướng cười khẩy:

- Công đức của đức Vua ngày nay đã gần ngang với đức Vua triều trước. Vậy mà Ngài vẫn buồn.

Tổng quản thị vệ lại hỏi:

- Đất nước thái bình thịnh trị, sao đức Vua lại buồn?

Tể tướng đáp:

- Nhà Vua mà thiếu người đẹp ấy là nỗi buồn của Ngài. Hoàng hậu không phải người mà nhà Vua yêu. Các Phi không ai sánh kịp Hoàng hậu. Tôi nói

thế là ngài khắc hiệu.

Tổng quản thị vệ bắn khoản:

- Chắc gì Ngài vừa mắt con gái tôi.

Tể tướng khẽ cười:

- Việc đó là việc của tôi.

Tổng quản thị vệ mừng rỡ:

- Vậy trăm sự trông vào Tể tướng.

Tể tướng bày cách cho Tổng quản thị vệ mời Vua đi săn. Cuộc đi săn ấy, Tổng quản thị vệ cho người đẹp đi theo. Tể tướng là chỗ thân tình của Tổng quản thị vệ nên từ trước hai người vẫn đi săn với nhau. Cuộc đi săn này có cả Tể tướng là chuyện đương nhiên. Đúng như nhận định của người bày ra cuộc chơi, đức vua sững sờ trước vẻ đẹp trời đất cũng phải ghen của tiểu thư con Tổng quản thị vệ. Tể tướng mừng thầm lại giảng thêm bầy...

Mấy ngày sau, Tổng quản thị vệ lại mời Vua đi săn. Vua chỉ chờ có thế. Lần này, Tổng quản thị vệ không cho tiểu thư đi theo. Văng bóng người đẹp, Vua tỏ ra mất hứng. Những mũi tên của Vua bay đi hươu nai không rụng một cái lông. Lúc quay về, Tổng quản mời Vua quá bộ đến thăm nhà riêng. Vua bằng lòng ngay. Vua vừa vào tới dinh Tổng quản thị vệ, tiểu thư con Tổng quản đã ra vái lạy, tung hô vạn tuế rồi lui vào ngay. Như bị chọc tức, Vua sa sầm nét mặt nhưng không nói gì. Vì dù sao Ngài đường đường là một vị Vua. Về tới cung, Vua truyền Tể tướng vào ngay. Có lệnh Vua truyền, Tể tướng mỉm cười biết bầy sắp sập. Con mời mà Tể tướng sắp bắt được là một vị Hoàng đế.

Vua biết rằng Tể tướng đang tìm cách lấy lòng Vua. Vì thế Vua bảo gì Tể tướng cũng nghe theo. Nhưng nhà Vua có biết đâu, ngài đang bước vào đường hầm tối tăm mà Tể tướng là phù thủy.

Tể tướng vào cung, lòng rất vui nhưng mặt cố tỏ ra sợ sệt. Ông ta vừa sụp trước bệ rồng, Vua đã quát:

- Khanh to gan thật! Khanh giám đùa bỡn cả trăm.

Vẫn phục trước bệ rồng, Tể tướng kêu.

- Tâu đức Vua, oan cho thần. Cái đầu của thần trong tay đức Vua. Hạ thần gan có to bằng trời cũng không giám đùa bỡn. Hạ thần và quan Tổng quản

có ý tốt với đức Vua nhưng còn e...

Vua phán:

- Có gì cứ tâu không phải e ngại.

Tể tướng cố lấy lại vẻ tự nhiên.

- Tâu đức Vua, quan Tổng quản muốn dâng con gái yêu vào cung.

Nghe được mấy lời của Tể tướng, Vua mừng lắm. Là Vua tất có cách nói của Vua, vừa che đậy ham muốn lại vừa tỏ rõ uy quyền:

- Đã là ý tốt thì cứ làm, việc gì phải e ngại, cho lui.

Vua đã sập bẫy thì phải khoá Tổng quản dù là thân tình. Bởi trong tay Tổng quản có hàng nghìn tay đao, chúng như hùm sói. Không khống chế được chúng, cái đầu của Tể tướng cũng dè chừng. Ớng tay áo đã có Tổng quản bóp núi núi cũng phải nát. Tể tướng mời Tổng quản lên:

- Con gái của ngài được hầu Vua thì ngài là hổ thêm nanh. Năm ngày nữa, ngài đưa tiểu thư vào cung. Ngài phải cho người dạy dỗ tiểu thư cách hầu Vua. Những nước cờ sau, ngài và con gái ngài nhất nhất phải theo cách thức của ta. Cờ đã vào thế không được sai một nước. Bọn mọt sách thế nào cũng chống phá. Lúc đó, ta cần đến thanh gươm trong tay ngài.

Tổng quản thị vệ là kẻ võ biên được Tể tướng "nghĩ" hộ thì vui lắm bèn nói:

- Tể tướng mưu kế hơn người đã sắp đặt việc này đâu ra đấy có lẽ nào tôi lại không nghe theo.

Được Tể tướng bày cho, Tổng quản thị vệ cho người tới mời chủ Hồng Lôu hí viện về dạy dỗ ngón nghề cho tiểu thư con Tổng quản. Được hầu hạ Vua là cơ hội nghìn năm có một của tiểu thư con viên quan gian ác nên cô ta dốc lòng dốc sức lĩnh hội bài bản... Đúng hạn, nghề đã giỏi, người đẹp lên kiêu vào cung. Khi người đẹp đã trong vòng tay Vua, Tể tướng nâng chén rượu cười một mình. Tổng quản thị vệ cũng mở tiệc lớn thết vây cánh.

Người đẹp quả là có sức mạnh nghiêng lũy xô thành. Nó còn hơn thuốc mê nhiều lần. Lời nào của người đẹp cũng lọt tai Vua. Người đẹp muốn gì Vua cũng chiều. Một cái nhăn mặt của người đẹp Vua cũng áy náy. Một nét cười của người đẹp khiến Vua cũng mát lòng. Ngày ngày Vua đăm đuối bên người ngọc. Nghe nói nơi nào có cảnh đẹp là Vua dẫn người đẹp tới xem. ở

đâu có chim quý, thú lạ là Vua sai lính rình về cho người đẹp. Việc triều chính Vua giao cả cho Tế tướng. Đang là kẻ bị Vua ghét, thoát một cái Tế tướng đã chui vào bụng Vua, quyền nghiêng cả thiên hạ. Người trung chính nhưng nhút nhát chỉ còn biết nín lặng thở dài.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 5

Một sự ngẫu nhiên, Hoàng Kiến Nghiệp trở thành Tổng đốc Hải Đông. Nguyên do là thế này: Ngày ấy, triều đình xếp Hải Đông vào vùng đất dữ "bất trị". Suốt một dải ngập mặn ven bể dài bảy tám chục dặm chỉ có sù, vẹt ngút tầm mắt. Nơi hoang vu đó, gió như ngựa hoang lồng lộn, sóng thét gào như đàn cá kình vùng vẫy. Bể xa xôi ù ù tựa xay lúa. Trên trời, chạng vạng tối, muỗi vo ve kết thành vầng như mây. Dưới đất, rần nước lổn nhổn bện vào gổ sù, gốc vẹt. Đêm đêm, cáo hú rợn da, cú kêu xớn gáy. Cả một vùng mênh mông không tiếng chó sủa trắng, không tiếng gà gáy sáng. Dải đất này cách kinh thành hơn ba ngày ngựa chạy chồn chân, lại còn bị ngăn cách bởi hai con sông lớn. Bởi vậy, những kẻ coi trời bằng vung thả sức tung hoành. Hễ kẻ nào có máu mặt tạo được chút thế lực là chiếm đất xưng hùng xưng bá. Những cuộc chạm đao trừ khử nhau thường xuyên xảy ra. Cuộc sống chính của các vị anh hùng ngoài vòng cương toả ấy là cướp bóc dân lành. Mạnh lệ vùng Hải Đông khốn đốn bởi các hảo hán đó. Giá mỗi nhà như một con thuyền, chắc chắn nhà nhà sẽ đẩy thuyền đi nơi khác. Nhưng nhà không như thuyền dù nó chỉ như cái lều vó vắn đủ cột cái, cột con găm xuống đất. Nó gắn rất chặt với âm gian có mồ mả cha mẹ, tổ tiên của từng gia đình thiêng liêng như sự sống vậy. Bởi thế, trẻ già dễ gì bỏ mồ mả cha ông mà đi. Vả lại, lạc thổ ở nơi nào? Nơi đó đã chắc gì hơn mảnh đất khốn khổ mà họ đang sống. Vì ở đâu cũng ông Vua ấy và những quan lớn, quan bé phải đội chữ trung lên đầu. Vua ấy, quan ấy tất phải có những kẻ triều đình riêng một góc trời... Thôi thì dân làng cứ phải cắn răng mà chịu. Chư vị hảo hán cướp của dân mãi đến một ngày dân không còn cái khổ rách để mà cướp. Lúc ấy, các hảo hán chắc cũng sẽ chán.

Miền đất dữ ấy như cái gai đâm vào mắt triều đình. Mấy vị Tổng đốc tiền nhiệm phải nuốt hận chuyển đi nơi khác. Là vì các vị ấy đã lấy "dĩ cương chế cương" làm thượng sách. Nhưng những kẻ ăn thịt người không biết tanh, coi lao tù là chỗ ngủ trưa thì chúng có ngăn gì búa rìu. Bởi vậy, các vị

ấy chưa bạo tay thì loạn một, các vị ấy bạo tay thì loạn mười. Đến khi ấy, gia quyến của Tổng đốc, Tri huyện không bao giờ có giấc ngủ yên. Rồi đến một ngày, chuyện gì phải xảy ra nó đã xảy ra: Tuần phủ Đà Châu là viên quan khét tiếng tàn bạo. Cứ vùng nào nghịch nhất là triều đình điều ông ta tới. Hải Đông đã làm cho không ít quan nhỏ, quan to mất mặt. Triều đình bèn điều Tuần phủ Đà Châu về làm Tổng đốc Hải Đông. Ông ta hùng hùng hổ hổ về Hải Đông nhậm chức. Về tới "đất nghịch" hôm trước, ngay ngày hôm sau, ông ta đã xuống tay đàn áp giang hồ.

Nhiều vị hảo hán đã núng chí nhưng Ba Hổ một hảo hán đứng vào hàng nhất vùng cứ cười hoài. Một vị hảo hán bực mình hỏi:

- Anh em thất điên bát đảo chưa biết phải đối phó với tên tâu Tổng đốc này như thế nào. Vậy mà ông cứ nhe răng ra cười. Thật là đồ vô lo.

Ba Hổ đáp ráo hoảnh:

- Các ông ngán lão ta thì các ông đứng sang một bên, để tên tàn ác đó cho tôi.

Mọi người không biết Ba Hổ dở ngón gì nên cứ im lặng chờ đợi.

Cuộc đời Ba Hổ có rất nhiều chuyện. Đầu tiên là cái tên. Thuở bé, Ba Hổ có tên là Đủ. Đủ là no đủ. Bố mẹ đặt cho con cái tên như thế những mong sau này con được no cơm, lành áo. Năm Đủ 17 tuổi, vùng bể Hải Đông mở hội vật mùa xuân. Đủ đánh ngã ba đô vật có tiếng trong vùng, đứng nhất hội. Ai đó gọi Đủ là Ba Hổ. Mọi người thấy hay hay cũng gọi Đủ là Ba Hổ. Chẳng bao lâu cái tên Đủ mờ đi, cái tên Ba Hổ mọi người lại nhớ. Đủ trở thành Ba Hổ là như vậy. Rồi Ba Hổ giao du với bè bạn trong vùng, anh ta trở thành một tay trộm đêm nổi tiếng từ lúc nào không ai nhớ nữa. Tuy làm nghề đạo chích nhưng Ba Hổ không khoét ngạch nhà nghèo khó. Ba Hổ luôn nhắm vào nhà bọn phú hào. Dịp tết là dịp Ba Hổ đào khoét dữ nhất. Dẫn đến, các nhà giàu có càng phải cẩn trọng khi tháng cùng, năm tận.

Một lần, vào ngày Ba Mười tháng Chạp, nhà Ba Hổ không còn lấy một đấu gạo. Ban ngày, Ba Hổ bó gối ở nhà. Vì ánh ngày không là đồng minh của Ba Hổ. Chỉ còn một đêm nữa thôi, nếu Ba Hổ không xoáy được gì thì ngày Mừng Một Tết cả nhà đành phèo vậy. Cân nhắc kỹ càng, Ba Hổ quyết định ra tay vào đêm Ba Mười.

Tư dinh của Tri huyện là nơi Ba Hồ lựa chọn để kiểm chác. Nhằm lúc chạng vạng tối, mọi người trong nhà quan sơ hở, Ba Hồ lén vào lãnh địa của Tri huyện tìm một chỗ thuận lợi ẩn nấp. Trời tối hẳn. Đêm Ba Mười Tết tối như đêm ba mươi. Trong nhà Tri huyện, có bao nhiêu đèn đều được chong lên hết. Đèn giăng khắp nơi. Cái kim nằm trên đất cũng hiện lên rõ mồn một. Lính canh, gia nhân trong dinh Tri huyện chia nhau coi các lối ra vào. Ba Hồ nhận thấy không thể hành sự như cách vẫn thường làm. Một tia sáng vụt lên trong đầu Ba Hồ. Như một con mèo rình chuột, Ba Hồ nép mình rình. Lát sau, một ông già uể oải đi tới. Ba Hồ phán đoán: "Có lẽ ông này là người hầu già". Nhẹ nhàng, Ba Hồ băng ra chịt cổ ông già lôi vào một chỗ kín. Ông già run cầm cập. Ba Hồ nói rành rọt đủ nghe:

- Tôi là Ba Hồ nhưng ông không phải sợ. Ông nghe tôi, tôi sẽ ơn ông. Ông kêu lên hoặc chống lại, buộc lòng tôi phải xuống tay...

Đã biết tiếng Ba Hồ lại thấy ánh dao lấp loáng, ông già run run đáp:

- Tôi xin nghe! Tôi xin nghe!

- Vậy thì cảm ơn ông. Nhà ông ở đâu?

- Nhà tôi ở Bích Cư.

- Có Tết chưa?

- Đã được về đâu mà Tết với nhất. May lắm, bà nhà tôi cũng chỉ lo được xẻo thịt bụng và vài đấu gạo.

- Cởi quần áo ra!

Hiểu ý, ông già cởi quần áo. Ba Hồ quăng quần áo của mình cho ông già rồi vợ lấy quần áo của ông già khoác vội vào người. Ông già vừa mặc xong quần áo, Ba Hồ nói nhỏ:

- Xin lỗi ông tôi phải làm thế này.

Ba Hồ trói nghiêng ông già vào gốc cây si, cởi khăn bịt chặt mồm ông già lại. Ông già gật gật đầu rồi hất hất hàm. Ba Hồ đang hoang bước tới nhà ngang của một gánh nặng hàng tết gánh ra dấu vào góc vườn. Quay lại nhà ngang, Ba Hồ vợ những thứ dễ bén lửa xếp thành đống châm lửa đốt. Lửa vừa bén thành ngọn, Ba Hồ quay ra góc vườn chờ. Khi ngọn lửa bốc cao, tư dinh Tri huyện như chợ vỡ. Mọi người cầm đầu vào dập lửa. Ba Hồ lén ra phía cổng sau với gánh hàng Tết oằn vai.

Ba Hồ không đi đường lớn mà tắt đồng nhằm làng Bích Cư rảo bước. Qua căn nhà tranh ở cạnh xóm nhỏ giữa đồng, Ba Hồ nghe thấy tiếng đàn ông quát, tiếng đàn bà khóc. Đặt gánh hàng tết xuống, Ba Hồ lật cửa sổ tre nhòm vào trong nhà. Tối như bịt lấy mắt, không nhìn thấy gì, Ba Hồ cất lời:
- Gần Giao Thừa rồi, không cúng tiên tổ hay sao mà còn cào cấu nhau?

Người đàn bà làu bàu đáp:

- Đến khoai cũng chẳng có mà ăn thì còn cúng bái cái gì.

Ba Hồ lấy một xâu thịt đút qua cửa sổ nói:

- Thịt đây cầm lấy. Ra lấy gạo thổi cơm cúng để tiện tổ có bát cơm.

Nói xong, Ba Hồ ngắt một tàu chuối lớn đặt xuống đất san cho gia đình khốn khổ ấy một ít gạo. Không đợi người trong nhà ra lấy, Ba Hồ dẫn bước tới làng Bích Cư. Dấu gánh hàng tết một chỗ, Ba Hồ lần vào làng tìm bằng được vợ người hầu già trong dinh quan huyện. Ba Hồ nói nhỏ với vợ người hầu già: "Ông già lén gửi quà tết cho bà, có miếng ăn cũng phải dẫu dấy." Bà vợ người hầu già nửa tin nửa ngờ. Ba Hồ hỏi: "Bà không tin à? Ông già thấy tôi rét còn cho cả bộ quần áo. Tôi đang mặc đây này". Bà vợ người hầu già căng mắt ra nhìn. Quả nhiên, quần áo của chồng mình. Bà vợ người hầu già lặng lẽ bước theo Ba Hồ. Hôm sau, tin nhà quan huyện bị mất trộm loang ra, bà già hết hồn mang gạo thịt dẫu biển, ăn dần.

Đến một ngày, Ba Hồ nổi danh. Thấy nghề đạo chích chẳng quang minh gì, Ba Hồ bèn khoan đất xưng hùng. Chư vị hảo hán Hải Đông đều nể vì Ba Hồ. Thấy viên Tổng đốc mới tàn ác làm dữ, các hảo hán lo tốp bưng. Bề ngoài, Ba Hồ có vẻ dửng dưng. Trong tâm can, Ba Hồ lại khác. Ngày đêm Ba Hồ tìm ra mẹo mực trị Tổng đốc. Ba Hồ đã đồng dục tuyên bố với chư vị hảo hán: "Để tên tàn ác đó cho tôi". Lời nói như dao chém đá, lờ đi sao được. Sau nhiều đêm không ngủ, Ba Hồ đi đến một quyết định táo bạo. Kén 16 trai tráng võ nghệ giỏi giang, Ba Hồ vào cuộc. Nhằm lúc viên Tổng đốc đi vắng, Ba Hồ ngồi trên cáng dẫn 16 trai tráng gánh lợn béo, gạo ngon, lựa quý đến "lễ" bà Tổng đốc. Số đông quân lính đã đi theo viên Tổng đốc. Mười tên còn lại giữ công đường thấy đoàn người gánh quà đến biểu thì hoa mắt lên. Chúng cho Ba Hồ và đoàn trai tráng vào gặp bà Tổng đốc ngay. Ba Hồ quỳ trước Tổng đốc phu nhân từ tốn:

- Bẩm lệnh bà, từ ngày đức ông về chăm lo cho dân vùng này, chúng con sơ xuất chưa đến hầu mừng đức ông. Như thế thật là lỗi lớn. Nay chúng con có chút lễ bạc đến dâng đức ông và lệnh bà. Xin lệnh bà thưa với đức ông nương tay cho những kẻ ngu dốt. Chúng con sẽ yên bề làm ăn không quấy rối xa gần nữa.

Tổng đốc phu nhân ra bộ bèn nghiêm giọng:

- Tội của mấy người to lắm. May mà các người cũng biết nghĩ lại. Thôi thì ta cũng thưa với đức ông cho. Từ nay các người phải yên bề làm ăn. Hễ còn cứng cổ, tướng công đây không nương nhẹ đâu.

Ba Hồ vờ nhũn như con chi chi nói:

- Chúng con biết tội rồi. Nhưng lệnh bà đã thương thì thương cho trót. Đức ông đã vậy còn những anh lính. Chúng con muốn mời những anh lính mỗi người vài chén rượu nhạt để tỏ chút tình....

Bà Tổng đốc muốn tỏ rõ quyền uy, nói:

- Thôi được, thể tình ta cho phép. Hầu, gọi những thằng lính vào cả trong này.

Có lệnh của bà Tổng đốc, bọn lính ủa cả vào. Lính thấy rượu như cá mương thấy váng ghét. Chúng nốc lấy nốc để. Rượu trôi khỏi cổ chẳng bao lâu, chúng lăn quay ra cả. Lúc ấy, Ba Hồ mới dẫn giọng:

- Xin mời lệnh bà và cậu ấm lên cáng.

Bà Tổng đốc bủn rủn chân tay. Bọn gia nhân tròn xoe mắt. Ba Hồ đảo mắt nhìn. Bọn trai tráng trối nghiêng bà Tổng đốc và cậu ấm tám tuổi - kẻ duy nhất thắp hương cho vợ chồng Tổng đốc - quăng lên cáng đưa đi. Viên Tổng đốc về tới công đường thì sự đã rồi. Đọc dòng chữ nhắn lại: "Nội trong một tháng ngài không chuyển đi nơi khác thì ngài ra bãi bể Hải Đông nhận xác vợ và con". Viên Tổng đốc đứng như trời trồng một lúc rồi gọi thuộc hạ mang nghiên bút đến.

Quan Tế tướng đọc văn bản của Tổng đốc Hải Đông trình lên mà toát mồ hôi. Là chỗ thân tình với viên Tổng đốc tàn bạo, Tế tướng bèn chuyển tâu Tổng đốc Hải Đông đi nơi khác để giữ thể diện cho ông ta và cứu hai mạng người. Ngẫm nghĩ, Tế tướng thấy với đất Hải Đông, vị quan nào "dĩ cương chế cương" đều hỏng. Ngày trước, hai vị quan đầu tỉnh lấy đàn áp làm

phương sách đã phải rời Hải Đông chẳng vinh hạnh gì. Vị quan đầu tính thứ ba sẽ phải rời Hải Đông còn tệ hại hơn. Trầm mạch đất Hải Đông không phải là long, phụng ẩn tàng mà là hổ, báo nường nấu. Cử ai thay thế đây? Tế tướng chớp chớp mắt... "Hoàng Kiến Nghiệp! Phải rời Hoàng Kiến Nghiệp ! Ông ta phải chết chìm ở Hải Đông..."

Tế tướng bèn xin đức Vua cho Hoàng Kiến Nghiệp về cai quản Hải Đông với chức Tổng đốc. Đức Vua chuẩn tấu và đặt kỳ vọng vào Hoàng Kiến Nghiệp. Còn Hoàng Kiến Nghiệp, ngài biết hiểm ý của Tế tướng mặc dù về Hải Đông nhậm chức so với ở triều đình ngài thêm chức thêm phẩm.

Phận làm tôi, ngài đâu dám kháng chỉ. Ngài phải thu xếp rời đi ngay để viên Tổng đốc tàn bạo rời Hải Đông trước thời hạn mà Ba Hồ đã ấn định. Tuy là dân giang hồ nhưng Ba Hồ rất trọng tín. Khi Hoàng Kiến Nghiệp đã cầm con ấn Hải Đông trong tay ấy là lúc vợ và con viên Tổng đốc phải chuyển đi cũng về tới công đường. Nhá nhem tối ngày hôm ấy, viên quan thất thế cùng vợ con và gia nhân rời khỏi Hải Đông một cách âm thầm khác hẳn với ngày ông ta về nhậm chức.

Về tới Hải Đông, Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp nghĩ ngay đến kế: "Dĩ độc trị độc" để vỗ yên các anh hùng ngoài vòng cương toả. Ngài xông thẳng vào hang cọp gặp Ba Hồ nói rõ ý của mình. Ba Hồ hỏi:

- Ông định lừa chúng tôi chắc?

Ngài Tổng đốc ung dung đáp:

- Bậc chính nhân không dùng mẹo tiểu nhân. Nếu ông nghĩ rằng ta có ý lừa ông thì ông giết quách ta cho xong. Như vậy ông sẽ tránh được hậu hoạ.

Ba Hồ suy nghĩ giây lát đáp:

- Ông đã không lấy bụng tiểu nhân đái ta, lẽ nào ta lại lấy lòng dạ tiểu nhân đái ông.

Ngài Tổng đốc cười rất tự tin nói:

- Ông đã nói vậy thì ông lắng nghe ta nói: Anh hùng và tướng cướp đều nổi danh. Có điều, anh hùng thì bia đá còn tướng cướp thì bia miệng. Lẽ nào ông lại chọn bia miệng?

- Nhưng tôi không làm được anh hùng.

- Ông kêu gọi các hảo hán quay về với nông tang, chài lưới để dân lương

thiện yên ổn làm ăn. Như vậy ông không xứng anh hùng sao?

Đang khao khát được an cư lạc nghiệp, Ba Hồ bằng lòng làm theo ý ngài Tổng đốc. Dân vùng này rất đói khổ. Để ân trạch của Vua lan toả tới vùng hoang vu, heo hút, Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp xin đức Vua tám nghìn thùng thóc chẩn cho dân, khuyến dân khai khẩn đất hoang, an cư lạc nghiệp. Có như vậy, vùng cuối nguồn chân sóng thuộc Hải Đông mới mong yên bình. Nhà Vua còn đang phân vân, Tế tướng bèn xin Vua chuẩn cho Hoàng Kiến Nghiệp. Sở dĩ Triệu Quảng Thành vun vào cho Tổng đốc Hải Đông vì ông ta đồ rằng: Đến tám vạn thùng thóc, Hoàng Kiến Nghiệp cũng không làm nên trò trống gì. Vậy tám nghìn thùng có thấm tháp vào đâu. Rút cuộc, ông ấy chỉ chuốc vạ vào thân. Có lời của Tế tướng, Vua ưng chuẩn cho Hoàng Kiến Nghiệp tám nghìn thùng thóc. Tế tướng chỉ còn một việc là ngồi chờ Tổng đốc Hải Đông cáo chung. Nhưng một bất ngờ đã đến với Tế tướng. Tám nghìn thùng thóc đến tay Ba Hồ. Ông ta phân phát đến từng nhà dân. Già trẻ lớn bé vùng biển Hải Đông theo ông ta hết. Các vị hảo hán trong vùng bị cô lập. Kẻ thì bỏ đi tìm nơi khác nấu mình. Người thì quẳng kiếm cung về với nông tang, chài lưới. Vùng động trở nên yên ổn. Lúa khoai vươn lên. Cỏ hoang lui dần. Thay cho tiếng cú rúc đêm đêm là tiếng chó sủa, tiếng gà gáy. Tế tướng bàng hoàng. Ông ta nghĩ: Ngày xưa bên Trung Hoa, bọn gian thần lộng quyền triều nhà Đường cứ đẩy Tiết Nhân Quý vào chỗ chết. Nhưng càng bị đẩy vào chỗ chết, Tiết Nhân Quý càng lập công lớn. Chuyện đó được lập lại ở xứ này chăng?

Vùng "đất nghịch" ven bể Hải Đông đã yên, ngài Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp mới nghĩ đến chuyện riêng. Chẳng là, trước ngày về Hải Đông nhậm chức khá lâu, ngài bị thất nội. Năm ấy, ngài mới gần bốn mươi tuổi. Người bạn trăm năm của ngài từ già dương gian để lại cho ngài một bé trai mới bốn năm tuổi. Thấy ngài goá bụa, nhiều nhà quyền quý, giàu có ở Hải Đông bần tin gả không con gái cho ngài. Nhưng ngài biết họ muốn gì nên ngài bỏ ngoài tai tất cả những lời bần tin ngọt ngào của họ. Ngài chọn cho mình một quả phụ gần ba mươi tuổi, dung quang nền nã, tính tình hiền hoà chưa có con với người chồng yếu mệnh. Người quả phụ này sống bằng nghề dệt vải. Khi ngài ngỏ lời chọn bà làm kế mẫu cho đứa con trai mồ côi

mẹ, bà từ chối với một lý do rất chính đáng không "môn đăng hộ đối". Ngài bèn lựa lời hỏi quả phụ: "Nếu thằng bé con tôi cũng có phần cốt nhục của bà mà lại bơ vơ không có mẹ, bà có đau lòng không. Tôi mời bà làm kế mẫu, bà không động tâm hay sao?" Câu nói ấy của ngài Tổng đốc xoáy vào tâm can quả phụ khiến bà không thể không nhận lời cầu hôn của vị quan đầu tỉnh. Nhưng một rào cản mới lại xuất hiện. ấy là bố mẹ bà cứ áy náy không có gì làm của hồi môn cho con gái. Bởi vậy, ngày tái vu quy của bà cứ bị song thân khát mãi. Tình ý, ngài Tổng đốc nói: "Nàng xin bố mẹ một bộ khung cử. Nó còn quý hơn vàng bạc nhiều". Bà quả phụ ứa nước mắt thầm nghĩ: "Có lẽ người chồng xấu số của bà run rủi nên ngài Tổng đốc đã đến với bà". Bà trở thành phu nhân Tổng đốc nuôi dạy Hoàng Kiến Nghĩa như con đẻ của mình. Sự hiền thảo của bà đối với con chồng khiến ngài Tổng đốc mừng lắm. Hơn một năm từ ngày trở thành Tổng đốc phu nhân, bà sinh cho quan Tổng đốc một quý nữ. Đó chính là Kim Phụng. Tuy là Tổng đốc phu nhân nhưng bà không rời khung cử. Chính cái khung cử ấy đã góp phần ổn định cuộc sống thường nhật để quan Tổng đốc giữ được chữ liêm mà nhiều vị đội mũ, đeo đai khó mà giữ được.

Từ ngày Hoàng Kiến Nghiệp về làm Tổng đốc Hải Đông, dân vùng này thành kính coi ngài là phụ mẫu của những người canh cử. Bởi ngài luôn để tâm ở nơi dân. Khi đồng ruộng bị hạn, ngài cùng dân tìm cách đưa nước lên đồng. Lúc ruộng đồng bị lụt, ngài dầm mình trong mưa cùng dân cứu lúa. Năm nào cũng vậy, hễ lũ trên nguồn đổ về là ngài đi dọc sông Long Hà kiểm tra đê. Những ngày chống lũ, nhiều bữa ngài ăn cơm ngay trên đê cùng dân. Một lần, thuộc hạ của ngài mang cơm ra. Để xem cơm quan khác cơm dân thế nào, một lão nông tò mò nhìn vào dành cơm khi thuộc hạ của ngài vừa mở nắp dành. Thuộc hạ của ngài trừng mắt nhìn lão nông. Ngài không bằng lòng với thái độ ấy của cấp dưới bèn sẵng giọng: "Không được thất lễ". Sau đó, ngài xách dành cơm tới chỗ mấy người dân quê đang bày cơm ra ăn. Ngài ngồi bệt xuống cạnh họ rồi dọn cơm ra. Những người dân quê không thể tin vào mắt mình. Cơm quan hơn cơm dân là không độn và mấy con rạm kho. Ngài dành cho mình một con. Còn mấy con, ngài mời mấy ông già cùng ăn. Mấy ông già đều từ chối nhưng ngài mời cho kỳ

được. Một lão nông ăn con rạm của ngài mời mà ứa nước mắt và nhận ra vẫn còn có những ông quan vui buồn cùng dân. Từ đó, ngài nói gì dân nghe răm rắp. Khi ngài chưa về nhậm chức Tổng đốc Hải Đông, đê vỡ, lụt lội thường xảy ra. Từ khi có ngài, Long Hà đại giang không còn gây thủy họa cho dân nữa. Thấy dân tình Hải Đông yên ổn, người người kính trọng ngài, Tế tướng tức lắm: "Mình đưa hãn vào chỗ chết nào ngờ hãn lại chuyển nguy thành an. Không, quyết không thể như thế được..."

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cỏ tiên

Chương 6

Quan Tổng đốc Hải Đông đứng một mình giữa trời khuya vắng lặng. Trăng sau rằm đã mòn đi một chút chơ vơ phía chân trời đang chui dần vào sau núi xa. Mây chậm chậm trôi về không cùng. Tiếng chim đêm làm cho trời mây cô quạnh hơn. Vào những đêm khác như đêm nay, những ý thơ tự nhiên bay đến với ngài Tổng đốc xứ Hải Đông. Thế nhưng đêm nay, cảnh rất thơ mà lòng ngài không rung động. Ngài cứ ra ra vào vào và cứ ngửa mặt trông trời như tìm một điều gì. Đức Vua thay đổi nhanh quá! Đúng là Người đã bị con gái Tổng quản mê muội. Vài ngày sau, một người thân của ngài từ kinh thành về cho biết Tổng quản thị vệ đã thuê mụ chủ Hồng Lôu hí viện về dạy con gái những trò đê mạt chốn phòng the trước khi đưa con vào cung. Biết tin này, Tổng đốc Hải Đông sầm mặt. Bọn xấu không từ một trò gì để lấy lòng Vua kể cả những trò như nhóp. Những trò ấy, nhiều người không dám nghĩ tới, vì chỉ nghĩ tới thôi cũng đã thấy hổ thẹn. Ngài định về kinh gặp quan Ngự sử nhưng vùng Hải Đông lũ đang đổ về. Nhiều đoạn đê đã nứt. Dân quê đang gồng lưng tải đất bồi đắp chỗ đê bị nứt nhất. Đê mà vỡ thì hàng vạn nhà màn trời chiếu đất. Chưa hết, nhiều vùng dân đói cơ hồ sẽ nổi loạn. Ngài có lo yên chuyện này cũng phải vài ba tháng. Vì vậy, ngài không thể vắng mặt ở Hải Đông dù chỉ một ngày. Nhưng cứ để Tế tướng đẩy Vua lún sâu vào vòng gái đẹp, triều đình sẽ ra sao, trăm họ vốn đã khốn khổ sẽ ra sao nữa? Ngẫm nghĩ, ngài bèn viết thư dán kín giao cho cấp dưới tin cậy sống chết mang vào kinh dâng quan Ngự sử. Nhưng ngài có biết đâu từ ngày Tổng quản thị vệ đưa con gái vào hầu Vua, xung quanh dinh các quan trung lương đều có những cặp mắt nhòm ngó.

Cấp dưới của quan Tổng đốc Hải Đông lặn lội vào kinh. Đến dinh quan Ngự sử, người đưa thư được lính canh cổng cho biết quan Ngự sử vắng nhà lo việc của Vua. Người đưa thư bèn đi tìm nhà trọ nghỉ lại tình cờ gặp công tử con quan Ngự sử. Hai người đã biết nhau vì trước hôm ấy vài tháng, công tử theo quan Ngự sử viếng thăm quan Tổng đốc.

Hai người vừa bước vào nhà trọ, tay chân của Tổng quản thị vệ đã ập tới khám xét. Lần được lá thư giấu trong túi áo người nhà quan Tổng đốc Hải Đông, lính của Tổng quản thị vệ điệu ngay hai người về dinh và tạm giam lại. Mở thư đọc, Tổng quản thị vệ giật mình trình ngay thư lên Tế tướng. Tế tướng xem thư, những lời lẽ đanh thép hiện lên tố cáo Tế tướng và Tổng quản thị vệ với các tội:

- 1- Kết bè kết đảng làm càn.
- 2- Dùng gái đẹp mê muội Vua, thâm tóm quyền hành.
- 3- Thuê mụ chủ Hồng Lôu hí viện dạy con gái trò bại hoại rồi tiến cung, đưa Vua vào vòng mê muội.
- 4- Vì triều đình và trăm họ, quan Ngự sử phải ngăn chặn bọn xấu xa.

Tế tướng đọc đi đọc lại. Một ý nghĩ hiểm độc loé lên trong đầu ông ta. Ông ta chỉ giữ lại một hầu gái là Oanh Nhi rồi đóng cửa lại lấy giấy bút viết ướm chữ. Viết đi viết lại nhiều lần, chữ của ông ta đã hết như chữ của quan Tổng đốc. Tế tướng bèn viết thêm vào chỗ trống tiếp với câu cuối cùng trong tờ thư của Tổng đốc Hải Đông gửi quan Ngự sử bốn chữ "phế phụ lập tử" - nghĩa là bỏ Vua cha, lập con làm Vua. Người tinh tường cũng không thể nghi ngờ những chữ của Tế tướng viết thêm vào tờ thư của quan Tổng đốc. Làm xong việc gian xảo ấy, Tế tướng vào cung dâng thư lên Vua. Ông ta đi rồi, Oanh Nhi dọn dẹp thư phòng nhặt được một tờ giấy ông ta viết thử chữ ...

Trong vòng tay người đẹp, Vua đang lơ mơ bởi men rượu ngự phải miễn cưỡng mở thư. Lướt qua mấy dòng đầu, Vua chỉ nhìn mặt, nhưng đến bốn chữ "Phế phụ lập tử", Vua giật nảy mình, mặt hằm hằm truyền: "Tổng quản thị vệ bắt hai nhà giao bộ hình xét xử, nghiêm trị."

Mấy tỉnh biên cương gặp nạn châu chấu phá hoại, mùa màng mất gần hết. Dân rất đói khổ. Vua đã sai mở kho lương cấp cho dân ở các tỉnh ấy đỡ đói. Bọn quan lại địa phương xà xẻo gần hết. Rút cuộc dân đói vẫn hoàn đói. Vua sai quan Ngự sử "vi hành" - đi bí mật - thu thập chứng cứ tóm bọn quan tham. Trên đường trở về kinh, ngài vui lắm. Ngài còn một niềm vui nữa đang chờ đón ngài. ấy là chuyện sắp tới, ngài sang nhà quan Tổng đốc bỏ giàu cho con trai. mấy tháng trước, trong chuyến quan Ngự sử viếng

thăm quan Tổng đốc, hai vị quan đã ấn định ngày lành, giờ tốt để nhà trai có lễ sang. Khi ấy hai họ và đôi trẻ mới biết.. Chuyện này, quan Ngự sử và quan Tổng đốc đã hứa với nhau từ mấy năm trước. Song hai ngài đều giữ kín, chỉ có nhũ mẫu Thục Trâm biết.

Nhưng hoạ lớn đã chờ quan Ngự sử. Ngài vừa về đến dinh, Tổng quản thị vệ đã dẫn lính ập vào bắt ngài và thân quyến. Ngài không biết mình phạm tội gì. Vào trong ngục gặp con, ngài mới vỡ lẽ.

Quan Ngự sử sinh ra trong một gia đình hàn nho ở một vùng quê hẻo lánh. Ngài có tư chất thông minh, nổi tiếng hay chữ từ thuở thiếu thời. Ngài thi đỗ tiến sỹ năm mới hai mươi một tuổi. Tuy ở ngôi cao nhưng ngài vẫn sống giản dị, thanh cao bằng lộc của Vua ban. Đức hạnh trong sáng của ngài đã ảnh hưởng tốt đến các con. Giống bố, con trai ngài lòng trong trí sáng. Ngài chỉ có một ước nguyện là con trai mình sau này nếu không hơn ngài thì cũng như ngài ngay thẳng nhân từ, trên vì Vua, dưới vì dân, tiến thì làm quan, lui về thì làm thầy, quan hay thầy cũng giữ tiết, giúp ích cho đời. Nào ngờ ước nguyện chưa thành, cả nhà ngài đã trong ngục tối.

Khi ấy, quan Tổng đốc Hải Đông đang đi kiểm tra dân quê đắp đê nhưng lòng bồn chồn bởi không thấy cấp dưới trở về. Nhá nhem tối ngài mới về nhà. Một nhọc, ngài bỏ cơm. Phu nhân của ngài lo lắng dâng ngài bát cháo nóng. Thìa cháo vừa kề môi, Tổng quản thị vệ dẫn lính ập tới. Ngài Tổng đốc biết việc gì đã xảy ra. Không biết con gái ngài theo nhũ mẫu đi lễ chùa có biết mà chạy thoát? Cả nhà quan Tổng đốc Hải Đông bị nhốt trong cũi giải về kinh. Hai vị đại thần có tiếng thanh liêm vì dân, vì nước cùng lúc bị bắt làm náo loạn cả nước. Đâu đâu cũng bàn tán, nhất là ở kinh thành. Người ta bàn tán nhiều nhất đến một kẻ phạm tội là con quan Ngự sử. Đó là một thiếu niên mười sáu tuổi, tuấn tú, thông minh, tốt bụng. Người người đều thấy hầu hết các công tử con quan to, quan nhỏ ở kinh thành sống xa hoa trên nhung lụa, tiêu tiền như đốt pháo. Họ dựa vào ông to, bà lớn làm càn đạp lên phép Vua, lệ nước nhưng vẫn có người xoè tay che chở. Chẳng may bị bắt, họ vào cửa trước ra cửa sau. Ngược lại, con quan Ngự sử sống giản dị, chan hoà với những đứa trẻ cùng trang lứa không kể con quan hay con dân. Hễ đứa trẻ nào hiền lành, ngoan ngoãn gặp công tử vài lần, có dịp

rảnh rỗi là công tử tìm đến chơi.

Cách kinh thành chừng ba dặm có ngôi chùa mái đẫm màu rêu, ẩn bóng cổ thụ. Trước chùa có bụi móng rồng rất to, hoa chín quanh năm hương thơm ngọt như chuối chín. Kế đó là một cây ngọc lan cao to, hoa thon dài trắng ngần, hương trong vắt. Sau chùa là những hàng nhãn thẳng tắp, bóng lá tròn xoay, xanh thẫm. Xa tít về phía sau là bốn cây muỗm ngọn cao tưởng chạm mây, bóng rợp một vùng. Những cành sâu bị bão vụn gãy, đoạn còn sót lại sát thân cây vỏ sù ra, lõi gỗ thụt vào làm thành những cái hốc. Các loại cây sống nhờ bám vào những cái hốc ấy sinh sôi mãi. Vậy là bốn cây muỗm trở thành bốn vườn cây giữa trời, hoa đủ sắc màu. Vườn chùa bỗng thành thiên đường của các loài chim, các loài bướm tìm về ca hát, bay lượn. Tầng thấp là nơi cư trú của sáo, chào mào, chích bông, chích nghệ, rẻ quạt.... Tầng cao là của cu gáy, vàng anh, thiên đường. Sự tĩnh lặng, xanh mát, không người săn bắn của vườn chùa đã khiến chim bướm sinh sôi rất nhanh nên vườn chùa không bao giờ vơi tiếng chim. Mỗi bình minh lên, các loài chim đều thi tiếng hót làm thành bản giao hưởng của đất trời có một không hai nơi trần thế. Ngày rằm mừng một, chùa nườm nượp bước chân. Người đến niệm cầu mong đức lớn phúc dài, người tìm bóng xưa cho lòng thư thái. Những thiếu niên như công tử con quan Ngự sử thường đến chùa bắt bướm, xem chim chóc, cỏ cây.

Một chiều, công tử con quan Ngự sử rủ mấy thiếu niên cùng trang lứa ra chùa chơi. Mấy đứa trẻ lên sâu vào vườn chùa bắt chim. Có mấy tổ rẻ quạt treo ở đầu cành. Các cu cậu thích quá trèo lên tìm trứng và bắt chim non. Công tử con quan Ngự sử ngăn không được chỉ biết đứng nhìn. Thoáng thấy bóng sư ông, chúng nháy nhau tụt xuống chạy biến còn trơ một mình công tử con quan Ngự sử. Sư ông nắm tay công tử kéo vào hành cung. Sư ông ân cần hỏi:

- Cháu có biết đây là đâu không?

Công tử lễ phép đáp:

- Thưa sư ông, cháu biết ạ.

Sư ông lại hỏi:

- Phá tổ chim là có tội, cháu biết không?

- Thưa, cháu biết ạ.

- Bố cháu làm gì?

Ngẫm nghĩ giây lát, công tử đáp:

- Bố cháu trồng rau bán lấy tiền mua gạo ạ.

Mấy thiếu niên chạy thoát ra ngoài nấp một chỗ chờ công tử. Một đứa lên vào nghe ngóng nên rõ cả. Nó quay ra thuật lại cho cả bọn nghe. Một đứa thốt lên: "Sao nó đại thế. Nó nói con quan Ngự sử là sư sợ ngay." Thằng nhỏ ấy tỏ ra láu lỉnh. Nó thấy sợ. Nếu sư ông giữ con quan thì chết. Nó bèn rủ cả bọn quay vào. Có hai đứa sợ định bỏ về. Thằng nhỏ láu lỉnh nói: "Đồ hèn! Lúc gặp khó bỏ bạn." Thế là hai đứa ấy không bỏ về nữa. Thấy mấy đứa trẻ kéo vào chùa, sư ông nghĩ: "Mấy đứa bé này có gan đây. Để rồi xem...." Thằng nhỏ tỏ ra thông minh bước đến sát công tử giục:

- Nói đi!

Công tử chưa hiểu hỏi lại:

- Nói gì?

- Nói bố làm gì đi!

Công tử hiểu nhưng trả lời khác đi:

- Nói rồi, bố trồng rau chứ làm gì nữa.

Thằng nhỏ láu lỉnh, thông minh không hiểu được suy nghĩ của cậu bé con quan rất khôn ngoan nên nó nói trắng ra:

- Thưa sư, nó con quan đấy!

Sư ông không tin vào tai mình nữa nên hỏi lại:

- Cháu vừa nói gì?

Thằng nhỏ láu lỉnh nói rõ to:

- Nó nói dối! Nó con quan Ngự sử đấy.

Sư ông sợ quá. Dây với con quan là lòi thoi to. Sư ông bèn ôn tồn:

- Nhà chùa già rồi nên lẩm cẩm lại không biết, công tử bỏ qua cho.

Nghe được câu nói ấy, thằng nhỏ láu lỉnh liền lòi nghiêng công tử con quan ra khỏi hành cung. Công tử không kịp nói gì chỉ kịp quay lại chào sư ông. Một đứa trong bọn trách: "Mày đại quá! Sao lại nói dối?" Công tử không nói gì cả, chỉ cười.

Trên đường về, lũ trẻ khát nước bèn dạt vào một mái lá xiêu vẹo bên đường

xin nước uống. Vừa vào đến sân, bọn trẻ nghe thấy tiếng khóc, tiếng chửi, rồi tiếng quát: "Có thể không ăn thì thôi." Mấy đứa trẻ đứng cả ở ngoài sân, chỉ có công tử bước vào nhà thấy một bà già mù gày như một bộ xương nằm trên chiếc giường tre. Đầu giường của bà cụ có một cái bàn nhỏ cũng bằng tre rất cẩu thả. Trên bàn có một bát cháo loãng. Hai đứa con trai ngồi trên mê chiếu rách quanh chiếc mâm gỗ cóc gặm nham nhở. Trên mâm có hai bát cháo, một bát to, một bát nhỏ. Cảnh đứa con trai lớn có một cái nồi đất nằm lăn lóc trên đất, bởi đã hết cháo. Đứa con trai lớn chừng mười hai, mười ba tuổi, đứa nhỏ chừng chín, mười tuổi. Hai đứa gườm gườm nhìn nhau.

Thấy người lạ vào, hai thằng nhỏ giương mắt nhìn không một chút thiện cảm. Bà già hồng mắt còn tai bèn hỏi:

- Ai có việc gì mà lại bước vào cái nhà nghèo hèn khốn khổ này thế?

Công tử từ tốn đáp:

- Cháu đi qua đường thấy có tiếng khóc, tiếng quát nên tò mò ghé vào xem có chuyện gì ạ.

Bà già than thở:

- Hai hôm nay, mẹ nó chỉ kiếm được một lè gạo nấu nồi cháo loãng. Hai đứa háu đói đều tranh phần hơn nên chửi nhau.

Tò mò, công tử lại hỏi:

- Thế bố mẹ hai cậu đi đâu hở bà?

Bà già mếu máo:

- Khổ! Bố nó còn đã phúc. Năm kia, bố nó đi làm thuê cho một nhà tốt bụng. Nó chịu khó lại hiền lành, lúc vui chủ nhà cho mấy chén rượu nên nó lơ mơ say. Trên đường về, nó trượt chân ngã dúi vào kiệu của một công tử con quan. Công tử ấy cho rằng nó cố ý gây sự làm nhục nhau nên cho gia nhân đánh cho chín chết một sống. Về nhà, bố nó ngã bệnh, đói cơm, không thuốc nên đã chết.

Bà già lấy vạt áo rách thấm lau nước mắt rồi nói tiếp:

- Mẹ nó đi làm thuê gặp việc gì làm việc nấy, ngày về sớm, ngày về muộn, có việc thì con có cơm có cháo, không việc thì nhịn. Bố chết, mẹ đi cả ngày, tôi ốm yếu mù loà không bảo ban được nên chúng hỗn láo. Anh

không nhường em, em không nhường anh, hễ đói là tranh ăn, đánh chửi nhau luôn.

Công tử nhìn bát cháo trên chiếc bàn tre đoán rằng đó là phần của bà già bèn nói:

- Bà ăn cháo đi chứ kéo nguội.

Bà già nói:

- Tôi nuốt làm sao được, để cho anh em nó ăn.

Có lẽ thằng nhỏ mười hai, mười ba tuổi không muốn người lạ biết được tính xấu của nó. Nó đứng dậy lừ lừ bước đến bên công tử. Bất ngờ nó tung một cú đấm rất mạnh vào mắt trái công tử khiến công tử ngã ngửa về phía sau. Hai tay ôm lấy mặt, công tử lồm ngồm bò dậy. Mấy đứa trẻ ngoài sân nhảy bổ vào nhà. Một đứa đỡ lấy công tử. Ba, bốn đứa lao tới đánh thằng nhỏ đã đấm công tử. "Không được làm thế!" Mồm nói chân bước, công tử dang tay che cho thằng nhỏ hung hãn. Một đứa đi với công tử hỏi: "Mày có biết mày vừa đánh con ai không?" Công tử nói át đi ngăn bạn: "Con ai cũng thế thôi. Nào chúng ta về." Đợi cho mấy bạn cùng đi bước ra sân, công tử mới bước ra. Vẫn còn cay cú, một đứa quay lại nói: "May cho bà, hôm nay bà gặp con quan Ngự sử chứ gặp con quan khác cháu bà như đờn." Bà già nghe nói đến con quan thì hết cả hồn. Bởi con bà đã mất mạng vì nhỡ có lỗi với con quan. Bà vái lấy vái để. Nhưng vì bà nằm ngửa nên cứ vái lên trời: "Xin công tử tha cho! Xin công tử tha cho!" Công tử không bằng lòng với bạn đã dọa bà già. Nếu cả bọn không vào xin nước thì làm gì có chuyện.

Về tới nhà, công tử làm ra vẻ thản nhiên lắm. Nhưng một bên mắt của công tử bị thâm tím dấu sao nổi. Quan Ngự sử bèn hỏi. Biết bố rất ghét nói dối, công tử bèn thuật lại chuyện đã xảy ra. Quan Ngự sử không hề giận con mà còn tỏ vẻ bằng lòng. Vài ngày sau, quan Ngự sử cùng con đến thăm bà già. Thấy quan Ngự sử đến, bà già sợ lắm. Cháu bà liệu có gặp cảnh đau lòng như con trai bà không? Hai đứa trẻ trốn biệt. Nhưng rồi bà già ngạc nhiên. Quan Ngự sử ân cần hỏi thăm và còn tặng quà cho bà. Thì ra vẫn còn có ông quan thương dân.

Hai đứa trẻ thấy quan Ngự sử đi rồi chúng mới về nhà. Bà của chúng không

hề gì mà chúng còn được ăn quà của quan Ngự sử. Dù hung hãn dốt nát nhưng thằng con trai lớn đã thấy rằng vị công tử con quan Ngự sử không giống gã công tử đã gây ra cái chết cho bố nó. Thằng nhỏ ấy thấy thương thương công tử con quan Ngự sử.

Tết năm ấy, quan Ngự sử sai con mang gạo đến cho bà già và ba mẹ con thằng nhỏ nghèo khó ăn tết. Thằng nhỏ hung hãn làm thân với công tử con quan Ngự sử. Nó không bị từ chối. Thịnh thoảng công tử còn đến chơi với nó. Không biết công tử tốt bụng thuyết phục nó thế nào mà tính hung hãn của hai thằng nhỏ cháu bà già mù đã bớt đi nhiều.

Từ ngày sư ông rầy la công tử con quan Ngự sử, lòng cứ thấy áy náy. Ông muốn đến tạ lỗi với quan Ngự sử nhưng lại không dám. Chuyện đã qua cứ để nó qua, đến tạ lỗi có khi lại chui đầu vào rọ. Dịp may đến, tết Nguyên tiêu quan Ngự sử cùng con trai viếng cảnh chùa. Kiệu của ngài vừa dừng trước tam quan, sư ông đã ra quỳ vái nhận tội. Sư ông thuật lại đầu đuôi câu chuyện xảy ra năm ngoái. Quan Ngự sử ôn tồn:

- Nhà chùa không có lỗi gì. Cũng may là con tôi biết lỗi nên không gây ra chuyện phiền phức.

Sư ông đáp lời:

- Cậu nhà hiền từ, chừng chặc lắm. Nhiều người lớn tuổi chưa chắc đã suy nghĩ được như cậu nhà. Gặp công tử khác, cửa từ bi này dễ gì đã yên.

Quan Ngự sử mừng thầm bởi con trai ngài không biến ngài thành hổ dữ để dọa người. Quả là con trai ngài đã có chữ nhẫn trong lòng. Có lẽ vì thế nên nó đã chừng chặc ở cái tuổi mà nhiều đứa trẻ khác còn đang lê lững và chơi những trò chơi vô ích. Vậy là, những điều ngài thường ấp ủ đã bắt đầu hình thành trong con trai ngài.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 7

Khi Tổng quản thị vệ dẫn lính tới nhà quan Tổng đốc, bà Thục Trâm và Kim Phụng không có nhà. Chẳng là đã mấy hôm, nước lũ đang cuồn cuộn đổ về. Đê sông cái có những chỗ bị nước rò vào. Quan Tổng đốc vất vả suốt ngày với những đoạn đê bị núng. Đêm về đáng lý, ngài phải có một giấc ngủ ngon sau một ngày mệt nhọc. Đằng này, ngài cứ ra ra vào vào, hết giữa mặt trông sao lại nâng ly trà suy nghĩ. Có lúc, bà Thục Trâm thấy quan Tổng đốc đứng lặng giữa trời khuya rất lâu hướng về phía xa. Rồi Ngài đi đi lại lại ngoài sân, bước chân có vẻ bồn chồn. Cảm thấy có gì không bình thường, sáng hôm sau, bà Thục Trâm hỏi phu nhân Tổng đốc. Phu nhân nói: "Việc công chỉ có đê sông cái làm quan Tổng đốc lo lắng, còn việc riêng không biết là việc gì, ngài có sai cấp dưới lên kinh tám ngày rồi chưa về."

Một câu hỏi loé lên trong đầu bà Thục Trâm: "Ngài sai cấp dưới về kinh làm gì. Từ đây về kinh đi về quá lắm là bảy ngày, nay đã sang ngày thứ tám sao người mà ngài sai đi chưa thấy về.?" Cảm thấy có gì không ổn, bà lấy quần áo, đồ dùng của bà và của Kim Phụng cho vào túi. Bà còn cho vào túi một con dao nhọn và một số thuốc, kể cả loại thuốc độc rất mạnh. Giữ thái độ bình thản, bà bảo Kim Phụng:

- Tiểu thư sắp bước sang tuổi mười bốn, nhũ mẫu lên chùa kiếm một giống hoa quý mừng tiểu thư.

Kim Phụng thường lên chùa với nhũ mẫu. Nói đến lên chùa là Kim Phụng thích lắm, bèn hỏi:

- Nhũ mẫu có cho con đi không?

Bà Thục Trâm tươi tỉnh đáp :

- Có lần nào lên chùa vắng tiểu thư đâu?

Kim Phụng vội vào thay đổi quần áo rồi quay ra. Bà Thục Trâm xách một túi lớn đứng đợi. Thấy lạ, Kim Phụng hỏi:

- Lên chùa nhũ mẫu mang theo túi lớn để làm gì?

Bà Thục Trâm thân nhiên đáp:

- Gần chùa có một nhà rất nghèo. Nhũ mẫu mang cho nhà ấy mấy bộ quần áo cũ. Hôm nay đi tìm hoa lạ rồi mới vào chùa dâng hương.

Tới chùa, bà Thục Trâm gặp một sư nữ. Bà nói với sư nữ điều gì đó mà Kim Phụng không nghe rõ, rồi bà dẫn Kim Phụng ra vườn chùa xem hoa. Tiểu thư vui lắm. Mặt Kim Phụng ánh lên như gương mà bà không vui. Trời ngả bóng, bà và Kim Phụng vào chùa dâng hương. Xong việc, bà dẫn học trò xuống phòng kinh giảng giải cho học trò nghe nghĩa của Từ - Bi - Hỉ - Xả. Đụng đến bốn chữ này, bà có giảng giải dăm bảy ngày cũng không hết sự sâu sắc mà nó chứa đựng. Xế chiều Kim Phụng giục về. Bà Thục Trâm bèn nói dối: "Muốn chóng hiểu nghĩa của Từ - Bi - Hỉ - Xả, tiểu thư phải nghe giảng kinh ở chùa ". Vậy là đêm ấy, tại phòng kinh, Kim Phụng thức gần như thâu đêm nghe thầy Thục Trâm giảng giáo lý nhà Phật. Bà giảng hay lắm. Các sư cũng phải đến nghe. Ngày hôm sau, bà Thục Trâm vẫn tìm cách giữ chân Kim Phụng. Nấn ná đến xế chiều, bà mới cùng Kim Phụng lui gót. Về cách nhà chừng nửa dặm, hai người thấy quan quân triều đình rầm rập tiến vào dinh quan Tổng đốc Hải Đông. Điều bà Thục Trâm cảm thấy trước đây đã xảy ra. Bà dẫn Kim Phụng quay lại chùa gửi Kim Phụng ở lại đó. Nhọ mặt, bà Thục Trâm đi về phía chợ Hải Đông trong quần áo của một nhà sư. Gần nửa đêm, bà trở lại đón Kim Phụng. Rồi hai người rời đất Hải Đông.

Quan Tri huyện có nghề thuốc rất giỏi. Sau ngày con gái khuyên từ quan về với ruộng vườn, ngài phải nhiều đêm mất ngủ. Ngài mới có ngoài năm mươi. Vua đang quý, dân đang tin, từ quan cũng phải có cơ. Nhờ nghề thuốc giỏi, ngài đã tìm ra lối thoát. Mỗi ngày quan Tri huyện chỉ ăn một bát cháo, uống hai bát thuốc. ăn và uống thuốc như thế, ngài không thể chết nhưng người gày đi, da xanh xao, mạch trầm và yếu. Ngài tự bắt mạch để điều chỉnh chế độ ăn uống. Hơn một tháng "đỗ bệnh", ngài xin từ quan về quê dưỡng bệnh. Vua không thể không cho ngài nghỉ. Ngày quan Tri huyện chào dân chúng về quê, dân chúng khóc như mưa. Ai sẽ thay ngài chăm dân đây?. Vị Tri huyện mới có như ngài không? Dân cứ đứng trông theo ngài. Thì ra, ai làm quan hưởng lộc Vua chỉ nhìn rõ mình khi trả ấn Vua.

Ngài Tri huyện rất buồn vì phải xa dân chúng nơi bao năm ngài đã thay Vua tạo phúc cho dân. Nhưng ngài cũng được an ủi vì hình ảnh ngài còn lưu lại trong lòng những người dân quê ngay lành hai sương một nắng.

Về tới quê, ngài Tri huyện không còn mũ cánh chuồn, thuốc thang lấy lại sức. Mấy tháng sau, dân chúng ai có bệnh lại đến phiên ngài. "Tiến làm quan, thoái làm thầy", triết lý ấy đã thành máu thịt trong ngài Tri huyện. áo mũ đã trả Vua, ngài bèn làm thuốc cứu đời. Dù không làm quan nữa nhưng lòng ngài vẫn để ở nơi dân chúng.

Từ quan được ba bốn tháng, ngài Tri huyện vẫn không thấy có động. Chẳng lẽ vì quá lo xa nên lần này con gái ngài nhầm? Thôi thì ngài cứ đợi vậy.

Có một người bệnh cách xa nhà ngài già nửa ngày đường. Ngài Tri huyện phải đi từ thật sớm để còn kịp về trong ngày. Ngài tới nhà người bệnh lúc đã gần trưa. Người nhà mời cơm nhưng chưa thăm người bệnh, ngài ăn sao được. Ngài xin được gặp người bệnh. Phúc nhà người đó còn to. Chậm một lúc nữa thôi hỏa bốc lên, đầu như có búa bổ vào, mắt sẽ hồng. Con bệnh hoả sung chế thủy. Mạch nổi như ngựa chạy. Ngài phải hạ ngay cơn hoả. Hoả đã hạ, người bệnh ngủ được chân âm vượng lại, uống hết năm sáu chén thuốc bệnh sẽ lui. Xế chiều, người bệnh đã ngủ được ngài mới ngồi vào mâm lấy lệ. Thấy con giai bệnh nặng gặp đúng thầy, chủ nhà mừng lắm. Hỏi chuyện hoá ra, chủ nhà là ông đồ nghèo võ vẽ nghề thuốc. Ông xem mạch, cắt thuốc cho cậu con giai độc nhất. Ông đồ trọng vị "Vua", khinh vị "quan" nên uống thuốc vào, bệnh của con giai lại nặng hơn.

Ngài tri huyện về đến nhà lúc đã lên đèn, thấy quân triều đình đứng đầy sân.. Ngài giật mình: "Thế là con gái mình không nhầm." Một tên lính nói:

- Tổng đốc Hải Đông phạm tội to. Con gái của Tổng đốc được ái nữ của ngài đưa đi trốn. Ngài biết con gái ngài trốn ở đâu phải cho chúng tôi biết để tìm ra con kẻ có tội. Được như vậy, con gái ngài mới thoát tội.

Ngài tri huyện đáp:

- Tôi hừ quan đã mấy tháng nay, nó cũng chưa một lần về thăm tôi. Làm sao tôi biết giờ nó ở đâu?

Tên lính đó lại nói:

- Muốn cứu con, ngài phải đi tìm nó. Bắt được con gái Tổng đốc, chúng tôi

mới nương nhẹ với con gái ngài.

Ngài Tri huyện nói:

- Chân người như cánh chim tôi biết đâu mà tìm. Nếu đúng là con tôi có tội, các ngài cứ lấy phép nước mà răn đe.

Xem ra, ngài Tri huyện không mẫn mà gì việc này. Bọn đầu trâu mặt ngựa lao vào đêm tối còn ném lại một câu hăm dọa: "Chúng tôi phải nhọc sức vì con gái Tổng đốc sẽ không để ngài và con gái ngài yên đâu."

Phần đêm còn lại là khoảng thời gian ngài Tri huyện một mình tựa bóng ngẫm nghĩ. Cõi người có duyên mới gặp nhau và cũng có duyên mới gắn bó với nhau. Đã là duyên thì khó tránh. Nếu như ngài không khuyên con nhận lời mời của quan Tổng đốc và Thục Trâm không nghe lời khuyên của ngài thì con gái ngài chắc gì đã phải gian nan. Nếu nữ mẫu không chết, Thục Trâm chỉ dạy chữ cho Kim Phụng có lẽ tình cảm của Thục Trâm và Kim Phụng đối với nhau sẽ khác. Nhưng khi Thục Trâm hai vai hai việc quyết định cả tương lai của Kim Phụng mà Kim Phụng gặp hoạn nạn, Thục Trâm quay lưng lại sao được.

Bình minh lên, toàn thân ngài rã rời. Ngài bèn vào giường ngả lưng rồi thiếp đi. Trong giấc chập chờn, ngài thấy nhà Vua đi vào tư dinh. Sợ quá, ngài sụp xuống tung hô vạn tuế và nhận tội không biết đức Vua tới để ra đón. Nhà Vua cho bình thân và nói:

- Đã không biết thì không có tội. Người nhìn xem ta là ai?

Ngài Tri huyện chăm chú nhìn. Hoá ra là đức Vua triều trước chứ không phải là vị Vua đương triều. Ngài Tri huyện lại sụp xuống. Đức Vua triều trước cho thị vệ đỡ ngài Tri huyện dậy. Người nói:

- Người là một huyện quan trên kính Vua, dưới yêu dân. Dân chúng coi người như cha mẹ, người lại chưa già lắm sao đã từ quan?

Ngài Tri huyện cung kính:

- Tâu đức Vua, thần chưa già nhưng không còn trẻ nữa. Thần ốm yếu luôn nên xin cáo quan.

Đức Vua cả cười:

- Người không sợ ta trị tội sao? Người dùng tài làm thuốc tạo cơ cáo quan để tránh hoạ cùng với hai nhà sao ta không biết. Ấu cũng là chuyện chẳng

đừng. Ta có thể nào bắt tội người. Nhưng vì sao hai nhà gặp hoạ, người có biết không?

Ngài Tri huyện bèn thưa:

- Tâu Tiên Vương, việc này nói ra e Tiên Vương đau lòng nên thần không dám nói.

Tiên Vương cả cười:

- Ta đã quen tai những lời khó nghe. Người không phải e dè miễn là những điều người nói ra không thẹn với lòng.

Ngài Tri huyện cảm kích:

- Tiên Vương đã cho phép, thần xin nói. Từ ngày Tiên Vương đi vào tôn miếu, Tể tướng đã làm nhiều điều ngang ngược. Đức Kim thượng không phải không biết. Nhưng là người chí hiếu, vâng theo di huấn của Tiên Vương, đức Kim thượng vẫn nhẹ tay với Tể tướng. Tuy vậy, Tể tướng không được đức Kim thượng sủng ái nữa. Để đẹp lòng đấng chí tôn, Tể tướng đã đưa ái nữ của Tổng quản thị vệ nhập cung. Vốn dung nhan đã cá lặn nhận sa lại được học qua ngón nghề ở Hồng Lô hí viện, ái nữ của Tổng quản thị vệ đã làm cho đương kim Hoàng thượng quên hết triều chính. Biết việc làm vô luân của Tể tướng, Tổng đốc Hải Đông đã ngầm viết thư sai người mang về kinh dâng lên quan Ngự sử, Trong thư, Tổng đốc Hải Đông đã kể tội Tể tướng. Ngài muốn quan Ngự sử gián nghị đức chí tôn và trị tội Tể tướng. Thư ấy chẳng may lọt vào tay thuộc hạ Tổng quản thị vệ. Thế là hai nhà gặp hoạ ngay.

Tiên Vương ngẫm nghĩ nói:

- Người kế vị ta là kẻ đa tình. Vả lại, trước giai nhân đá cũng phải chảy. Năm được chỗ yếu của Vương tử, Tể tướng đã dùng mỹ nhân kế. Nhưng ta tin con trai ta sẽ tỉnh ngộ. Còn Tể tướng, ta biết trước ông ta sẽ như vậy. Những kẻ nào đã làm điều ác nếu người không trị thì giới cũng sẽ trị. Thật đáng thương cho hai lương thần. Còn những điều người vừa nói, ta đã biết cả. Nhưng ta vẫn hỏi để xem người biết việc làm như bản của Tể tướng tới mức nào.

ánh mắt của Tiên Vương bỗng trở nên u buồn. Ngài Tri huyện đọc được tâm tư của Tiên Vương qua ánh mắt ấy. Người kế vị luôn là nỗi lo của các

bạc minh quân khai quốc. Khi bậc Thái tổ còn ngồi trên ngai rồng, ân uy của bậc tài cao, trí sáng ấy đã làm cho quần thần quy tụ lại. Khi bậc minh quân ấy băng, quần thần cá mè một lứa nhào cả. Kẻ nào nhỉnh hơn một chút về công tích rất dễ dở què. Tể tướng đương triều là một biểu hiện. Những lời dèm pha của ông ta qua Thái giám để hại các lương thần, không làm cho Vua mắc mưu, ông ta bèn dùng kế mỹ nhân. Là người phóng túng đa tình, nhà Vua đã sa bẫy. Sự đổ vỡ có thể bắt đầu từ đó. Thì ra, việc dựng cờ tụ nghĩa lập quốc đã khó như gánh núi trên vai, việc giữ cơ đồ ấy cũng không kém gian nan. Nó như thuyền nan vượt trùng dương vậy. Nếu người kế vị tài sơ, đức bạc thì cơ nghiệp của cha ông chẳng bao lâu sẽ thành vang bóng.

Ngài Tri huyện không ngờ đức Vua triều trước thông tỏ đến thế. Người thấu tỏ gan ruột ngài. Giá vị Vua đương triều không sa vào vòng gái đẹp thì trung lương đâu thiệt phận.

Tiếng đức Vua như chuông đồng lại vang lên:

- Con gái người đã dẫn ái nữ của Tổng đốc đi trốn. Đó là mối nguy của bọn gian. Sớm muộn chúng cũng không để người yên. Người phải tính kế vẹn toàn để giữ được người hương khói và may ra sau này con giai người còn giúp được Vua tạo phúc cho trăm họ.

Nghe đức Vua dạy, Tri huyện toát cả mồ hôi. Ngài lại sụp xuống vái lạy và lắng nghe. Nhưng ngài đợi mãi không thấy lời của Người nên, ngài bèn ngừng lên thì đức Vua triều trước đã đi xa lắm rồi. Ngài bèn hô: "Phu kiệu! Phu kiệu! Mang ngay kiệu ra cho ta đi tiễn đức Vua!" Phu nhân đang lo bữa cho ngài nghe tiếng ngài hô giật giọng bèn vội tới bên người lay gọi:

- Tướng công! Tướng công!

Ngài bừng tỉnh hỏi:

- Kiệu đâu sao không mang tới?

Phu nhân đã hiểu bèn nói:

- Tướng công vừa chớp mắt, chắc là Tướng công đã nằm mơ.

Ngài Tri huyện căng vầng trán một lát, rồi ngài sững sờ: "Thì ra mình vừa trải qua một giấc mơ." Ngài cố nhớ lại.... Rõ ràng đức Vua triều trước nói: "Người phải tính kế vẹn toàn để giữ được người hương khói và sau này con

giai người có thể giúp Vua..."

Ngài Tri huyện nhẩm tính, đức Vua triều trước đã băng bao nhiêu năm rồi mà anh linh ngài vẫn phảng phất chốn triều trung...

Nước đến chân rồi, ngài Tri huyện thấp hươg kính cáo tổ tiên rằng: "Một đời, con không làm việc gì độc ác. Cai quản một huyện, con không hề tư hào của vua, của dân một đồng. Nay vua u mê, quan trên bất chính, sợ va đến thân nên con phải từ quan. Dẫu đã như vậy, cái ác vẫn rình rập đêm ngày. Muốn được yên ổn, con phải tìm một nơi hẻo lánh dung thân, xin tiên tổ, cha mẹ phù hộ cho cả nhà con trên đường lánh nạn không gặp phiền phức gì. "Thế rồi, ánh ngày vừa tắt, ngài Tri huyện dẫn vợ và con rời làng. Nhá nhem tối ngày hôm sau qua một cánh đồng, giữa đồng có một cái miếu, ngài Tri huyện dẫn vợ và con vào cái miếu đó nghỉ tạm. Miếu cô hồn ở giữa bãi tha ma lại xa làng nên rất vắng vẻ. Vẫn thấy áy náy, ngài Tri huyện liền lấy thuốc xoa lên mặt mọi người. Chẳng mấy chốc, mặt người nào người lấy sừng húp lên, những chỗ xây xát mung mủ rất đau đớn. Làng không có ai chết nên bảy tám ngày không có người nào bước tới bãi tha ma. Những ngày nghỉ tạm ở miếu cô hồn cả nhà ngài Tri huyện sống bằng gạo rang và nước lã. Khi thấy những vết đau trên mặt mọi người đã gần thành sẹo, cả nhà ngài Tri huyện lại tiếp tục cuộc hành trình với những diện mạo dị dạng. Tên của từng người cũng được đổi thành tên khác. Phu nhân của ngài vốn có tên là Hạnh được đổi thành Mận. Con trai lớn áp bà Thục Trâm tên là Phạm Vũ Long được đổi thành Phạm Bảo Hưng. Cậu út được ngài thương nhất được mang tên là Phạm Như Ngọc phải khoác cái tên mới là Phạm Tất ái. Còn ngài, cha mẹ đặt lên cho là Phạm Chí Thành được đổi thành Phạm Đức Hiếu.

Để tránh phiền phức, ngài Tri huyện chọn cách an toàn nhất là ngày ẩn đêm đi. Đến một xóm núi đã xa làng quê hàng chục ngày đường, ngài cho phu nhân và cậu Hưng ngụ cư ở đó. Ban ngày, cậu Hưng cùng mẹ làm thuê cho người bản địa kiếm thêm đồng tiền bát gạo. Đêm đêm, cậu Hưng ôn luyện kinh sách chờ thời. Còn cậu út là ái, ngài Tri huyện cho đi theo. Sở dĩ ngài dẫn cậu út đi theo là vì ngài cần phải dạy chữ và dạy nghề thuốc cho cậu. Còn nữa, cuộc hành trình tìm Thục Trâm chưa biết đến bao giờ mới dừng.

Ngài không thể không có người thân đi theo. Gió mưa, hiểm hoạ dọc đường có từ ai mà ngài thì đã già.

Tổng quản thị vệ quay về gặp Tể tướng với hai bàn tay không khiến Tể tướng tức phát run lên. Ông ta dẫn giọng:

- Tôi hỏi ngài, khi ngài bắt được con gái Tổng đốc và kẻ dẫn nó đi trốn, ngài có tha không? Ngài giết con của Tri huyện, hai em trai nó có để ngài yên không?

Tổng quản thị vệ ngớ ra bèn chữa:

- Thưa Tể tướng, cấp dưới của tôi dốt nát, nó nghĩ rằng ông ta đã từ quan. Và lại, con gái ông ta không về nhà, con trai ông ta đi vắng cả nên chưa bắt ông ta để ông ta đi tìm con.

Tể tướng cười mỉa mai rồi cố nhớ lại chuyện mấy năm trước: Nước cờ đầu thật vẹn toàn. Thông tuệ như tri huyện mà cũng không tìm ra cái chết của gã con rể. Cũng may là mình đã kịp trừ khử cái thằng đã hạ độc Tú tài. Nhưng rốt cuộc, ván cờ ấy lại hỏng. Con gái lão ấy không thuộc về mình. Còn dịp này, bố con Tri huyện chắc không có đường thoát... Tể tướng lại nhếch mép rồi nói với Tổng quản thị vệ:

- Con đàn bà goá và đứa trẻ con tìm bắt sau cũng được. Lão Tri huyện ấy và hai con trai lão ta phải đuổi giết ngay, không để sót mầm hoạ. Chần chừ, Vua hồi tỉnh khó mà đụng được cái lông chân của lão ta. Ông rõ chứ?

- Rõ ạ.

Rồi Tổng quản thị vệ tự dẫn ngay lính tới nhà ngài Tri huyện. Nhưng Tổng quản thị vệ đã chậm chân. Lúc ấy, ngài Tri huyện và cậu con trai út đã cách nhà hàng trăm dặm, còn phu nhân ngài Tri huyện và cậu con trai lớn đã nương náu tại một xóm núi hẻo lánh cách nơi nguy hiểm hơn mười ngày đường. Họ đã mang tên khác và bộ mặt khác.

Phiên toà xử những kẻ "bất trung" được mở ra. Quan Ngự sử và quan Tổng đốc Hải Đông khi bị điệu lên công đường đã ngất vì bị đòn dừ trong ngục. Lính của Tổng quản thị vệ phải xốc nách điệu lên. Cấp dưới của quan Tổng đốc và công tử con quan Ngự sử dù bị đòn nặng nhưng còn trẻ khoẻ nên vẫn tỉnh táo. Bị sức ép của Tể tướng, quan Thượng thư Bộ Hình phải xử đúng như ông ta muốn. Tuy vậy, ngài vẫn thấy trong vụ này còn có gì ẩn

khúc. Ngài cho những kẻ bị tội chết được nói trước khi phiên toà khép lại may ra loé lên điều gì... Hai vị công thần mê mê tỉnh tỉnh không nói được gì. Cấp dưới của quan Tổng đốc chỉ còn biết nguyên rủa bọn gian ác. Chỉ có con trai Ngự sử cứ đăm đăm nét mặt. Công tử nghĩ: "Nói ở đây rất ít người biết. Phải giữ kín điều cần nói..." Thế là công tử chỉ xin ngài Thượng thư Bộ Hình cho bố được chết toàn thân. Tế tướng bác ngay. Vậy là hai nhà phải chịu án chém.

Tế tướng buộc Thượng thư Bộ Hình cho chém hai nhà ngay ngày hôm sau. Ông ta không dám cho những kẻ bị tội chết kéo dài thời gian thoi thóp trong ngục. Những gì sẽ xảy ra khi họ còn có mặt ở trên cõi đời? Thế là hôm sau, mặt trời đứng bóng, đồ tế khai đao. Dân chúng kinh thành, dân chúng xứ Hải Đông vây chặt pháp trường phần uất, đau đớn, chứng kiến giờ chót của hai vị quan được dân kính trọng, yêu mến. Lệnh chém vừa ban ra. Bất ngờ chàng thiếu niên con trai quan Ngự sử nói lớn: "Các bác, các chú và mọi người nghe cháu nói: không có chuyện phản nghịch, không có chuyện bỏ bố lập con đâu. Quan tổng đốc một lòng thờ Vua, Ngài không viết những chữ đó. ở đây có sự gian trá".

Tổng quản thị vệ uất quá rút kiếm chặt ngang câu nói của chàng thiếu niên thông minh. Những ánh đao loé lên. Đầu hai nhà rơi xuống. Trời đất tối sầm lại! Dân hò la chửi rủa đến khản họng. Thằng nhỏ hung hãn năm trước đã đâm vào mặt công tử con quan Ngự sử dấu con dao nhọn trong người, mắt như cục lửa nhào vào đâm Tế tướng và Tổng quản thị vệ. Mọi người phải ngăn nó lại và lôi nó đi.

Đáng thương nhất trong số những người bị án chém là phu nhân quan Tổng đốc. Dù đã trên bốn mươi tuổi, bà vẫn đẹp. Tổng quản thị vệ dù có hàng đồng thê thiếp, nhưng ông ta vẫn ao ước có được một người như bà. Song giờ đất không bao giờ lặp lại. Hàng trăm người đẹp nhưng mỗi người đẹp có một vẻ riêng biệt.

Tổng quản thị vệ Đinh Văn Thạc là con một đô vật, có sức khỏe như voi, giỏi vật từ nhỏ lại biết cả võ thuật. Năm 19 tuổi, Thạc được một tên quan huyện gian ác, tham lam nhận vào hầu hạ gã trong tư dinh. Mụ vợ quan huyện đem tiền cho vay nợ lãi. Tên quan huyện biết nhưng lờ đi. Một số kẻ

vay được tiền của mẹ vợ tên quan có ý dây dưa trả không đúng hạn. Mẹ vợ quan huyện sai Thạc đi đòi. Thấy Thạc cao lớn, dữ tợn, các con nợ phải lo tiền trả ngay. Được thế, mẹ vợ quan huyện mở rộng việc cho vay. Nhà nào không trả được nợ, Thạc cầm nhà, cầm đất ngay. Tên quan huyện thấy Thạc làm được việc nên quý lắm. Ông ta không bắt Thạc làm các việc khác nữa mà chỉ giao cho Thạc mỗi một việc là giúp lệnh bà thu nợ. Tên quan huyện thì già, mẹ vợ lại trẻ mà thằng hầu trai tráng khỏe như voi lại kề bên. Bởi vậy, cái gì phải đến đã đến. Mẹ vợ tên quan bắt Thạc chiều chuộng. Lúc đầu, Thạc còn e dè. Về sau, ả dâm phụ và thằng hầu lén lút sống với nhau như vợ chồng. Một số người trong dinh tên quan huyện biết nhưng không dám hé răng. Đến một ngày, bụng mẹ vợ tên quan huyện to lên. Tên quan huyện nhẩm tính..." Phu nhân không thể chữa với mình được. Ba năm rồi mình mong ngày mong đêm... "Tên quan huyện làm ngơ. Vì ông ta chỉ một lũ thị mọt, còn thiếu kẻ thắp hương. Biết đâu... Quả nhiên, điều lường tính của tên quan huyện đã đúng. Tên hầu Đinh Văn Thạc đã tặng cho vợ tên quan huyện một đứa con trai. Danh chính ngôn thuận ai dám bảo đứa bé đó con thằng hầu. Để cho êm chuyện, tên quan huyện xin cho Đinh Văn Thạc sung vào đội Thị vệ. Đinh Văn Thạc lực lưỡng, khỏe mạnh không ngại một việc gì. Việc gì khó cần đến Thạc là Thạc nhảy vào ngay. Chẳng bao lâu, Thạc thoát kiếp lính trơn trở thành kẻ có chức có quyền trong đám Thị vệ.

Có một lần, Thạc rủ bạn lên ra ngoài thành tìm nhà "nữ lưu". Trên đường đi, Thạc thấy một toán cướp khá đông đang vây quanh kiệu của một viên quan. Phu hầu kiệu chống đỡ đã núng thế. Thạc nói với bạn cùng vào đánh cướp. Bạn của Thạc sợ nên tháo lui. Dù một mình, Thạc vẫn lao vào đánh dạt bọn cướp. Viên quan trẻ thoát hiểm rời kiệu bước tới cảm ơn Thạc. Người đó sau này là Tế tướng. Nhờ vậy Thạc lên vù vù. Gần hai mươi năm sau, tên hầu Đinh Văn Thạc đã trở thành Tổng quản thị vệ.

Thạc là kẻ hiếu sắc, cuồng dâm. Cả thê lẫn thiếp, Thạc có tới sáu người. Tuy vậy, thấy đàn bà đẹp, Thạc vẫn nuốt nước miếng ừng ực.

Thạc đã biết phu nhân Tổng đốc Hải Đông từ lâu. Đó là một người đàn bà dung nhan đảm thắm, cốt cách đoan trang. Bất cứ gã đàn ông tà tâm nào

gặp bà cũng bừng lên sự thèm khát u tối. Bà được cả vùng Hải Đông kính nể. ấy là vì bà không mượn oai chông để lên mặt làm bộ, làm trịch với thiên hạ. Tuy là vợ của một vị quan to nhưng không bao giờ bà rời chiếc khung cửi. Bà sống giản dị như một người dân quê. Những ai có việc phải lui tới nhà quan đều được bà tiếp đón nhã nhặn, ân cần. Một con người nhân hậu, đức độ như vậy nào ngờ lại bị vạ oan.

Thạc bắt được bà như bắt được vàng. Ông ta giam riêng phu nhân Tổng đốc ra một nơi rồi dụ dỗ:

- Nàng chỉ là kế thất của Tổng đốc. Dù chưa sinh cho ông ta một con giai nhưng tội của nàng cũng rất nặng.

Tổng quản thị vệ nhìn thẳng vào phu nhân Tổng đốc thăm dò rồi nói tiếp:

- Tuy là như thế nhưng ta vẫn có thể cứu được nàng nếu nàng nghe ta.

Tổng đốc phu nhân thăm dò:

- Ông cứu ta bằng cách nào?

- Ta ngầm đưa nàng đi nơi khác, quăng một cái xác đàn bà vào nhà này rồi châm lửa.

- Rồi sau nữa thế nào?

- Nàng phải chung sống với ta.

Tổng đốc phu nhân nhổ một bãi nước bọt vào mặt Tổng quản thị vệ. Biết không thể dụ dỗ được người đàn bà tiết hạnh, Tổng quản thị vệ dùng ngay sức mạnh cưỡng bức bà. Làm xong cái việc bẩn thỉu ấy, Đinh Văn Thạc cho thuộc hạ hăm hiếp Tổng đốc phu nhân. Tỉnh lại, bà thấy ê chề quá nên đã cắn lưỡi chết. Lúc ấy, Đinh Văn Thạc lôi ngay thuộc hạ ra chém với tội làm nhục tù nhân.

Khi lưỡi đao vung lên thăm sát hai nhà thì ở Hồng Lô hí viện cũng diễn ra một trận chiến tranh cướp người đẹp không kém phần ác liệt. Kết quả mục chủ Hồng Lô hí viện bị giết kéo theo bốn kỹ nữ lìa đời. Khi quan quân kéo đến, những kẻ gây ra vụ chém giết đã cao chạy xa bay. Hồng Lô tráng lệ chỉ còn là một đồng đống nát.

Viên quan đầu triều thấy mục chủ Hồng Lô hí viện còn sống là một mối hoạ. Vậy nên hẳn phải khử trước là hơn.

Việc thẳng nhỏ cháu bà già mù dẫu dao định lao vào đâm Tế tướng và Tổng

quản thị vệ ở pháp trường hàng trăm người biết và ngăn lại đã đến tai Tổng quản. Ông ta cho lính đến bắt thằng nhỏ. Nhưng nó đã dẫn em trai đi khỏi nhà từ hai hôm trước. Ấy là ông già hàng xóm mách nước cho nó. Vì ông đã thấy chuyện gì ở cõi đời dù bí mật đến mấy rồi cũng được phơi bày. Chuyện thằng nhỏ cháu bà già mù ở pháp trường hôm ấy là chuyện tà đình. Một hai người biết may ra còn dấu được một thời gian. Trăm người đã biết, Tể tướng có mù, có điếc cũng sẽ biết. Cháu trốn, họa ụp lên đầu bà già mù và mẹ đưa hai đứa trẻ. Sau cái chết thảm hại của hai nhà, nghĩa địa của người nghèo ở ngoại ô kinh thành có thêm hai mộ mới.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 8

Hoàng Kiến Nghiệp bị hành quyết. Tể tướng lôi ngay từ trong ống tay áo ra một tên là Đỗ Hối đặt vào ghế Tổng đốc Hải Đông. Thám hoa Đỗ Hối là kẻ nham hiểm thừa hưởng tài yên dân của Hoàng Kiến Nghiệp nên ông ta không gặp khó khăn gì lớn khi ngồi vào ghế quan đầu tỉnh. Là kẻ tham lam, ông ta chỉ nghĩ cách thu lợi. Để củng cố thế lực, ông ta ban ơn cho những hảo hán đã thất thế. Được hưởng lợi, những kẻ bất hảo thành vây cánh của ông ta. Được thế, Đỗ Hối ngồi lên trên phép nước. Bởi vậy, thời buổi thái bình mà có những chuyện ngang trái, bất công đến nỗi rộng lượng như giời cũng không dung được.

Chuyện là thế này: Bùi Viết Tồn quê ở Châu Hải thuộc vùng bể Hải Đông, đầu quân theo đức Tiên Vương năm 19 tuổi. Sáu năm ăn cơm Vua, năm năm Tồn xông pha tên đạn vùng biên ải. Thân thể Tồn còn hai vết thương do trúng tên của giặc. Bình lửa tắt, Tồn xin về quê yên bề nông tang và phụng dưỡng bố mẹ. Ngày Tồn ra biên ải, vợ Tồn nghe theo truyền chỉ của Vua vận động dân làng góp lương thực nuôi quân đuổi giặc. Nhà Vua tri ân những người có công với triều đình bèn cấp cho vợ chồng Tồn năm sào ruộng và được miễn thuế đất chung thân. Chưa hết, ngày Đại Khánh hằng năm - tức là ngày đức Tiên Vương đăng quang - Ngài còn ban cho vợ chồng Tồn bốn thước lụa và hai nén bạc. Đường kim Hoàng thượng vẫn giữ nguyên điều mà Tiên Vương đã ban. Cả hạt Châu Hải có 36 người được hưởng ân huệ ấy. Là kẻ tham lam, Đỗ Hối đã khai tăng lên là 136 người. Thượng thư Bộ Lễ quan liêu không cho người rà soát nên cứ phát đủ số bạc và lụa cho 136 suất. Đỗ Hối đã ăn không 100 suất quà khai khống. Còn 36 người thực hưởng lộc Vua, Đỗ Hối đều bớt đi của mỗi người một nửa.

Dưới thời Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp, ngày Đại Khánh, vợ chồng Bùi Viết Tồn nhận được hai nén bạc và bốn thước lụa. Đến thời Tổng đốc Đỗ Hối, vợ chồng Tồn chỉ nhận một nén bạc và hai thước lụa. Còn nữa, Đỗ Hối không miễn thuế đất cho vợ chồng Tồn trên mảnh ruộng năm sào Vua

đã ban cho. Cực chẳng đã, Bùi Viết Tồn làm đơn trình lên Tri huyện. Biết mình không thể giải quyết được, Tri huyện rình ngay đơn của Tồn lên thưa với Tổng đốc. Đọc qua đơn, Đỗ Hồi thấy cần phải dập ngay vụ này. Ông ta bèn triệu ngay Chánh hạt Châu Hải lên. Chưa bao giờ được quan đầu tỉnh ngó tới, bỗng lại được Tổng đốc triệu, Chánh hạt Châu Hải lấy làm lạ liền đi ngay. Vừa bước vào tỉnh đường, mồm mũi còn tranh nhau phì phò, Chánh hạt Châu Hải đã bị Đỗ Hồi hạch:

- Ông cai quản địa hạt thế nào mà để thằng Bùi Viết Tồn gửi đơn lên Tri huyện làm khó dễ cho bản quan?

Là người có nhân cách, Chánh hạt Châu Hải biết Bùi Viết Tồn đúng. Tuy vậy, ông không thể bênh vực Bùi Viết Tồn được. Thêm nữa, ông không ưa gì Đỗ Hồi. Suy nghĩ thoáng qua, ông nói:

- Châu Hải là vùng đất chẳng mấy khi yên. Ty chức bất tài lại có tuổi rồi nên không cai quản được, xin thượng quan cho ty chức nghỉ vậy.

Đỗ Hồi chấp thuận ngay và cho một hảo hán đã hết lòng cung phụng ông ta là Vũ Đình Thịnh ngồi vào chức Chánh hạt. Vũ Đình Thịnh gốc gác lâu đời ở vùng Châu Hải nên hẳn biết tông tích Bùi Viết Tồn.

Bùi Viết Tồn gốc họ Nguyễn. Cận tổ của Bùi Viết Tồn là Nguyễn Ngừ có công với một triều đình áp trên triều đại đương thời. Nguyễn Ngừ được triều đại đã lui vào lịch sử phong tước Bá trông coi việc thư tịch trong triều. Nguyễn Ngừ là một văn quan có tài đáng được phong Hầu. Hiềm vì triều đại đó có nhiều võ tướng lập công lớn. Nếu nhà Vua phong Hầu cho Nguyễn Ngừ thì nhà Vua rất khó nói với các võ tướng. Là một bậc quân tử, Nguyễn Ngừ rất hiếu nổi khổ của nhà Vua. Ông biết, nhà Vua sẽ từng bước cất nhắc ông lên. Vì văn tài của ông rất cần cho việc trị quốc. Nguyễn Ngừ có thực tài lại thẳng thắn khiến bọn gian thần ghét lắm. Chúng bèn rắp tâm hãm hại ông. Chúng cài tên Thái giám bụng đầy rắn rết ngày đêm dèm pha Nguyễn Ngừ với nhà Vua. Là người thông tuệ, nhà Vua bỏ ngoài tai những lời dèm pha của tên Thái giám.

Kế ly gián không thành, chúng bèn dùng kế mỹ nhân. Là vì nhà Vua rất hiếu sắc. Nguyên do Nguyễn Ngừ có người em gái tuổi cập kê, hoa nhường nguyệt thẹn. Bọn gian thần ngỏ lời với Nguyễn Ngừ là đưa em gái ông vào

cung. Nguyễn Ngữ phản đối. Chúng bèn xui thái giám tâu lên nhà Vua. Nhà Vua truyền Nguyễn Ngữ vào. Nguyễn Ngữ biết ngay nhà vua gọi ông vào vì chuyện em gái ông. Không vào không được, ông bèn nghĩ cách từ chối.

Vào tới cung, ông sụp lạy chúc tụng Vua và thưa:

- Muôn tâu Hoàng thượng, chẳng hay Hoàng thượng có việc gì mà truyền hạ thần vào?

Nhà Vua cho bình thân và nói:

- Nghe nói, nhà ngươi có em gái dung nhan rõ ràng. Thái sư có ý tiến vào cung sao ngươi lại từ chối?

Nguyễn Ngữ rập đầu:

- Tâu Hoàng thượng, em gái thần dốt nát, dung quang kém cõi sánh làm sao được với các giai nhân mà Hoàng Thượng đã có, vậy nên tiến vào cung sao được.

Nhà Vua cười cười:

- Thái sư có con mắt rất tinh đời nên ông ta không thể nhầm.

Nguyễn Ngữ lại rập đầu từ tốn:

- Tâu Thánh minh, hạ thần có đôi điều. Thánh minh không bắt tội, hạ thần mới dám tâu.

Nhà Vua chau mày:

- Có gì cứ nói.

- Tâu Thánh minh, hậu cung có hàng trăm giai nhân. Cô gái nào đã vào đến hậu cung cũng đầy mưu mẹo. Em gái hạ thần đã dốt nát lại ngu ngờ. Nếu không được Thánh minh sủng ái thì tội phận e rằng sẽ làm việc đại đột gieo vạ cho hạ thần. Nếu được Thánh minh sủng ái chắc chắn sẽ bị nhiều người trong hậu cung ghen ghét, mạng sống dễ gì giữ được. Hạ thần xin Thánh minh gia ân cho em gái hạ thần không được vào cung.

Nhà Vua tươi tỉnh trở lại nói:

- Trẫm đang mong mỏi. Ý của Thái sư hợp ý Trẫm, cứ thế mà làm. Cho khanh lui.

Nguyễn Ngữ vái lạy ra về vừa buồn vừa bức. Ông chưa biết phải làm gì thì em gái ông và ý trung nhân của nó chung tình với nhau đã cùng tự tận. Nguyễn Ngữ bàng hoàng. Biết họa lớn sắp đến, ông bèn cho một gia nhân

tin cần dẫn người con trai thứ hai mới chín tuổi đi trốn. Bọn gian thần ghép ông vào tội khi quân. Cả nhà ông chết thê thảm, duy nhất người con trai thứ hai sống sót nhưng đã đổi sang họ Bùi. Bùi Viết Tồn chính là một trong số ít hậu duệ của người con trai thứ hai sống sót đó.

Vũ Đình Thịnh ton hót với Đỗ Hồi về tông tích của Bùi Viết Tồn. Nghe xong, Đỗ Hồi nói:

- Thăng này mang dòng máu phản nghịch. Ta cho người tùy nghi hành sự miễn sao cho khéo.

Gửi lá đơn đi rồi, Bùi Viết Tồn thấp thỏm chờ trông. Năm ấy, Tồn đã 52 tuổi, vợ Tồn 50 tuổi nhưng hai đứa con mới lên 7 tuổi. ấy là vì những năm Tồn ra biên ải, sống ở nơi sơn lam, chương khí nên Tồn bị nhiễm độc. Bởi vậy, hai vợ chồng Tồn sinh đứa con nào, chết đứa con ấy. Tồn dùng đê lo thuốc thang. Khi thấy sức khỏe đã khá, Tồn quyết định cho vợ đẻ một lần nữa, mấy cũng thôi mà lép cũng thôi. Và rồi mãi tới năm vợ Tồn 43 tuổi, giờ mới cho hai vợ chồng Tồn thỏa ước ao. Vợ Tồn sinh một lần được một trai, một gái. Hai đứa bé đẹp như tranh, càng lớn càng đẹp. Nào ngờ...

Bùi Viết Tồn càng trông chờ quan trên trông xuống càng mất. Bỗng một hôm, tân Chánh hạt Vũ Đình Thịnh dẫn người tới bắt Bùi Viết Tồn tống giam với tội vu khống quan trên. Tiếp nữa, Thịnh thu hồi năm sào ruộng của nhà Tồn. Chưa hết, Thịnh còn cho người thu hết đồ đạc, thóc lúa, bắt hết lợn gà, chó mèo của nhà Tồn mang đi. Bố mẹ Tồn già yếu sợ quá đổ bệnh rồi chết. Vợ Tồn lâm vào cảnh khuynh gia bại sản, cái bát mẻ cũng không còn. Hai đứa trẻ không có bát cháo khoai mà húp. Vợ Tồn đôn đáo khiêu kiện. Nhưng trời ở cao, Vua ở xa nên không thấu. Cùng đường, uất quá, vợ Tồn đi mua một hũ rượu rất nặng đổ vào đồng rơm rồi dắt hai con nhảy vào châm lửa đốt. Khi xóm làng kéo đến, ba mẹ con Tồn đã chết thui. Chuyện đau thương đến tai Vua. Đỗ Hồi gian giáo đổ tội cho Vũ Đình Thịnh rồi chém ngay mặc cho Vũ Đình Thịnh kêu oan. Bùi Viết Tồn được tha hóa điên lang thang vô định.

Bốn năm sau, vụ tự thiêu ở Châu Hải tạm lắng xuống. Một vụ tày đình ở Hải Đông lại xảy ra. Chẳng là cách công đường của Đỗ Hồi về phía tây chừng một dặm có một ngôi nhà ngói trên mảnh đất rộng tới hàng mẫu.

Mảnh đất ấy sát đường cái quan dẫn lên kinh thành, đẹp nhất vùng Đông Hải thời ấy. Chủ mảnh đất ấy là Quách Văn Trường - người có công theo Vua đuổi giặc nước.

Đỗ Hối có người thiếp trẻ và đẹp tên là Lê Thị Xiêm. Thị Xiêm thích ngôi nhà và mảnh đất của Quách Văn Trường bèn xui chồng mua. Nhưng Quách Văn Trường không bán dù Đỗ Hối trả giá rất cao so với giá đất xung quanh. Mua không được, Đỗ Hối lập mưu chiếm mảnh đất ấy. Ông ta cho gia nhân bí mật theo dõi mọi động tĩnh nhà Quách Văn Trường.

Biết Quách Văn Trường có ý cầm đất vay tiền đóng thuyền buôn theo đường thủy, Đỗ Hối cho người đến mời chài. Người đó là Lưu Văn Bất. Quách Văn Trường không biết Lưu Văn Bất là người của Đỗ Hối nên đã mắc mưu gian. Trường có biết đâu mưu kẻ có chức có quyền, mũ cánh chuồn, hia cong, đai ngọc đầy thì có tới bảy, tám kẻ lòng dạ đầy rắn rết. Chúng thường ném đá dẫu tay. Quách Văn Trường ngây thơ nên bị lừa. Viên Tổng đốc Đỗ Hối lấy làm mừng lắm. Hắn bèn giao tiền cho Lưu Văn Bất. Số bạc đó qua Lưu Văn Bất sẽ là cái thông lọng xiết vào cổ Quách Văn Trường. Lưu Văn Bất là kẻ sợ vợ. Việc gì đụng đến tiền bạc y giao cho vợ là Trần Thị Nga nắm giữ. Một sự ngẫu nhiên Quách Văn Trường cũng phải để cho vợ đứng tên trong kế ước vay tiền. Là vì mảnh đất của nhà Trường mang tên của vợ là Vũ Thị Cúc. Số tiền Vũ Thị Cúc vay của Trần Thị Nga chỉ bằng một phần rất nhỏ so với giá tiền của mảnh đất mà Vũ Thị Cúc phải cầm. Kế ước Vũ Thị Cúc vay tiền của Trần Thị Nga có thời hạn là 12 tháng. Tiền lãi, Vũ Thị Cúc phải trả hằng tháng cho Trần Thị Nga. Tiền gốc, Vũ Thị Cúc phải trả Trần Thị Nga khi hết kỳ hạn vay. Nhưng Vũ Thị Cúc nhận tiền vay của Trần Thị Nga mới được sáu tháng, Trần Thị Nga đã đòi lại số tiền gốc. Căn cứ vào kế ước vay, Vũ Thị Cúc chưa trả tiền gốc cho Trần Thị Nga. Riêng lãi từng tháng, Vũ Thị Cúc đã trả Trần Thị Nga không thiếu một xu. Trần Thị Nga bèn làm đơn kiện trình lên Đỗ Hối. Lập tức Đỗ Hối cho bắt Quách Văn Trường tống giam và xử cho Trần Thị Nga thắng kiện rồi buộc con nợ phải trả ngay số tiền đã vay cho chủ nợ trong vòng 10 ngày. Dù có là thánh, Vũ Thị Cúc cũng không có đủ tiền trả cho Trần Thị Nga trong thời hạn ép buộc. Đỗ Hối cho Trần Thị Nga thu đất

và thu luôn chiếc thuyền gỗ của vợ chồng Quách Văn Trường.

Quan Thượng thư Bộ Hình biết Tổng đốc Hải Đông vi phạm phép nước bèn bắt Đỗ Hồi thả Quách Văn Trường. Bởi người ký khế ước vay tiền không phải là Quách Văn Trường. Nhưng Quách Văn Trường vừa ra khỏi trại giam chưa tới một dặm lại bị thuộc hạ của Đỗ Hồi bắt giam trở lại. Quách Văn Trường hỏi kẻ bắt mình: "Vì sao tôi vừa được tha lại bị bắt ngay?" Kẻ bắt Quách Văn Trường đáp: "Vì sao ư? Lên quan Tổng đốc mà hỏi". Chuyện ngang trái ấy lại đến tai quan Thượng thư Bộ Hình. Một lần nữa ngài lại buộc Đỗ Hồi thả Quách Văn Trường. Khi ấy, Quách Văn Trường mới được tự do.

Mảnh đất của vợ chồng Trường đương nhiên đã vào tay Đỗ Hồi. Còn mù Nga, mù hưởng lợi không nhỏ. Chỉ khổ nạn cho nhà lương dân, chồng thì bị đi tù hai lần 14 tháng, nhà và đất thì mất. Vợ chồng con cái bồng bế nhau đi ở nhờ và đi kiện!

Nhưng Quách Văn Trường kiện làm sao được Trần Thị Nga khi đằng sau ả là Tổng đốc, đằng sau Tổng đốc là Tế tướng mặc dù sự ngang trái, bất công phơi ra trước thanh thiên bạch nhật.

Hai chuyện trên đã vang động một thời nhưng không thể sánh nổi với chuyện kinh thiên động địa ở Bình An mà có lẽ cũng chỉ Tổng đốc Đỗ Hồi mới tạo ra được. Chuyện là thế này: Hải Đông là một tỉnh đồng bằng ven biển. Long Hà là con sông lớn tạo nên đồng bằng thẳng cánh cò bay Đông Hải và cũng là dòng sữa ru xanh vùng đất này. Như bao dòng sông khác, đằng sau ân trạch là hiểm họa mà Long Hà gây ra cho con người mỗi khi mùa lũ tới. Cống Bình An nằm trên đê của con sông này là mối lo của già trẻ Hải Đông. Nhất là khi lũ trên nguồn đổ về lại gặp triều cường, thêm mưa to gió lớn, cống Bình An dễ bực, thảm họa không biết bao nhiêu mà kể.

Ngày trước, Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp đã trình lên triều đình xin tiền bồi túc cống Bình An. Nhưng Tế tướng gạt đi. Ông ta nói ngân khố còn eo hẹp mà triều đình còn nhiều việc phải lo, ví như phải cứu đói cho dân biên ải và nhà Vua muốn cho soạn và in Bách Khoa Thư.

Hoàng Kiến Nghiệp biết Tế tướng cố gây khó dễ cho ông. Viên quan đầu

triều thâm hiểm đồ rằng không sớm thì muộn cổng Bình An sẽ vỡ. Tổng đốc Hải Đông giữ sao nổi đầu. Với Hoàng Kiến Nghiệp, cái đầu của ông có xá gì. Điều mà ông lo là lo cho hàng chục vạn dân manh lệ. Bởi vậy, cứ mùa lũ tới, ngài Tổng đốc trần mình cùng dân quê đêm ngày hộ đê. Do đó, cổng Bình An ngài không mang họa mà lại mang họa từ cây bút của ngài.

Đỗ Hối cũng biết Bình An là mối nguy với cái ghế của ông ta. Bởi vậy ông ta cân nhắc kỹ lưỡng rồi làm văn từ trình lên Tể tướng xin sáu vạn lạng bạc xây lại cổng Bình An. Tể tướng không tấu lên nhà Vua mà gặt đầu ngay rồi xức quan quản quốc khố cấp cho Đỗ Hối bốn vạn lạng bạc. Còn hai vạn lạng, Đỗ Hối lấy từ tiền thu thuế đất trên địa hạt ông ta cai quản.

Có bạc trong két rồi, Đỗ Hối kén người xây cổng. Hàng chục trùm xây dựng xin vào hầu quan Tổng đốc. Đỗ Hối chưa biết ừ ai, lắc ai thì người thiếp của ông ta dẫn trùm Hân vào. Mụ ta nói với chồng:

- Trùm Hân là người cùng họ máu với thiếp, làm ăn cẩn thận chắc chắn. Hân xin nhận xây cổng Bình An. Nể thiếp, Tướng công cho nó chút lộc để nó nuôi con.

Đỗ Hối khê cười. Thị Xiêm đã có lời thì ông ta phải nể. Ông ta mà lắc, thị sẽ làm mình làm mẩy ngay. Viên quan đầy mưu mô nghiệm thấy, vợ trẻ cũng khoái nhưng cũng khổ. Mảnh đất của Quách Văn Trường là một bằng chứng. Thị đã muốn là phải được. Vì mảnh đất ấy tí nữa Đỗ Hối mang họa. Cũng may là thằng Quách Văn Trường không có thể lực. Lại nữa, nể mặt Tể tướng, quan Thượng thư Bộ Hình không vạch lá tìm sâu. Thì ra cứ được một cái sướng là thêm một cái khổ.

Nhớ lại trước ngày về Hải Đông nhậm chức hơn một năm, ông ta gặp Thị Xiêm trong quán nữ lưu. Năm ấy Thị Xiêm mới mười bảy tuổi, mặt như hoa sen, mày ngài, mắt phượng, nói như chim ca, cười như nắng tỏa. Ông ta bị Thị Xiêm bắt mắt vía từ cái nhìn đầu tiên. Đến khi nghe Thị Xiêm hát, Đỗ Hối cứ ngây ra. Trẻ tuổi nhưng tinh đời, biết có kẻ mê mẩn mình, Thị Xiêm càng làm cao bèn lánh mặt. Đỗ Hối phải như lạy mụ chủ, mụ ta mới thuyết phục được Thị Xiêm. Trước khi Thị Xiêm đi theo Đỗ Hối, ông ta phải trả cho mụ chủ 100 lạng bạc. Mụ chủ nói số tiền ấy Thị Xiêm đã vay của mụ vài tháng trước khi nhà Thị Xiêm gặp khó khăn. Thị Xiêm có vay

tiền hay không, Đỗ Hối nào biết được. Chỉ có điều, Đỗ Hối phải cẩn răng mở túi.

Còn một rào cản nữa là chính thất của ông ta. Là vì ông ta rất yêu vợ. Nếu Đỗ Hối dẫu dẫu đút đút chắc sẽ rắc rối. Tốt nhất là Đỗ Hối có lời trước.

Đỗ Hối đã dẫu Thị Xiêm ở nhà trọ rồi về nói với vợ:

- Ta có điều muốn nói với phu nhân. Nhưng ta e phu nhân không bằng lòng. Đàn bà rất nhạy cảm mỗi khi chồng rào đón trước khi nói điều cần phải nói với vợ. Lý Thị Nương - vợ Đỗ Hối suy nghĩ rồi đáp:

- Có những việc thiệp không bằng lòng cũng không được. Điều gì phải nói, Tướng công cứ nói ra. Phận làm vợ, thiệp phải nghe chồng. Tướng công đừng ngại.

Đỗ Hối mừng lắm bèn bộc bạch với vợ và còn ngỏ ý sẽ sẵn sàng đáp ứng những gì mà Lý Thị Nương yêu cầu. Lý Thị Nương đi guốc vào bụng Đỗ Hối. Bà biết chuyện đâu đã vào đấy rồi. Bà nói:

- Tướng công có thể cho thiệp ngó qua người ấy được không?

Đỗ Hối mừng rỡ nói:

- Ta đang mong được như thế.

Đỗ Hối dẫn ngay Thị Xiêm về nhà. Thị Xiêm dáng mảnh mai, mặt như hoa, da ngần như tuyết. Qua vài câu ứng đối, Lý Thị Nương biết bất cứ gã đàn ông nào gặp ả này cũng bị ả hớp mất hồn vía. Có mất cái gì đâu, vậy thì ừ một tiếng cho xong. Không ừ, mèo mả gà đồng vẫn lén lút đi lại với nhau.

Đỗ Hối quả là sành sỏi nước đời. Nếu ông ta không nói trước với vợ để được một cái gật đầu thì sau này rất lắm chuyện. Vì ông ta biết Thị Xiêm sẽ vòi vĩnh nhiều. Ví như cái vụ, y dùng tiền để cướp nhà của Quách Văn Trường. Còn Lý Thị Nương, vì cuộc hôn nhân ép buộc, bà thành vợ Đỗ Hối. Nhân chuyện Đỗ Hối lấy vợ lẽ, bà bèn nảy ra một ý khác...

Khi Thị Xiêm dẫn trùm Hân tới, chối không xong, ừ phải suy xét cẩn thận, Đỗ Hối thấy cần phải lấy lòng chính thất, bèn nói:

- Ta bằng lòng nhưng mợ phải thừa với chị cả.

Thị Xiêm mừng lắm nói:

- Tướng công yên lòng. Thiếp sẽ làm đẹp lòng chị cả.

Sau khi gặp Đỗ Hối, trùm Hân mở cờ trong bụng. Thị Xiêm biết ý hỏi trùm

Hân:

- Tôi định ngày kia thưa chuyện với chị cả, ông trùm thấy thế nào?

Trùm Hân đáp:

- Việc này con quen rồi. Lệnh bà không phải lo. Tối mai, con sẽ đến lệnh bà.

Tối ngày hôm sau, trùm Hân mang đến cho Thị Xiêm hai cái hộp to hơn hòn gạch được bọc giấy hồng điều rất đẹp. Đặt hai chiếc hộp trước mặt Thị Xiêm, trùm Hân nói:

- Thưa lệnh bà, trong mỗi hộp này có một thỏi vàng Chân Long, tính thành tiền không nhỏ đâu. Vàng mang hiệu Chân Long, phu nhân các quan đều biết nó là loại vàng gì rồi. Lệnh bà nói giùm với phu nhân hộ con. Nếu phu nhân cho phép, con xin được tới hầu. Phu nhân muốn gì con cũng chiều. Còn tối mai, con xin phép không đi. Con mà đi có khi hỏng việc.

Thị Xiêm thầm nghĩ: "Trùm Hân thật sâu sắc nước đời. Hăn mang đến hai hộp là hăn có ý rồi... Ngày mai hăn mà đi, mình thật khó xử". Còn như hăn nói: "Phu nhân muốn gì con cũng chiều" nghĩa là thế nào? Bất giác, Thị Xiêm thấy tủi phận. Làm vợ bé của quan chỉ sướng về tiền bạc. Còn chuyện ấm lạnh, Đỗ Hối làm sao chiều chuộng được ả khi ả còn trẻ. Thị Xiêm bèn ỡm ờ:

- Phu nhân muốn gì ông cũng chiều, còn ta thì sao?

Trùm Hân hiểu ý Thị Xiêm, bèn đáp:

- Con không trẻ nhưng cũng chưa già nên với lệnh bà, có gì bà cứ dạy...

Tự nhiên, Thị Xiêm thấy bối rối... Trùm Hân mới hơn bốn mươi tuổi. ở độ tuổi ấy, hăn có đủ kinh nghiệm làm vừa lòng người đàn bà nào để ý đến hăn.

Tối hôm sau, Thị Xiêm đến gặp vợ cả Đỗ Hối. Thị Xiêm đặt hộp vàng ngay gần vào khay rồi lễ phép:

- Chị ạ, nhờ uy danh của tướng công, có người nhờ em mang chút quà đến biếu chị.

Bị bất ngờ, Lý Thị Nương hỏi:

- Quà gì thế này?

- Giá người ta không phong giấy hồng điều, em sẽ trộm phép chị mở ra

xem. Đẳng này, người ta phong bao, em làm bậy sao được.

Lý Thị Nường bèn xé giấy, mở hộp trông thấy vàng ngọc nhiên hỏi:

- Vì sao mà người ta cho quà lớn thế này?

- Thì chị cứ xem kỹ đi đã. Chân long đấy.

Thị Xiêm nói "Chân long đấy" có nghĩa là con ranh này biết cả rồi. Vậy mà nó cứ giả ngô ngả nghê.

- Em ạ, nếu người ta nhờ cậy việc gì mà chị giúp được thì còn có thể... Còn như....

- Cống đấy chị ạ. - Thị Xiêm cắt ngang lời vợ cả Đỗ Hối. Lý Thị Nường ngó ra.

- Cống là cái gì?

- Chị ơi thế này, Tướng công cho Trùm Hân xây cống Bình An. Nhưng tướng công dặn phải thưa với chị vài lời. Xem ra, Tướng công nể chị lắm.

Lý Thị Nường nhoẻn cười:

- Chị thấy em nói năng rất giỏi.

- Trùm Hân thưa rằng: "Miễn là chị thương, chị bảo gì nó cũng nghe, muốn gì nó cũng chiều..."

- Việc này chị giao cả cho em.

- Chị độ lượng quá. Hèn gì, tướng công rất nể trọng chị. Em còn vụng dại lắm. Chị phải chỉ bảo em đấy.

Lý Thị Nường gật đầu. Bà gật đầu chỉ là để lấy lòng. Bà nhận ra rằng con người này tuy còn trẻ nhưng dám làm mọi việc để đạt được cái cần muốn đạt. Bà dùng mình.... Tính toán của bà đâu có nhằm vào cống Bình An. Bà đã nảy ra một ý định táo bạo từ khi Thị Xiêm kè kè bên người đàn ông mà bà phải gọi là chồng....

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 9

Lý Thị Nương con nhà khá giả, nề nếp. Bà được thân phụ dạy cho đăm bảy chữ để bà hiểu thế nào là công dung ngôn hạnh. Thuở biết cài trâm, bà đã có ý với một người trai làng rất tuấn tú nhưng gia cảnh bần bách. Thân phụ của bà tri giao với thân phụ Đỗ Hối. Bởi vậy, ông đã nhận Đỗ Hối làm tế tử khi bố Đỗ Hối ngỏ lời thông gia. Là người hiếu thảo, bà phải nghe theo lời cha và đau đớn khước từ người đã yêu thương bà. Tuy vậy, lòng bà vẫn hướng về người con trai đó. Bị từ chối, người trai ấy quyết chứng minh với đời rằng mình không hề hèn kém nên đã đổi họ tên, trốn biệt tới một nơi xa dù mài kính sử.

Thành thân với Đỗ Hối, Lý Thị Nương hằng mong ông ta trở thành một lương thần trên vì Vua, dưới vì dân. Nhưng Đỗ Hối đã làm bà thất vọng. Từ khi về nhậm chức ở Hải Đông, Đỗ Hối càng trở nên tham lam, xấu xa. Chính chồng bà là nguyên nhân khiến ba mẹ con người mẹ nghèo ở Châu Hải phải tự thiêu. Cũng chính chồng bà đã lập mưu cướp nhà, cướp đất của Quách Văn Trường. Nếu Đỗ Hối xấu xa bao nhiêu thì Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp sáng đẹp bấy nhiêu. Ông đã thành vị phúc thần ngự trị trong lòng dân Hải Đông. Một vị quan thanh liêm, nhân từ, hết lòng vì dân mà cả nhà chỉ còn có một tiểu thư Kim Phụng sống sót. ấy cũng là nhờ bà Thục Trâm kịp đưa đi trốn. Vì Thục Trâm che chở tiểu thư Kim Phụng mà cả nhà bà mang họa, phải ly hương trốn biệt. Họ còn sống hay đã chết, nào ai biết. Tự nhiên, bà thấy thương Kim Phụng.

Lý Thị Nương nghĩ "tích thiện phùng thiện". Đẳng này, Đỗ Hối chỉ làm điều ác chắc rồi chẳng tốt lành gì. Dân vùng này oán ông ta lắm. Càng oán ông ta dân càng nhớ Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp.

Trùm Hân xây cống được mười ngày, Thị Xiêm lại mang đến biểu Lý Thị Nương năm thỏi vàng Chân Long. Lý Thị Nương định không nhận. Chợt một ý nghĩ loé lên. Lý Thị Nương bèn khéo léo hỏi:

- Trùm Hân lại quả cho em bao nhiêu mà em cho chị nhiều thế ?

Thị Xiêm đáp:

- Làm gì có chuyện lại quả. Tướng công bắt em phải giao giá rõ ràng với trùm Hân. Tể tướng có bao giờ cho không. Em phải thu lại cho ông ấy sáu nghìn lạng. Từ Tri huyện trở xuống, hân phải tự lo.

Lý Thị Nương lại gợi khéo:

- Thế thì vào cổng cũng được năm vạn lạng.

Thị Xiêm cười:

- Ở đâu mà lắm thế. May lắm là ba vạn lạng đập vào cổng. Tri huyện nhai bạc rau ráu, không ném vào mồm ông ta vài nghìn lạng đừng nói đến chuyện động thổ trên đất của ông ta. Còn Hạt trưởng, Hương trưởng, Hội đồng kỳ hào làng Bình An, bao nhiêu kẻ trông cả vào cổng. Thêm nữa, thằng con trai trùm Hân tiếng là giúp bố đấy nhưng nó tìm mọi cách xà xẻo. Qua nói năng của Thị Xiêm, Lý Thị Nương cũng tính được Thị Xiêm được bao nhiêu. Tiền của Vua như con trâu toi trăm dao bâu vào cắt xẻo. Sáu vạn lạng bạc mà chỉ có ba vạn lạng vào cổng liệu cổng có còn là cổng? Chỗ nào còn qua quýt được chứ kè cổng mà qua quýt là chết cả lụt. Thị Xiêm xin phép ra về. Lý Thị Nương hỏi:

- Em ngồi chưa nóng chỗ sao đã đòi về?

- À, thế này chị ạ. Con trai trùm Hân hẹn sang. Chắc giờ này nó sang rồi.

- Chị tưởng em làm việc với trùm Hân chứ sao lại làm việc với cái thằng bắt mũi chưa sạch ấy?

- Nó hai mươi rồi, ranh mãnh lắm chứ đâu phải bắt mũi chưa sạch. Tiền bạc của bố nó, nó quản cả. Để giữ cho em, trùm Hân cho con qua lại chỗ em.

Lý Thị Nương thầm nghĩ: "Con ranh này cũng ý tứ đây..." Nhưng bà có biết đâu từ khi Thị Xiêm và trùm Hân làm ăn với nhau, ngoài công việc còn có một "quan hệ khác" nảy nở. Trùm Hân là con cáo già đã cho con trai thay bố lo liệu khoản đã giao giá với nhau. Vì trùm Hân thừa hiểu đã dan díu với Thị Xiêm, chuyện tiền bạc Thị Xiêm dễ nhập nhèm, không nói thì thiệt mà nói ra thì chuyện này nọ còn ra cái gì nữa. Thị Xiêm đã đánh hơi thấy trùm Hân rất cáo nhưng cũng phải bằng lòng. ở đời làm gì có chuyện con rô cũng nhắm, con diếc cũng xơi. Mèo mả, gà đồng thật đấy nhưng không phải việc gì cũng là một. Trùm Hân lờ đời trong chuyện này rồi. Thị

Xiêm biết nhưng cũng đành chịu.

Thị Xiêm về rồi, Lý Thị Nương mới thấy sợ. Bà cảm thấy một điều gì đang đến. Cái điều ấy chẳng tốt đẹp gì. Về danh nghĩa, Lý Thị Nương đã có với Đỗ Hồi ba mặt con. Dù rằng, bà không yêu ông ta. Nhưng tạo hoá đã bày đặt, âm dương gần nhau tất có sinh nở. Thằng con trai cả đã mười bảy. Đứa con gái thứ hai mười bốn. Bẵng đi tám năm, Lý Thị Nương không sinh nở. Đỗ Hồi lén lút có con với người đàn bà khác trước khi gặp Thị Xiêm. Đùng một cái, Lý Thị Nương lại sinh đứa con trai thứ ba. Nó đã lên sáu. Trong ba đứa con, bà chỉ yêu thằng út. Đỗ Hồi đòi rằng, vợ đẻ thêm đứa này là đứa út ít nên Lý Thị Nương đã dành phần lớn tình thương cho giọt máu chót.

Những lúc buồn, Lý Thị Nương càng nhớ người trai làng. Nhất là từ khi hai người bất chợt gặp nhau hơn sáu năm trước khi bà về thăm song thân. Họ gặp nhau ở bến đò cách làng vài dặm. Người trai ấy tóc đã muối tiêu, chưa lấy vợ nhưng đã thành đạt. Hơn mười năm thi thư khoa bảng không thành, ông đã đi học nghề gốm và đã thành chủ một lò gốm khá khá. Sản phẩm gốm của ông đã vượt biển sang tới Chà Và cùng một vãi nước láng giềng của Chà Và. Họ thấy ông lái đò có đôi mắt hiền từ, thái độ cởi mở bèn kể chuyện ngày trước của hai người cho ông lái đò nghe. Ông lái đò bày tỏ lòng cảm ngại nói: "Không lấy được nhau nhưng vẫn nhớ nhau, lòng không thay đổi là tình đã nặng. Xa nhau mười mấy năm, bật tin nhau, trời cho gặp lại là duyên vẫn còn. ở đây, ngoài gió mây trời đất chỉ còn có lão. Với lão, các người không phải e ngại gì. Là kẻ đưa người qua sông, chứng kiến bao buồn vui thế tục, hoan lạc đã nhiều, lệ rơi cũng không ít, lão mừng cho hai người bất ngờ tái ngộ. Thuyền đẩy, chèo đẩy, sông nước, trời mây đẩy, lão giao cho hai người. Nếu hai người không câu nệ gì thì cứ ấm lạnh với nhau cho thoả bao xuân thu xa cách. Khi đã thoả tình mây nước, hai người neo thuyền vào bến cho lão. Lão có việc của lão. Hai người không phải gặp lại lão để cáo biệt".

Dứt lời, ông lái đò cất bước ngay. Hai người trong con thuyền nhỏ bồng bênh trên sóng. Thu vàng đầy ắp thuyền tràn qua mạn lênh láng trên sóng. Trời trong như kính bâng khuâng xanh. Hơi may nhẹ nhẹ gợi nhớ gợi thương. Những ngày xa đuổi bướm, bắt chim ùa về trong họ. Rồi những

ngày Lý Thị Nương vai tròn má đỏ chập chờn sống lại trong Hồ Chính Đức. Lý Thị Nương ân hận tẩm thân không còn vẹn nguyên khi gặp lại Hồ Chính Đức. Hiếu nỗi niềm buồn đau của ý trung nhân, Hồ Chính Đức bèn an ủi Lý Thị Nương qua một câu chuyện: Ngày xưa có một đôi trai gái thương yêu nhau. Người con gái con nhà quyền quý. Thân phụ của nàng kết bằng hữu với quan Thương thư Bộ Binh. Bởi vậy, thân phụ của nàng chọn con trai Thương thư Bộ Binh làm hôn phu cho nàng. Nhưng nàng không ưng vì Thương thư Bộ Binh nhân cách tầm thường. Nàng nói rõ với thân phụ là nàng đã chọn một chàng trai gia cảnh thanh bần nhưng dòng dõi "thi lễ truyền gia". Song thân phụ nàng bắt nàng quên chàng trai nghèo và phải tuân theo sự sắp đặt của cha. Để chống lại cuộc hôn nhân ép buộc ấy, nàng đành tự huỷ hoại sự trong trắng của nàng bằng cách trao thân cho người hầu cha mình. Tiếng là người hầu nhưng chàng thanh niên ấy khoẻ mạnh, sáng sủa và cũng học lỏm được một số chữ từ cha nàng. Nếu cứ tình tảo, nàng không thể đủ can đảm làm cái việc kinh hoàng ấy. Bởi thế, nàng bèn uống rượu thật say rồi ngã vào lòng chàng trai. Đang tuổi cường tráng lại có một mỹ nhân say mềm ngã vào lòng, bản năng tự nhiên trong chàng trai bốc lên cuồng nhiệt. Nhưng khi toà thiên nhiên hiện ra trước mặt, bản năng Người của chàng trai loé sáng. Chàng trai đã tự trói tay rồi lên nhận tội trước thân phụ của nàng. Thân phụ của nàng hỏi:

- Người phạm tội gì?
- Bẩm ông, con phạm tội yêu thương tiểu thư và chúng con đã đại dột...
- Chúng mày đã sao?
- Bẩm, con và tiểu thư đã trao gửi cho nhau...
- Mày nói láo!
- Bẩm ông, ông cho người xuống phòng riêng của tiểu thư sẽ rõ.

Thân phụ của nàng nửa tin nửa ngờ bèn sai bà quản gia xuống phòng riêng của con gái xem sự thế ra sao. Bước vào phòng con gái ông chủ, bà quản gia không tin vào mắt của mình nữa. Bà vội vàng lấy chiếc khăn mỏng đắp lên tẩm thân ngà ngọc rồi quay ra lên bẩm với ông chủ. Vừa bước ra khỏi cửa, bà quản gia chợt nhớ tới một điều... Bà bèn quay trở lại xem xét kỹ lưỡng nơi cô gái nằm thấy giường chiếu vẫn sạch sẽ. Bà chợt hiểu đây là

một màn kịch và thầm nể trọng chàng trai hầu ông chủ. Vốn có cảm tình với con gái ông chủ, bà quản gia lên tâu với ông chủ rằng: "Tiểu thư không còn là con gái nữa. Con đã lấy chẵn đũa cho tiểu thư, xin mời ông xuống kiểm tra kéo nữa..." Thân phụ của nàng tin ngay lời bà quản gia bèn gọi mọi người trong gia đình lại rồi nói: "Việc trong nhà không ai được rỉ rả ra ngoài. Ai mà mòng môi, ta chôn sống". Rồi thân phụ của nàng phao tin nàng ốm. Các lang y cũng đến bắt mạch bốc thuốc cho nàng. Có điều, bao nhiêu thuốc của các lang y mang tới đều được bà quản gia bí mật đổ đi. Chừng nửa tháng sau, thân phụ của nàng nói với thân mẫu:

- Phu nhân này, trời phải chịu đất thôi, cũng đành cho chúng nó lấy nhau. Phu nhân thấy thế nào?

Thân mẫu của nàng đáp:

- Cho con gái ông chủ lấy thằng hầu khác gì đeo mo vào mặt.

- Tôi đã tính cả rồi, phu nhân đừng lo. Bà quản gia sẽ đưa nó đến một nơi xa để "chữa bệnh". Hai năm sau, cho thằng hầu đến với nó và làm lễ thành thân rồi ăn đời ở kiếp với nhau ở đấy.

Thân mẫu của nàng bèn hỏi:

- Sao không cho thằng hầu đi ngay?

Thân phụ của nàng cười đáp:

- Cho thằng hầu đi ngay khác nào: "Lạy ông con ở bụi này".

Thân phụ của nàng thấy là được bèn lo tiền bạc cho con đi "chữa bệnh". Đêm trước ngày nàng rời nhà đi chữa bệnh, bà quản gia nói một cách rất ý tứ:

- Lệnh ông cho tôi đi theo lo cho tiểu thư. Đi đâu ở đâu, tôi xin làm đúng ý của tiểu thư.

Hiểu ý của bà quản gia, nàng mừng lắm. Nàng liền xin bà quản gia đưa nàng đến với người mà nàng yêu thương. Chẳng là, bị cha nàng từ chối, người trót yêu thương nàng đã bỏ nhà ra đi. Có điều, trước khi giã biệt nàng, chàng trai đó đã dặn: "Tôi không thể là một thằng hèn. Làng Kim Thư cách kinh thành vài chục dặm về phía bắc có cụ đồ Tư là bậc túc nho. Cụ đã rèn dũa hàng chục người thành tài. Sau này, nàng có việc gì muốn tìm tôi thì hãy tìm đến làng Kim Thư".

Từ nhà nàng đến làng Kim Thư xa tới vài trăm dặm. Ngày đi đêm nghỉ, một già một trẻ lẻo đẽ trên đường. Có gắng gỏi lắm, hai người cũng phải mất tám chín ngày mới tới chỗ chàng trai ở. Bốn ngày, họ cất bước qua những xóm làng trù phú không hề có chuyện gì xảy ra. Nhưng đến ngày thứ năm vào lúc hoàng hôn, hai người đi qua một vùng đồi hoang, bọn cướp đã chặn lại. Một bà già yếu đuối và một cô gái mảnh mai đã chống cự quyết liệt nhưng vô ích. Vì hai tên cướp khoẻ như trâu. Chúng trói nghiêng bà già và cô gái lại, thu hết tiền bạc rồi dỡ trò thú vật. Một tên cướp đã thoả mãn thú tính. Một tên nữa sắp dỡ trò dê tiện thì có một ông già và hai trai tráng đi tới. Ba người nhẩy vào đánh đuổi hai tên cướp chặn đứng hành động dê tiện của tên thứ hai và thu lại tiền bạc cho cô gái. Túi nhục ê chề, cô gái toan tự vẫn. Ông già ngăn lại. Sau khi nghe bà quản gia thuật lại hoàn cảnh ngang trái của cô gái, ông già đưa hai người về nhà mình cách đó không xa cho ăn uống tử tế và cho ngủ lại. Ngày hôm sau, ông già và hai con đưa hai người đi qua quãng đường đồi nguy hiểm. Trước khi quay về, ông già viết cho chàng trai đang đèn sách ở Kim Thư một lá thư. Nghĩa cử của ông già là nguồn động viên, an ủi cô gái lấy lại tinh thần để cô tiếp tục cuộc hành trình.

Đặt chân tới làng Kim Thư, chàng trai vui đầu vào đèn sách và tin rằng không bao giờ cô gái tìm đến nơi mình lánh thân. Nào ngờ chỉ hơn bảy tháng sau kể từ ngày hai người chia tay, cô gái xuất hiện trước chàng như một chuyện cổ tích. Nhưng gặp lại người mình thương yêu, cô gái chỉ khóc và không đủ can đảm nói ra sự thực. Bà quản gia đành phải lên tiếng. Thật là sét đánh ngang tai chàng trai. Hai sự việc xảy ra với người chàng yêu quả là động trời. Thấy chàng phân vân, bà quản gia bèn đưa lá thư của ông già. Đọc thư, chàng thấy sự việc xảy ra dọc đường là có lý. Nhưng còn việc xảy ra ở nhà có lẽ nào người mình yêu lại to gan đến thế? Thấy chàng trai còn nghi ngờ, cô gái nói:

- Em đại dột bởi em đã vì chàng mà làm như thế. Em tìm đến chàng là để chứng tỏ em đối với chàng như thế nào. Người hầu cha em là người có một trên đời. Vì em, vì chàng mà anh ấy tự trói tay nhận lỗi và chịu túi nhục. Chàng không được phép nghi ngờ anh ấy.

Bà quản gia cũng lên tiếng:

- Người hầu của lệnh ông còn sống. Tôi bằng này tuổi đầu mà anh không tin thì anh là hạng người nào, tôi đã hiểu.

Quay lại phía người con gái, bà quản gia nói:

- Tiểu thư đã chọn lầm người rồi, thôi ta đi thôi.

Nói rồi, bà quản gia nắm tay cô gái bước ra cửa. Đến lúc ấy, chàng trai vội vàng quỳ xuống trước bà quản gia:

- Bà tha lỗi cho con, nếu con không phân vân, con không là con nữa. Nhưng khi con được bà và người con thương yêu nói rõ ngọn ngành thì con đã sáng ra.

Vài ngày sau, chàng trai nói đến chuyện của hai người. Cô gái đáp:

- Em tới đây để đáp lại tình chàng đã thương yêu em. Nhưng chẳng may dọc đường em gặp họa, thân em không còn trinh trắng nên em không thể sánh được với chàng nữa, xin chàng cho em được làm theo ý của em ...

Chàng trai suy nghĩ rồi nói:

- Nàng nói như vậy chẳng hợp chút nào cả. Nàng vi tội mà định huỷ hoại trinh tiết. Nếu như người hầu của cha nàng không cưỡng lại được dục vọng thì ý định liêu lĩnh của nàng đã thành ra thật. Dầu là như vậy, tôi cũng vẫn cùng nàng kết tóc xe tơ. Thế thì chuyện xảy ra ở dọc đường không thể là cái có khước từ một lời nàng đã ước với tôi.

Thấy cô gái còn đắn đo chàng trai nói tiếp:

- Nếu nàng cứ khư khư ý nàng thì tôi cũng chẳng đèn sách làm gì nữa. Có lẽ như thế, nàng sẽ vừa lòng?

Đến lúc ấy, bà quản gia mới lên tiếng:

- Trinh tiết là quý nhưng phải hiểu thế nào cho hợp lẽ. Nếu tiểu thư rẻ rúng trinh tiết thì tiểu thư chẳng là gì. Đấng này, tiểu thư muốn vất bỏ trinh tiết mong chống lại một cuộc hôn nhân ép buộc để chung tình với người mình đã chọn thì thế gian này có một. Nếu tôi là cậu đây, tôi càng kính trọng tiểu thư. Vậy thì tiểu thư đừng câu lệ nữa.

Lời lẽ của bà quản gia thật thấu đáo khiến cô gái chuyển ý. Sáu năm sau, chàng trai thi đỗ, áo gấm vinh quy rồi dẫn vợ cùng con trai về lạy nhạc phụ. Song thân của cô gái sững sờ. Chồng của con gái mình không phải là người

hầu mà là chàng trai mà con gái ông đã chọn và chính ông đã khước từ. Bà quản gia bèn kể lại chuyện sáu năm về trước. Chàng trai là người hầu của lệnh ông không hề chung đụng với tiểu thư mà lại tự nhận tội không. Có như vậy, tiểu thư mới đến được với người mà tiểu thư lựa chọn. Nghe bà quản gia kể lại, song thân của cô gái ngỡ là chuyện lạ của nhân gian chứ không phải chuyện của nhà mình.

Thân phụ tiểu thư nhớ lại: Sau khi con gái cùng bà quản gia đi được hơn một năm, thân phụ của cô gái cho phép chàng trai hầu mình đến với con gái ông. Sau đó, hai người thành thân với nhau. Nhưng sự việc diễn ra không như sự sắp đặt của ông. Con gái ông đã vuông tròn còn hơn điều mà ông mong muốn. Song cái người đã vì con ông đi đâu, ở đâu, tình cảnh ra sao? Ông cho người đi tìm mà không thấy. Chàng rể của ông cũng cử người đi tìm mà không thấy ân nhân. Thì ra những người nghĩa khí không nghĩ tới đền đáp.

Hồ Chính Đức ngừng lời lúc chiều đã xế. Câu chuyện của Hồ Chính Đức kể khiến Lý Thị Nương ngẩn ngơ. Vậy là trên thế gian này có nhiều lứa đôi trắc trở. Hai người bồng bênh trên đại giang quên hết đất trời, có lúc họ gác chèo mặc cho sóng đẩy thuyền trôi tới đâu thì tới. Hoàng hôn đã nhuộm bờ lau hai người mới neo thuyền vào bến cũ. Khi ấy, bà Lý Thị Nương mới hỏi:

- Hơn bốn mươi rồi chả nhẽ ông cứ thui thủi cùng bóng của mình?
- Bà còn trên cõi đời này, thì tôi tựa vào người khác sao được! - Hồ Chính Đức buồn bã đáp.

Lý Thị Nương bùi ngùi rơi lệ. Từ sau ngày gặp lại cố nhân, bà Lý Thị Nương hy vọng ... Những gì xảy ra trong lòng bà, Đỗ Hồi biết sao được. Hơn sáu năm trôi qua, Lý Thị Nương luôn tư tưởng bến đò, con sóng... Thằng út đã lên sáu. Đỗ Hồi đã lén lút có thêm hai con với người đàn bà trẻ đẹp, rồi lại thêm một Thị Xiêm. Lý Thị Nương cảm thấy khoảng cách của mình với Đỗ Hồi càng thêm rộng hơn.

Một lần, Lý Thị Nương ra chợ thấy một người quần áo rách rưới, mặt mũi bần thiêu vừa đi vừa lảm nhảm: "Tổng đốc Đỗ Hồi, uống máu không tanh, kết thân bất hảo, đục khoét lương dân ... " Lý Thị Nương dò hỏi biết người

đàn ông ấy là chồng của người đàn bà ở Châu Hải vì oan ức nên đã cùng hai con tự thiêu. Người ta nói ông đã bị Đỗ Hối bắt giam. Sau khi ra tù, vợ và hai con đã chết thảm thê nên ông đã phát điên. Bùn rùn cả chân tay, bà vội quay về nhà và tự hỏi: "Mình là vợ của một kẻ xấu xa, tàn bạo đến thế ư?" Ngẫm nghĩ những lời nói của người đàn ông tội nghiệp, bà thấy ông ấy không điên. Ông ấy không hề câu nệ xọ câu kia. Vậy ông ấy chỉ giả điên để nói điều muốn nói.

Đêm hôm ấy, bà cứ trần trọc. Gần sáng vừa chợp mắt, bà thấy một người mặc quan phục Tổng đốc bước vào nhà. Bà ngoảnh mặt đi và hỏi:

- Ông có nghe thấy thiên hạ bêu riếu ông không?

Tiếng đáp lại:

- Thưa phu nhân, phu nhân nói thế nào ấy? Dân chúng Đông Hải không ai bêu riếu tôi mà chỉ thương tôi.

- Người ta rêu rao: "Tổng đốc Đỗ Hối, uống máu không tanh, kết thân bất hảo, đục khoét lương dân", ông không nghe thấy à?

- Thưa phu nhân, tôi không phải là Đỗ Hối.

Lý Thị Nường quay lại nhìn kỹ thì người đứng trước mình không phải là Đỗ Hối thật. Bà vội vàng cáo lỗi và hỏi:

- Ngài bỏ qua cho sự nhầm lẫn của tôi. Chẳng hay ngài là ai, vào nhà tôi có việc gì ?

- Ta là người đã bị Tể tướng sát hại cùng với quan Ngự sử. Ta đến đây là vì phu nhân.

- Vậy ngài là Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp?

- Đúng vậy. Mảnh đất này trước đây ta đã từng ở nhưng nhà cửa không nguy nga như bây giờ.

Lý Thị Nường sợ quá vội quỳ xuống vái lạy. Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp từ tốn:

- Ta không quen bắt dân chúng và người giúp việc vái lạy. Phu nhân đứng lên cho.

Lý Thị Nường run run đứng lên hỏi:

- Ngài nói ngài đến đây vì tôi nghĩa là thế nào?

- Phu nhân con nhà tử tể chẳng may phải làm vợ tên quan bất lương. Được

Tể tướng lộng quyền che chở, Đỗ Hối đập lên phép nước làm bậy, chẳng bao lâu nữa hoạ sẽ tới. Thương phu nhân, ta báo cho phu nhân biết.

Dứt lời, Tổng đốc Hoàng Kiến Nghiệp bước nhanh ra khỏi cửa. Lý Thị Nương bước theo để hỏi một vài điều nữa nhưng không kịp. Bỗng thẳng út nằm bên đập vào sườn bà khiến bà thức giấc. Bà nhìn ra cửa, cửa vẫn đóng kín. Đêm lặng như tờ. Tiếng cú kêu nghe rợn cả người. Lý Thị Nương biết mình vừa gặp một giấc mơ lạ. Bà bèn bước tới bàn thờ thắp hương khẩn rằng: "Tôi là vợ Đỗ Hối nên ở nhờ đất của ngài. Nếu tôi có gì thất lễ xin ngài bỏ qua. Cảm ơn ngài đã báo cho tôi một tin không lành mà người trần không thể biết".

Đêm hôm ấy Đỗ Hối đang ở kinh thành. Nhà Tể tướng có việc hỷ, Tổng đốc Hải Đông không thể không có mặt. Trước khi Đỗ Hối ra về, Tể tướng hỏi:

- Việc cống Bình An thế nào?

Đỗ Hối đáp:

- Bẩm Tể tướng, đã khởi công được hơn hai tháng. Mọi việc êm ả. Điều mà Tể tướng chỉ bảo, con đã chu tất với lệnh bà.

- Cứ thế mà làm. Đứa nào eo xèo tìm cách bịp mồm nó lại.

Đỗ Hối vái tạ rồi ra về. Vừa tới tư dinh, Lý Thị Nương đã nói ngay với Đỗ Hối:

- Phụ thân của thiệp ốm nặng, thiệp phải về nhà. Lần này thiệp đi chừng một tháng. Tướng công bảo Thị Xiêm đến đây lo cho Tướng công. Nhà ở đằng kia giao cho kẻ ăn người ở trông coi.

Đỗ Hối vui lắm nói:

- Đa tạ phu nhân rộng lượng.

Ông ta đứng lặng đi một lúc rồi nói:

- Nhạc phụ lâm bệnh chắc là cần tiền. Phu nhân mang về bên đó một ít.

Lý Thị Nương đáp:

- Thiếp không tự tiện làm việc đó. Nếu tướng công có lòng, tướng công tự sắp đặt.

Hiểu ý, Đỗ Hối gói mười lạng vàng đưa cho vợ. Ngày hôm sau, Lý Thị Nương dẫn con trai út ra đi. Một tháng, hai tháng rồi ba tháng, Lý Thị

Nường không quay về. Đồ Hối đồn rằng bệnh của nhạc phụ bị nặng. Nhưng ông ta có biết đâu...

Tháng tám năm ấy, trời mưa rất lớn. Lũ trên nguồn đổ về cuồn cuộn, triều cường dâng cao. Cống Bình An đang xây dở bị đục dẫn tới đê vỡ một đoạn dài tới năm mươi ngũ. Đồ Hối điều hàng trăm thuyền đá tới chỗ đê vỡ rồi cho chìm thuyền mong bịt lại quãng đê đã vỡ. Nhưng với dòng nước hung dữ, chiếc thuyền đá nặng vài trăm tôn không hơn gì chiếc lá tre, nước cuốn băng ngay. Nước lồng lộn hoành hành. Vùng nam Hải Đông gồm bốn huyện Phong An, Thiên Bản, Xuân Chân, Mỹ Định chìm trong nước. Trong đó, Phong An thâm nhất. Làng xóm ngâm trong nước. Nước lút mái tranh. Nhà nào tường xây gạch còn chống chọi được. Nhà nào tường đất chình gặp nước vừa ra là nhà sập luôn. Nhưng nhà xây bằng gạch mỗi làng chỉ dăm bảy ngôi, còn lại hầu hết là nhà tường đất nên đổ hết chẳng khác gì chuỗi gặp bão. Hàng chục vạn người màn trời chiếu đất, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc. Nước tràn vào, cá mè trong các ao vượt ra. Một mẻ vó hàng thúng cá mè, bán không ai mua, cho không ai lấy. Vì nhà nào cũng có. Nhà nhà liền lấy cá mè thay cơm. Nhưng chỉ ăn cá trừ bữa được một ngày, ngày hôm sau, ai ngửi thấy mùi cá mè cũng phát nôn lên ngay. Cá mè thừa mưa chỉ có đổ đi. Cá nổi lều bều khắp nơi gặp nắng rữa ra thối không chịu được. Làng xóm bị nước ngâm hàng tháng trời. Giun dế chết hết. Gốc tre cũng phải thối. Dân cơ cực trăm bề. Vua thương dân mở kho thóc phát chẩn. Song mười phần chỉ đến tới dân được một hai phần.

Vỡ đê được chín ngày, trùm Hân treo cổ tự tử. Gỡ trùm Hân xuống, trông thấy mắt, mũi, mồm, tai trùm Hân đều có máu, một ông già nhếch mép cười. Mọi người hỏi: "Vì sao ông cười?" Ông già đáp " Ta mà nói thì ta cũng sẽ chết như người này". Dứt lời ông già rảo bước. Câu nói của ông già đã kích thích mọi người. Họ tìm hiểu và nhận ra rằng: Trùm Hân trúng độc đã chết rồi mới bị treo cổ. Bởi chỉ có người trúng độc, thất khiếu là mồm, hai mắt, hai lỗ mũi, hai lỗ tai mới có máu, còn chết vì thắt cổ không có hiện tượng đó.

Quan Khâm sai về Hải Đông tra xét tìm nguyên nhân đê vỡ. Đồ Hối đổ hết tội cho trùm Hân. Trùm Hân đã tự tử. Vợ con trùm Hân cao chạy xa bay.

Chuyện vỡ đê Bình An do trời gây nên đành khép lại.

Đỗ Hồi lúc bấy giờ mới hiểu. Lý Thị Nương không về là bà ấy có ý định từ trước. Ông ta chợt nhận ra: Vì sao Thị Nương chỉ yêu thương thằng con út...

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 10

Một ông già cùng một thiếu niên lang thang qua làng này sang làng khác, vừa đi vừa chữa bệnh cứu người. Có nơi hai bố con dừng chân vài ba ngày, có nơi dừng chân vài chục ngày, lại có nơi dừng chân vài ba tháng. Vùng nào họ ở lại ngắn hay dài là do vùng ấy bệnh tật nhiều hay ít và còn do sự an toàn cho hai bố con đầy hay mỏng. Cậu út thấy sống cuộc đời trôi nổi thích hơn sống ở nhà. Nay đây mai đó, tiếp xúc với nhiều cảnh ngộ, cậu thấy rõ một điều. Dù cha cậu là ông quan thanh liêm nên kiết xác nhưng cậu vẫn còn sung sướng hơn nhiều lần những đứa trẻ cùng tuổi con nhà dân quê. Chúng làm gì có quần áo. Mùa nắng chúng ở trần. Rét mướt, chúng dùng lá khô lấy dây khâu lại quần quanh người. Được ăn cơm, chúng đã coi như ăn cỗ. Bởi chúng chỉ quen với khoai sắn, khoai sắn hết thì lấy củ chuối làm cơm. Ngày Tết, chúng cũng chỉ mơ bữa cơm no. Khi chúng có bệnh, bố mẹ chúng kiếm nắm lá sắc đặc chặt lấy nước cho chúng uống. Bệnh nhẹ, nắm lá có thể đẩy lùi được bệnh tật. Bệnh nặng nắm lá vô hiệu, bố mẹ chúng phó thác chúng cho Giời.

Hai bố con ngài Tri huyện bỗng bênh khắp nơi. Hơn năm năm sau, họ đạt đến một làng ven biển. Có lẽ giời xui hai người trốn tội đến đây và trở thành người cứu cả làng. Bởi vì làng đó đang bị bệnh tả hoành hành. Làng đã có hơn một chục người chết. Người người thấp thỏm lo đến lượt mình. Ngài quan huyện xem bệnh từng người rồi bảo con trai cắt thuốc. Con trai ngài không làm cho ngài thất vọng. Những kiến thức chữa bệnh ngài dạy con trai đã được cậu út thể hiện sáng suốt, thậm trọng đẩy lui được dịch tả. Vài ngày sau, làng chài nghèo ven biển đã vơi dần lo âu. Người chết do bệnh tả gây nên được chặn lại. Dân làng chài coi ngài quan huyện như Thánh, coi cậu út như một Tiên Đồng. Và ở đây, một chuyện như là nhân duyên đã diễn ra.

Có một gia đình thuyền chài ở một vạt đất đua hẳn ra biển như một bán đảo nhỏ. Khi thủy triều lên, phần đất giáp với làng chài bị ngập nước, phần đất

còn lại phía ngoài trở thành đảo nhỏ chơ vơ giữa trời nước.

Cái gia đình sống trên bán đảo sóng gió ấy là thế giới của đàn ông, dễ có đến gần bốn chục người. Người nhiều tuổi nhất chừng trên dưới bảy mươi. Người ít tuổi nhất mới chừng mười hai, mười ba. Già trẻ trong nhà dùng chung quần áo. Cả nhà có hơn mười bộ nâu sồng gọi là lành lặn. Ai có việc phải ra ngoài bán đảo chọn lấy một bộ vừa cỡ trong số những bộ quần áo lành lặn đó. Còn thường ngày, họ chỉ che chỗ cần phải che. Mùa rét, họ dùng lưới rách quấn vào thân thể chống chọi gió sương. Tuy rặt đàn ông nhưng họ sống hồn nhiên, hoà thuận, yêu thương nhau như ong bướm yêu cỏ hoa.

Trận dịch tả đã làm gia đình đàn ông này chết mất hai người, còn sáu, bảy người đang thoi thóp. May cho nhà họ là bố con ngài Tri huyện đã kịp đến. Những người đang thoi thóp thoát chết. Ông già nhiều tuổi nhất quỳ xuống vái lương y đã tạo phúc cho gia đình mình. Ngài Tri huyện vội vàng cúi xuống đỡ lão chài dậy:

- Lão nhiều tuổi hơn tôi, sao lão làm vậy. Hôm nay, lão vui một, tôi vui mười. Những người trong nhà qua được ấy là phúc của nhà ta, tôi được hưởng lây.

Ngài Tri huyện dừng lời, dẫn đo mãi ngài hỏi:

- Thế này không phải, xin hỏi lão Chài, sao nhà ta không thấy bóng đàn bà, con gái?

ánh mắt lão Chài trở nên xa xăm:

- Nhà này ngoài lão ra có ai lấy vợ đâu mà có đàn bà, con gái!

Ngài Tri huyện lại hỏi:

- Thưa lão Chài, làm sao lại như vậy?

Lão Chài buồn rầu đáp:

- Chuyện này rất dài và đau lòng lắm. Lão mà kể e làm mất thì giờ vàng ngọc của lương y.

Ngài Tri huyện nghĩ: "Đi ngày đàng học sàng khôn." Trong dân quê có nhiều chuyện làm nên một pho ngoại sử dài không kể xiết, cứ nán lại nghe lão Chài kể... Ngài Tri huyện bèn nói:

- Duyên có may mới được hầu chuyện lão Chài. Thì giờ dù có quý nhưng

chuyện của lão Chài còn quý hơn. Xin lão Chài cho nghe.

Lão Chài thấy lương y nói phải. Lão nói: " Có duyên, có phúc giới mới cho lão gặp lương y. Nếu không gặp thầy gặp thuốc, nhà này còn thêm mấy chiếc khăn tang? Chuyện của lão xảy ra đã gần sáu mươi năm rồi. Nhà lão chỉ còn một mình lão. Anh lão mấy chục năm không tin tức gì. Kẻ thù của gia đình lão chắc cũng đã chết cả. Nếu chúng còn sống lão cũng không sợ nữa. Vì lão gần bảy chục tuổi rồi, có chết cũng được. Vậy lão chẳng dẫu làm gì nữa. Lão phải nói ra cho những người được lão cứu mang hiểu cái sự đời ngang trái. Bao đau đớn lão đã phải chịu đựng và dẫu kín trong lòng mấy mươi năm rồi để họ sống với nhau có nghĩa có nhân. Lại nữa, lâu nay mọi người trong cái nhà này, trong cái làng này đều gọi con người khốn khổ từ chân trời khác dạt tới đây là anh Chài, bác Chài, ông Chài rồi lão Chài. Có ai biết tên thật của lão đâu. Vì khi lão tới đất này, cái tên thật cha mẹ đặt cho lão phải dẫu biến. Người cứu lão hỏi: "Cháu tên là gì?" Lão nói liêu: "Cháu tên là Bé." Người cứu mang lão ghép thêm tiếng "Chài" thành "Bé Chài". Lớn lên bé Chài thành "anh Chài" rồi "bác Chài"... Bây giờ lão phải trả lại cái tên cha mẹ đã đặt cho lão. Khi về giới, lão phải có cái tên thật mà lão đã có từ khi lão cắt rốn".

Lão Chài nhớ lại thuở rất xưa. Ngày ấy cha mẹ đặt tên cho lão là Thuận.

Thuận nói với chị:

- Ngày cưới chị, chị phải cho em mặc áo mới đấy.

Chị Nết cười rồi thơm vào cái má phúng phính của em giai:

- Em phải có áo mới chứ. Anh Tự sẽ may cho em.

Vì bộ quần áo cưới của em gái là Nết và bộ quần áo của em giai út mặc ngày cưới chị, Tự phải loay hoay mãi. Trong khi ấy trai làng cứ nài anh dạy quyền cước cho họ. Bởi Tự giỏi quyền cước do chẳng đùng được mà anh phải học. Ngày ấy bọn chức sắc, bọn hào trưởng trong làng thấy nhà nào mềm là chúng nó năn. Chúng xếp nhà Tự vào loại mềm. Vì bố Tự đã già lại hiền lành, còn Tự mới vừa qua tuổi thiếu niên, rất ngô nghê. Sau Tự là cô em gái sắp cưới và thằng em út bắt mũi chưa sạch là Thuận.

Nhằm mở mang canh nông, nhà Vua có kế sách khuyến điền. Ai khai khẩn được đất hoang, nhà Vua miễn thuế cho năm năm. Bố Tự bỏ ra nhiều công

sức khai phá một vạt đồi cần cỗi. Ông cày đi, cuốc lại nhặt hết sỏi đá, gốc sim, gốc mua trên mảnh đồi rộng già nửa mẫu. Vạt đồi hoang trở nên phẳng phiu, đẹp đẽ. Tuy vậy, đất còn cần cỗi. Ông bèn nghĩ ra cách dưỡng đất. Dùng lá xanh ủ mục, ông trải khắp mảnh đất đã cày bừa kỹ. Nhưng nếu thiếu nước ông có trồng cây gì cũng không được thu hoạch. Sau nhiều đêm suy nghĩ, bố Tự dùng tre làm máng dẫn nước từ núi cao về. Có nước, đồi lạc của bố Tự tươi xanh mơn mớn, hoa sai trĩu trĩu. Người nào trông thấy cũng ao ước.

Vạt đồi tươi tốt đó đã lọt vào mắt lão nhà giàu trong làng.

Một hôm, lão nhà giàu đến nhà bố Tự nói:

- Tôi có việc muốn bàn với ông.

Bố Tự hỏi:

- Ông có việc gì mà lại muốn bàn với tôi?

Lão nhà giàu đáp:

- Ông có đất gần nhà tôi, tôi có đất gần nhà ông, ta đổi cho nhau. Mảnh đồi của tôi rộng gấp rưỡi mảnh đồi của ông. Tôi chịu thiệt. Ta đổi huề.

Lời lẽ của lão nhà giàu mới trái tai làm sao. Đất của lão ta có rộng hơn thật nhưng lão ta mới khai phá qua loa lại xa nguồn nước. Vậy mà lão ta nói là chịu thiệt. Đối với lão ta, hạt cơm nguội có rơi cũng phải rơi đúng cửa chuồng gà của nhà lão ấy. Ngẫm nghĩ, bố Tự đáp:

- Tôi không đổi vì tôi không thể hưởng lợi mà không đổ mồ hôi.

Lão nhà giàu nói thế nào bố Tự cũng không thay đổi. Cay cú, lão cho bốn thằng con giai thằng nào cũng to lớn ra phá máng dẫn nước về tưới cho vườn lạc của nhà Tự. Lạc không có nước tưới mấy ngày héo hết. Bố Tự cảm nhưng đành nín lặng. Tự cũng uất lắm nhưng không làm gì được. Bố tự nghĩ cách chống lại lão nhà giàu. Một hôm, bố nói với Tự.

- Nhà ta không nhún mãi được. Con phải đi học quyền cước. Con có quyền cước không đụng chân đụng tay chúng nó cũng chừa.

Tự hỏi bố:

- Con biết học ở đâu?

Bố Tự đáp:

- Bố có ông bạn cách làng ta vài chục dặm rất giỏi côn quyền. Ngày bố còn

trẻ, ông ấy rủ bố đi học. Bố chê võ biên không đi. Nhưng ông ấy đã đúng: Học để giữ nhà. Ông ấy chưa đánh ai nhưng cũng không ai dám đụng đến ông ấy.

Lúc đầu, TỰ chần chừ. Nhưng nhìn đôi lạt héo khô, TỰ bèn nghe bố.

Hơn một chục ngày từ ngày TỰ vái thầy, thầy không dạy cho TỰ một đường quyền, một đạo cước nào. Quanh đi quẩn lại, TỰ phải bổ củi, gánh nước chăm bón vườn cây cho thầy. Thầy còn sai TỰ làm những việc rất kỳ cục. Rau cải đang xanh tốt thầy bắt nhổ lên để cho héo rồi trồng lại. Một đồng củi khô rất to thầy bắt dội nước vào rồi lại rở ra phơi. Thế nhưng TỰ vẫn không dám trái ý thầy.

Một buổi sáng, thầy gọi TỰ ra giữa bãi cỏ. Bất thành linh thầy đâm vào mặt TỰ một đấm nảy đom đóm mắt. TỰ ngã vật ra. Thầy bỏ đi không nói gì cả. Một lúc sau, thầy gọi TỰ vào nhà hỏi:

- Học võ để làm gì?

TỰ đáp

- Thừa thầy, bố con nói học võ giữ nhà ạ.

- Không phải, nói lại đi.

TỰ bèn nhắc lại câu đã nói:

- Không phải, nói lại đi -Thầy nhắc lại.

TỰ vẫn lặp lại như cũ. Đến chiều, thầy đốt lò trầm nói:

- Ta sẽ nhận con làm trò.

Thầy lầm rầm những gì mà TỰ không rõ rồi thầy giảng: "Võ là Đạo. Trên đời đạo hơn hết là đạo Người. Đạo Người hơn hết là Nhân. Nhân là thương người. Thương người phải cứu người...." Thầy đề ra cho TỰ bốn nguyên tắc:

1- Không đánh người khi người không đánh.

2- Chưa đánh người khi người chưa đánh.

3- Người đánh tránh được cứ tránh.

4- Đánh thắng người không đánh chết người.

Thầy còn đề ra cho TỰ hai phương châm:

1- Không hùa theo sai trái.

2- Không bỏ qua kẻ gây ác.

Tự học được hơn một tháng thầy cho Tự đi kiếm củi. Ra khỏi nhà được hơn một dặm, Tự bị một kẻ gây sự. Anh lẳng lặng bỏ qua. Lúc trở về, trên vai một gánh củi nặng, Tự lại bị một kẻ lẳng nhặng đi theo hỏi chuyện có ý khiêu khích. Tự cũng bỏ qua. Thầy biết chuyện ấy lấy làm yên lòng. Về sau Tự biết, thầy đã cho người cố ý gây sự để thử Tự.

Tự học được hơn một năm, thầy cho "hạ sơn". Lúc Tự bái biệt, thầy dặn: "Sau này gặp họa thì quay lại đây với ta...."

Hơn một năm Tự đi vắng, vạt đồi trồng lạc thành vạt cỏ hoang. Về tới nhà, Tự bắt tay ngay vào khai khẩn lại vạt đồi đó. Ngày Tự làm lại đường máng dẫn nước, lão nhà giàu cho cả bốn con đến phá. Tự không hề nói gì. Đang bổ tre bằng dao để làm máng, Tự quăng ngay con dao đi rồi nghiêng bàn tay chẻ tre y như chẻ bằng dao vậy. Lũ con giai lão nhà giàu hoảng quá nháy nhau tháo lui.

Trai làng thấy Tự quyền cước giỏi rủ nhau đến học. Tự còn chần chừ. Dạy võ mà không kén người, thầy dạy mang tội. Trai làng biết Tự đang loay hoay lo quần áo cho hai em. Họ ngầm bảo nhau giúp đỡ anh. Mỗi người một ít góp lại mua cho Nết một bộ quần áo, mua cho Thuận một chiếc áo. Rồi họ mang tới nói với Tự: "Cùng cảnh áo vá với nhau, cậu khó cũng như chúng tớ khó. Cậu nhận lấy cho hai em nó mừng. Chúng tớ giữ kín chuyện này. Cứ coi là cậu lo cho em."

Tự biết trai làng làm thế này để thể hiện tấm lòng và cũng là để Tự nhận lời truyền nghề cho họ. Anh không thể phụ lòng họ. Tuy vậy, anh cũng phải nói rõ: "Tôi xin nhận tấm lòng của các bạn và tôi sẽ dạy quyền cước cho những ai đủ tin cậy do tôi lựa chọn." Trai làng bằng lòng. Hơn bốn chục người xin học, Tự chỉ chọn được năm người. Tự nói với họ: "Tôi sẽ truyền cho năm bạn đủ quyền cước thủ thân. Khi làng ta có thêm năm người biết quyền cước chắc chắn bọn nhà giàu, bọn có thế lực hay làm càn phải chột dạ."

Năm người Tự chọn làm "trò" tính tình điềm đạm, chín chắn. Họ đã không phụ lòng anh. Một trong năm người ấy sau này trở thành dũng tướng trấn trị một vùng biên ải.

Mùa xuân đến, làng bên mở hội cờ vào đúng tết Nguyên Tiêu. Ngày cưới

em cũng sắp tới. Nhảm tính, Tự đi dự hội cờ rồi về chuẩn bị cho em cũng còn đủ thì giờ.

Tự cao cờ có tiếng trong vùng. Trước ngày đi học võ, Tự đã giật giải nhì trong cuộc thi cờ của một làng trong tổng. Lần này Tự nhập cuộc biết đâu... Hàng chục người vào dự hội cờ lần lượt bị loại. Tự lọt vào trận cuối đấu với con trai hào trưởng làng ấy. Cuộc chơi cuối cùng diễn ra. Tự bị bất lợi vì anh là người làng khác. Khi con trai hào trưởng đến nước đi, thủ trống điểm thì thùng tùng tiếng. Người ta cố tạo cho con trai hào trưởng có nhiều thì giờ suy nghĩ. Đến lượt Tự đi, thủ trống thúc gấp liên hồi hòng gây cho Tự sự bối rối. Nhưng hơn một năm học quyền cước, Tự đã có được một phẩm chất tuyệt vời. Ngay cả lửa cháy bên cạnh cũng không làm Tự rối trí. Vậy trống có thúc nóng dùi cũng chẳng mùi gì. Trống càng thúc gấp, Tự càng thận trọng khi nhắc một quân cờ. Rốt cuộc, con trai hào trưởng phải nhường ngôi đầu bảng cho Tự. Anh đã buộc kẻ háo danh thua trắng hai ván không gỡ. Đặc biệt hai ván cờ ấy, Tự chơi con tốt rất tài tình. Nó cứ lạng lè tiến bước một, khôn ngoan né tránh mọi đòn đánh, tiến dần vào cung. Khi đối phương nhận ra con tốt sẽ nhập cung có ngăn cũng không kịp.

Bị thua đầu nên bề mặt, kẻ thua cuộc dẫn bọn ngõ ngáo đón đường đánh Tự. Nhớ lời thầy dạy, Tự chỉ né tránh chứ không đánh lại. Không may cho con trai hào trưởng, trong lúc xô xát hỗn loạn, hấn bị một gậy của đồng bọn với hấn phang vào đầu. Hấn nằm ngất trên đất. Nhưng bọn chúng đã đỡ cho Tự đánh vỡ đầu con giai hào trưởng. Nghe con giai bị đánh trọng thương, hào trưởng nghĩ ngay đến chuyện khác. ấy là vì hào trưởng biết em gái Tự là Nết rất xinh đẹp. Từ lâu, hấn muốn cưới Nết làm vợ lẽ. Dịp may đến, hào trưởng liền rút tiền cho Tri phủ gây sức ép với bố Tự. Hào trưởng dẫn hàng chục trai tráng đến nhà Tự bắt bố Tự đền cho con trai hấn một số tiền rất lớn. Bố Tự có bán cả nhà đi cũng không đủ số tiền đó. Nếu bố Tự không đến, quan sẽ bắt Tự tống vào ngục suốt đời. Bố Tự chưa biết giải quyết thế nào, hào trưởng nói trắng ra: "Ông không có tiền đền thì cho tôi cưới con gái làm lẽ. Vậy là hai bên đều có lợi. Tôi có thêm vợ. Con trai ông không bị tù tội". Dĩ nhiên là bố Tự không bằng lòng. Nhưng hào trưởng ý thế quan nên cứ làm theo ý mình. Hấn hẹn ngày hôm sau đến bắt Nết.

Còn có mấy ngày nữa, Nết về nhà chồng. Đùng một cái, hoạ lớn xảy ra, Nết sắp thành vợ lẽ người khác. Tránh điều tui nhục sắp diễn ra, đêm hôm ấy, Nết ra sông cái tự tận. Một ngày không thấy Nết đâu, mọi người bỏ đi tìm, nhưng muộn rồi, xác Nết đã nổi lên.

Con gái chết chưa chôn, hào trưởng và lính của quan vẫn kéo đến đòi tiền dền. Chồng chưa cưới của Nết uất quá kéo hàng chục trai tráng đến đánh hào trưởng và lính của quan. Tự cố ngăn lại nhưng một mình anh không đập được lửa hận đã bùng cháy. Kết quả, hào trưởng bị chết ngay tại chỗ, hai lính của quan bị thương nặng. Không thể khác được, chồng chưa cưới của Nết và Tự phải trốn biệt. Bố Tự cũng không còn con đường nào khác. Chôn con gái xong, ngay đêm ấy, ông dẫn vợ và Thuận rời khỏi làng. Năm ấy, Thuận mới mười tuổi đầu.

Bỏ quê lánh nạn, bố Thuận làm đủ nghề nuôi vợ, nuôi con. Nhưng phần vì đói khổ, phần vì thương con gái chết oan, thương con giai biệt tích, bố mẹ Thuận lần lượt qua đời. Thuận trở thành đứa trẻ bơ vơ năm mười sáu tuổi.

Thuận lang thang kiếm sống rồi dạt đến một làng chài, đói mệt ngất đi trên bãi cát ven bể. Vợ chồng ông đánh cá bắt gập điu về nhà đổ cháo cho ăn. Có chút bột vào bụng, lát sau Thuận tỉnh lại. Ông chài bèn hỏi gia cảnh. Thuận kể lại cảnh nhà tan nát. Thương tình, vợ chồng ông chài nhận Thuận làm con nuôi.

Hai vợ chồng ông chài không có con nên rất quý Thuận. Năm Thuận hai mươi bốn tuổi, vợ chồng ông chài cưới vợ cho anh. Cô con dâu sắp cho ông bà chài đứa cháu nội thì một trận bão ập tới. Sóng bể dâng cao như nổi cơn sôi. Chỉ có ông chài và Thuận thoát chết, còn vợ ông chài và vợ Thuận bị sóng cuốn mất. Niềm vui của ông chài vừa nhen đã bị tắt ngấm bởi một tai hoạ khủng khiếp do sóng thần gây nên. Ông chài không thiết gì nữa bèn giao hết thuyền lưới cho Thuận, còn ông suốt ngày quanh quẩn với đàn gà và chiều chiều xách cần câu ra bãi bể.

Dăm năm sau, ông chài qua đời để lại cho Thuận thuyền lưới tuy đã rách nát. Thuận trở thành chủ bán đảo từ đó. Thế là Thuận đã có một giang san. Trong hoạ cũng có phúc. Có lẽ vì thế mà Thuận gặp vợ chồng ông lão đánh cá. Ở bố mẹ nuôi, Thuận không hề sao nhãng việc hương khói. Vì vậy,

dân làng chài rất quý Thuận.

Đứng chân nơi đầu sóng tuy rất gian lao, nguy hiểm nhưng dù sao Thuận cũng có một nơi neo đậu. Đến lúc ấy, Thuận càng thương bố mẹ, thương em oan trái, thương anh biệt tích mất hay còn?

Thấm thoát đã hơn hai mươi năm từ cái ngày kinh hoàng ấy. Tai hoạ của nhà anh khởi đầu từ con giai hào trưởng. Vì thói háo danh, hấn gậy hoạ cho cả hai nhà và cho chính hấn. Vết thương bị đồng bọn đánh vào đầu đã biến hấn thành kẻ suốt đời mê mê tỉnh tỉnh.

Thuận là người nhân ái lại trải qua hoạn nạn nên rất thương người. Chẳng bao lâu sau ngày ông chài qua đời, hàng chục kiếp người khổ khó, hoạn nạn tìm đến nương tựa vào anh. Những mảnh đời khổ ải ấy phần đông là trẻ thơ tám, chín tuổi đến mười lăm, mười sáu tuổi. Em thì mồ côi cha mẹ, em thì gặp ghì ghê quái ác.. lại có những em lêu lổng hư hỏng. Số còn lại trên hai mươi tuổi không nhiều. Người thì trốn lính, trốn phu dịch, kẻ thì chạy nợ. Ai đến anh cũng giúp đỡ trong khả năng đã có của anh. Ai muốn ở lại thì thuyền đẩy, lưới đẩy bể rộng có cá tôm đẩy góp sức vào đánh bắt tôm cá mà sống. Người đến trước giúp người đến sau. Người nhiều tuổi bảo ban người ít tuổi. Ai lười nhác, ích kỷ hoặc không thật thà ngay thẳng được mọi người chỉ bảo cho mà sửa. Người nào xấu nết, mắc lỗi nhiều lần, anh em bảo ban mà không chịu sửa sẽ phải đi khỏi nhà. Việc đó chỉ diễn ra khi những người trong nhà tiến hành một cuộc "bỏ phiếu". Mỗi người có trong tay hai hạt đậu, một hạt đậu đen một hạt đậu đỏ. Hòm phiếu là cái bát để ở giữa nhà. Mỗi người bỏ vào bát một hạt đậu. Bỏ hạt đậu nào vào bát, từng thành viên trong nhà tự lựa chọn. Mọi người bỏ xong, anh Thuận kiểm đậu. Nếu số hạt đậu đen nhiều hơn số hạt đậu đỏ thì người mắc lỗi phải ra đi. Có hai người trong đại gia đình đàn ông này đã phải ra đi. Sau vài tháng, một người quay lại xin "lập công chuộc tội". Anh Thuận nhận lại. Quả nhiên, người ấy sau này đã trở nên tốt nết được mọi người quý mến.

Đánh bắt cá tôm là việc vất vả và nguy hiểm nên không hợp với đàn bà, con gái. Lại nữa giữa một thế giới đàn ông mà có đàn bà, con gái tất sinh chuyện phiền phức, sinh hoạt của mọi người rất không tiện. Bởi vậy, Thuận không thu nạp đàn bà, con gái vào "gia đình" này. Tuy vậy nếu phải yếu tìm

đến cần Thuận giúp đỡ, anh gửi họ vào lò nấu nước mắm trong làng để họ nương nhờ.

Chuyện lập gia đình riêng của mọi người là một vấn đề lớn. Nếu ai muốn lo chuyện đó thì phải đi nơi khác ở, Thuận chỉ đỡ dần chút ít. Nếu Thuận khó khăn không đỡ dần được chút nào, người lập gia đình riêng không được đòi hỏi. Để duy trì sự bền vững của cái "nhà hợp cư" này, Thuận cũng không nghĩ đến chuyện lấy vợ nữa. Hơn nữa hình bóng người vợ đã mất luôn hiện về trong anh.

Anh Thuận đã thành ông Thuận lâu rồi. Mấy năm trước, có hai đứa trẻ tìm đến xin ông cưu mang, thằng anh khoảng mười ba, mười bốn; thằng em khoảng mười một, mười hai. Ông Thuận hỏi tên, thằng anh nói bố mẹ nó không đặt tên mà gọi là Cu nhớn, Cu con. Hỏi gia cảnh thằng Cu nhớn trả lời bố mẹ chết cả. Tình ý, ông Thuận không hỏi nữa. Biết đâu Cu nhớn, Cu con cũng như ông trước đây... Ông bèn thu nạp ngay hai Cu vào gia đình của ông. Vì hai trẻ tìm đến ông lúc ấy đã quá nửa đêm nên ông cho hai trẻ ngủ ngay cạnh giường ông. Gần sáng, thằng Cu nhớn nói mơ. Những điều nó nói làm ông rợn tóc gáy. Vậy là những gì ông cảm thấy về hai đứa trẻ khi chúng vừa đến gặp ông có thể là đúng. Sợ rằng có gì sẽ xảy ra với hai đứa trẻ mới đến, hôm sau ông nói với mọi người: "Hai đứa trẻ này là người nhà tôi, nếu ai đến hỏi chúng, mọi người cứ bảo họ đến chỗ tôi..." Từ hôm đó ông cho Cu nhớn, Cu con ngủ ở chỗ ông. Vì ông sợ đêm ngủ chúng nói mơ... Mấy năm rồi không có chuyện gì xảy ra với hai đứa trẻ, ông mới yên lòng.

Mọi người trong gia đình dần ông hôm ấy mới biết lão Chài có tên là Thuận với bao khốn khổ thương đau. Hèn gì ông rất thương những người hoạn nạn và coi những người đến nhờ cậy mình như con, như cháu.

Nghe chuyện đời của lão Chài - ông Thuận, ngài Tri huyện khẽ thở dài. Hoá ra ông Thuận cùng cảnh với mình và còn đau đớn, khốn khổ hơn mình. Phần cuối của câu chuyện, ông Thuận nói về hai thằng nhỏ. Trong mơ nó nói gì mà khiến ông "rợn tóc gáy" ? Để trả lời được những câu hỏi này, ngài Tri huyện bèn đi gặp riêng ông Thuận.

Gà đã gáy sang canh hai. Đêm thượng huyền trăng tà, sao vắng. Trong lộng

sóng chao nhẹ đủ cho lòng xao xuyến. Ngoài khơi biển sôi ù ù vọng vào như xay lúa. Phóng tầm mắt ra xa, ngài Tri huyện chỉ thấy màu đen thẫm không cùng. Con người bé nhỏ, mong manh quá. Vậy mà con người lại tạo ra bao nhiêu giông bão để vùi dập con người.

Ngài Tri huyện đứng lặng nhìn biển, nhìn trời Trăng thượng huyền lặn một lúc lâu ngài mới trở gót vào gặp ông Thuận. Ngài cố ý đến muộn vì câu chuyện cần phải bí mật. Nghe tiếng gõ cửa, ông Thuận ngỡ là có người hoạn nạn tìm đến cậy nhờ. Mở cửa, thấy ngài Tri huyện, ông Thuận niềm nở mời vào khêu to đèn rồi hỏi:

- Có việc gì mà lương y phải vất vả vào lúc canh khuya này. Nếu có lương y cứ dậy.

Ngài Tri huyện cung kính:

- Lão Chài quá lời rồi. Tôi mới là người cần lão Chài chỉ giáo. Hạnh ngộ được nghe chuyện của lão Chài, tôi biết lão Chài đã xem nhẹ chuyện sinh tử. Giờ chỉ có lão Chài và tôi nên tôi cũng không dấu làm gì. Mấy mươi năm trước lão Chài phải dấu họ tên. Hôm nay, tôi cũng như lão Chài mấy mươi năm trước. Lão đã không dấu chuyện đời lão thì tôi cũng chẳng dấu chuyện của tôi làm gì.

Lão Chài đỡ lời:

- Thì ra lương y cũng đang gặp hoạn nạn, đầu đuôi thế nào?

Ngài Tri huyện đáp:

- "Sống vì nghề, khổ cũng vì nghề". Tôi cắt thuốc cho con giai một nhà giàu. Chén thuốc của tôi tối kỵ sâm. Nếu chén đó có thêm vài ba phân sâm người bệnh uống vào sẽ trụy mạch. Ông nhà giàu thấy chén thuốc của tôi bốc không có sâm tưởng rằng tôi ngầm chê ông ấy keo kiệt. Vì có sâm chén thuốc phải thêm tiền. Hàng xóm của ông nhà giàu không biết gì về thuốc nhưng lại làm ra vẻ giỏi giang. Nghe ông nhà giàu phàn nàn chén thuốc của con giai không có tý sâm nào, ông hàng xóm bèn chê ra chê vào. Ông nhà giàu bực bèn mua một củ sâm to cho vào chén thuốc của tôi cắt cho con ông nhà giàu. Thằng nhỏ uống xong bệnh tăng như nồi cơm sôi. Con chết, ông nhà giàu kiện. Quan cho lính đến bắt tôi. Vì vậy tôi phải trốn.

Ngài Tri huyện dựng một câu chuyện, người có hiểu biết về thuốc sẽ tìm

thấy sự vô lý nhưng lão Chài lại rất tin bèn an ủi:

- Âu nó cũng là cái hạn. Nếu không có cái gã hàng xóm cười ông ấy chắc gì chén thuốc đã có thêm củ sâm. Ai ngờ lương y cùng cảnh như tôi.

Ngài Tri huyện chỉ cần lão Chài tin và rõ ràng lão Chài đã tin. Thế là ngài hỏi cái điều cần hỏi:

- Hai thằng Cu nhớn Cu con chắc có chuyện nên lão Chài có vẻ lo cho chúng lắm?

Lão Chài làm ra vẻ hệ trọng:

- Người khác mang kìm cạy mồm tôi, tôi cũng không nói. Nhưng lương y cũng oan ức như tôi nên tôi không dấu. Ngay đêm đầu Cu nhớn ngủ ở chỗ tôi, nó nói mơ: "Ông sẽ đâm chết Tế tướng, đâm chết Tổng quản..." Những câu sau Cu nhớn ú ở tôi không nghe rõ. Sáng hôm sau, tôi net Cu nhớn. Hề nói thật thì tôi cứ mang và giữ kín chuyện cho, không nói thật tôi đuổi đi ngay. Sợ bị đuổi đi, Cu nhớn nói hết. Nó là thằng nhỏ cầm dao định đâm Tế tướng ở pháp trường mấy năm trước đấy. Việc lộ ra, nó dẫn em trai đi trốn. Không bắt được nó, Tế tướng sai tổng quản thị vệ giết bà nó và mẹ nó.

Ngài tri huyện thông minh đỡ lời:

- Hôm nay có lão Chài, có tôi và có giới, tôi không bao giờ để lộ chuyện này.

Ngài Tri huyện quay về, gà đã gáy canh tư. Vài ngày sau, Ngài đi gặp Cu nhớn, khi ấy Cu nhớn đã là chàng trai tráng kiện đi bể giới và cũng là một trong số những người được ngài Tri huyện cứu sống trong trận dịch tả. Anh định một lúc nào đó đến cảm ơn lương y và xin được theo học nghề thuốc. Nhưng anh chưa kịp đến cảm ơn lương y thì lương y đã đến chỗ anh. Dẫn đo kỹ, ngài Tri huyện đi thẳng vào vấn đề:

- Cứ coi bác như lão Chài vậy, cháu không phải e dè gì. Cháu hoạn nạn mới đến đây, bác cũng hoạn nạn nên mới gặp cháu. Vì sao cháu lại mang dao đâm Tế tướng và Tổng quản để nhà mang hoạ?

Cu nhớn biết lão Chài đã kể chuyện của anh cho lương y nghe. Cu nhớn rất kính trọng lương y nên không dấu nữa:

- Cháu là người chịu ơn công tử con quan Ngự sử. Công tử chết oan, thảm hại quá. Cháu muốn báo thù cho công tử nhưng mọi người ngăn lại. Việc

bại lộ cháu phải trốn. Tế tướng và Tổng quản không bắt được cháu bèn giết mẹ cháu và bà nội cháu.

Ngài Tri huyện lại hỏi:

- Cháu có ý định minh oan cho công tử không?

Cu nhớn nhìn thẳng vào mắt ngài Tri huyện "Người này có thể tin được", Cu nhớn nghĩ như vậy bèn nói:

- Cháu không dấu gì bác, cháu tên là Mộc, em cháu tên là Mạc. Cái tên Cu nhớn, Cu con là tên cháu tự đặt khi trốn đến đây. Cháu rất muốn trả thù nhưng cháu làm được gì?

Ngài Tri huyện động viên:

- Làm được gì thì chưa chắc, nhưng cháu có lòng với công tử, dưới xuôi vàng công tử sẽ hiểu lòng tốt của cháu. Lưới trời lồng lộng cháu ạ. Những kẻ ác không thoát được đâu.

Ngài tri huyện khéo léo bộc lộ ý mình để Mộc không lo ngại gì:

- Bác có biết công tử ấy bởi bác đã một vài lần bốc thuốc cho quan Ngự sử. Công tử ấy là một thiếu niên khôi ngô, thông minh, tính nết rất tốt. Làm được gì để minh oan cho công tử ấy, bác cũng không tiếc, chỉ e lực bất lòng tâm.

Câu nói của ngài Tri huyện làm cho Mộc sững sờ. Mộc không ngờ lại gặp được người biết con trai quan Ngự sử và có ý minh oan cho ân nhân của mình. Mộc cảm động xiết đổi:

- Cháu tin rằng bác làm được. Cháu cảm thấy bác không chỉ là lương y. Bác còn là gì nữa ấy mà cháu không nói ra được ...

Ngài Tri huyện cũng bất ngờ. Chàng trai làng chài tên là "Cu nhớn" lầm lũi năm mười ba tuổi dám dấn dao nháy vào pháp trường đâm Tế tướng và Tổng quản thị vệ. Nếu không có người ngăn lại chắc chắn Cu nhớn không còn đến hôm nay. Hành động gan góc nhưng đại dột của Cu nhớn - Mộc đã dẫn đến cái chết thảm khốc của bà nội và mẹ. Thế là hai đứa trẻ, anh mười ba, em mới lên mười mất cả cha lẫn mẹ. Chúng bơ vơ giữa trần gian cho đến khi gặp ông Thuận. Từ đó, Mộc nuôi chí trả thù cho người thân và cho ân nhân mười sáu tuổi đã chết bởi lưới gươm tàn bạo của Tổng quản thị vệ và Tế tướng.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 11

Bà Thục Trâm quay về chợ Hải Đông vào nhà người thân lấy bạc của bố đã gửi từ trước rồi quay trở lại đón Kim Phụng đi. Kim Phụng hỏi bà vì sao phải chạy trốn. Bà Thục Trâm trả lời gọn lỏn "nhà gặp nạn". Cô bé rất thông minh nhưng mới mười bốn tuổi đầu nên chưa hiểu những gì chứa đựng trong ba từ ấy. Nhưng nhũ mẫu là người thông minh, chín chắn đã phải dẫn Kim Phụng đi trốn, có nghĩa là nguy hiểm, đau đớn đang ụp xuống nhà Kim Phụng.

Hai người dừng chân ở một ngôi chùa khác cách Hải Đông ba ngày đường. Chùa này có một sư nữ là cháu ông Tú - phu quân của bà Thục Trâm. Sư nữ này chăm nom cho Kim Phụng còn bà Thục Trâm cải trang lên kinh thành nghe ngóng. Bà biết tin, hai nhà đã bị chém. Thế là mới mười bốn tuổi đầu, Kim Phụng đã mất cha, mất mẹ, mất anh phải lìa nhà như chim non mất tổ.

Bà Thục Trâm hiểu song thân và hai em đã kịp trốn thoát. Nếu nhà bà bị hại, dân đã bàn tán ầm lên. Bà về chùa đón Kim Phụng đi đến nơi khác tránh sự đuổi bắt của Tổng quản thị vệ. Chuyện đau lòng của nhà quan Tổng đốc bà Thục Trâm dấu biển. Bà chỉ nói cả nhà Tổng đốc mới bị tạm giam vì có người cáo giác. Bà chưa dám nói rõ sự thực sợ Kim Phụng không đủ sức mà chạy. Nhưng vì quá thương yêu học trò, bà vô tình nói ra chuyện Kim Phụng đã được Tướng công hứa gả cho công tử con quan Ngự sử. Mười ngày nữa thôi, nhà trai sẽ sang bỏ giàu. Sang năm mới, tiểu thư sẽ về nhà chồng. Nhưng không may công tử cũng gặp nạn cùng quan Ngự sử. Kim Phụng vui trong bàng hoàng, sợ hãi. Thì ra mình đã có nơi có chốn. Hèn gì lần nào quan Ngự sử viếng thăm thân phụ cũng có công tử đi theo. Kim Phụng còn hỏi nhũ mẫu nhiều điều. Nhũ mẫu đều khất. Kim Phụng có nài cũng không được. Cô bé hiểu rằng điều gì nên hay không nên nhũ mẫu đều biết cả. Bởi trí tuệ của nhũ mẫu ít người bì kịp.

Bà Thục Trâm và Kim Phụng lại rời chùa. Hai người càng rời xa kinh thành

và vùng Hải Đông thì nguy hiểm càng giảm đi. Trong trang phục người miền núi, gùi thuốc sau lưng, bà Thục Trâm tìm những con đường ít người qua lại cất bước. Cũng vì vậy, đoạn đường phải đi cứ dài ra. Phải đi bộ hết ngày này sang ngày khác, trong lòng lại lo lắng là một cực hình với tiểu thư con quan. Cũng may, bà Thục Trâm đã lường trước điều này. Bà chế ra một loại thuốc bóp rất tốt. Cứ đi được vài ba dặm, bà Thục Trâm lại dừng chân bóp thuốc cho Kim Phụng. Tối tối, bà cho cô bé ngâm chân vào nước ấm pha muối một lúc lâu. Sau đó, bà bóp thuốc cho Kim Phụng từ đầu gối tới bàn chân. Vì vậy, sau giấc ngủ đêm, đôi chân của Kim Phụng khoẻ lại chuẩn bị cho hành trình ngày hôm sau. Khi hai người đã rời xa vòng nguy hiểm, bà Thục Trâm thấy không phải vội vàng nữa. Bà lại dạy chữ, dạy nghề thuốc cho Kim Phụng. Nhưng vì hai người đang lánh nạn nên việc dạy cho Kim Phụng chữ nghĩa và nghề thuốc phải khéo léo tránh sự nhòm ngó của mọi người. Bà Thục Trâm chỉ dừng chân ở nơi nào mà bà cảm thấy không nguy hiểm. Có vùng hẻo lánh, bà dừng chân vài ba tháng. Bà không chủ trương chữa bệnh trên đường chạy trốn. Tuy vậy, dừng chân ở đâu, gặp con bệnh lạ, bệnh nặng mà các lương y khác bó tay, bà sẵn sàng cứu chữa. Đó là cách bà nâng cao trí tuệ cho mình và cho Kim Phụng thực hành. Đó cũng là cách bà lấy lòng người nơi bà trú chân.

Ngày về kinh thành nghe ngóng, lúc ấy cuộc chém giết vừa diễn ra. Bà Thục Trâm rất mừng vì thân phụ không xảy chuyện gì. Nhưng từ ngày ấy về sau, bà không biết tin gì về gia đình. Hoàn cảnh không cho phép bà đi tìm bố mẹ và hai em. Bà lo lắng, bố mẹ giờ ở đâu? Đáng ra bố mẹ đã ở tuổi ấy, bà phải sớm tối phụng dưỡng người, đằng này bà lại đang lênh đênh ở một phương trời xa cách công làng mấy tầm chim bay mỗi cánh. Biết làm gì được, bà chỉ biết trông vào Giời, Phật.

Bà Thục Trâm cố dấu Kim Phụng việc hai nhà đã bị chém. Nhưng sự kiện ấy lớn quá. Nó như một con voi mà bàn tay bà chỉ to bằng cái lá mít nên khó che cho kín. Biết làm gì đây? Bà lo lắng, không sớm thì muộn Kim Phụng cũng biết.

Một lần bà và tiểu thư chờ sang đò ở một bến sông khá tấp nập. Bà cố tránh bến đò ấy tìm bến đò vắng vẻ để qua. Nhưng quanh vùng không có bến đò

nào nữa nên bà phải đi qua bến đò mà bà thấy ngại. Thôi thì bà và tiểu thư đi thật sớm vậy. Nhưng tính toán của bà dù kín kẽ đến đâu cũng là có hạn mà trần gian lại muôn vẻ. Đúng ngày qua đò, bà và tiểu thư ra bến lúc vừa rạng đông. Nào ngờ hôm ấy sương rất dày. Sương dày đến nỗi phải dễ sương mà đi như người đi qua đồi tranh mà không có đường. Cách nhau ba bốn bước, người đi sau không trông thấy người đi trước. Sông rộng, sương dày, đò nhỏ lại ọp ẹp nên ông lái kỹ tính chờ sương loãng mới cho đò sang ngang. Mà ông lái kỹ tính cũng phải thôi. Sương như bịt lấy mắt, sông rộng, nước xiết, chuyện gì sẽ xảy ra khi đò nặng ra giữa dòng. Mạng người đâu phải cọng rơm. Chuyện sông nước chớ có bền. Sơ sẩy một tý là ông lái đi tù. Đò cắm sào, khách qua đò ùn lại. Chuyện trên trời dưới đất, chuyện hay chuyện dở như ngô bèn chảo nóng. Thôi thì đủ chuyện. Cuối cùng mọi người xoay quanh chuyện hai nhà chết oan, hơn một năm rồi mà cứ như mới hôm qua. Là vì ở kinh thành vừa xảy ra một vụ bắt bớ, nghe đâu những người bị bắt có ân nghĩa với quan Ngự sử. Một người trầm trồ: "Con giai quan Ngự sử cứng cỏi thật dám bênh quan Tổng đốc, tố cáo Tế tướng gian xảo, tàn bạo". Một người hỏi: "Công tử ấy bao nhiêu tuổi nhỉ?" Một người khác lên tiếng: "Nghe đâu mới mười sáu, mười bảy. Vậy mà xem cái chết như không". Một người thêm vào: "Dân kinh thành kháo nhau cậu ấy lành như bụt ốc lại chơi cả với lũ trẻ con nhà nghèo nữa chứ". Lại một người góp chuyện: "Lúc Tổng quản đâm cậu ấy máu vọt lên như cầu vồng, sáng như lửa. Cái thẳng nhỏ dẫu dao đâm quan mới to gan chứ. Nó con nhà nào không biết?". Một người nào đó phán đoán: "Chắc cũng là máu mủ với quan Ngự sử. Nghe nói lúc quan Ngự sử và quan Tổng đốc bị chém, trời tối sầm lại rồi giông gió nổi lên ầm ầm. Hai vị ấy chết giờ cũng đau lòng ..."

Khi yêu ai, người ta thường dùng những lời đẹp đẽ, những việc đẹp đẽ gán cho người đó dù không có lý mà mọi người vẫn tin. Cái chết của hai nhà tự nhiên nhuộm màu huyền thoại. Vậy là, khi một người qua đời mọi người sẽ thấy lúc sống người ấy như thế nào. Qua lời của những người dân quê, đức tính tốt đẹp của quan Ngự sử và quan Tổng đốc trở nên bi thương và lộng lẫy. Mỗi lời nói của những người chờ đò làm cho Kim Phụng gai người lên. Thế là bố mẹ và anh đã bị chém. Kim Phụng ngất đi. Cũng may là sương

dày không ai nhìn thấy. Bà Thục Trâm lặng lẽ nhét vào mồm Kim Phụng một lát sâm mông. Lúc Kim Phụng tỉnh lại, bà dìu Kim Phụng trở về nơi đang tạm trú. Cuộc hành trình tiếp theo tạm gác lại.

Những lời nói của khách đợi đờ cứ như từng nhát búa bổ vào đầu Kim Phụng. Hy vọng của Kim Phụng được gặp lại bố mẹ và anh, lại cả công tử con quan Ngự sử không còn nữa. Kim Phụng bỏ cơm chẳng nói gì mà chỉ khóc và giận nhũ mẩu. Bà Thục Trâm rơm rớm nước mắt: "Trong cơn hoạn nạn này nếu không vì con chắc nhũ mẩu không vất vả. Lúc này, nhũ mẩu phải dựa vào tiểu thư, tiểu thư phải dựa vào nhũ mẩu, ngoài ra không còn ai khác đâu. Tiểu thư giận nhũ mẩu, nhũ mẩu đành chịu vậy. Thông minh như tiểu thư hẳn tiểu thư hiểu vì sao nhũ mẩu phải nói dối..." Trông giọt lệ lăn trên gò má xanh xao của nhũ mẩu, tiểu thư thấy thương nhũ mẩu quá." Bố mẹ chỉ có công đẻ, nuôi nấng dạy dỗ cứ mang mình lại là hai nhũ mẩu. Nhưng phần lớn gánh nặng của mình đè nặng lên nhũ mẩu Thục Trâm. Mình ở địa vị nhũ mẩu, mình cũng nói dối. Nếu nhũ mẩu nói thật, mình có đủ sức vượt ra ngoài vòng đuổi bắt của bọn gian ác không? "Nghĩ như vậy, Kim Phụng cảm động: nói: "Con biết rồi, con có lỗi. Nhũ mẩu bỏ qua cho con" Rồi Kim Phụng òa khóc. Bà Thục Trâm ôm lấy Kim Phụng nựng: "Tiểu thư không có lỗi. Tang tóc như thế không đau lòng sao được. Khổ sở mấy nhũ mẩu cũng không sợ mà chỉ sợ không lo được cho tiểu thư thì phụ lòng Tướng công và phu nhân".

Bà Thục Trâm và Kim Phụng đã qua hơn hai năm lênh đênh, gió bụi. Bà muốn dừng chân lâu dài ở một nơi nhưng chưa có nơi nào vừa ý. Cuối cùng hẻm núi hoang vắng bà thấy là hơn cả. Bằng con mắt phong thủy, với bà đó là đất sống. Với những kẻ truy sát Kim Phụng, dò tìm lần ra nơi ở của hai người, đó là đất chết. Vì hẻm núi chỉ có một đường mòn thông với đường quan đã được hai bác tiểu phu ngầm canh gác. Hễ có gì khả nghi, họ đánh mõ báo cho bà. Đã vậy, lối mòn dẫn vào nơi bà ở có hai điểm nghẽn. Bà dựng lên hai cái cổng rất chắc chắn. Ai muốn đi qua phải đợi bà hoặc Kim Phụng mở ra cổng mới an toàn. Bởi vì mỗi cổng có buộc kèm một đoạn tre thẳng đứng theo cái cổng. Đoạn tre ấy có hai ống. ống dưới dựng một loại phấn hoa gây ngủ cực nhanh. Phấn hoa ấy được trộn với vôi bột. ống tre

này có nhiều lỗ thoát khí rất nhỏ. ống bên trên đựng nước có một lỗ thông với ống dưới đựng phấn hoa trộn vôi. Nhưng cái lỗ thông xuống ống dưới ấy có một cái chốt hãm rất nhạy lại được trít bằng sáp ong nên bình thường nước không rò xuống ống dưới. Do đó phấn hoa trộn vôi bột vẫn khô. Khi người lạ mở cổng, cái chốt bật ra, nước từ ống trên chảy cả xuống ống dưới. Phấn hoa trộn vôi bột nhanh chóng biến thành hơi thoát ra. Những người xung quanh cổng hắt hơi vài ba cái và cơn buồn ngủ đến nhanh như cơn giông mùa hạ. Ai thoát được ngủ ở cổng ngoài vào đến cổng trong ngủ nốt. Khi họ tỉnh dậy, bà Thục Trâm và Kim Phụng đã theo con đường mòn bí mật thoát ra khỏi nơi ở và chìm vào đại ngàn phía sau lâu rồi.

Sau khi làm xong "công trình phòng thủ" này, bà Thục Trâm đã "diễn tập" ba bốn lần. Kết quả thật "kinh hoàng". Người mở cổng nhiễm hơi phấn hoa, đi nhiều lắm là dăm chục bước mắt đã lơ mơ, đi vài ba chục bước nữa là nằm lãn ra ngủ.. Trong khi đó, từ cổng thứ hai vào nơi ở của bà Thục Trâm chừng bảy trăm bước chân. Loại phấn hoa này không độc hại mà chỉ làm cho cơn ngủ đến nhanh.

Bà Thục Trâm dẫn Kim Phụng đến hẻm núi hoang vắng làm nhà ẩn thân. Nhân một lần bác tiều phu hỏi tên bà và tiểu thư để tiện việc xưng hô, bà suy nghĩ giây lát rồi trả lời tên của bà là Dưỡng Phụng, nghĩa là bà nuôi dưỡng chim Phụng. Kim Phụng phải ẩn thân nên bà gọi là ẩn Phụng. Từ đó người xóm núi chỉ biết có ẩn Phụng và Dưỡng Phụng. Cái tên Thục Trâm và Kim Phụng được dấu kín trong lòng hai thầy trò lánh nạn.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 12

Oanh Nhi bước vào trong cổng dinh Tể tướng năm mười bảy tuổi. Thê thiếp đầy nhà nhưng ông ta quên hết từ khi bóng Oanh Nhi thấp thoáng trong dinh. Bởi Oanh Nhi trẻ lại có nhan sắc. Người hầu gái của Tể tướng đã luống tuổi phải đi làm việc khác. Oanh Nhi được thay vào chỗ của người hầu gái đã nhạt xuân. Ghê thay là sóng người đẹp. Nó đã làm cho Tể tướng chìm đắm. Vì thế, ông ta yêu quý Oanh Nhi và tin cô hầu hơn tin vợ. Có những việc hệ trọng, cô hầu biết mà phu nhân không biết. Mai mĩa hơn có lần, phu nhân phải nhờ cô hầu nói với phu quân một việc mà bà cần. Cái hôm Tể tướng đóng cửa ướm bút để viết thêm bốn chữ "phế phụ lập tử" vào thư của quan Tổng đốc gửi quan Ngự sử cũng có Oanh Nhi ở đó, chứng tỏ ông ta tin cô hầu ruột tới mức nào. Để cho hết chữ của quan Tổng đốc, ông ta viết đi viết lại nhiều lần trên nhiều bản nháp. Cẩn thận, ông ta đốt hết các bản nháp. Nhưng ông ta có biết đâu một bản nháp bị gió cuốn bay vào góc nhà. Khi ông ta vội vàng vào cung thì cô hầu nhặt được tờ giấy nháp đó. Ngày ấy, hai người mặn mà với nhau. Nét chữ của Tể tướng như hoa. Quý người quý cả chữ, Oanh Nhi ngấm chán rồi cất kỹ tờ nháp đó vào túi đựng đồ coi như báu vật vậy.

Mấy năm sau, Oanh Nhi có thai. Tể tướng ăn vụng nhưng muốn chùi mép cho sạch. Ông ta bèn kén một người hầu gái khác, cho Oanh Nhi ít bạc rồi khuyên Oanh Nhi tìm cửa khác mà nương nhờ. Oanh Nhi không muốn ra khỏi cổng dinh Tể tướng. Một người hầu già trong dinh Tể tướng khuyên: "Nếu cô không ra khỏi cổng thì sẽ thành ma ngay đấy.." Sợ quá, Oanh Nhi xách túi ra khỏi cửa dinh Tể tướng. Xấu hổ không dám về quê, Oanh Nhi đến một bến đò lớn dựng quán bán hàng, sinh được một con trai. Đang nhàn hạ được yêu chiều, ăn trắng mặc trơn bỗng thui thui một mình ôm con bên dòng sông vắng, Oanh Nhi oán Tể tướng lắm nhưng không làm gì được.

Thằng nhỏ đã lên ba. Nó như Tể tướng in sang. Nhìn con, nổi hận trong

lòng Oanh Nhi càng dâng lên. Người con gái như một bông hoa. Bông hoa Oanh Nhi có chút hương chút nhụy. Tế tướng lấy đi cả. Ôm con vào lòng, nước mắt giàn giụa, Oanh Nhi chấp chờn nhớ lại bảy năm trước.

Oanh Nhi là con nhà nghèo ở kinh thành. Khi mới sinh ra, chân phải của cô thiếu ngón út. Một ông có chữ ở gần nhà cô đã đặt cho cô cái tên là Khuyết Nhi. Cô thiếu một ngón chân có lẽ vì thế trời bù cho cô dung nhan thanh tú. Năm Khuyết Nhi mười hai tuổi, bố qua đời. Nhà bốn chị em, Khuyết Nhi là út nên mẹ thương Khuyết Nhi lắm... Bà muốn bù đắp cho Khuyết Nhi để cô út đỡ tủi thân cơm thừa canh cặn. Nhưng một mình gánh trên vai bốn con giữa thời buổi khốn khó, bà lấy gì bù đắp cho giọt máu út ít. Nhà đói lắm mà lớn lên Khuyết Nhi cứ đẹp. Năm mười lăm tuổi, Khuyết Nhi đã làm nhiều chàng trai để ý. Một hôm, quản gia quan Tế tướng đi qua. Thấy cô gái bán cam ở đầu đường cao ráo, óng ả, da trắng, tóc dài, quản gia Tế tướng lân la hỏi những người gần đó. Biết nhà Khuyết Nhi ở không xa, quản gia Tế tướng tìm vào nhà. Y ngỏ ý với mẹ Khuyết Nhi cho Khuyết Nhi vào giúp việc trong dinh Tế tướng. Mẹ Khuyết Nhi không bằng lòng. Quản gia Tế tướng ra về rồi không thấy quay lại nữa. Mẹ Khuyết Nhi tưởng chuyện thế là xong. Hơn một năm sau, mẹ Khuyết Nhi ốm nặng. Trong nhà, chiếc bát mẹ cũng không còn. Giữa lúc đó quản gia Tế tướng lại xuất hiện. Hắn mang tới hai mươi lạng bạc "mua" Khuyết Nhi. Mẹ Khuyết Nhi vẫn từ chối. Nhưng mẹ ốm, nhà quá quẩn bách, Khuyết Nhi đành nhắm mắt đưa chân. Năm đó Khuyết Nhi mười bảy tuổi.

Bước vào cổng dinh Tế tướng, Khuyết Nhi lọt ngay vào mắt vị quan đầu triều. Ông ta chiều chuộng cô hầu trẻ hơn chiều phu nhân và hứa cưới Khuyết Nhi làm thiếp. Người đẹp thiếu một ngón chân út không hề gì. Nhưng tên của cô hầu không ổn. Nhà Tế tướng luôn mong đầy, cô hầu lại tên là Khuyết Nhi nghe nghịch tai lắm. Tế tướng phải đặt cho cô hầu cái tên khác. Tiếng nói của Khuyết Nhi trong như tiếng oanh vàng. Tế tướng gật gật đầu, gọi nàng là Oanh Nhi vậy. Khuyết Nhi trở thành Oanh Nhi từ đó.

Năm Oanh Nhi hai mươi tuổi mẹ mất. Phận nghèo khó thôi đành làm lẽ vậy. Thế thì phải có con với Tế tướng mới mong ở cả đời với ông ta được. Nào ngờ Tế tướng là kẻ bất nhân. Hoa cũ sắp tàn ông ta tìm hoa mới.

Một đêm hè trăng sáng ngập trần gian. Con trai tròn giấc từ lâu nhưng Oanh Nhi không sao chợp được mắt. Nhìn qua kẽ cửa, sông đầy sóng trăng, Oanh Nhi bèn ra bến sông nhìn trăng, nhìn sóng. Có một đám mây lớn đỏ như máu trông rất lạ bay tới che lấp cả mặt trăng. Oanh Nhi sợ quá vội rảo bước về nhà. Bỗng từ đám mây có người nói: "Nàng không phải sợ. Một vài ngày nữa con trai nàng gặp nạn nhưng sẽ có người đến cứu. Nàng hãy kể lại nỗi khổ của nàng cho người ấy nghe. Người ấy sẽ rửa nhục cho nàng". Oanh Nhi chắp tay vái: "Ngài là ai mà lại biết nỗi khổ của tiện nữ?" Tiếng nói từ đám mây lại vang xuống: "Nàng chưa gặp ta bao giờ nên không biết ta là phải. Ta là Tổng đốc Hải Đông đây". Bất chợt một con gió lớn tràn tới đám mây tan biến, vầng trăng lại hiện ra.

Sự việc diễn ra trong chốc lát rồi tan đi không để lại cái gì khiến Oanh Nhi tự hỏi: "Có đúng mắt mình trông thấy đám mây ấy không? Có đúng tai mình nghe thấy những lời ấy không?" Một sự sợ hãi, lo âu chửa quấy trong lòng Oanh Nhi. Con trai đang khoẻ mạnh vậy nó gặp nạn gì? Sông nước? Có thể lắm. Thế là những ngày sau, Oanh Nhi luôn để mắt đến con trai, không cho thằng nhỏ hướng ra phía bờ sông.

Cạnh nhà Oanh Nhi có một thiếu nữ rất quý con của Oanh Nhi. Thiếu nữ thường dắt thằng nhỏ đi chơi lúc thiếu nữ rảnh rỗi. Chiều ngày thứ ba kể từ hôm Oanh Nhi gặp điềm lạ, thiếu nữ dắt thằng nhỏ dạo chơi. Oanh Nhi dặn: "Không được cho nó chơi gần sông, gần ao." Thiếu nữ làm đúng lời dặn của Oanh Nhi nên dẫn thằng nhỏ dạo quanh gốc đa gần đó. Bỗng dưng, một con rết đen, to bằng ngón tay cái từ cành đa rơi xuống đúng gáy thằng nhỏ. Nó thét lên và nằm quay ra đất. Con rết găm răng vào cổ thằng nhỏ. Thiếu nữ kêu ầm lên. Mọi người trông thấy con rết đen, to đều hoảng hồn. Vì chưa ai trông thấy con rết dữ dằn như thế. Chẳng ai dám gỡ con rết ra. Thằng nhỏ quần quai trên đất, da tím như quả mồng tơi chín. Oanh Nhi chạy tới bế thốc con lên rồi đánh bạo cầm đuôi con rết kéo căng để nó nhả gọng kìm ra. Con rết đứt ra làm đôi hai răng nó vẫn cắm vào gáy thằng nhỏ. Vừa lúc đó có một ông già bước tới: "Chị để tôi cứu cháu."

Ông già lấy từ túi vải ra một lọ thuốc nước nhỏ vào đầu con rết vài giọt. Chớp mắt, nó buông răng khỏi da thịt thằng nhỏ. Mở túi vải, ông già lại lấy

ra mấy viên thuốc giống như cái mắt cua cho vào mồm thằng nhỏ. Không phải chờ lâu, da thằng nhỏ tươi dần lại. Kiểm tra mạch cho thằng nhỏ, ông già nói như chỉ nói cho mình nghe: "Thoát chết rồi!"

Thằng nhỏ tiếp đi. Oanh Nhi bế thằng nhỏ về nhà. Ông già bước theo, tiếp bước ông còn có ba người nữa. Đó là hai trai tráng và một thiếu niên.

Chạng vạng tối, thằng nhỏ tỉnh giấc. Nó tè ra một vũng đỏ như nước gạo rang. Ông già cho nó ăn một bát cháo nóng có chế thêm một ít nước gừng. Một lúc lâu sau, thằng nhỏ lại nhảy như sáo.

Ông già ấy không phải ai khác mà chính là ngài Tri huyện. Ba người đi theo, hai trai tráng là Mộc và con trai út ngài Tri huyện còn một thiếu niên là em trai Mộc. ấy là vì Mộc muốn học nghề thuốc và mong muốn làm một việc gì đó rửa hờn cho mẹ, cho bà và cho công tử con quan Ngự sử. Chính vì vậy mà anh em Mộc xin phép ông Thuận cho anh em họ đi theo ngài Tri huyện.

Chợt Oanh Nhi nhớ lại chuyện lạ mấy đêm trước. "Con trai nàng gặp nạn nhưng sẽ có người cứu..." Người được thần linh báo cho biết mấy hôm trước là ông già này rồi. Oanh Nhi luống cuống bế lấy con rồi hỏi ông già:

- Con trai cháu bất ngờ gặp nạn may mà được ân nhân cứu. Nhưng sao ân nhân lại có sẵn thứ thuốc chữa rất cần?

Ngài Tri huyện đáp:

- Lão làm nghề buôn bán đi nhiều nên gặp nhiều bất trắc. Vì vậy lão phải mang một ít thuốc. Con rất ấy lâu nay chưa cần ai nên nọc nó nhiều và độc. May cho cậu nhà. Nếu không chữa kịp, cậu nhà không chết cũng bị liệt.

Ngài Tri huyện nhìn thằng nhỏ rồi ngờ ngợ: "Nó giống ai mà mình đã gặp? Ngài cố hình dung ... ánh mắt kia đúng ánh mắt của lão ấy. Chẳng nhẽ...."

Ngài bèn hỏi:

- Cậu nhà gặp nạn mà không thấy bố chạy chữa, vậy bố cậu nhà đâu?

Câu hỏi của ngài Tri huyện như cái gai đâm vào lòng Oanh Nhi. Oanh Nhi liền đáp:

- Thưa, con trai cháu không có bố.

Ngài Tri huyện lại hỏi:

- Không có bố nhưng phải là cốt nhục của ai chứ?

Căm hận dâng lên trong lòng, Oanh Nhi phải nén lại:

- Cháu có nói ra chưa chắc ông đã tin nhưng cháu cứ nói: Cốt nhục của nó là Tể tướng.

Ngài Tri huyện làm ra vẻ sợ sệt và khéo léo gợi chuyện. Oanh Nhi kể lại những năm tháng trong dinh Tể tướng cho đến khi bị hất ra đường với thái độ oán thán, căm giận. Ngài Tri huyện nghĩ thầm: "Muốn giải oan cho quan Ngự sử và quan Tổng đốc phải nhờ người này tìm ra tội lỗi của con cáo già đó. Nhưng người này đã là cái giẻ vớt đi còn ích gì...." Bất chợt trời cho ngài một ý. Ngài bèn nói:

- Chuyện của cháu không ai tin được. Tể tướng là quan đầu triều đã giao cốt nhục cho cháu thì ngài không để cốt nhục ấy như thế này. Vì chuyện này không khéo cháu mang hoạ đấy. Cháu lấy chứng cứ gì nói rằng cháu đã ở dinh Tể tướng và có con với ngài ấy?

Oanh Nhi nghĩ một lúc rồi vui vẻ đáp:

- Cháu có.

Lòng vui nhưng mặt cố giữ vẻ thản nhiên, ngài Tri huyện hỏi:

- Nếu chứng cứ của cháu là thật thì có thể....

Ngài Tri huyện khôn ngoan bỏ lửng câu nói. Oanh Nhi lục túi lôi ra một tờ giấy đưa cho ngài Tri huyện:

- Đây chứng cứ của cháu đây.

Cầm tờ giấy, trông thấy mấy chữ ngài Tri huyện bàng hoàng. "Hai nhà chết vì mấy chữ này đây". Tuy vậy, ngài vẫn khéo léo gợi chuyện để Oanh Nhi bộc lộ hết.

- Tờ giấy này chưa đủ cho người ta tin là cháu đã ở trong dinh quan Tể tướng.

Để tỏ rõ mình đã ở trong nhà Tể tướng và được tin cậy, Oanh Nhi kể lại đầu đuôi việc Tể tướng viết thêm bốn chữ vào thư của quan Tổng đốc. Tờ giấy nháp này Oanh Nhi nhặt được cất đi coi như một của quý bởi nét chữ như hoa của Tể tướng chứ không có ý gì khác. Nhưng với ngài Tri huyện, tờ giấy này là mạng của hai nhà. Một việc động trời sẽ xảy ra. Nếu bí mật này đến tai Tể tướng hoặc Tổng quản thị vệ thì hai mẹ con Oanh Nhi phải chết. Những người biết chuyện đời Oanh Nhi và tờ giấy này cũng khó toàn

mạng. Ngài Tri huyện thấy rằng, trước hết phải bảo vệ tính mạng cho đứa trẻ và mẹ của nó. Còn việc phanh phui chuyện này ra, ông phải cần tới con gái, chỉ có trí tuệ của Thục Trâm mới giúp ông có kế vện toàn.

Ngài Tri huyện cho con trai và Mộc ở lại "che chở" cho Oanh Nhi. Hễ có động, con trai ông phải đưa ngay mẹ con Oanh Nhi về làng chài. Ngài Tri huyện cùng với em trai Mộc là Mạc tiếp tục cuộc hành trình với "bảo vật" của Oanh Nhi trao cho.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 13

Phạm Bảo Hưng tức Phạm Vũ Long cùng mẹ dừng chân nơi xóm núi đã hơn năm năm nhưng lòng chàng lúc nào cũng bồn chồn nơi chân trời góc bể. Bố và em ái giờ ở đâu? Chị Thục Trâm có tránh khỏi tai hoạ không? Thấy con tư lự nhiều, bà Mận nói:

- Con có buồn rầu cũng không giúp được gì cho bố con, chị con và em con cả. Con phải làm gì sau này gặp lại bố khiến bố mừng ...

Bảo Hưng biết mẹ muốn nói gì bèn đáp:

- Con đã hiểu ý mẹ.

Thế là chàng chúi vào miệt mài đèn sách. Hơn một năm sau, chàng lều chõng đi thi và đỗ Cử nhân. Khoa thi ấy có một số kẻ đạo văn, chấm xong mới có người cáo giác. Các quan trường bèn tra xét thấy việc đạo văn là có. Hai Tú tài, một Cử nhân bị huỷ kết quả thi. Tin này đến tai nhà Vua. Ngài truyền Chánh chủ khảo mang bài thi của những người đã đỗ lên cho Ngài xem xét. Thấy bài thi của Phạm Bảo Hưng ý lạ, văn hay, chữ đẹp như hoa, nhà Vua bèn truyền Phạm Bảo Hưng lên kinh yết nhà Vua. Phạm Bảo Hưng dáng vẻ ung dung, mi thanh mục tú khiến nhà Vua yêu lắm. Ngài bèn ban một chức quan nhỏ và giữ lại ở bên Ngài giúp việc thư tịch. Phạm Bảo Hưng nghĩ về gia cảnh và cái tên giả của mình... Chàng biết nhà Vua không ưa Tể tướng. Nhưng vì giữ đạo hiếu với Vua cha nên Ngài chưa đụng đến viên quan đầu triều. Thêm nữa, thế lực của tể tướng lớn lắm. Muốn trị ông ta, Vua phải nghĩ cách và có lực lượng khi ông ta phạm tội có tang chứng rõ ràng. Nếu chưa đủ các yếu tố đó mà nhà Vua đã rung đến ông ta thì nước sinh loạn. Con thú nào cùng đường cũng hung hãn. Biết được tình cảm của nhà Vua với Tể tướng, Phạm Bảo Hưng cung kính:

- Tâu Hoàng thượng, được Người yêu thương, thần đội ơn bội phần. Nhưng thần có điều uẩn khúc... Hoàng thượng cho phép thần được nói kéo nữa sau này e rằng thần sẽ phạm tội gian dối.

Nghe những lời của Phạm Bảo Hưng, nhà Vua đồ rằng tân Cử nhân này

cũng đạo văn nhưng chưa bị cáo giác nên thú tội trước khi việc vỡ lở. Ngài bèn hỏi:

- Nhà người cũng đạo văn hay sao?

- Tâu Hoàng thượng, ai đã là chân nho đến trường thi phải tránh xa điều đó. Đã hiểu như vậy rồi, thần phạm quy sao được.

- Vậy người có uẩn khúc gì?

- Tâu Hoàng thượng, Phạm Bảo Hưng chỉ là cái tên che đậy của thần.

- Vì sao nhà người phải mang tên giả.

- Tâu Hoàng thượng, thần là con trai Tri huyện Trường Định.

- Tri huyện Trường Định à?

ánh mắt nhà Vua lộ vẻ suy nghĩ rồi Ngài lại hỏi:

- Có phải đó là vị Tri huyện có người con gái giỏi dang làm thầy học con gái Tổng đốc Hải Đông?

- Tâu Hoàng thượng, đúng là như vậy ạ.

- Thế thì Trẫm hiểu vì sao người phải mai danh rồi.

- Tâu Hoàng thượng, chẳng những cả nhà thần phải đổi tên mà còn phải làm cho gương mặt khác đi. Hai vết sẹo trên mặt của thần là do thân phụ thần dùng y thuật tạo ra. Thần có giữ được bộ mặt của giới cho đâu!

- Đáng thương! Đáng thương! Họ tên thật của người là gì, bao nhiêu tuổi?

- Tâu Hoàng thượng, tên thật của thần là Phạm Vũ Long, còn tuổi vẫn đúng như tờ khai thì hai mươi sáu ạ.

- Người về nói với ngài Tri huyện là không phải trốn nữa.

- Tâu Hoàng thượng, cha thần và em trai thần giờ không biết trôi dạt ở phương trời nào. Khi nhà gặp hoạ, em trai thần mới mười bốn tuổi.

- Ngài Tri huyện thật kín kẽ. Anh trốn một nơi, em trốn một nơi.

- Thần xin phép bệ hạ đi tìm cha và em, mong Người chuẩn cho.

- Người giữ đạo hiếu lẽ nào ta không chuẩn. Ta cũng vì giữ đạo hiếu với Vua cha mà có lúc bó chân bó tay. Mai ta cho người một chỉ ấn. Đi tới đâu, người vào huyện đường sở tại mà nhờ cậy. Có chỉ ấn của ta, người không phải mai danh ẩn tích nữa. Khi nào người tìm được thân phụ và hiền đệ, người dẫn cả về kinh.

Phạm Vũ Long sụp xuống vái lạy:

- Tâu Hoàng thượng, ân này của Hoàng thượng biết bao giờ thần mới đền đáp được.

- Người không phải lo. Trẫm có việc cho người báo đáp.

Phạm Vũ Long vái tạ rồi vội vã quay về. Có chỉ ấn của nhà Vua và lại được trở về với tên thật của mình, Phạm Vũ Long ngỡ như được tái sinh. Người ta thường nói: "phúc bất trùng lai" với Phạm Vũ Long thì không đúng. Chàng vừa đỗ Cử nhân lại vừa được nhà Vua ban chỉ ấn làm "Giấy thông hành" đi tìm cha và em.

Phạm Vũ Long về tới nhà, mẹ chàng mới hết lo. Bà cứ tưởng con trai phạm trường quy nên nhà Vua gọi lên kinh hạch tội. Nhưng điều bà tưởng ngược lại cả. Khi con nói được nhà Vua cho chỉ ấn, bà quỳ xuống lạy như lạy Thánh chỉ. Bà liền đặt chỉ ấn lên bàn thờ thắp hương khấn vái tổ tiên và chuẩn bị hành trang cho Phạm Vũ Long lên đường.

Ngày hôm sau, Phạm Vũ Long khởi hành rất sớm. Đi được tới hơn ba dặm rồi, chàng vẫn cảm thấy lo lo. Chàng bèn quay lại đưa mẹ gửi vào một ngôi chùa cách làng hai mẹ con chàng ngụ cư không xa. Chẳng là, sư bà trụ trì ngôi chùa ấy vẫn nhờ chàng giảng giải những chữ khó trong các bài thơ cổ. Được Phạm Vũ Long cậy nhờ, sư bà vui vẻ nhận lời.

Cuộc hành trình của Phạm Vũ Long về thời gian và không gian là vô định. Đúng là chàng đi tìm bóng chim tăm cá! Vì cha chàng vừa đi lánh nạn lại vừa đi tìm con gái mà con gái cũng đang bị Tể tướng cho người tìm bắt. Bởi vậy, trên đường đi, cha chàng phải dấu kín hành tung lại đi tìm một người cũng có ý thức che dấu mình thì thật khó vô cùng. Vừa đi vừa nghĩ, Phạm Vũ Long đoán rằng những nơi cha chàng đi qua chắc chắn ông sẽ chữa bệnh. Bởi vì như là căn nghiệp, gặp người bệnh cha chàng không thể làm ngơ. Thêm nữa, ông còn truyền nghề cho con và kiếm sống. Vậy chàng phải làm sao đặt bàn chân của chàng lên dấu chân của thân phụ đã bị bụi phủ mờ. Đi tới đâu, chàng cũng hỏi thăm hai bố con lương y Hiếu. Có ai hỏi này hỏi nọ, chàng đều đáp lại: "Người thân của tôi mắc trọng bệnh, chỉ có lương y Hiếu mới chữa khỏi". Bằng cách thức ấy, Phạm Vũ Long cảm thấy một cách lờ mờ là chàng đã bước vào dấu mỗi của con đường mà thân phụ đã đặt chân vào.

Có chỉ ấn của nhà Vua, Phạm Vũ Long vào huyện nào, hạt nào cũng nhận được sự giúp đỡ. Nhưng chàng cảm thấy làm như thế e không tiện. Bởi vậy, chàng thường tìm đến các ông đồ hoặc các nho sinh. Dù là lạ lẫm nhưng qua văn chương, chàng dễ tìm được sự đồng cảm. Từ đó, chàng hy vọng tìm ra dấu tích của cha.

Một hôm chiều đã vãn, Phạm Vũ Long ghé vào một quán rượu sơ sài ở ven đường uống vài ly tẩy trần. Vừa đặt chân tới cửa quán, chàng nghe một giọng ngâm buồn bã cất lên:

Sàng tiền minh nguyệt quang

Nghi kỵ địa thượng sương

Cử đầu khán minh nguyệt

Đê đầu tư cố hương

Tạm dịch:

Trước giường trăng sáng như gương

Ngõ là mặt đất có sương giăng màn

Ngừng đầu ngắm ánh trăng vàng

Cúi đầu thương nhớ quê hương khóc thầm!

Nhìn vào quán, chàng chỉ thấy một ông già đang đọc ẩm. Chàng bèn hỏi:

- Hậu sinh xin hỏi lão trượng, lão trượng là chủ hay là khách?

Ông già ngừng lên nhìn chàng, đáp:

- Lão vừa là chủ lại vừa là khách.

- Thưa, lão trượng nói thế hậu sinh chưa hiểu.

- Có gì mà chưa hiểu, khi có khách, lão là chủ. Khi không có khách, lão tự mời lão vài ba chén. Lúc ấy, lão không vừa là khách lại vừa là chủ hay sao?

- Hình như lão trượng đang có nỗi niềm, hậu sinh vào tẩy trần liệu có làm lão trượng bận lòng không?

- Mở quán thì phải đón khách. Khách đáo gia hữu ngọc kia mà.

- Lão trượng đang đọc ẩm có thể cho hậu sinh hầu lão trượng vài chén được chứ?

- Thế thì vinh hạnh cho lão quá. Đừng cho lão là tò mò, công tử là con nhà thi thư phải không?

- Chẳng hay vì sao mà lão trượng lại hỏi như vậy?

- Là bởi lão thấy công tử đáng điệu thanh tao, nói năng từ tốn.
- Thưa, hậu sinh cũng được học dăm bảy chữ của Thánh hiền. Chắc lão trượng không phải quê vùng này. Có tha hương mới gửi nỗi niềm vào thơ Lý Bạch đau đáu như thế.

Ông già thở dài đáp:

- Quê lão cách đây vài trăm dặm. Sáu bảy năm đi lính ăn cơm vua, trở về làng, lão với chức dịch ở làng như nước với lửa. Theo bọn họ, lão không còn là lão nữa. Không theo bọn họ, lão bị bọn họ chèn ép. Lão uất quá bán hết gia cư điền sản đưa vợ con lên đây mua đất lập cư. Chẳng là hồi đi lính, lão đã quen vùng này. Nhà lão kia kia. Cả nhà lão sống bằng nghề làm bánh tráng và nuôi heo. Lão mở cái quán tìm bạn cờ, bạn rượu. Chữ Thánh hiền lão chỉ võ vẽ. Bài thơ vừa nãy lão ngâm là ông đồ bạn cờ chép cho lão. Lão rất yêu quê mà phải xa quê. Bài thơ ấy hợp với cảnh tình của lão. Khi nào ngồi một mình, hễ lão nâng chén là bài thơ ấy hành hạ. Cứ tưởng mượn chén đuổi sầu, nào ngờ càng uống càng tỉnh, càng tỉnh càng buồn, câu thơ đứt ruột lại vang lên.

Ông già kể chuyện đời mình. Bất thức, mỗi lời ông nói như một mũi kim đâm vào lòng cái người đang đối ẩm. Mấy năm rồi, Phạm Vũ Long không bao giờ với lòng quê. Gần hai mươi năm kể từ khi năm trên võng đay khoanh trong lòng mẹ, chàng đã hít thở khí trời châu thổ nguyên trong. Những trưa đi câu, những chiều đuổi bướm, những đêm hè sáo trúc vờn trăng, bạn bè túm tụm trên cây cầu gỗ nhỏ trước làng cứ hiện lên mồn mồn trong chàng. Quê chàng đồng xanh ngút ngát. Xa xa, biển cả ồn ào. Mùa lúa chín, xóm làng như hội. Xuân về, trống rước thì thùng. Rồi những ngày cùng bạn bè ngồi bệt trong nhà cụ đồ Thanh khản cổ gào:

Thiên trời, địa đất

Cử cất, tồn còn...

Chiếc roi mây hiện về. Roi của thầy óng vàng. Ai nghịch ngợm, lười nhác thì chiếc roi trong tay thầy vút xuống. Tiếng roi xé gió rợn người. Nhưng roi chạm vào lưng trò lại không hề đau. Vậy mà chàng phải xa nơi ấy, lại phải dấu tên, dấu quê, dấu cả gương mặt trời phú. Cửa nhà tan nát, mỗi người náu thân một nơi, không biết sống chết thế nào! Tể tướng đối với

chàng "bất cộng đới thiên". Ông ta gieo hoạ cho cả nước chứ đâu chỉ riêng cho nhà chàng.

Thấy chàng ngồi ngẩn ra, ông già giục:

- Sao công tử cứ ngây ra vậy, nâng chén đi chứ!
- Lão trượng thứ lỗi, hậu sinh đang nghĩ tới một việc.
- Việc gì cũng cứ xếp lại đã. Đời người được mấy lúc rảnh rang nâng chén vui buồn với nhau.
- Thưa lão trượng, việc này không xếp lại được. Nếu chiều chưa vãn, hậu sinh không ghé vào quán của lão trượng đâu.
- Không phải nhà cháy thì cứ xếp lại.
- Việc của hậu sinh còn hơn cả cháy nhà ấy chứ.
- Việc gì mà hơn lửa vậy?
- Hậu sinh phải tìm bằng được một ông lang để chữa bệnh cho người thân.
- Lương y ấy tên là gì, ở làng nào quanh đây?
- Lương y ấy tên là Hiếu, không ở vùng này nhưng hình như đang chữa bệnh ở vùng này.

Ông già nheo nheo mắt rồi nói:

- Lâu rồi, cách nay dễ đến gần hai năm, có một lương y dẫn một cậu con trai đi qua đây. Nghe nói sau đó, lương y ấy chữa cho một bà già ở làng Bồng. Bà ấy đã mấp mé quan tài mà khỏi bệnh.
- Thưa lão trượng, làng Bồng cách đây xa hay gần?
- Cũng phải non nửa ngày đường.
- Đi về hướng nào, thưa lão trượng?
- Đi về hướng đông nam. Làng nào có cây gạo cao nhất thì đó là làng Bồng. Phạm Vũ Long trả tiền rượu rồi cáo biệt. Ông già không lấy tiền còn khuyên chàng nghỉ lại sớm mai hãy cất bước, vì lúc đó đã chạng vạng tối. Lòng Phạm Vũ Long như lửa đốt thì nghỉ lại sao được. Chàng phải đến ngay làng Bồng may ra...
- Cảm ơn lão trượng. Có thể lương y không còn làm thuốc ở đó. Nhưng tới làng Bồng có thể biết lương y ở đâu. Hẹn ngày tái ngộ hầu rượu lão trượng. Lão chúc công tử may mắn và đừng bao giờ quên lão già mất quê vì bọn chức dịch sâu bọ.

Phạm Vũ Long chấp tay vái và ái ngại cho tình cảnh của ông già. Đức Vua ở xa thấu sao được nỗi khổ của dân nơi làng thôn, xóm ấp do bọn cường hào gây nên. Chợ ông già gọi với theo:

- Ở này, công tử tên là gì nhé?
- Hậu sinh tên là Long.
- Lão tên là Mực, nhớ lấy.
- Hậu sinh sẽ nhớ.

Phạm Vũ Long guồng chân trên đường, vừa đi vừa hỏi thăm làng Bồng còn bao xa. Trăng hạ huyền đã nhô lên. Lúc ấy đường không một bóng người. Trong ánh trăng nhàn nhạt, cây gạo đã hiện lên xa xa. Phạm Vũ Long nhắm cây gạo rảo bước. Trăng đã lên tới đỉnh đầu. Gà gáy canh ba, chàng đã tới bên cây gạo. Còn hai trống canh nữa trời mới sáng, Phạm Vũ Long ngồi xuống tựa vào gốc gạo nghỉ.

Một cây hoè to cao, tán xanh tròn như chiếc ô lớn hiện ra trước mắt chàng. Từng chùm hoa vàng như nắng thơm ngát. Có đôi bướm trắng rập rờn quanh những chùm hoa ấy. Dưới bóng hoè, một giai nhân thơ thẩn. Trông thấy chàng, giai nhân thi lễ:

- Thiếp đợi chàng mấy năm rồi, sao hôm nay chàng mới tới?

Phạm Vũ Long lấy làm lạ. "Ta chưa gặp nàng lần nào thì có đâu hẹn hò để nàng đợi..." Chàng đứng ngẩn ra một lúc rồi hỏi:

- Nàng đợi ta thật sao? Ta đã gặp nàng lần nào đâu?
- Vậy mà thiếp gặp chàng rồi đấy.
- Nắng gặp ta ở đâu?
- Gặp trong mơ ...
- Mơ là chuyện hão huyền mà nàng cũng tin sao?

- Không tin không được. Vì thiếp không chỉ gặp chàng một lần. Mấy lần, thiếp mơ gặp chàng. Chàng còn nói, thiếp và chàng có nhân duyên. Rồi chàng hẹn đến thăm thiếp, chàng quên rồi chẳng?

Tờ mờ sáng, một người đàn bà đi chợ sớm thấy một trai trắng tựa vào gốc gạo ngủ bèn lay hỏi:

- Này anh này, nhà cửa ở đâu mà lại ra đây ngủ ?

Phạm Vũ Long bừng thức. Chàng không thấy cây hoè đâu cả, cũng không

thấy bóng giai nhân. Hoá ra là chàng đã thiếp đi. Vậy là những gì chàng vừa chứng kiến chỉ là mơ.

- Cãi nhau với vợ hay sao mà lại ngủ ở đây ?

- Thưa bà, tôi đi tìm một lương y.

- Làng này làm gì có lương y lương eo nào mà tìm.

- Tôi đi tìm nhà bà già ốm sắp chết mà lại được một lương y cứu thoát.

- Bà già ấy tên là gì ?

- Tôi cũng không nhớ nữa, chỉ biết là bà ấy đã sắp chết mà lại được lương y chữa cho khỏi bệnh.

Người đàn bà suy nghĩ khá lâu rồi nói:

- Tôi nhớ ra rồi, bà Nhu.

- Thưa bà, nhà bà Nhu ở chỗ nào, bà chỉ giùm tôi.

- Kia kia, cái nhà có cây hoè rở to ở ngõ ấy.

Phạm Vũ Long cảm ơn người đàn bà rồi bước tới phía cây hoè bóng xanh ngăn ngắt. Chàng dừng chân nhìn xuyên qua cánh cổng tre vào nhà thấy một thiếu nữ đang quét sân. Chàng bèn hỏi:

- Nàng làm ơn cho tôi hỏi, đây có phải là nhà bà Nhu không?

Thiếu nữ không đáp mà lại quăng chổi tre vào góc hè rồi đi vào nhà. Một lúc lâu sau, bà già bước ra hỏi:

- Ai có việc gì mà chưa bảnh mắt đã hỏi già này?

- Thưa, cháu có chút việc nên đến quấy quả bà sớm. Bà thứ lỗi cho.

Bà già quay vào gọi:

- Hương ! Cháu ra mở cổng mời khách.

Thiếu nữ ban nãy quét sân bước ra mở cổng. Phạm Vũ Long cất lời chào. Thiếu nữ không đáp mà chỉ khẽ cúi đầu rồi đứng nép về một bên nhường lối đi cho chàng. Chàng vào tới sân, cửa chính của căn nhà nhỏ nhắn đã mở sẵn. Bà già mời. Phạm Vũ Long nhẹ bước bước vào nhà. Sau khi chủ khách đã phân ngôi, chàng thi lễ:

- Thưa, bà có phải là bà Nhu không ạ?

- Lão là Bà Nhu.

- Vậy thì cháu phiền bà một việc

Bà Nhu găm mắt vào Phạm Vũ Long một lúc rồi hỏi:

- Cậu tên gì, là quan hay là dân ?
 - Thưa, cháu tên là Long. Nếu là quan, cháu không tới đây một mình.
 - Là quan, khi cần quan cũng lên lút đấy cậu ạ. Vậy cậu là gì?
 - Cháu là một nho sinh.
 - Già cũng đoán như vậy. Là quan, già này kiểu ngay. Cậu cần già việc gì?
 - Cháu tìm lương y Hiếu
 - Thế à ? Hương, pha trà cháu. Cậu là thế nào với lương y Hiếu?
 - Cháu là người nhà của con bệnh nặng tìm lương y Hiếu để con bệnh được sống.
 - Tôi tưởng cậu là con của ông Hiếu. Người đứng mà sao giống ông ấy thế. Phạm Vũ Long thầm khen "Bà già này nhận diện giỏi". Vừa lúc đó, cô gái có tên là Hương mang trà lên. Chao ơi, ở chốn xóm quê bùn đất mà sao lại có một thanh nữ dáng vẻ như hoa? Chàng chợt nhớ đến giấc mộng. ... Đúng rồi! Cây hoè và giai nhân. Kỳ lạ thật! Chàng khẽ thở dài nâng chén trà nhấp rồi hỏi:
 - Có phải lương y Hiếu đã chữa bệnh cho bà?
 - Ông ấy là ân nhân của tôi đấy.
 - Bà có biết lương y Hiếu bây giờ ở đâu không ?
 - Nghe nói, lương y đang ở mạn bể.
 - Thế này không phải, ban nãy bà nói: "Là quan, già này kiểu ngay". Vậy có lẽ một vị quan nào đó đã gây cho bà chuyện rắc rối.
 - Tôi đoán cậu có mối quan hệ thân thiết với lương y. Hơn nữa, tôi trông cậu hiền lành nên không dấu làm gì. Con cháu vừa dâng trà lên mang vạ do quan triều đình đấy.
 - Bà ạ, cháu cũng không dấu bà nữa. Cháu là cháu của lương y Hiếu. Bà có thể kể cho cháu nghe chuyện của cô nhà được không?
- Bà Nhu vui hẳn lên:
- Tôi biết mà, trông cậu giống ông Hiếu lắm. Chuyện của cháu là thế này. Nó khổ vì có nhan sắc. Quan triều đình tuyển nó vào cung. Nghe người ta nói, con gái vào cung là vào nhà tù, chỉ chuyện ghen ghét cũng đủ chết. Nó sợ quá bỏ nhà trốn tới đây. Lúc nó khổ nhất thì gặp tôi. Tôi không chông không con nên cứu mang nó. Nhà nó cách đây mười ngày đường mà

không dám về. Năm kia, lương y ở đây gần một tháng chữa bệnh cho tôi. Quý nó, lương y dậy nó được khối chữ. Nó hiền lành sáng dạ lắm.

- Thưa bà, năm nay cô nhà bao nhiêu tuổi.

- Năm nay cháu nó mười chín.

- Thế cô nhà đã...

- Nhiều người cầu hôn nhưng nó ngoảnh đi cả. Tôi thật có phúc nên đã gặp nó.

Từ ngày lớn lên, Phạm Vũ Long chưa xôn xao với một nụ cười nào. Vậy mà hôm nay, chàng lại xao xuyến với cô gái bất hạnh mới gặp lần đầu. Nhưng tiếng gọi phía trước may ra gặp cha và em không cho chàng nấn ná. Phạm Vũ Long bèn cáo biệt bà Nhu. Dẫu cất bước nhưng chân dùng dằng, chàng quay lại thấy cô gái đang trông theo...

Phạm Vũ Long tìm đến xóm chài nơi cha đã chặn đứng bệnh dịch tả. Rủi cho chàng, cha và em đã rời xóm chài hơn một năm. Chàng buồn đến cồn cào ruột gan. Điều an ủi chàng là mấy năm qua cha và em chưa gặp điều gì xấu. Nhưng từ ngày rời xóm chài ra đi, cha chàng có gặp rủi ro gì không? Cuộc hành trình tìm cha của Phạm Vũ Long đã qua hơn sáu tháng. Tiền nong sắp cạn, mẫu thân mong chàng từng ngày... Vậy là chàng tạm quay về. Chàng ghé qua nhà bà Nhu gửi cho cha một lá thư dán kín với hy vọng mong manh cha sẽ đi qua nơi đó.

Khi Phạm Vũ Long quay lại nhà bà Nhu, cô gái có họ tên là Trần Thị Hương - nghĩa tôn của bà Nhu không có nhà. Giấc mơ bên gốc gạo lại hiện về ... Một nỗi buồn xanh xao xâm chiếm lòng Phạm Vũ Long. Bóng hình mặt ngọc cứ mờ tỏ trong chàng. Chờ thì bất tiện, đi thì vấn vương, chàng bèn gặp giai nhân qua ngòi bút. Phạm Vũ Long nâng bút mà tứ thơ không đến. Chợt chàng nhìn ra ngõ, sắc hoè xanh đã cho chàng cảm hứng:

Một sắc hoè xanh lồng sắc liễu

Một mái tranh xờn mấy nắng mưa

Một bóng âm thầm nương xóm vắng

Một kẻ tha hương gió liễu đùa.

Vốn liếng chữ nghĩa của bà Nhu lổm bổm nên không hiểu ý của bốn câu thơ một cách tường tận. Nhưng bằng sự từng trải, bà cảm nhận được là

cháu vị lương y có tình với cháu bà. Bà mừng lắm.

Bài thơ đến tay Trần Thị Hương thì bóng Phạm Vũ Long đã mờ khuất phía trời xa! Trần Thị Hương hỏi lòng: "Có thật chàng thương em? Bao giờ, bao giờ chàng trở lại?". Lúc ấy, trên con đường gồ ghề, gió bụi giăng giăng, Phạm Vũ Long cứ vấp hoài...

Phạm Vũ Long quay về chùa thăm mẹ rồi lên kinh gặp Hoàng thượng. Hoàng thượng nói: "Chim trời, cá nước biết đâu mà tìm, có duyên không tìm cũng gặp. Trẫm sẽ cho người thỏa ước nguyện. Bây giờ, ta giao người việc này: Người đọc lại Bách Khoa Thư, chỗ được chỗ chưa được ghi chép cẩn thận. Ăn nghỉ của người có người lo rồi. Người không được ra khỏi cung. Người hiểu ý ta chứ?" Phạm Vũ Long quỳ xuống đáp. "Thần tuân chỉ".

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 14

Mấy năm lặn lội, qua hàng nghìn dặm đường hết nơi này lai nơi khác, ngài Tri huyện đến một làng quần cư của dân miền xuôi và dân miền núi. Một hôm, ngài Tri huyện vào trọ ở một nhà mà chủ của ngôi nhà ấy mới thoát chết. Qua một vài câu chuyện, ngài Tri huyện được biết chủ nhà ốm hàng năm, tốn nhiều tiền của thuốc gì cũng không khỏi. Cuối cùng nhờ thuốc của một "bà Tiên", bệnh lui ngay mà không hết mấy tiền bạc. Một linh cảm vụt lên, ngài Tri huyện hỏi chủ nhà:

- Thưa ông, "bà Tiên" ấy cách đây gần hay xa?

Chủ nhà đáp:

- Tôi cũng chưa gặp bà ấy mà cái người quen cho tôi ba chén thuốc biết bà ấy. Do tôi nghi ngại nên ba chén thuốc cứ treo ở trong buồng hàng tháng. Cái người quen đã cho thuốc thấy bệnh của tôi không giảm mà còn tăng lấy làm lạ bèn hỏi: "Bác đã uống thuốc chưa?" Tôi phải nói thật: "Tôi cảm ơn lòng tốt của bác nhưng không dám uống." Người quen của tôi cười: "Tôi thấy bác sắp chết nên cứu bác, bác nghi ngờ thì cho tôi xin lại." Lúc ấy tôi phải xin lỗi người đã cho tôi ba chén thuốc rồi sắc thuốc uống. Quả nhiên ba chén ấy là thần dược.

Ngài Tri huyện thoáng vẻ suy tư rồi nói:

- Ba chén thuốc vu vơ mà đuổi được bệnh nặng liệu có là chuyện huyền hoặc không ông?

Chủ nhà liền cắt nghĩa:

- Không vu vơ chút nào cả. Ông quen tôi cũng làm thuốc nhưng chưa cao tay. Một lần, sau khi xem mạch cho tôi, ông ấy nói: "Tài tôi không chữa được bệnh này. Nhưng tôi sẽ giúp bác..." Chừng mười ngày sau, ông ấy cho tôi ba chén thuốc. Khi khỏi bệnh rồi tôi muốn tìm thần y đó để cảm ơn. Người quen của tôi nói: "Đó là thuốc của một bà Tiên, gặp bà ấy khó lắm." "Gặp bà ấy khó lắm." Làm thuốc cứu người sao lại khó gặp? Ngài suy đoán: "Có thể lắm ... Khó gặp thì ta sẽ có cách". Ngài Tri huyện bèn nói

với chủ nhà:

- Tôi nhờ ông nói với người quen giúp tôi mấy chén thuốc được không?

Ông chủ nhà cười đáp:

- Nào có khó gì đâu. Nếu ông có chữ ông cứ kể bệnh ra giấy, mười ngày sau là ông có thuốc.

Cứ như ông chủ nhà nói thì việc tìm "bà Tiên" thuận lợi hơn ngài Tri huyện tính toán. Ngài Tri huyện mừng rỡ:

- Thế thì phúc cho tôi quá!

Một tờ khai bệnh có một không hai trên đời hiện ra trên giấy:

Bệnh tự hồi gia

Tải lục niên dư

Đông tây nam bắc

Phong trần tầm sư

Dưỡng hoa tiểu nữ...

Hộ quốc lương thần....

Tâm sư bất kiến

Khổ dạ thống tâm.

Tạm dịch:

Bệnh từ ngày về nhà

Đã hơn sáu năm rồi

Trái đông tây nam bắc

Vất vả để tìm thầy

Như thiếu nữ vun hoa

Như trung thần giúp nước

Tìm người mà không gặp

Nên dạ đón lòng đau!

Tờ khai bệnh được ông chủ nhà mang đi kèm theo một số tiền đủ mua thuốc do ngài Tri huyện mở hầu bao. Đêm ngày, ngài Tri huyện thấp thỏm...

Hai bác tiều phu đỡ đàn bà Dưỡng Phụng việc chữa bệnh cứu người, một bác sáng dạ nên học được nghề. Bà Dưỡng Phụng bèn giao cho bác tiều phu ấy thay bà tiếp người bệnh. Trừ những ca rất khó, bác tiều phu không

chân trị được mới mời bà Dưỡng Phụng ra nhà trực gần ngã ba đường xem bệnh. Từ đó, người bệnh gặp bà Dưỡng Phụng quả là rất khó.

Một hôm, bác tiêu phu tiếp một con bệnh qua giấy. Bác không biết chữ phải nhờ người đọc. Bác nghe đi nghe lại nhưng chẳng hiểu gì cả. Không còn cách nào khác, bác phải đưa cho bà Dưỡng Phụng. Mở tờ giấy ra, bà Dưỡng Phụng run lên. Tờ khai bệnh thực chất là một bài thơ bóng bẩy, sâu sắc kể bệnh nhưng không phải là bệnh mà nói đến vụ biến động triều đình mấy năm trước khi thân phụ bà đã cáo quan. Cũng từ đó, thân phụ bà dầm dãi gió sương đi khắp đông tây nam bắc tìm bà.

Hai câu:

Dưỡng hoa tiểu nữ
Hộ quốc lương thần

Theo nghĩa đen người bệnh mong gặp thầy gặp thuốc với thái độ trân trọng như thiếu nữ nâng niu bông hoa, như một ông quan hết lòng vì Vua. Nhưng chủ ý của ngài Tri huyện nhắc đôi câu đối:

Dưỡng hoa tiểu nữ như xuân vũ
Hộ quốc lương thần tử nguyệt quang

mà bà đã đọc cho thân phụ nghe ngày trước, nhân con gái quan Tổng đốc tưới hoa. Mỗi vế câu đối, thân phụ bà Dưỡng Phụng chỉ dùng có bốn chữ đầu khéo léo lồng vào bài thơ tứ ngôn. Đó là dấu hiệu để bà biết người viết thư cho mình là bố chứ không phải là người khác.

Hai câu cuối

Tâm sự bất kiến
Khổ dạ thống tâm

Nghĩa đen là người bệnh tìm mãi mà không gặp được thầy thuốc nên buồn rầu lắm. Với bà Dưỡng Phụng, bà lại hiểu nghĩa bóng: Bố đi tìm con nhưng không gặp con nên bố rất đau lòng. Trong trường hợp tờ khai bệnh này vào tay kẻ ác, ngài Tri huyện cũng không hề gì.

Đọc "tờ khai bệnh" của bố, bà Dưỡng Phụng thấy bố tận trọng hết mức. Nếu không có hai câu: "Dưỡng hoa xuân nữ... Hộ quốc lương thần..." con gái có thể nghi là người khác viết giả chữ bố. Nhưng đã có hai câu ấy, con gái không thể không tin. Qua việc này Dưỡng Phụng thấy, có lẽ bà rất thận

trọng nên thân phụ của bà không thể không cân nhắc. Đến lượt bà Dương Phụng phải báo cho bố biết. Bà nói với bác tiều phu:

- Con bệnh này nghe ra có vẻ bình thường nhưng bệnh đã vào lục phủ ngũ tạng, không cầm mạch không cắt được thuốc. Vậy tôi viết mấy chữ, bác cầm ra rồi mời người bệnh vào.

Bà Dương Phụng viết như sau:

Vi sư tế thế

Vạn sự khốn nan

Tâm như xuân vũ

Đức tử nguyệt quang

Kim nhật tương kiến

Minh thiên thâm đàm

Tri danh bất hoán

Kiến diện bàng quan

Tạm dịch:

Làm thầy thuốc cứu đời

Vạn sự đều khó cả

Lòng phải như mưa xuân

Đức phải như trăng sáng

Hôm nay mới gặp mặt

Ngày mai hãy luận bàn

Biết tên cũng đừng gọi

Gặp mặt đừng vui buồn.

Người quen của ông chủ dẫn bác tiều phu tới gặp người "mua thuốc". Gặp ngài Tri huyện, bác tiều phu nói:

- Bà chủ tôi nói rằng, bệnh của ông đã vào phủ tạng. Bà chủ tôi có viết cho ông mấy chữ. Đây ông xem đi. Nếu ông muốn mua thuốc thì theo tôi vào để bà chủ xem mạch.

Trống ngực ngài Tri huyện đập dồn. Mở thư, nét chữ thân quen hiện lên. Ngài mừng đến phát khóc dù ngài đã gần lục tuần. Cố nén xúc động để sắc mặt bình thường, ngài dán mặt vào thư. Đây rồi:

Tâm như xuân vũ

Đức tử nguyệt quang

Câu trên bỏ chữ "Tâm", câu dưới bỏ chữ "Đức", phần còn lại là chữ của câu đối. Trong thư ngài Tri huyện gửi đi có hai câu thơ bốn chữ. Bốn chữ của mỗi câu thơ đó là bốn chữ đầu của mỗi câu đối. Khi đọc tờ kê bệnh của ông, con gái đã nhận ra nên con gái đã dùng ba chữ còn lại của mỗi câu lồng vào thơ để trả lời. Đó là cách để cho ngài Tri huyện nhận ra người viết thư là ai.

Bốn câu còn lại:

Kim nhật tương kiến

Minh thiên thâm đàm

Tri danh bất hoá

Kiến diện bàng quan

là con gái ngài Tri huyện có ý nói với bố khi gặp gỡ đừng gọi tên con, trông thấy con phải coi con như người lạ. Hôm nay, bố đừng hỏi han gì ngoài chuyện bệnh tật, có bàn chuyện gì thì để đến đêm hoặc hôm sau hãy bàn.

Sự thận trọng của con gái ngài Tri huyện không hề thừa. Cả nhà cùng phải chạy trốn, sơ sẩy một chút có thể hậu quả khôn lường.

Theo bác tiều phu, ngài Tri huyện và Mạc đi gặp danh y để mua thuốc quý. Ba người, mỗi người một tâm trạng khác nhau. Bác tiều phu không hiểu vì sao bà Dương Phụng lại coi trọng người bệnh này đến thế. Việc chủ nhân của bác viết thư mời bệnh nhân vào nơi bà ở để xem mạch, bốc thuốc chưa bao giờ xảy ra. Để xem, ông già này mắc bệnh gì? Mạc thì nghĩ, ông chủ của mình nghề thuốc rất giỏi. Vậy tại sao lại phải nhờ cái bà ở đâu ở đâu, mà chủ nhân mua thuốc cho ai nhỉ? Ngài Tri huyện thì cồn cào ruột gan. Hơn mấy năm rồi kể từ ngày hai nhà bị nạn, ngài dẫn thân vào sương gió. Vất vả, gian nan, ngài đều xem nhẹ. Điều ngài quan tâm hơn hết là Thục Trâm có gặp rủi ro không. Nếu không rủi ro gì, con gái ngài sống ra sao. Số tiền không nhiều ông dành cho con chắc đã cạn lâu rồi. Con gái ngài và tiểu thư con quan Tổng đốc sinh nhai thế nào? Bao nhiêu câu hỏi hiện lên trong đầu vị quan bất đắc chí bỗng dưng mang hoạ. Ngài muốn những câu hỏi ấy phải được giải đáp ngay. Khổ thay, con đường dẫn tới nơi con gái ở cứ dài hun hút. Ngài sốt ruột hỏi bác tiều phu đi tới làng nào, tổng nào, còn bao

xa? Bác tiều phu thân nhiên nói: "Cứ đi khắc đến."

Ba người đã qua hai ngày guồng chân trên con đường hai bên là những vạt rừng lúp xúp. Ngày thứ ba, họ xoạc chân trên con đường đầy bóng rừng già. Mặt trời đứng bóng, ba người dẽ vào con đường mòn. Đi chừng bốn dặm trên con đường ấy rồi dẽ sang trái, một mái nhà tranh giữa một vùng đồi rộng hiện ra trước mặt. Ngài Tri huyện đã thấy một người đứng trước nhà. Có lẽ đó là con gái. Chắc là con ngài cũng như ngài, ruột gan cồn cào nhưng lại làm ra vẻ thân nhiên. Vượt qua hai cái cổng đã mở sẵn, ngài Tri huyện trông rõ con và con ngài cũng trông rõ ngài. Nhưng con gái ngài lại lững thững bước vào nhà. Thục Trâm đã cố ý coi bố như người khách lạ.

Ngài Tri huyện đã dừng chân trước ngôi nhà tranh. Bác tiều phu vào nhà trước. Phóng mắt nhìn toàn cảnh nơi con gái trú chân, ngài Tri huyện tạm yên lòng, chắc chắn Thục Trâm không khổ sở lắm.

Bác tiều phu quay ra mời khách. Ngài Tri huyện nói nhỏ với Mạc:

- Ở đây toàn người lạ, con không được nói chuyện gì.

Ngài nói với bác tiều phu:

- Có chỗ nào xềnh xoàng, bác cho thằng cháu này nghỉ tạm.

Bác tiều phu dẫn Mạc đi tới một cái nhà nhỏ gần đó. Ngài Tri huyện bước vào nhà. Bà Dưỡng Phụng đứng lên chào khách:

- Ấn nữ kính chào lão ông. Đường xá xa xôi thật vất vả cho lão ông quá.

Ngài Tri huyện đáp:

- Không dám. Lương y quá lời rồi. Mấy năm qua, tôi mòn gót đường trần nào quản gì. Trời độ nên tôi tìm thấy người cần phải tìm. Miễn sao khỏi bệnh là tôi thoả lòng.

Mắt bà Dưỡng Phụng anh ánh nước. Bà quay vào phía sau lén lau rồi cất tiếng gọi:

- ấn Phụng đâu mau ra pha trà mời khách.

Ngài Tri huyện và Kim Phụng biết tiếng nhau nhưng chưa gặp nhau. Ngài tự hỏi: " ấn Phụng có phải là Kim Phụng không?" ấn Phụng bước ra thi lễ rồi lạng lẽ pha trà mời khách. Bác tiều phu cũng đã quay lại. Bà Dưỡng Phụng nói với bác tiều phu:

- Bác và ấn Phụng vào vườn lấy cho tôi chút phấn hoa dưỡng tâm. Bệnh

của lão đây cần loại phấn hoa đó.

Bác tiều phu và ả Phụng bước ra vườn phía sau nhà. Bà Dưỡng Phụng đã dùng kế "điệu hồ ly sơn"... Khi hai người đã lọt vào vườn thuốc, trong nhà chỉ còn có hai bố con, những điều Thục Trâm lo xa đã bị loại trừ. Quỳ trước bố, Thục Trâm khóc:

- Bố tha lỗi cho con. Vì con mà bố vất vả. Mẹ con và hai em thế nào rồi?

Giọt lệ như sương loang mi Ngài tri huyện. Ngài cúi xuống đỡ con dậy rồi đáp:

- Mẹ và em trai lớn của con đã yên ổn ở một nơi rồi. Em út của con đi với bố. Nhưng em con có việc nên phải dừng lại ở dọc đường.

Thục Trâm lại hỏi:

- Thế còn cậu bé đi với bố là ai?

Ngài Tri huyện đáp:

- Đó là một đứa trẻ cũng phải trốn tội. Nó theo bố học nghề thuốc.

- Con nay mang tên là Dưỡng Phụng, Kim Phụng mang tên là ả Phụng. Ngoài ả Phụng ra còn có hai bác tiều phu hay lui tới. Bố cứ làm như người đến mua thuốc kể cả với ả Phụng. Đêm nay, con sẽ cho ả Phụng ngủ rất say. Có gì cần nói, đêm nay bố hãy nói.

Chừng như vẫn chưa nói hết, Thục Trâm nói thêm:

- Hai bác tiều phu rất tốt nhưng hai bác ấy luôn tiếp xúc với nhiều người mua thuốc. Nếu hai bác ấy biết quan hệ của bố với con sẽ không có lợi chút nào. Vô tình hai bác ấy rí rãng với khách, hậu quả khôn lường.

Bỗng bác tiều phu khác vào lấy thuốc. Hai bố con ngài Tri huyện phải trở lại với vai kịch bất đắc dĩ.

Đêm ấy, Thục Trâm cho Kim Phụng uống một bát thuốc nên Kim Phụng ngủ rất sâu nhưng không có hại đến sức khoẻ. Hai bố con ngài Tri huyện ngồi trong gian nhà mà Kim Phụng dùng để bàn thờ hai nhà. Thục Trâm hỏi bố những gì đã xảy ra sau khi Thục Trâm về thăm nhà. Ngài Tri huyện đáp:

- Sau khi quan Ngự sử và quan Tổng đốc bị bắt, tay chân của Tổng quản thị vệ dẫn lính ập đến nhà bắt con để tìm ra Kim Phụng. Nhưng con không về nhà nên chúng doạ nếu bố không tìm con về chúng sẽ không để nhà ta yên.

May sao, ngày hôm sau giữa ban ngày, đức Vua triều trước hiển linh báo cho bố biết. Ngài nói: "Con gái người đã dẫn ái nữ của quan Tổng đốc đi trốn. Đó là mối nguy của bọn gian ác. Sớm muộn chúng cũng không để người yên. Người phải tính kế cho vẹn toàn để giữ người hương khói và may ra sau này con trai người có thể giúp Vua tạo phúc cho dân." Vậy là hôm sau, bố cho mẹ con và em trai lớn của con đến một nơi xa ẩn thân. Bố thì dẫn em trai út của con chạy nạn và tìm con.

Thục Trâm thốt lên:

- Đức Tiên Vương thật anh linh. Nếu ngài không hiện về báo cho bố biết chắc là bố gặp họa rồi.

- Trông mặt bố thế này chắc con hiểu vì sao rồi. Mẹ và các em đều phải thế.

Thục Trâm than thở:

- Ai muốn làm bộ mặt gười cho xấu đi đâu! Vậy mà lại phải làm...

- Dọc đường bố chứng kiến bao cảnh đau thương do bọn quan tham, bọn giàu có tàn ác gây nên. Nhưng giữa bao bọn tham lam, tàn bạo vẫn có những tấm lòng vàng như vợ chồng ông lão đánh cá, như ông Thuận. Những con người nghèo khổ ấy lại dang tay đỡ những cuộc đời vất vưởng, lang thang không nơi nương tựa.

Ngài Tri huyện đã kể lại cuộc gặp gỡ hai cuộc đời khốn khó là Cu nhớn, Cu con tức là Mộc và Mạc. Mộc đã định giết Tế tướng cùng Tổng quản thị vệ để trả thù cho công tử con trai quan Ngự sử ra sao. Ngài lại kể cuộc gặp Oanh Nhi và rút ra tờ giấy được coi như báu vật đưa cho Thục Trâm và nói:

- Đây là tờ giấy Tế tướng tập viết giả chữ của quan Tổng đốc trước khi viết thêm bốn chữ "phản nghịch" vào thư của quan Tổng đốc gửi quan Ngự sử. Tờ giấy này Oanh Nhi nhặt được. Nó là vật chứng buộc tội Tế tướng. Con thấy nên làm như thế nào?

Suy nghĩ một lúc lâu, Thục Trâm đáp:

- Thừa bố, nếu Oanh Nhi đứng ra tố cáo hoặc đứng ra nhận là đã nhặt được tờ giấy đó tại nơi làm việc của Tế tướng thì việc buộc tội lão quan gian xảo, tàn ác không khó. Nhưng nếu Oanh Nhi phủ tay không nhận là đã nhặt được tờ giấy đó để giữ mạng sống cho đứa con thì việc sẽ trở nên khó khăn và rất nguy hiểm cho người đứng ra tố cáo, trừ khi đấng Vua anh

minh chỉ dựa vào nét chữ.

Ngài Tri huyện lặng đi một lúc lâu rồi lại hỏi con gái:

- Chẳng lẽ ta lại buông tay để hai nhà chết oan, để cho gian thần lộng hành?

Thục Trâm đỡ lời cha:

- Con đã ẩn thân ở đây cứu mang Kim Phụng thì con không ngoảnh mặt bỏ qua tội ác. Có điều phải suy nghĩ thế nào để phép Vua chỉ trừng trị những kẻ chủ mưu, còn những người ngay lành trong nhà họ tránh được lưỡi gươm oan nghiệt.

Thục Trâm dừng lại suy nghĩ giây lát rồi nói tiếp:

- Phải bàn được với Oanh Nhi đã rồi mới nghĩ cách tiến hành.

- Bố sẽ đưa Oanh Nhi về cách đây vài chục dặm. Con ra đó cùng bàn được không?

Thục Trâm đáp:

- Thế là tiện đấy bố ạ. Con lại được gặp em con.

Gần một tháng sau, tại một khu rừng già, cuộc "hội kín" giữa bố con ngài Tri huyện và Oanh Nhi diễn ra. Trong trang phục người miền núi, với ánh mắt u uất, Thục Trâm nói với Oanh Nhi:

- Hạnh ngộ, tôi gặp được lương y đây. Giời xui hay sao ấy, tôi kể chuyện tủi nhục của tôi cho lương y nghe. Lương y đã an ủi tôi: "Không chỉ có bà khổ vì quan Tế tướng". Rồi lương y đã kể nỗi tủi nhục của nàng cho tôi nghe. Thì ra Tế tướng đã gây hoạ cho bao nhiêu nhà. Hai vị lương thần cùng thân quyến đều chết bởi nét bút giả dối của viên quan tàn bạo ấy. Không thể để ông ta ngồi lên đầu dân lành. Tôi muốn rửa hận nhưng trong tay không có gì. Nàng có dám đứng ra làm chứng đã nhận được tờ giấy gian trá tại nơi làm việc của Tế tướng không?

Oanh Nhi rất bất ngờ. Thì ra người ngồi trước mắt mình cũng là nạn nhân do Tế tướng gây ra. Oanh Nhi nói:

- Tôi dám chứ. Cách nay chừng một tháng, Tổng đốc từ trên giời báo cho tôi và ngài đã xui lương y đến cứu con tôi. Vậy tôi phải đền ơn ngài ấy và rửa nhục cho tôi chứ.

- Nàng không sợ con trai gặp hoạ hay sao?

Oanh Nhi đáp:

- Mẹ mà không thương con thì không gọi là mẹ. Nhưng nếu tôi cúi đầu chịu nhục, lớn lên con tôi nhìn tôi thế nào đây. Tôi không tố cáo tội ác vậy là tôi tiếp tay cho kẻ giết người. Còn con tôi, tôi tin là Giời, Phật sẽ che chở.

Thục Trâm hỏi thêm:

- Nàng có biết chữ không?

- Mấy năm ở trong dinh quan, tôi có học được dăm bảy chữ.

Thục Trâm mừng lắm nhưng nét mặt làm ra vẻ phẫn uất.

- Phải làm thôi nàng ạ. Làm để cho ông ta biết đàn bà cũng là người chứ không phải mảnh giẻ để ông ta lau chân rồi ném đi.

Thục Trâm đưa cho Oanh Nhi tờ giấy nói:

- Mọi việc tôi và nàng cậy cả vào lương y. Nàng chỉ cho vài chữ. Tôi và lương y sẽ tìm mọi cách bảo vệ con nàng. Thằng bé ấy có một phần cốt nhục của kẻ ác nhưng nó lớn lên bên người mẹ hiền lành chắc nó sẽ thành người lương thiện.

Oanh Nhi hỏi:

- Viết gì đây?

Thục Trâm ngẫm nghĩ rồi bày cho Oanh Nhi:

- Viết thế này: "Tôi nhật được tờ giấy này tại thư phòng của quan Tế tướng", ghi ngày, tháng, năm nhật được. Nếu quên ngày thì ghi tháng, năm cũng được rồi ký tên vào.

Oanh Nhi nói ngay:

- Tôi quên sao được. Ngày ấy, tôi coi tờ giấy này như của quý nên tôi cất kỹ chứ có nghĩ đến ngày hôm nay lại như thế này.

Giữa rừng không lấy đâu ra bút mực, Thục Trâm bèn ra xung quanh đó tìm loại dây leo có nhựa màu sẫm để viết. Nhưng quanh đó chỉ có bóng cỏ thụ. Loay hoay mãi, Oanh Nhi bèn cắn ngón tay trở lấy máu viết vào giấy đúng như Thục Trâm bày cho. Xong việc, Thục Trâm ra một vạt rừng gần đó gặp em trai út rồi cùng ngài Tri huyện trở lại nơi ở của Thục Trâm. Em trai út của Thục Trâm đưa Oanh Nhi về bến đò. Nơi đó có một giọt máu đối với nàng không biết là phúc hay là tội.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cỏ tiên

Chương 15

Những lời cuối cùng của chàng thiếu niên con quan Ngự sử giữa ban ngày ban mặt ở pháp trường dù Tể tướng cố bưng bít nhưng nó vẫn đến tai Vua. Lại nữa, một thằng bé không rõ lai lịch dám dáo dạt vào đám Tể tướng giữa nơi tôn nghiêm khiến Vua không thể bỏ ngoài tai. Sau khi Ngài đã tỉnh men rượu ngự và men người đẹp, nhà Vua rùng mình. Ngài đem bức thư của Tổng đốc Hải Đông gửi quan Ngự sử ra xem lại. Bốn chữ "phản nghịch" cũng cùng một nét chữ như những chữ khác trong tờ thư đó. Có nghĩa là tờ thư chỉ có một người viết. Bốn chữ dẫn đến cái chết của hai nhà là chữ của Tổng đốc Hải Đông. Vậy thì không thể tin lời thằng bé nói lúc sắp chết. Một vị Vua đâu phải một kẻ hồ đồ.

Nhưng Tể tướng ngày càng lộng quyền. Vua sai ông ta triệu những vị quan giỏi giang, nhiều chữ viết vở Bách Khoa Thư. Chi phí cho bộ sách này là hàng chục vạn lạng bạc. Tể tướng không giao việc đó cho những vị quan giỏi giang, liêm khiết mà lại giao cho những kẻ luôn làm theo ý của ông ta. Sách viết xong, ông ta trình lên cho Vua xem. Vua nhiều việc, bộ sách hàng chục nghìn trang, hàng trăm vạn chữ, Vua có giỏi như Giời cũng không đọc xong ngay được. Vậy nên, Ngài chưa nói gì về bộ sách. Dăm sáu tháng sau, trong dân gian đã xì xèo. Bách Khoa Thư là bộ sách chắp vá, lộn xộn, hời hợt không phải là cái hay cái đẹp của một đại Vương triều đã trải hàng trăm năm. Bộ sách ấy lợi không bằng hại. Ai đọc sách ấy, học sách ấy có khi đầu không sáng ra mà còn mù mẫm đi.

Những lời chê bai Bách Khoa Thư đến tai Tể tướng. Ông ta khẽ nhếch mép: "Giết một kẻ vạn kẻ sợ". Tể tướng bèn mặc áo dân thường dẫn thuộc hạ lén ra ngoài kinh thành vài chục dặm nghe ngóng.

Chiều hè nóng bức, Tể tướng nghỉ chân dưới một bóng đa xanh mát. Gần đó có hai người dáng vẻ nho sinh vừa đánh cờ vừa nói chuyện. Một người mặc áo màu lam, một người mặc áo màu tím. Qua cách xưng hô, Tể tướng biết người mặc áo lam là Phan Đức Vinh, người mặc áo tím là Trương Văn

Chất. Trương Văn Chất hỏi Phan Đức Vinh:

- Bác đã đọc Bách Khoa Thư chưa?

Phan Đức Vinh đáp:

- Nghe người ta kháo nhau đó là tạp thư. Vậy đọc làm gì cho rếch mắt. Thế Trương công đọc chưa?

- Trương Văn Chất cảm thấy như mặt mình đỏ rân lên, đáp:

- Tôi có mượn được một quyển đầu. Đọc được vài chục trang thấy sách viết xoàng, có chỗ vô căn cứ, tôi không đọc nữa. Hàng chục vạn lạng bạc, mấy năm giờ lại để ra cái của bỏ đi ấy, thật xấu hổ.

Phan Đức Vinh nghị luận:

- Những người viết sách có liêm sỉ đâu mà biết xấu hổ. Người ta chỉ để tâm đến làm Bách Khoa Thư được bao nhiêu bạc chứ đâu để tâm đến bộ sách ấy có ích như thế nào.

Phan Đức Vinh ngẫm nghĩ rồi hỏi bạn:

- Tôi hỏi bác, Bách Khoa Thư viết ra làm gì?

Trương Văn Chất đáp:

- Bách Khoa Thư là khuôn thước. Tôi nói thế là Phan công đủ rõ viết Bách Khoa Thư để làm gì rồi.

Phan Đức Vinh bàn sâu thêm về Bách Khoa Thư:

- Đúng vậy, Bách Khoa Thư là kho trí sáng cho mọi người tìm cái đúng, cái hay. Thày dựa vào đó làm khuôn thước. Trò dựa vào đó mà mở mang tâm trí. Nay Bách Khoa Thư thành tạp thư tất hàng vạn người hỏng theo sách đó rồi còn gì. Thật là nguy cho dân.

Trương Văn Chất tiếp lời:

- Tôi lại nghĩ thế này, sớm hay muộn nhà Vua cũng sửa. Thà bỏ đi hàng chục vạn lạng bạc chứ không thể làm rồi trí nghìn vạn người đọc hoặc học sách này. Dân đã kêu chớ có xem thường. Trong xóm ố, thôn ấp khối ý hay. Làm gì cũng phải hợp ý dân. ý dân là ý trời đấy.

- Tôi cũng nghĩ như bác. Nếu thương trăm họ, nhà Vua phải mạnh tay mới được. Thế bác đã nghe chuyện "Đốt thành diệt ác" chưa?

- Chưa, bác cho nghe để mở mang đầu óc.

Phan Đức Vinh thủng thẳng. Chuyện là thế này: Xưa ở một xứ sở xa xôi có

một vị Vua hiền minh. Kinh thành của vị Vua ấy phổ phường lộn xộn, nhà cửa cái thò cái thụt. Ai thích kiểu nào thì xây cất theo kiểu ấy. Có kiểu nhà kệch cớm, lối bịch rất trái mắt. Dân chúng xây cất nhà tùy tiện. Kinh thành chẳng khác gì cái chợ.

Nhà Vua bực lắm. Ngài truyền quan Hộ thành vào. Quan Hộ thành lập cặp vào cung rập đầu bắm một thoi dài. Nhà Vua cắt ngang lời quan Hộ thành:

- Giây cà, giây muống quá. Ta hỏi người, là quan quản việc lớn việc nhỏ của kinh đô vậy mà người để đô thành nhất nước láo nháo như một cái chợ, rác rưởi đầy đường, chỗ này đào chỗ kia bới. Hôm nay, đường vừa làm xong, ngày mai đã đào lên đặt máng tiêu thủy. Còn nhà cửa, cái cao cái thấp, cái thụt cái thò, lờm chờm như hàm răng cá kình, kiểu cách rườm rà lối bịch là có làm sao?

Quan Hộ thành lại rập đầu:

- Tâu Hoàng thượng, quy định của quan Thái sư cái nọ đá cái kia, cái sau đè cái trước, đường và rãnh tiêu thủy không cho làm một lúc dẫn tới đào bới lung tung. Lại nữa, quan nào cũng to, được lòng vị này mất lòng vị khác khiến hạ thần rất khó xử.

- Vậy nhà cửa xây cái cao cái thấp, cái thò cái thụt, mẫu cách tùy tiện là tại ai?

- Tâu Hoàng thượng đó là quan cấp phép kiến thiết. Thần có hỏi đến việc này. Quan cấp phép kiến thiết đưa ra hết ban bố này đến ban bố khác mà xem ra ban bố nào cũng có lý cả.

Nhà Vua suy nghĩ một lúc rất lâu rồi ngài lại hỏi:

- Khu Thánh đường là khu tôn nghiêm, khu đại hoa viên là khu sang quý, có sao các người cho xây nhà thái chất cận bã ở hai nơi đó?

- Tâu bệ hạ, thần đã hỏi vị quan quản hai nơi đó. Vị quan ấy nói là đã xin phép quan Thượng thư Bộ Lễ. Vậy thì hạ thần còn nói được gì nữa.

Nhà Vua suy nghĩ một lúc rồi lớn tiếng:

- Truyền Thượng thư Bộ Lễ!

Thái giám ba chân bốn cẳng lao đi. Thượng thư Bộ Lễ nhận được truyền chỉ bèn vội vàng vào cung. Sụp trước long ngai, ông ta chưa kịp tung hô đã nghe nhà Vua hỏi:

- Người quản Bộ Lễ mà không biết trái mắt bởi nhà thái chất xú uế đứng lù lù bên cạnh Thánh đường và trước hoa viên hay sao?

Thượng thư Bộ Lễ rập đầu:

- Tâu Hoàng thượng, không xây nhà ở đó không được. Bởi dân đến đây họ cứ tháo ra.

Hoàng Thượng nhăn mặt:

- Cả mấy dãy phố quanh đây, người không tìm được một chỗ mà xây à?

- Tâu Hoàng thượng, đất của dân không còn chỗ nào trống. Những chỗ đất còn trống hạ thần không dám đụng tới.

Nhà Vua khẽ nhếch mép rồi nói:

- Thì ra ở quốc gia này còn có người to hơn ta.

Thượng thư Bộ Lễ run lên bần bật:

- Tâu Hoàng thượng thần không có ý nghĩ đó.

- Vậy những chỗ đất trống đó là của ai?

- Tâu, của người nhà quan Thái sư ạ.

Nhà Vua lại nhếch mép:

- Hoá ra là vậy. Người nghe đây: Người cho người dỡ bỏ ngay hai cái nhà thái chướng mắt đó. Người tìm chỗ nào thuận tiện kín đáo xây lại, không kể đất của ai.

- Tâu Hoàng thượng, chỗ kín đáo, thuận tiện lại đụng đến nhà dân, mà dân thì họ không nghe ạ.

Nhà Vua chau chau nét mày, nói:

- Xem ra, người đánh giá dân thấp quá. Năm xưa ta theo Vua cha đi dẹp giặc, chẳng may bị giặc vây. Trời căm căm rét. Nước đông cả lại. Người không cơm. Ngựa không cỏ. Tướng sĩ áo quần mỏng mảnh, tơi tả. Vòng vây của giặc ngày một thu hẹp. Biết tình thế quẫn bách của quân ta, tên tướng giặc cho quân vây chặt. Vì chúng biết không đánh quân ta cũng chết.

Nhà Vua ngừng lời giây lát rồi hỏi:

- Người có biết vì sao quốc gia này tồn tại và ta còn sống đến ngày hôm nay không?

- Tâu Hoàng thượng, thần làm sao mà biết được.

- Dân đây !- Nhà Vua nói - khi quân ta đang khốn khổ thì một ông già dẫn

một đoàn người gánh bánh, gánh củ đến. Lúc ấy, trời đã rất khuya. Vua cha ta ngạc nhiên và rất cảm động hỏi ông già: "Trẫm biết dân ở đây rất đói khổ. Già trẻ trong làng hơn mười ngày qua phải ăn rau dại để giữ mạng sống. Vậy dân làng lấy đâu ra dại mạch làm bánh mang tới cho Trẫm?" Ông già cung kính: "Tâu Thánh quân, nhà nhà lấy dại mạch giống làm bánh." Vua cha ta lại hỏi: "Không có dại mạch giống đất bỏ hoang, dân sống thế nào?" Ông già bèn đáp: "Lúa giống còn đi vay được. Vua bị bắt, nước mất thì vay Vua, vay nước được chăng?" Vua cha ta bật khóc. Quân tướng cũng khóc cả. Vua cha ta lại hỏi: "Sao dân làng lại đi vào lúc khuya khoắt cho thêm rét mướt khổ sở?" Ông già vuốt râu rồi ung dung nói: "Tâu Thánh quân, đi vào ban ngày giặc biết dại sứ ắt hỏng." Một thoáng suy nghĩ, Vua cha ta hiểu ý của ông già. Tuy vậy Người vẫn hỏi: "Có phải mẹo của ông già là xuất kỳ bất ý quân ta phá vậy?" Ông già cười, đáp: "Thánh quân thật anh minh!" ánh mắt Vua cha ta bỗng trở nên u buồn. Người nói: "Ta không đang tâm để cho dân làng chết khi ta thoát hiểm!" ánh mắt ông già trở nên quả quyết: "Nước to hay làng to Thánh quân hiểu hơn lão già quê mùa này. Dân làng này nếu không còn ai mà nước còn thì tên làng vẫn còn, xin Thánh quân suy xét." Lời lẽ của ông già đã buộc Vua cha phải lựa chọn điều lớn lao. Cuộc phá vây diễn ra bất ngờ làm giặc không kịp trở tay. Khi giặc đã thua, ta theo Vua cha trở lại cái làng nghèo khó ấy. Người lại khóc. Cả làng chỉ còn sáu người sống sót. Sáu người ấy phải giả chết nằm lẩn vào đồng xác đầy máu. Lòng yêu nước của dân chúng khó mà đo hết được. Các vị áo mũ xênh xang, lên xe xuống ngựa chắc gì đã hơn.

Nhà Vua ngừng lời để nén xúc động rồi nói với Thượng thư Bộ Lễ:

- Ta kể lại chuyện xưa cho người nghe là có hàm ý gì người hiểu chứ?
- Bẩm Hoàng thượng, thần hiểu ý tứ sâu sắc của Thánh minh rồi.
- Ta tin rằng làm cho kinh thành đẹp lên dân sẽ ủng hộ. Người cũng phải nhớ là không được để cho dân thiệt. Còn mấy miếng đất của người nhà quan Thái sử, ta sẽ hỏi ông ấy. Rồi xem, ông ấy trả lời ta thế nào?

Thượng thư Bộ Lễ vái lạy đức Vua ra về. Đức Vua lại hỏi quan Hộ thành:

- Ta nghe nói các quan to nhỏ trong triều, trong kinh đô mỗi người đều có vài ba dinh và dăm thửa đất. Điều này có không?

- Tâu Đức Vua, điều đó là có thật ạ.
- Vậy nhà người nhắm mắt làm ngơ chẳng?
- Tâu đức Vua, các vị ấy đều lo xa cả. Nhà và đất của các vị ấy thật. Nhưng các vị ấy đều chuyển sang cho con, cho cháu đứng tên. Hỏi ra mới biết, quan Thượng thư Bộ hình mách nước. Về lý coi như đã hợp pháp. Thần mà đụng vào là mang vạ vào thân ngay.
- Ta còn nghe nói, nhà người mắc mớ với bọn nhà giàu trong kinh đô. Bọn này thường lấn đất công rồi tìm cách biến thành đất tư bán thu cơ man là tiền. Người cũng có lợi không nhỏ trong đó nên khó mở miệng. Việc này thực hư thế nào?

Đề đốc Hộ thành run run tâu:

- Bẩm Hoàng thượng, thần hết lòng với việc công nên đụng chạm đến người này người khác. Bởi vậy, có kẻ ghen ghét đặt điều cho thần, xin Hoàng thượng soi xét.

Nhà Vua khẽ cười:

- Ta tạm để người giữ hộ ta cái đầu của người. Thôi, cho lui.

Hồi đó, ở kinh đô có một bọn lân la nơi nơi truyền bá tà giáo và một bọn chuyên đâm thuê chém mướn uống máu người không tanh. Hễ người thấy hơi tiền là chúng bâu tới. Ai thuê làm việc gì, chúng cũng làm. Hai toán bất hảo này có mối quan hệ mật thiết với quan Hộ thành. Bởi vậy, thế lực của quan Hộ thành khiến nhiều người e ngại. Trừ Đề đốc Hộ thành không khó. Làm thế nào trừ khử được bọn truyền bá tà giáo và bọn bất hảo một cách công khai chẳng dễ chút nào, nhà Vua nghĩ mãi chưa ra cách gì khả dĩ. Nhân một lần đi vòng quanh kinh thành xem xét, nhà Vua thấy kinh thành nhếch nhác quá. Dù có đổ bao nhiêu vàng bạc vào việc tôn tạo phố dọc, đường ngang, hoa viên, hí viện, kinh thành vẫn chỉ như chiếc áo vá chằng vá đụp. Ngài dăm dăm suy nghĩ bao ngày bao đêm rồi đi đến một quyết định kinh thiên động địa. Nhà Vua bèn bảo Thái giám:

- Kẻ nào đốt được kinh thành thì người hãy thuê kẻ đó đốt thành cho ta.

Thái giám không tin vào đôi tai của ông ta nữa nên cứ đứng ngây ra.

- Người không nghe thấy ta nói ư?

- Tâu bệ hạ, thần nghe thấy rồi nhưng thần không thể tin được...

- Quân vô hý ngôn. Người hãy thuê người đốt thành cho ta. Kẻ nào đốt được thành thì người cũng biết rồi.

Thái giám run run hỏi:

- Tâu bệ hạ, tiền thì thế nào ạ?

- Chúng đòi bao nhiêu trả chúng bấy nhiêu. Nhưng mười phần chỉ đưa trước vài ba phần thôi. Người cứ làm đi không mất tiền đâu mà sợ.

Thái giám cứ ngỡ ra. Nhà Vua lại nói:

- Chỉ làm việc với một người để giữ kín chuyện. Nhà người phải tỏ ra là đang có mưu mô thoán nghịch nên phải đốt thành tạo ra sự hỗn loạn việc lớn mới mong thành...

Thái giám căng đầu suy nghĩ. Mất gần nửa tháng, ông mới móc nối được với một tên trong bọn đâm thuê chém mướn. Thái giám bộc lộ mưu của mình. Tên ấy không tin. Thái giám bèn dựng lên một màn kịch với những lời hứa hẹn tốt đẹp dành cho chúng sau khi đại cuộc thành. Tên được thuê đốt kinh thành lúc ấy mới tin và tỏ ra háng hái lắm. Thái giám bèn đặt cho chúng một số vàng. Số còn lại, Thái giám sẽ trả đủ cho chúng khi thành đã cháy.

Trước khi về, Thái giám cho tên đốt thành biết thời gian và địa điểm liên lạc tại một nơi cách cổng thành về phía đông năm dặm. Bọn bất hảo báo cho bọn tà giáo biết việc này nhưng lại ngậm tăm với quan Hộ thành. Rồi chúng bí mật kiểm tra Thái giám có đáng tin cậy không. Là người khôn ngoan, Thái giám không hề sơ xuất một chút nào khiến bọn bất lương tin lắm.

Bọn bất lương chơi một nước cờ rất cao. ấy là việc chúng cho bọn tà giáo phao tin "tiên tri" ngày giờ kinh thành bốc cháy. Lời "tiên tri" ấy lan truyền khắp kinh thành khiến dân chúng hoang mang khôn xiết.

Tin dữ đến tai nhà Vua. Ngài cứ thản nhiên như không khiến Thái giám càng bối rối. Bởi ông ấy không biết toàn bộ ván cờ mà nhà Vua bày đặt. Thấy cần phải trấn an Thái giám kéo hỏng việc, nhà Vua nói:

- Ta biết người chưa hiểu việc ta sai người làm. Nay có tin dữ lan truyền, đó là kế thực mà hư, hư mà thực của bọn chúng. Nhưng người yên lòng. Ta không làm người ô danh với đời đâu. Người đừng sợ. Việc tới đâu, ta cắt

đặt cho người tới đó.

Thái giám vội đi nỗi lo bèn rập đầu:

-Thần không biết đâu mà lần cả. Làm việc gì, vào lúc nào xin bệ hạ sai phái ạ.

Nghe được tin dữ, quan Hộ thành lo bạc cả đầu. Kinh thành mà cháy cái đầu ông ta không bằng củ chuối. Ông ta sai quân lính canh gác, lục soát đêm ngày. Con kiến ra vào kinh thành cũng không qua mắt được quân lính của ông ta. Đúng ngày, đúng giờ mà bọn tà giáo "tiên tri", kinh thành không có gì xảy ra. Cả quân lẫn dân khắp kinh đô thờ phào. Hoá ra lời tiên tri của bọn truyền bá tà giáo chỉ là lời nhảm nhí. Đến lúc ấy, nhà Vua bảo Thái giám:

- Đêm nay, người mở tiệc chúc mừng quan Hộ thành đi. Kinh thành không cháy thì phải chúc mừng ông ấy. Người không được nói ta xui, tìm tửu lâu thật sang mà tiếp ông ta.

- Thần xin tuân chỉ.

Tuân chỉ đấy nhưng Thái giám không biết mưu chước của nhà Vua là thế nào. Tuy vậy, ông ta cứ nhất nhất làm theo. Thái giám nghĩ cách nói năng rồi đến nhà quan Hộ thành.

Kinh thành không xảy ra hoạ hoạn, quan Hộ thành vui lắm. Ông ta đang vui thấy Thái giám đến tưởng là có chỉ bèn ra nhận. Thái giám lắc đầu rồi cười:

- Quan Hộ thành đứng lên đi. Hôm nay tôi đến chúc mừng ngài chứ không phải mang chiếu chỉ của Hoàng thượng tới.

Quan Hộ thành vui lắm sai người pha trà mời Thái giám. Qua một tuần trà, Thái giám nói:

- Từ khi có tin dữ, ngày đêm tôi lo ngay ngáy. Kinh thành mà cháy chẳng những ông chết mà tôi cũng chết. Thêm nữa, gia sản của bố mẹ tôi và gia sản của anh em tôi hoá thành tro than thì thảm hoạ khôn lường. Nhưng xem ra, tin đó là tin bậy bạ. Kinh thành vô sự, tôi chúc mừng ngài và muốn mời ngài vài chén rượu.

Quan Hộ thành đỡ lời:

- Quan Thái giám là khách. Là chủ, tôi phải mở tiệc đãi quan Thái giám

mới phải chứ, có đâu tôi lại để ngài mời rượu.

- Không câu nệ như vậy. Hôm nay, tôi có ý mời quan Hộ thành, đường này khác nữa. Hôm khác, quan Hộ thành mời tôi đâu dám từ chối.

Đang lúc vui, quan Hộ thành đã sa bẫy. Lại nữa, Thái giám kè kè bên Vua, được ông ấy mời rượu vinh hạnh lắm chứ. Nhiều kẻ cố lấy lòng ông ấy mà có được đâu. Kẻ đại dột mới khước từ thịnh tình của ông ấy. Thế là quan Hộ thành bước theo Thái giám.

Thái giám chọn một tửu lâu rất lớn chén tạc chén thù. Nhắm lúc quan Hộ thành hoan lạc, bọn đốt thành mới ra tay. Lúc trời đã khuya, hai người đã chệnh choáng, bỗng tên lính tùy tùng quan Hộ thành chạy lên gác, lười nhú lại:

- Bấm, bấm quan...

- Bấm cái gì? Có mấy ai được quan Thái giám đãi rượu. Lui ngay ! Có gì để đến sáng mai.

- Bấm, bấm quan...

- Bấm gì? Đã bảo rằng lui.

- Bấm quan, phía Tây thành phát hoả.

- Phát hoả làm gì?

- Bấm lửa cháy ạ.

Rồi lại một tên lính tùy tùng nữa lao lên:

- Bấm quan, cửa Bắc kinh thành lửa cũng bốc cao ạ.

Lúc ấy kinh thành đã như chợ vỡ. Thái giám vội vàng rời tửu lâu băng về cung. Không chỉ có cửa Tây và cửa Bắc thành đã bốc cháy, bốn cửa thành, cửa nào cũng ngùn ngụt lửa. Thái giám thất kinh sụp trước bệ rồng:

- Tâu bệ hạ, thần tưởng bệ hạ lập mưu bắt bọn bất lương chứ có biết đâu ngài cho chúng đốt kinh thành thật.

Nhà Vua thân nhiên:

- Rồi người sẽ biết.

Nói rồi, nhà Vua cùng hoàng tộc cất bước tới Thuỷ tạ. Thái giám run rẩy bước theo.

Gần sáng, quan Hộ thành mới tỉnh rượu. Lúc ấy, ông ta đã được bọn tùy tùng đưa tới một nơi mà lửa không lan tới được. Nhìn cả kinh thành đang

bốc cháy rừng rực, quan Hộ thành không biết điều gì đã xảy ra đêm qua. Bọn tuỳ tùng bèn nói lại tất cả và vì sao chúng phải đưa quan Hộ thành tới nơi đây. Men rượu đã nhạt, quan Hộ thành rụng rời chân tay. Ông ta nhớ lại câu nói của nhà Vua trước đó hơn một tháng: "Ta tạm để người giữ hộ ta cái đầu của người". Nay kinh thành cháy, nhà Vua chắc chắn sẽ lấy cái đầu mà Ngài "tạm gửi". Khắp nơi, lửa bốc càng cao hơn. Quan Hộ thành dang lấy thanh gươm từ tay tuỳ tùng kết thúc đời mình.

Chỉ hơn bốn ngày, thần lửa đã biến kinh đô không kém phần to đẹp thành đồng tro xám. Riêng có hoàng cung, quân cấm vệ liều chết tạo ra một hành lang rộng khiến lửa không liếm qua được nên mới không bị lửa thiêu cháy. Theo cam kết, bọn đốt thành đến điểm hẹn lấy tiền. Chúng vừa xuất hiện đã bị bắt ngay. Những ngày sau đó, quan quân triều đình lùng sục bắt hết bọn bất lương và bọn tà giáo. Vin vào lời tiên tri "kinh thành sẽ bị cháy", nhà Vua có cơ khử bọn tà giáo và bọn bất lương thường gây rối trong kinh thành.

Trước khi phiên toà xử bọn đốt cháy kinh thành được mở ra, nhà Vua hỏi Thái giám:

- Người năm nay gần sáu mươi tuổi đã có tới gần ba mươi năm ở bên Vua cha và bên ta. Tiếng là quân thần nhưng tình như thù tặc. Ta đối xử với người có bạc bẽo không?

Thái giám quỳ xuống đáp:

- Tâu đức Thánh quân, ân đức của Người ban cho thần rất hậu ạ.

- Dài ngắn của một kiếp người không quan trọng, điều quan trọng của một kiếp người là có ích gì cho mọi người hay không. Người nào đã làm được một việc có ích cho đời rồi, khi ấy dù có phải chết cũng không ân hận gì. Người thấy ta nói có phải không?

- Tâu đức Thánh quân, lời của Người như ánh đèn trong đêm vậy.

- Người vừa làm được một việc cổ kim chưa có ai làm được. Tuy vậy, việc lớn có ích này nghìn năm sau mới cho người đời biết được. Bởi vậy, nếu người sống thêm dăm ba năm nữa chẳng có ích gì đâu mà chỉ sống trong tủi nhục. Vì công lao của người ta chưa thể nói ra cho mọi người biết. Thế thì người thấy nên làm thế nào?

Suy nghĩ kỹ càng, Thái giám đáp:

- Tâu đức Thánh minh, thần đã hiểu ý của Người.
- Vậy người hãy viết lại những việc vừa qua ta sai người làm. Ta cũng sẽ viết lại việc này. Có điều, những điều ta và người viết lại là dành cho người nghìn năm sau. Người có oán ta không?
- Tâu Thánh quân, thần chỉ mong đền đáp ân tứ của Thánh quân thôi.
- Thế thì người nên chọn lấy một đứa con nuôi. Ta và người kế vị ta sẽ trông nom con nuôi của người.

Nhà Vua ngẫm nghĩ, nói tiếp:

- Mai kia xử bọn chúng, thế nào bọn chúng cũng cáo buộc người. Liệu đây mà nói.

Phiên toà xử bọn đốt thành còn đông hơn ngày Đại khánh hằng năm. Đức Vua ngồi ghế Chánh pháp đình. Hàng trăm tên phạm tội được điệu đến. Theo tờ cung, nhà Vua hỏi tên đứng đầu nhóm đốt cháy kinh thành:

- Vì sao người tổ chức làm việc đại ác này?

Tên đó đáp:

- Tâu bệ hạ, Thái giám thuê bọn tiểu dân đốt kinh thành.

Nhà Vua đồng dục:

- Truyền Thái giám.

Thái giám thân nhiên bước tới trước pháp đình sụp lạy:

- Tâu bệ hạ, thần đã tới hầu.
- Tên này khai người thuê nó đốt kinh thành, việc đó có không?
- Tâu bệ hạ, bệ hạ sai thần lập mưu bắt bọn bất lương chuyên làm việc ác khiến dân chúng khổ sở. Thần giương bẫy để bắt chúng. Thần bất tài không khống chế được chúng nên bẫy chưa sập mà thành đã cháy. Thần đáng tội chết.

Nhà Vua lại hỏi tên đầu sỏ đốt thành:

- Tội Thái giám ta sẽ trị. Nhưng ta hỏi người, tại sao bọn đứng đầu tà giáo biết việc này rồi bịa đặt lời nhảm nhí?
- Tâu bệ hạ, bọn tiểu dân có giao tình với những người thường đi truyền giáo. Vì vậy bọn tiểu dân làm việc gì những người ấy đều biết cả.

Nhà Vua hỏi bọn tà giáo:

- Bọn người bịa ra lời nhảm nhí: "kinh thành sẽ bị cháy" nhằm dụng ý gì?

Một tên trong bọn đó đáp:

- Tâu bệ hạ, những lời ấy là do tên đứng đầu vụ đốt kinh thành nhờ bọn tiểu dân nói.

Nhà Vua hỏi tên đầu sỏ đốt kinh thành:

- Bọn tà giáo nói vậy, người thấy thế nào?

Tên ấy cúi đầu không nói gì. Nhà Vua nghiêm giọng:

- Vậy ra lời bọn tà giáo phao tin nhằm coi như lời "tiên tri". Nhưng thời gian chúng dự đoán kinh thành lại không cháy. Lời tiên tri thành nhảm nhí nên quan Hộ thành không tin dẫn tới ông ta lơ là. Lúc ấy, chúng mới ra tay. Ta nói như vậy có đúng không?

Cả bọn đều im thin thít. Nhà Vua lại hỏi:

- Trong bọn bay, những đứa nào châm lửa đốt kinh thành hãy đứng sang một bên cho ta coi.

Chúng ùn ùn nhau một lúc. Cuối cùng chín tên đứng sang một phía, trong đó có tới sáu tên tà giáo. Nhà Vua chột hiệu. Bao năm, ngài rất nặng tay với bọn truyền bá mê tín bậy bạ. Bởi vậy, chúng oán nhà Vua. Hễ có dịp là chúng chống phá triều đình. Mượn gió bẻ măng, nhà Vua quét một mẻ, bắt hàng vạn tên đi theo tôn giáo trái với nền nếp quốc tuý, bại hoại đạo đức truyền thống. Bọn đâm thuê chém mướn và bọn tà giáo đều bị khép vào tội chết. Còn với Thái giám, nhà Vua nói:

- Người vâng lệnh ta bày cách bắt bọn bất lương trừ họa cho dân chúng. Nhưng không theo sát để bắt chúng khi chúng vừa gây tội ác. Do đó, bọn bất lương có cơ hội đốt cả kinh thành, thảm họa khôn lường. Ta cho người tự xử.

Thái giám cúi đầu vái tạ đức Vua. Về tới cung, ông ta uống thuốc độc chết.

Nhà Vua đứng lặng nhìn ông ta giây lát rồi nói:

- Ta đâu muốn thế này. Nhưng nếu người là ta, người cũng không làm khác được.

Trương Văn Chất chăm chú lắng nghe và nhận ra cái vị Vua ở một xứ xa xôi của ngày xưa ngày xưa đã biến Thái giám thành một quân cờ. Ông ta không biết được ý đồ cuối cùng của Vua. Còn bọn bất lương, chúng động

tĩnh thế nào nhà Vua biết cả. Trương Văn Chất bèn nói:

- Thí một tên Thái giám để giữ bí mật lâu dài, vị Vua ấy thật cao mưu, chỉ khốn nạn cho tên Thái giám phải chết oan.

Phan Đức Vinh tiếp lời:

- Một vị Vua đã dám mượn tay kẻ khác thiêu trụi cả kinh thành thì mạng một tên hoạn quan có đáng gì.

Trương Văn Chất bình luận:

- Vin vào vụ cháy thành, vị Vua ấy trừ khử được bọn tà giáo, bọn dân thuê chém mướn và quan Hộ thành gian giáo. Không biết sau đó, vị Vua ấy xây lại kinh thành như thế nào?

Phan Đức Vinh cười:

- Đó mới là mục đích chính của vị Vua ấy.

Rồi Phan Đức Vinh thủng thẳng kể: Để xây lại kinh thành, nhà Vua đã bố cáo: "Kinh thành chẳng may bị bọn bất lương đốt cháy. Trẫm sẽ cho xây lại to đẹp hơn trước. Từ quan đến dân ai có lời sáng, ý hay góp phần kiến tạo lại kinh đô hãy trình lên Trẫm. Ai đáng thưởng, Trẫm sẽ thưởng..." Quan dân cả nước nô nức dâng sáng kiến lên nhà Vua. Ngài bèn chọn lấy những ý kiến hay nhất rồi hợp lại tạo nên hình mẫu kinh thành và kế hoạch xây cất. Từ quan to đến quan nhỏ theo phẩm hàm mỗi người có một phần đất bỏ tiền ra xây theo mẫu của nhà Vua. Dân trong kinh thành mỗi nhà được một phần đất theo nhân khẩu Bộ Hộ quản lý. Dân xây cất nhà cũng phải tuân theo quy định chặt chẽ của triều đình. Quan cũng như dân, ai muốn xây cất nhà theo kiểu cách của mình thì phải xây ở khu đất mà nhà Vua đã quy định ở ngoại ô kinh thành. Việc mua bán nhà và đất được quy định chặt chẽ. Ai bán nhà, đất phải bán cho Bộ Hộ. Nhà, đất mua bán không thông qua Bộ Hộ đều bất hợp pháp. Bộ Hộ chịu trách nhiệm trước nhà Vua về các trường hợp mua bán gian lận, đầu cơ nhà đất. Gần mười năm sau, kinh thành được xây xong. Phố nào ra phố ấy, dọc ngang thẳng tắp. Các đường phố chính có chiều rộng ba mươi ngựa đi hàng ngang. Đường phố phụ có chiều rộng bằng nửa đường phố chính. Các đường phố thông với nhau như bàn cờ, đi lại rất thuận tiện. Kinh thành mới đẹp hơn cả niềm ao ước để cho các quốc gia láng giềng vươn tới. Gần một nghìn năm sau, trong một lần tu

sửa cung điện, người ta tìm thấy bút tích của nhà Vua và Thái giám. Người người bàng hoàng. Thì ra nhà Vua chủ trương đốt kinh thành để xây lại, còn Thái giám chỉ là người thừa hành bị động. Thành cháy rồi, ông ta mới biết ý định của nhà Vua. Trung thành với nhà Vua, ông ta tự chết để giữ bí mật đó. Ngày nay, kinh thành đó vẫn làm cho đời ngỡ ngàng chiêm bái về lộng lẫy của nó.

Trương Văn Chất ngẫm nghĩ nói:

- Quả là một vị Vua anh minh, chí lớn có một không hai. Làm việc lớn, người đứng đầu quốc gia phải có bản lĩnh như núi. Việc gì cũng hỏi ý kiến quần thần mà quần thần dốt nát thì chỉ thêm rách chuyện. Bậc đại trí, đại dũng phải dám quyết, làm cái gì cũng sợ sai thì đừng ngồi vào ngai vàng, ngồi vào chỉ làm khổ dân.

Ngừng lại giây lát, Phan Đức Vinh hỏi bạn:

- Vậy Bác thấy kinh thành của một vương quốc to hay bộ Bách Khoa Thư chừng mười vạn lạng bạc to?

Trương Văn Chất đáp:

- Kinh thành của một vương quốc ví như con voi, bộ Bách Khoa Thư bất quá là cái tai con voi thôi. Nhưng thôi bác ạ, tôi với bác chỉ là hai anh nho sinh áo không có túi nên thi mãi mà không đỗ. Lời nói ngay thẳng của chúng ta không khéo lọt vào tai kẻ ác hoạ đến thân ngay. Cứ lấy quan Tổng đốc mà làm gương. Ngài chết vì nói thẳng đấy.

Phan Đức Vinh khẽ cười:

- Bác lại nhụt chí rồi. Không có tiền nhưng chúng ta có chữ. Thế nào tôi và bác cũng đỗ. Đã là Cử nhân, Tiến sỹ thì phải có một cái gì đó sáng sủa hiện lên chứ còn Cử nhân, Tiến sỹ bụng toàn cơm với thịt, viết câu còn lỗi, đọc chữ còn nhầm thì mang cái danh hão làm gì.

Tể tướng đứng gần đó đã nghe rõ hai nho sinh nói chuyện với nhau bèn bước lại sát bàn cờ góp lời:

- Nghe hai vị bàn về Bách Khoa Thư, tôi mạo muội xin hỏi. Lúc này có một vị nói trong Bách Khoa Thư có chỗ viết thiếu căn cứ. Tôi đã đọc mà không nhìn ra, xin thức giả chỉ hộ.

Hai nho sinh cùng ngược lên nhìn người vừa hỏi. Trương Văn Chất đáp:

- Anh em tôi là kẻ tào phào chứ thức giả gì đâu.

Tể tướng khẩn khoản:

- Xin thức giả chỉ chỗ thiếu căn cứ trong Bách Khoa Thư cho tôi được mở mang đầu óc.

Trương Văn Chất đáp:

- Ông đã nói vậy thì tôi xin nói ý của tôi. Trước đến nay, người người đều nghĩ rằng Trời có trước, Đất có sau. Bách Khoa Thư lại nói Đất có trước, Trời có sau. Chỉ một thay đổi này khiến nó ngược lại tất cả. Cứ cho rằng Bách Khoa Thư đúng. Vậy người viết sách phải chỉ ra nó đúng ở chỗ nào để người đọc muốn cãi cũng không cãi được. Đến lúc ấy, người người phải nói Đất có trước chứ không phải Trời có trước. Suy cho cùng, Bách Khoa Thư chưa đúng ý dân, chưa nói được cái điều trăm họ mong đợi. Hông là hông từ đó.

- Tôi xin hỏi, Vua to hay hai vị to?

Phan Đức Vinh đáp:

- Chúng tôi có là gì mà giám so với Vua.

Tể tướng cười mỉa mai:

- Vậy là Vua to chứ gì. Vua to mà Vua chưa chê Bách Khoa Thư. Các vị không là cái gì mà lại dám bĩ báng Bách Khoa Thư. Thì ra hai gã nho sinh quèn dám chê Vua dốt. Bay đâu! Bắt hai thằng này cho ta!

Tay chân của Tể tướng xông lại trói nghiêng hai nho sinh. Phan Đức Vinh hỏi:

- Các người là ai mà lại giám bắt chúng ta giữa ban ngày?

- Ta là Tể tướng đương triều đây.

Phan Đức Vinh ngoảnh sang nói với bạn:

- Hôm nay không may, ta gặp hùm sói rồi...

Bốn ngày sau, phiên toà xử hai nho sinh được mở ra. Tể tướng sai lính dán cáo thị khắp nơi cho dân chúng tới xem. Pháp đình dựng lên ở một bãi đất rộng trước đại hoa viên của kinh thành. Người xem xử án đứng chật như nêm cối. Tể tướng ngồi ghế Chánh pháp đình. Ông ta hỏi hai nho sinh:

- Hai tên gàn nho có biết phạm tội gì không?

Phan Đức Vinh đáp:

- Chúng tôi phạm tội nói thật.
- Sàm ngôn. Các người phạm tội khi quân.

Trương Văn Chất vắn lại:

- Nghị luận Bách Khoa Thư mà phạm tội khi quân, vậy Vua giao viết Bách Khoa Thư mà lại viết bậy bạ thì phạm tội gì? Ông hiểu rõ điều này hơn mọi người chứ?

Tể tướng lúng túng giây lát rồi cũng tìm được cách biện bác:

- Nếu Bách Khoa Thư dở thì Vua hỏi tội ta rồi. Kiến văn của các người đã qua được tam trường chưa mà dám bôi bác Bách Khoa Thư.

Trương Văn Chất bác ngay:

- Ta biết những kẻ viết Bách Khoa Thư đều có danh Tiến sĩ cả. Nhưng xem ra rất Tiến sĩ hoa man do ông bôi phết nên. Những kẻ ấy "văn bất thành cú" mà cũng ti toe trí giả. Chúng ta dù kiến văn chưa đáng là bao nhưng đó là cái có thực của chúng ta, còn bọn Tiến sĩ giấy thì đáng giá mấy đồng. Kẻ còn liêm xỉ chắc sẽ hổ thẹn vì đã trót mang cái danh ấy. Cứ nhìn mặt những kẻ viết Bách Khoa Thư, thiên hạ ắt biết Bách Khoa Thư là ngọc hay là đất rồi.

Phan Đức Vinh tiếp lời:

- Ông nói: "Nếu Bách Khoa Thư dở thì Vua hỏi tội ông rồi". Vua đang nghĩ gì ông có biết không? Bậc đế vương trước một việc tày đình cũng thần nhiên như không, còn lộng lộn lên thì đó là kẻ tiểu nhân. Ông hãy đợi đấy, hoạ Bách Khoa Thư chắc chắn sẽ đến với ông.

Dân chúng nhao nhao:

- Nói đi!
- Nói hay lắm! Nói nữa đi!
- Nói đi! Hai tiên sinh có nói dân chúng mới hiểu.
- Hay lắm! Thật là sướng hai cái lỗ tai.

Dân chúng ào lên vây kín hai nho sinh. Phan Đức Vinh lại nói:

- Nhà Vua giao cho ông lo việc biên soạn Bách Khoa Thư. Những bậc trí giả thông kim bác cổ không được chấp bút. Ông không vì cái sáng láng, cao quý của bộ sách mà ông vì cái riêng. Ông coi việc soạn Bách Khoa Thư như một vụ buôn bán kiếm lời. Bách Khoa Thư biến thành loạn thư làm

dân nước u tối đi, tàn hại không biết bao nhiêu đời.

Tể tướng hăm hăm:

- Bay đâu, lôi hai thằng khinh vua này ra chém ngay.

Lính xông vào bắt hai nho sinh. Nhưng dân chúng đông quá, bọn lính không chen lên được. Trương Văn Chất được thể bèn nói lớn:

- Chính người mới là kẻ đạp lên phép Vua. Người lộng hành sắp xếp lại các lộ, các trấn chẳng tính đến thiệt hại to lớn không biết bao nhiêu mà kể, miễn sao bóng của người bao trùm thiên hạ. Những người hiền lương như quan Ngự sử, quan Tổng đốc Hải Đông người cố tình hăm hại. Ô quan như Đỗ Hối người lại giang tay che chở. Nhưng lưới trời lồng lộng người không thoát được đâu.

- Lính! Chúng mày đừng trơ mắt ra mà nghe à?

Bọn lính ùa cả vào. Đã có những chỗ xô xát. Sợ dân bị vạ lây, Phan Đức Vinh khẩn khoản:

- Tạ ơn bà con. Bà con dẫn ra, về đi kéo vạ lây.

Pháp đình như chợ vỡ. Người thì khóc thương hai nho sinh. Người thì nguyền rủa tên quan tàn bạo. Cái chết của hai nho sinh khiến các trí giả càng tìm đọc Bách Khoa Thư. Mọi người đều nhận thấy hai nho sinh chết oan. Tế tướng biết chuyện này sẽ còn rày rà.

Nhà Vua cứ lạng thình để cho Tế tướng bộc lộ những gì ông ta muốn.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 16

Ghép cho tội khi quân, Tể tướng chém nghiêng hai nho sinh. Thấy nhà Vua không nói gì về vụ này, Tể tướng cảm thấy yên lòng. Nhưng nhà Vua đang cho người "lục lợi" Bách Khoa Thư và làm những việc cần làm. Có điều, những việc đó Tể tướng không hề biết. Để Tể tướng không phải đề phòng, nhà Vua cùng giai nhân thường đi du ngoạn. Tể tướng đình ninh giai nhân mà ông ta tiến vào cung vẫn đang làm cho nhà Vua mê mụ. Đó thật sự là một sai lầm lớn của ông ta.

Khi Tể tướng giết hại nho sinh, ngài Tri huyện đang ở chỗ con gái. Ngài hỏi con:

- Đã đến lúc bố hành sự chưa?

Bà Thục Trâm ngẫm nghĩ, đáp:

- Bố về thăm mẹ và em đi đã, rồi bố dẫn mẹ và em tới chỗ con. Trước khi bố gặp Hoàng thượng, con phải tính toán kỹ, nhất là phải lo cho mẹ cho hai em vẹn toàn. Việc này sơ xuất một chút là hoạ khôn lường.

Ngài Tri huyện thấy con gái kín kẽ nên nghe theo. Quay lại bến đò, ngài cùng cậu út trở về xóm núi nơi phu nhân và Phạm Vũ Long nấu mình. Mộc và Mạc ở lại nơi bến đò đỡ đần Oanh Nhi.

Trở về xóm núi nơi vợ và con trai ẩn thân, ngài Tri huyện sững sờ. Bởi vì vợ và con đã rời xóm núi. Lân la dò hỏi một cách khéo léo, ngài Tri huyện nghe được một tin chết người: Phạm Bảo Hưng đi thi phạm trường quy bị nhà Vua gọi về kinh hạch tội nên đã trở về xóm núi dẫn mẹ đi, không biết là đi đâu. Đang phải lẩn trốn nghe thấy tin này, ngài Tri huyện thất thần. Chưa nói đến phạm trường quy, nguyên việc đội tên giả đi thi, nhà Vua biết cũng đủ khốn khổ rồi. Để phòng xa, ngài Tri huyện cùng con trai út cất bước ngay. Sư bà trụ trì ngôi chùa gần đó tri giao với Phạm Vũ Long là người duy nhất biết con trai ngài Tri huyện đỗ Cử nhân. Nghe tin ngài Tri huyện về thăm vợ con, sư bà bèn tới xóm núi gặp ngài nói tin vui. Nhưng nhà chùa đã chậm chân!

Ngài buồn rầu quay lại chỗ con gái báo tin chẳng lành rồi lại cùng cậu út lênh đênh, trôi dạt đi tìm vợ và con trai lớn.

Mấy năm, ngài Tri huyện gọi sương, tắm nắng mà vợ và con vẫn mịt mù mây khói. Trong lúc đó, bà Nhu mỏi mắt chờ trông. Đến một ngày không chịu được nữa, bà bèn đi dò la xem ngài đang ở đâu. Nghe phong thanh ngài vừa về xóm chài, bà Nhu lặn lội tới xóm chài ngay. Tin mây tin gió mà lại đúng. Bà đưa cho ân nhân lá thư. Nhìn nét chữ ngoài bì đúng là chữ con trai, ngài mừng đến run lên. Mở thư ra, ngài không tin vào mắt ngài nữa. Phạm Bảo Hưng đã đổ Cử nhân thật rồi. Ngài càng vui hơn khi thấy trong thư con trai nói là đã tâu với Hoàng thượng về việc phải đổi lên. Chẳng những Hoàng thượng không trị tội mà còn cho Phạm Bảo Hưng trở lại tên cũ là Phạm Vũ Long. Thêm nữa, nhà Vua còn cho chỉ ấn làm bùa hộ mệnh để đi tìm cha.

Ngài Tri huyện thấy đã đến lúc phải ra tay và muốn gặp con trai, ngài không thể không thượng kinh. Thế là ngài cáo biệt bà Nhu gấp gáp tới bến đò gặp Oanh Nhi.

Sau khi bàn với Oanh Nhi, ngài cho cậu út tới chỗ Trúc Trâm. Mộc ở lại trông coi con trai Oanh Nhi. Còn ngài, ngài cùng Mạc và Oanh Nhi thượng kinh.

Thị Hương thơ thẩn bên gốc hòe mắt đăm về phương trời mà Phạm Vũ Long dẫn bước. Những làn mây trắng nhẹ bẫng trên khoảng xanh chầm chậm trôi về phía ấy. Nàng thầm ước: Giá nàng như làn mây trắng kia. Chàng đi tới đâu, nàng trôi tới đó. Mây cứ âm thầm làm chiếc ô lớn che cho chàng. Dầu chàng không hề biết thì mây cứ lặng lẽ làm bóng mát, có sao đâu.

Bài thơ Phạm Vũ Long để lại cho nàng, nàng thuộc lâu lâu, thuộc cả nét chữ. Nàng nhắm mắt lại, nét chữ ấy vẫn hiện lên rõ ràng như những cánh hoa. Dù là như vậy nàng vẫn muốn bài thơ trên giấy trắng, mực đen hiện ra trước mắt. Bà Nhu đi vắng, nỗi cô đơn càng xâm chiếm tâm thức nàng. Lòng cồn cào một nỗi nhớ, nàng lại mở tờ thư ra. Từng chữ từng chữ lấp lánh.

Một sắc hòe xanh lồng sắc liễu

Một mái tranh xờn mấy gió mưa
Một bóng giai nhân nương xóm vắng
Một kẻ tha hương gió liễu đùa.

Một niềm xôn xao mơ hồ khuấy động lòng Thị Hương. "Thiếp là gió liễu ư? Thiếp có đâu dám đùa với chàng ! Lần đầu gặp chàng, lòng đã băng khuâng. Nhưng thiếp là phận bọt bèo nên dù có băng khuâng thì băng khuâng đó chỉ là bọt bèo. Thiếp có đâu muốn mong ước gì hơn... Vậy mà bút hoa, chàng để lại lời vàng cho thiếp. Phận hèn mà được những lời châu ngọc, kẻ tha hương thật thoả lắm rồi. Trên đời một người có chút tình với mình mà người đó đã làm mình tư tưởng thì dù phải chết cũng chẳng ân hận gì. Bởi lẽ đó, thiếp không nhớ chàng sao được?"

Thị Hương cứ chìm trong mơ tưởng xanh ngắt. Bỗng một lũ đầu trâu mặt ngựa ập tới. Một tên "ngọt ngào":

- Cô nương làm chúng tôi vất vả bao nhiêu ngày rồi....

Thị Hương rụng rời chân tay. Những cái mặt gớm ghiếc đã vây quanh nàng. Những ánh dao lấp loé rợn người. Nàng biết chúng là bọn nào rồi. Một tên lại khề khàng:

- Tướng công mong cô nương từng ngày, đừng để chúng tôi phải nặng tay. Bà Nhu từ xóm chài trở về với một niềm mơ mong manh. Đứa cháu nuôi của bà sớm muộn cũng sẽ gặp lại Phạm Vũ Long. Hoá ra Phạm Vũ Long là con trai lớn của lương y Hiếu. Hôm trước gặp bà, Phạm Vũ Long nói cậu là cháu ruột của lương y. Chắc là chàng muốn giữ ý.

Nhưng niềm vui của bà như đốm lửa vừa nhen đã gặp một trận mưa lớn. Bà về tới nhà, cô cháu nuôi đã bị bọn xấu bắt đi. Bà đã đoán ra kẻ nào đã bắt cóc cháu bà. Một con thú có bao giờ buông miếng mồi ngon. Bà nghĩ ngay đến con trai lương y. Tân khoa được nhà Vua cho chỉ ấn chứng tỏ Ngài rất yêu Phạm Vũ Long. Tân Cử nhân may ra có thể cứu được Thị Hương. Muốn gặp được lương y và con trai của ngài, bà phải lên kinh thành. Bởi lương y chắc chắn sẽ lên kinh thành tìm con. Bà cầu Giới phấn Phật cho bà gặp được Phạm Vũ Long.

Để che mắt bọn xấu, bà Nhu phải giả làm hành khất. Lên tới kinh thành lân la dò hỏi, bà Nhu biết đích xác viên quan để xống Thị Hương lần trước đã

cho tay chân lúng khấp nơi. Có điều, lần này chúng bắt Thị Hương không để tiến cung, ấy là vì viên quan háo sắc thấy Thị Hương đẹp quá nên nảy lòng dâm tà. Bắt được Thị Hương, hẳn ép nàng phải làm thiếp. Thị Hương chống trả quyết liệt. Biết không ép được Thị Hương, viên quan tàn ác đã bán nàng cho một nhà chứa lấy một số tiền lớn. Viên quan ấy không phải ai khác mà chính là Tổng quản thị vệ.

Tuy mới gặp Phạm Vũ Long lần đầu nhưng Thị Hương đã có ý với chàng. Cảm nhận được điều đó, Phạm Vũ Long từ xóm chài quay về ghé thăm Thị Hương. Không gặp nàng, chàng đã gửi lại bốn câu thơ ý tình đã rõ. Chung tình với Phạm Vũ Long, Thị Hương quyết giữ băng trinh nên đã tìm một lối thoát... Nàng bèn nói với mẹ chủ nhà chứa:

- Bà ạ, thân con đã bị vào đây băng trinh cũng thành trò đùa. Con đành phụ người đã ước với con. Có một vật rất quý con gửi bà. Hễ chàng đến tìm, con không gặp nữa. Bà đưa kỹ vật quý giá cho chàng hộ con. Nó là tiền bạc đấy.

Nói rồi, Thị Hương đưa cho mẹ chủ bốn câu thơ của Phạm Vũ Long. Đọc qua bốn câu thơ, mẹ chủ biết là hàng có giá. Mẹ càng vui vì cô gái mỹ miều không tiếc tấm thân ngà ngọc... Mẹ bèn nói:

- Con thật là biết điều. Đã vào tới đây mà còn giữ trinh với tiết thì chỉ là hạng gàn dở. Con chiều chuộng khách cho khéo hẳn sẽ sung sướng hết đời. Thị Hương trở về phòng, một người khách bước vào. Nàng suy nghĩ rồi nói:

- Trời đất sinh ra em thế nào vẫn con y nguyên như thế. Chàng muốn gần gũi em phải lên giao giá với bà chủ trước đã.

Trông thấy Thị Hương như tiên giáng trần, người khách vui lắm. Buộc lòng, ông ta phải chiều Thị Hương lên gặp bà chủ. Khi ông ta quay lại, Thị Hương căn lười chết rồi.

Bà Nhu tìm tới nhà chứa, cháu đã thành năm đất. Mẹ chủ nhà chứa hé ra cho bà biết là mẹ ta giữ hộ Thị Hương một kỹ vật vô giá. Bà Nhu biết mẹ chủ chứa muốn gì. Nhưng lực của bà mỏng lắm, bà đành nuốt lệ quay về.

Đọc đường, bà gặp lương y Hiếu thượng kinh. Bà báo tin đau lòng đó cho lương y biết. Ngài Tri huyện cảm thương Thị Hương lắm càng quyết chí trừ

bọn gian ác. Riêng việc Phạm Vũ Long và Thị Hương có ý với nhau, bà vẫn giữ kín.

Trên đường đi, ngài Tri huyện suy nghĩ. Ván cờ này không được nhằm một nước và không được lộ ý định, lộ hành động.

Ba người rong ruổi nhằm kinh thành dần bước. Tới kinh thành, Ngài Tri huyện ở một nơi, Mộc và Oanh Nhi ở một nơi. Hai nơi cách nhau chừng nửa dặm. Ngài Tri huyện sẽ đón đường đệ đơn lên nhà Vua. Hai người ẩn ở một nơi gần đó. Nếu có biến, họ lặng lẽ rút lui. Sở dĩ ngài Tri huyện sắp đặt như vậy vì hơn một tháng thăm dò, ngài biết được đạo này nhà Vua thường ra ngoài kinh thành du ngoạn.

Một hôm, kiệu nhà Vua ra khỏi kinh thành chừng năm sáu dặm. Thị vệ thấy một ông già quỳ ở giữa đường, hai tay nâng tờ giấy lên ngang đầu. Thị vệ bẩm lên nhà Vua. Nhà Vua truyền dừng kiệu và sai Thái giám lại hỏi ông già tấu việc gì. Thái giám hỏi ông già oan ức gì mà phải đệ đơn giữa đường? Ông già nói việc hệ trọng đã tâu trong đơn. Thái giám tâu lại lời ông già với nhà Vua. Nhà Vua truyền Thái giám dâng đơn của ông già lên. Thái giám y truyền chỉ. Một lát sau, trong tay nhà Vua đã có đơn của ông già. Nhà Vua xem đơn tấu biết là việc hệ trọng. Ngài xuống kiệu bắt mọi người đứng lại còn Ngài bước tới phía ông già đang quỳ. Ngài truyền:

- Bình thân.

Ông già vẫn quỳ:

- Hạ thần đa tạ đức Vua

- Người là ai?

- Tâu đức Vua, thần là Phạm Chí thành Tri huyện Trường Định ạ.

- Hóa ra là người! Tờ giấy có bốn chữ đâu?

Tri huyện Trường Định tay run run lấy tờ giấy dâng lên nhà Vua.

Nhà Vua lướt qua tờ giấy rồi hỏi:

- Người đàn bà ấy đâu?

- Tâu đức Vua, người ấy ở cách đây chừng gần một dặm.

- Người ra dẫn đến đây.

- Thần tuân chỉ.

Tri huyện Trường Định run run đứng lên rồi bước. Một lúc sau, ngài dẫn

Oanh Nhi tới. Hai người sụp lạy tung hô vạn tuế. Nhà Vua truyền:

- Lính, bắt hai người này giam vào ngục, canh gác cho cẩn trọng, không được để họ đói. Hai người này xảy ra chuyện gì ta mượn đầu các người đây.

Nhà Vua quay ngay về cung. Dem bốn chữ trong tờ giấy vừa có trong tay ướm với bốn chữ trong thư của Tổng đốc Hải Đông, nhà Vua thấy giống hệt như nhau. Ngài mừng lắm. Nhưng sau một đêm suy nghĩ, Ngài lại thấy còn có gì chưa ổn. Tế tướng rất gian ngoan. Với ông ta, chứng cứ phải như đinh đóng cột, ông ta mới cứng lưỡi, còn chứng cứ hơi chông chênh, khó mà bắt ông ta cúi đầu.

Đã gần hai tháng, ngài Tri huyện và Oanh Nhi "tĩnh tọa" trong khám mà nhà Vua chưa cho Phạm Vũ Long biết. Là vì Ngài có ý để cho chàng "xem xét" xong Bách Khoa Thư. Và lại, ngài Tri huyện đã được nhà Vua hậu đãi trong kinh thành. Phạm Vũ Long gặp cha sớm hay muộn cũng không hề gì. Được Hoàng thượng tin yêu giao trọng trách, Phạm Vũ Long mang hết tâm lực, trí tuệ khảo cứu bộ sách vì nó mà hai nho sinh đã thiệt mạng. Thêm nữa, sự thôi thúc đi tìm cha một lần nữa khiến chàng làm việc không kể ngày đêm. Khi trang khảo cứu cuối cùng về bộ Bách Khoa thư được viết xong cũng là lúc có truyền chỉ chàng vào hầu nhà Vua. Với sắc diện rất bình thản, nhà Vua chỉ vào một người nói:

- Đây là tâm phúc của ta. Người này đưa người đi gặp một người mà người cần gặp.

Trống ngục của Phạm Vũ Long đập dồn. Một câu hỏi lướt nhanh trong đầu: "Người ta sẽ phải gặp là ai?" Rồi chàng quỳ xuống:

- Thần tuân chỉ.

Tâm phúc của nhà Vua đưa Phạm Vũ Long xuống nhà lao. "Ta phải gặp người trong nhà lao ư? Người này là ai? Ta gặp người này để làm gì?" Hết câu hỏi này đến câu hỏi khác lần lượt xuất hiện trong đầu Phạm Vũ Long còn câu trả lời cứ trốn biệt. Tiếng xích sắt va vào cửa nhà lao khi tên quản tù tra chìa khoá vào ổ càng làm cho chàng hồi hộp. Tâm phúc của nhà Vua nói: "Mời ngài vào. Khi nào xong việc, ngài gõ cửa. Tôi sẽ đón ngài." Phạm Vũ Long gật đầu rồi bước vào phòng giam. Hai cánh cửa lim lại im

ím khớp vào nhau. Phòng giáp cửa lớn bỏ trống không giường, không chiếu. Phạm Vũ Long thấy lạ. Phòng giam kẻ phạm tội mà rất sạch sẽ lại thoang thoảng hương địa lan. Phòng kề cạnh có ánh sáng bạch lạp hắt ra. Phạm Vũ Long bước tới phía cửa có ánh sáng hắt ra ấy. Cửa không chốt. Chàng khẽ đẩy cửa nhẹ nhàng bước vào. Một ông già đang ngồi trước án thư đọc sách. Trên án có chậu hoa lan nhỏ nhưng sang trọng. Cách án thư vài bước chân, một chiếc giường nhỏ chiếu chăn rất đẹp. Ông già ngồi quay vào nên ông không trông thấy Phạm Vũ Long. "Nhà tù mà thế này ư? Người phạm tội là ai mà được nhà Vua biệt đãi thế này?" Một ý nghĩ vụt lên trong đầu Phạm Vũ Long. Có thể lắm.... Chàng khẽ khàng bước tới phía ông già. Đã xác định được "người tù" là ai, ngực chàng như có hàng trăm quả trống cùng lúc khua vang. Để không làm "ông già" giật mình, chàng khẽ hắng giọng. "Ông già" quay ra. Cả hai cùng bàng hoàng. Phạm Vũ Long quỳ xuống:

- BỐ!

- Con! Sao con lại vào được đây?

- Thưa bố, thật đội ơn Hoàng Thượng. Ngài đã giao một việc cho con từ lâu rồi.

- Con đã nhận được một chức quan à?

- Thưa bố, con chưa nhận một chức quan nào cả. Hoàng thượng bí mật giao việc cho con.

Suy nghĩ một lúc lâu, ngài Tri huyện nói:

- Con ạ, mũ cao áo rộng mà làm gì. Quan trường là cái bẫy, trung với Vua, thảo với dân thì bọn quyền thần gian tham ghen ghét, đặt điều tìm cách hãm hại. Con hãy lấy Thiếu Bá và Tử Phòng của Trung Hoa xưa mà làm gương. Càng tránh xa quan trường sớm ngày nào tốt ngày ấy. Phải đâu cứ làm quan mới có ích cho nước, cho dân.

- Có phải ý của bố muốn con dạy chữ cho đời.

- Dạy chữ, dạy làm người là phúc đức nhất. Vạn đại vi sư con ạ.

Hơn mười năm, cha con mới gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi. Biết tin chị và em bình an, Phạm Vũ Long mừng khôn xiết. Ngài Tri huyện cảm thấy đông gió sắp tan, gia đình sẽ được sum họp. Hai cha con mãi nói chuyện

không biết là mặt trời sắp đứng bóng. Vừa lúc đó, một người lính bưng cơm lên. Cơm của người "tù" như cơm ngự. Trong đời Phạm Vũ Long, bữa cơm đó là bữa cơm hạnh phúc nhất. Thì ra, để giữ tính mạng cho ngài Tri huyện và Oanh Nhi, nhà Vua đã đưa hai người vào khám. Ngài quả là cao minh.

Sau khi vào thăm bố, Phạm Vũ Long vội vàng về nơi tá túc. Thấy mặt mày con rạng rỡ, mẹ chàng biết là có tin vui. Phạm Vũ Long thuật lại chuyện vừa gặp bố cho mẹ nghe. Bà Hạnh vui mà nước mắt ròn ròn. Bà muốn đến thăm phu quân nhưng nhà Vua biết trước điều này nên Ngài đã nói với Phạm Vũ Long là Ngài không cho phép. Vậy là hai ông bà Tri huyện cùng ở trong kinh thành mà không được tương kiến. Nhưng đã biết tin chồng và tin hai con vô sự, bà Tri huyện vui lắm.

Phạm Vũ Long quyết định đi thăm chị và em cùng người trong mộng. Chàng bèn xin phép Hoàng thượng nhưng chàng lại nói khác đi:

- Tâu Hoàng thượng, hạ thần xin Hoàng thượng một việc.

Hoàng thượng cười:

- Việc hệ trọng là người đi tìm thân phụ. Nay ta đã mang thân phụ đến cho người vậy người còn có việc gì nữa?

- Tâu Hoàng thượng, thần có một bằng hữu thâm giao cùng đi thi với thần. Người này kiến văn cao sâu thần không sánh được, nhưng hôm đi thi vì sơ xuất một chút nên chỉ đỗ Tú tài. Người này sau này chắc chắn là hiền tài. Nay bằng hữu của thần ốm nặng. Thần có võ y thuật muốn tới thăm bạn và có giúp được bạn gì không. Xin Hoàng thượng cho phép.

- Nhà người đi bao nhiêu ngày?

- Tâu Hoàng thượng, thần đi về chỉ hơn một tháng. Thế nhưng thần về sớm hay muộn còn phụ thuộc vào bệnh tình của bạn.

Nhà Vua ngẫm nghĩ rồi nói:

- Thôi, như thế này, người dành ra mấy ngày lo cho ta một việc rồi người đi. Sớm muộn mấy ngày, người đừng bán khoán. Vận số người ấy còn dài ắt người sẽ gặp. Sớm mai người vào nhận việc.

Phạm Vũ Long mừng lắm vội rập đầu:

- Thần tuân chỉ.

Đúng giờ hẹn ngày hôm sau, Phạm Vũ Long hồi hộp vào hầu nhà Vua. Chàng vừa quỳ xuống chưa kịp chúc nhà Vua thì Ngài đã nói:

- Không phải đa lễ. Ta đã dành cho người phòng kia. Hai cuốn sách ta đã để trong đó. Người đóng chặt cửa xem xét rồi ghi nhận xét. Khi ra khỏi phòng, trong người người có một mảnh giấy viết chữ là ta trị tội đấy.

- Tâu Hoàng thượng, thần rõ rồi ạ.

Vừa bước vào phòng Phạm Vũ Long vừa nghĩ: "Sách gì mà nghiêm cẩn thế nhỉ?". Bỗng chàng giật mình. Hai cuốn sách đặt trên án đều là sách "Khảo cứu Bách Khoa Thư". Hai cuốn sách do hai người viết. Cũng như chàng, hai cuốn sách không được phép ghi họ tên, học vị, phẩm hàm của người viết. Thế là Phạm Vũ Long đã hiểu ý tứ, mục đích của nhà Vua cho khảo cứu bộ Bách Khoa Thư. Nhà Vua đúng là một minh quân. Vậy mà có thời Ngài lại sa bẫy giai nhân. Hoá ra trên đời này không có vĩ nhân nào là không sai lầm. Những trí giả viết hai cuốn sách này có kiến thức rất uyên bác, có những kiến giải mà chàng không thể sánh kịp. Cũng như chàng, họ đánh giá bộ Bách Khoa Thư là bộ sách tầm thường. Phạm Vũ Long đã nhận ra, sách của chàng cũng được hai người đọc. Rõ ràng, với vị Vua anh minh, Bách Khoa Thư đã trở thành quốc gia đại sự.

Trần trở nhiều đêm, nhà Vua vẫn chưa tìm ra cách làm sáng tỏ bốn chữ gian giáo của Tế tướng. Rồi một đêm, sau nhiều đêm thao thức, nhà Vua vừa chợp mắt, bỗng có người bước tới bên giường rồng. Người ấy râu dài trắng như cước, tóc cũng như mây bông, mắt hiền như mắt bồ câu. Nhà Vua thấy lạ bèn hỏi:

- Người là ai, có việc gì mà lại đến gặp Trẫm vào giờ này?

Người đó đáp:

- Ta là ai nhà Vua không cần biết. Sáng mai nhà Vua ra phía đông thành ắt rõ việc gì.

Dứt lời, người đó hoá thành một làn khói vàng bay đi. Nhà Vua bàng hoàng ngồi dậy chờ sáng.

Hôm sau, mặt trời chưa vượt khỏi ngọn liễu, nhà Vua đã cải trang dẫn theo hai thị vệ ra cửa đông kinh thành. Nhà Vua nghe thấy tiếng rao của một thằng bé: "Thuốc tẩy đây, thuốc tẩy đây. Thuốc tẩy này tẩy gì cũng sạch.

Mua đi! Mua đi". Nhà Vua gọi thẳng bé đến hỏi:

- Này cháu bé, có thật thuốc tẩy này tẩy gì cũng sạch không?

Thằng bé đáp:

- Cháu nói thật, có loại nhựa tẩy không sạch, cháu phải rao như thế mới bán được chứ.

Nhà Vua lại hỏi:

- Mực tẩy có sạch không?

- Dạ, sạch ạ.

- Có loại mực nào tẩy không sạch không?

Thằng bé trả lời ráo hoảnh:

- Thế thì chỉ có mực của Tể tướng.

Nhà Vua giật mình! Có lẽ lời báo mộng của thần linh đêm qua là đúng.

Ngài bèn hỏi:

- Sao cháu biết?

- À thế này ông ạ. Một ông quan được Tể tướng cho mực quý. Ông quan đó thử xem mực của Tể tướng quý tới mức nào bèn mua thuốc của cháu về tẩy. Chữ viết bằng mực của Tể tướng cứ lì ra không phai. Chuyện này các ông đều biết cả. Chắc ông không phải là ông đồ.

Nhà Vua cười rồi mua một gói thuốc tẩy. Cẩn thận, Ngài còn hỏi nơi ở của thằng bé.

Đem thuốc tẩy về, nhà Vua mang ngay bản tấu cũ của Tể tướng và của Tổng đốc Hải Đông ra thử. Quả nhiên, đúng như lời thằng bé nói. Chữ trong bản tấu của Tổng đốc Hải Đông nhạt dần rồi màu mực bay đi gần hết. Còn màu mực trong bản tấu của Tể tướng cứ trơ ra, chữ cứ đen láy. Nhà Vua thử đi thử lại nhiều lần, kết quả vẫn y như thử lần đầu. Lúc ấy, nhà Vua mới lấy tờ thư của Tổng đốc Hải Đông ra. Trừ bốn chữ chết người, nhà Vua quệt thuốc tẩy vào một nét chữ của một vài chữ không quan trọng. Lập tức những nét chữ bị tẩy màu mực nhạt dần. Nhà Vua hồi hộp trước bốn chữ làm hai nhà rơi đầu. Nửa nét ngang trong chữ "tử" trở thành vật hy sinh. Nhưng màu mực cứ trơ ra. Nhà Vua bèn quệt thuốc tẩy vào cả chữ "tử". Màu chữ vẫn y nguyên. Cả bốn chữ "phế phụ lập tử" không phai màu vì thuốc tẩy. Nhà Vua chợt nhớ ra. Tể tướng đã khoe với Ngài, Bách Khoa

Thư được viết bằng một loại mực đặc biệt do ông ta chế ra. Mực ông ta chế bằng gì, chế như thế nào không một ai biết cả.
Cái nhà Vua cần đã có trong tay. Làm thế nào cho gọn êm đây khi trong tay Tổng quản thị vệ có mấy nghìn hùm sói? Ngài lặng lẽ chuẩn bị lực lượng.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 17

Mẹ con bà Dưỡng Phụng đã thành hai bà tiên của xóm núi hoang vắng và của dân quanh vùng. Thấm thoát, ả Phụng đã gần ba mươi tuổi. Tóc bà Dưỡng Phụng cũng đã vơi xanh. Sóng gió cuộc đời xô đẩy làm cho bà già đi trước tuổi rất nhiều dù rằng bà mới ở tuổi ngoài bốn mươi.

Hai mẹ con bà Dưỡng Phụng đã thành ân nhân của hai bác tiều phu. Từ khi mẹ con bà đến ngụ cư ở hẻm núi vắng, cuộc sống của hai bác cũng như vợ con đỡ khốn khó hơn. Hai bác không chỉ trông vào gánh củi trên vai mà đã biết trồng cây thuốc để bán. Được mẹ con bà Dưỡng Phụng chỉ bảo, những bệnh thông thường hai bác có thể chữa được. Có hai bác tiều, mẹ con bà Dưỡng Phụng cũng đỡ vất vả. Sau ngày ngài Tri huyện chia tay con gái không lâu, một buổi sớm, hai bác tiều ra nhà khám bệnh ở ngã ba đường. Một cảnh tượng hãi hùng hiện ra trước hai bác. Dưới hiên mái tranh, một bé gái chừng mười tuổi đang khóc lóc thảm thiết bên người đàn bà đã tắt thở. Hỏi bé, hai bác biết người đàn bà đã thoát trần là mẹ của bé. Một bác vội vàng dẫn bé vào chỗ bà Dưỡng Phụng. Một bác canh chừng người đàn bà tội nghiệp. Bà Dưỡng Phụng giao bé gái cho ả Phụng, còn bà ra ngay với người đàn bà bất hạnh. Cảnh tượng tang thương xoáy vào lòng người phụ nữ đã làm vợ nhưng chưa được ngửi mùi nước đá thơm tho của trẻ thơ thì tang chồng đã chít chặt đầu. Động lòng nhân từ, bà Dưỡng Phụng mua hương hoa tiễn người xấu số về giời, mua áo quan mai táng người đàn bà rất chu đáo khiến già trẻ cảm kích, kính phục lắm.

Bé gái ghẻ lở đầy người, hôi hám không thể chịu nổi. ả Phụng phải tắm gội, thuốc thang cho bé. Bảy tám ngày sau, những vết ghẻ lở thâm tím lại, mùi hôi không còn nữa. ả Phụng nhận ra bé có đôi mắt như sao và gương mặt búp sen khả ái. Trong sự yêu thương của hai bà tiên, sự hốt hoảng của bé dần dần tan đi. "Lọ nước thần" trong tay ả Phụng đã biến một cô bé ghẻ lở, gày gò thành một tiểu nữ xinh xắn rất đáng yêu. Lúc ấy, ả Phụng mới hỏi bé. Bé bèn kể: Bé có cái tên xấu xí là Ghẻ. Quê Ghẻ ở một vùng núi bố

mẹ Ghê vẫn gọi là Động Lâm. Động Lâm ở hướng nào, gần hay xa, bé không thể hình dung được. Nhà Ghê nghèo lắm, nghèo đến nỗi mới có một mình Ghê mà bố mẹ nói chuyện với nhau là không để nữa. Nhưng rồi mẹ của Ghê vẫn có em. Em của Ghê cũng là một em gái. Mẹ của Ghê mang em bé cho một nhà giàu có hiếm con. Năm ấy Ghê mới sáu, bảy tuổi nhưng Ghê đã biết quý em. Thấy mẹ bế em đi cho, Ghê lăn ra khóc. Mẹ bèn dỗ dành Ghê: "Giữ em ở nhà lấy gì mà nuôi. Cho người ta nuôi hộ mấy năm. Khi nào bố mẹ dư dật bát gạo, đồng tiền sẽ chuộc em về." Ghê không nghe vẫn cứ khóc. Nhưng dù Ghê có vật vã, mẹ Ghê vẫn trao em bé cho người ta.

Từ hôm mẹ Ghê cho em đi, Ghê mong ngày mong đêm. Một ngày nào đó, mẹ Ghê sẽ đón em về... Bỗng trời đại hạn hai năm liền. Đồng ruộng nứt nẻ, lúa khô cháy. Bố mẹ Ghê không đóng được thuế. Tri huyện bèn cho người bắt bố Ghê tống vào ngục. Đòn thù và ốm đau đã vắt kiệt sức bố Ghê, ông đã chết trong tù. Cùng quần, mẹ Ghê dẫn Ghê đi khất thực. Đói khát, nắng mưa, đau khổ đã làm thể chất của mẹ Ghê hao mòn dần. Bất ngờ một trận mưa lớn trên đường xin ăn đã làm mẹ Ghê bị cảm nặng. Thấy một mái lá ở ngã ba đường, Ghê dìu mẹ vào nghỉ dưới mái hiên. Mẹ ốm, đêm tối giữa nơi rừng rú, Ghê không bầu vịu vào ai được. Thế là thảm họa đã xảy ra. Mới hơn mười tuổi đầu, Ghê đã thành đứa trẻ không cha không mẹ. May cho Ghê là em đã gặp hai bác tiên phu.

Từ một đứa bé con nhà nghèo hèn chưa bao giờ được bữa cơm no, chưa bao giờ được tấm áo lành bỗng được no đủ, lành lặn, được quý mến, yêu thương, Ghê tươi da thắm thịt trông thấy từng ngày. Chỉ gần hai tháng sau khi gặp hai bà tiên, Ghê đã thành một cô bé khác. Nếu có một phép màu nào đó làm cho mẹ Ghê hoàn sinh, chắc hẳn bà sẽ không thể nhận ra con gái mình. Lòng nhân ái quả là hơn mọi phép màu. Nó làm cho con người sáng ra, đẹp lên, lòng trong trẻo ấm áp hơn. Còn hơn thế nữa, dòng suối yêu thương có thể làm cho những trái tim bầm đen máu hận thù tươi lại.

Nhìn Ghê, bà Dưỡng Phụng nảy ra một ý nghĩ phúc đức. Bà hỏi ẩn Phụng:

- Dễ chừng con cứ sống với giới với đất, với hoa lá cỏ cây đến già?

Ẩn Phụng lễ phép:

- Thưa mẹ, con đã nói với mẹ từ lâu lắm rồi. Mẹ quên rồi à?

Bà Dương Phụng âu yếm:

- Mẹ hỏi ấy là vì có việc con ạ.

Ấn Phụng trầm nghĩ: "Mẹ là người uyên bác đã nảy ra ý nghĩ gì khó có thể sai. Vậy mẹ nói có việc là việc gì, vui hay là buồn đây?" Ấn Phụng cố nghĩ mà nghĩ không ra. Hiểu con đang phân vân về điều gì rồi, bà Dương Phụng nói:

- Mẹ thì già rồi. Năm nay con cũng đã gần ba mươi. Chẳng bao lâu nữa, vai con cũng hết tròn, tóc con cũng hết mượt. Vậy nên, mẹ muốn con nhận bé Ghê làm nghĩa tử. Mẹ già rồi có khi lẫn thẩn. Chẳng hay ý con thế nào?

Ấn Phụng cân nhắc kỹ lưỡng, đáp:

- Mẹ là người thận trọng đã dạy, con xin vâng.

Bà Dương Phụng vui lắm. Ấn Phụng vui trong nỗi buồn sâu dăm dăm. Bỗng nàng suy nghĩ về cái tên của bé rồi nói với mẹ:

- Hẳn là vì bé gái này bị ghê lở nên mới có cái tên xấu xí như thế. Lẽ nào cứ để cái tên ấy theo bé suốt đời. Sau này, chắc chắn bé sẽ tủi thân về cái tên chẳng đẹp đẽ gì.

Bà Dương Phụng thấy con gái nói phải. Con người là hoa lá của giới đất nên có quyền được hưởng một cái tên đẹp đẽ chứ. Bà bèn nói với con:

- Ý nghĩ của con thật là nhân ái. Mẹ sẽ tìm cho con gái con một cái tên.

Tối hôm ấy, bà Dương Phụng thắp hương niệm bái anh linh Tướng công Hoàng Kiến Nghiệp xin cho ấn Phụng được làm mẹ bé gái mồ côi cả cha lẫn mẹ, trên không anh chị dưới chỉ có một em lưu lạc. Ba nén hương được cắm vào bát nhang một cách ngay ngắn. Bà vái ba vái rồi toan lui gót. Nhưng bà vừa vái xong, kỳ lạ thay, cả bát hương bốc cháy. Dân gian gọi hiện tượng này là bát hương "giáng". Đó là dấu hiệu của điềm lành - anh linh của Tướng công đã chứng lời thỉnh cầu của người trần. Thì ra Tướng công vẫn quanh quất quanh giọt máu cuối cùng của ngài còn sót lại sau cơn đại họa.

Bà Dương Phụng vào giường trần trọc không sao ngủ được. Bỗng bà thấy như toàn thân bị chênh choáng bởi men mỹ tửu. Rồi bà như bay lên, bay lên mãi. Một quầng mây trắng dìu bà đi. Phía trên bà, trăng như trái bưởi

thơm vàng. Quanh trái trăng thơm, những vì tinh tú như pha lê lóng lánh. Gió như tấu lên bản nhạc ngũ cung réo rắt. Nhìn xuống dưới, bà thấy một dải rừng ngoạn mục hơn tranh vẽ. Giữa dải rừng đó, một tiểu nữ xinh tươi đang thơ thẩn bên hoa. Có những bông hoa giống những bông hoa trong vườn cây thuốc của bà. Đang ngẩn ngơ trước cảnh sắc kỳ tú, bỗng bà nghe thấy một giọng nói quen quen: "Kỹ nữ Thục Trâm đây ư? Quý nữ của bản chức không may bị mồ côi cha mẹ do bọn lộng quan gây nên. Nhưng thật vạn hạnh nên con nó mới có được nghĩa mẫu là bà. Bà và Kim Phụng cố dưỡng dục đứa bé bơ vơ ấy. Sau này, đứa trẻ mồ côi ấy sẽ làm được một việc đại phúc mà ngay cả bà cũng không làm được: " Bà Dưỡng Phụng gai người lên. Đúng là Tướng công rồi. Âm dương tương kiến là chuyện hiếm có trên đời. Bà liền quỳ trên vầng mây trắng: "Thưa Tướng công, ngài đã dậy, bản nữ sẽ gắng gỏi. Còn điều gì người trần không thể biết, xin Tướng công chỉ giáo. " Không có tiếng đáp lại, bà lại thỉnh cầu: "Việc đại phúc mà Tướng công nói, chẳng hay là việc gì, Tướng công mách cho". Giọng nói quen quen lại vang lên: "Thiên cơ biết khả lộ. Bà mà biết trước việc ấy chỉ có họa chứ không có phúc." Bà ản Phụng rất am tường điều này nên không hỏi gì nữa mà chỉ chấp tay vái vái.

Bỗng vầng mây trắng như loãng ra. Bà Dưỡng Phụng chơi vơi như chiếc lá rời cành. Bà thấy bà vẫn đang nằm trên giường trong mái lá bạc màu mưa nắng. Đêm sâu vắng như tờ. Bà chợt nhận ra là bà đã chớp mắt trong khoảnh khắc. Những gì vừa tương kiến chẳng qua chỉ là giấc hoàng lương. Chợt đâu đó, tiếng tắc kè vọng lại. Bà đếm được chín tiếng. Tắc kè kêu lẻ tiếng là điềm lành. Chính vì vậy khiến bà hồi tưởng và suy ngẫm về giấc mộng: "Sao lại là ngọn núi có những loài hoa hệt như hoa trong vườn cây thuốc của mình? Sao Tướng công lại mách mình cố dưỡng dục đứa bé gái bơ vơ. Việc "đại phúc" mà bé Ghê sẽ làm được là việc gì?" Bà đăm đăm suy nghĩ.... Việc "đại phúc" thì bà chưa lý giải được, còn ngọn núi có tiểu nữ bên hoa thì bà đã nhận ra. Tướng công đã cho bé Ghê một cái tên mới đó là Sơn Nữ. Phải rồi... Sơn Nữ - cái tên hay lắm!

Ngày hôm sau, bà Dưỡng Phụng sửa soạn hương hoa. ản Phụng lấy làm lạ tự hỏi: "Hôm nay là ngày gì nhỉ?" Nàng chưa tìm được câu trả lời thì mẹ đã

nói:

- Con thay quần áo đi và lấy quần áo đẹp mặc cho con gái con.

Ấn Phụng ngạc nhiên:

- Có việc gì thế mẹ ?

- Con cứ vận quần áo cho tươm tất rồi ra đây.

Ấn Phụng làm đúng như lời mẹ nói. Bà Dưỡng Phụng bước tới trước bàn thờ rồi quỳ xuống. Ấn Phụng dắt con làm theo mẹ. Tiếng bà Dưỡng Phụng cất lên trong khói hương huyền ảo:

- Thỉnh bái anh linh Tướng công và phu nhân. Số phận run rủi nên kẻ goá bụa này gắn bó với tiểu thư Kim Phụng - quý nữ của Tướng công và phu nhân. Kẻ goá bụa đã coi tiểu thư như con. Tiểu thư giữ lòng với con quan Ngự sử nên giới thiệu cho một bé gái làm nghĩa tử. Kẻ goá bụa này đã bái cáo anh lính Tướng công và phu nhân. Đêm qua, Tướng công hiển linh cho tiểu nữ một cái tên mới. Kẻ goá bụa này xin làm theo. Từ nay, nghĩa tử của Kim Phụng mang tên là Sơn Nữ. Xin Tướng công cùng phu nhân chứng lời thỉnh cầu của kẻ goá bụa này.

Dứt lời, bà Dưỡng Phụng vái ba vái. Thấy mẹ làm gì, mẹ con Ấn Phụng làm theo như thế. Sau đó, bà Dưỡng Phụng kể lại buổi tương kiến kỳ lạ đêm trước cho Ấn Phụng nghe. Đến lúc ấy, nàng mới hiểu rằng nhận một đứa trẻ làm con hệ trọng và thiêng liêng khôn cùng. Vì con người là sinh linh của giới đất, chớ có đùa.

Bà Dưỡng Phụng suy nghĩ phải dạy chữ và dạy nghề thuốc cho Sơn Nữ như trước đây bà đã dạy cho Kim Phụng. Thế là mọi việc trong nhà bà giao cho Ấn Phụng. Bà dồn hết trí tuệ, kinh nghiệm dạy Sơn Nữ. Trong lòng bà luôn vang lên câu nói thần bí của Tổng đốc Tướng công: "Bà và Kim Phụng cố dưỡng dục đứa bé bơ vơ ấy. Sau này, đứa trẻ mồ côi ấy sẽ làm được một việc đại phúc mà ngay cả bà cũng không làm được".

Ngày ngày, Sơn Nữ được học chữ và học nghề vào buổi sáng. Buổi chiều, em ra vườn chăm cây thuốc cùng mẹ. Ấn Phụng chỉ bảo cho con căn kẽ tính nết, tác dụng của từng cây thuốc. Sơn Nữ cố nhớ rồi ghi lại. Học lại được hành ngay, cộng với sự sáng dạ lạ lùng, Sơn Nữ không mất nhiều ngày tháng mà đã nắm chắc được tính của hầu hết các cây thuốc trong

vườn, đặc biệt là tác dụng và cách sử dụng chúng cho những căn bệnh cụ thể.

Năm mươi bốn tuổi, y thuật của Sơn Nữ đã giỏi. Bà Dưỡng Phụng bèn "sát hạch" cháu. Nhân có một người mắc bệnh gan, bụng đã phình lên như cái trống. Người bệnh sắp chết gia đình mới cáng đến "Phòng khám" của bà đặt ở gần ngã ba đường. Bà xem mạch cho người bệnh xong bèn dấu kín rồi nói với Sơn Nữ: "Hôm nay bà mệt có xem mạch cho người bệnh e không minh mắt. Cháu ra ngoài đó lo cho người ta. " Vâng lời bà, Sơn Nữ xem mạch cho người đang chờ chết rồi về nói lại với bà. Bà Dưỡng Phụng nói: "Cháu cứ theo bệnh mà bốc thuốc." Sơn Nữ bốc thuốc xong đưa cho bà xem lại. Bà Dưỡng Phụng giật mình khi mở gói thuốc ra xem. Bà nói: "Cháu bạo gan quá, cắt thuốc thế này tuyệt chân khí mất". Sơn Nữ đáp: "Bà ạ, người này chỉ còn chờ chết, muốn cứu được phải cắt thuốc như thế." Bà Dưỡng Phụng suy nghĩ thấy cháu nói đúng. Khi âm dương, thủy hỏa đã đối chọi nhau, ấy là cái chết đã kề bên. Người thầy thuốc có độc tay mới được... Nhưng thầy thuốc chỉ độc tay khi biết sẽ cứu được người bệnh chứ không thể nhắm mắt làm liều. Bà Dưỡng Phụng thấp thỏm chờ... Người bệnh mới uống có hai chén thuốc của Sơn Nữ bốc cho, bụng đã xẹp xuống. Bà Dưỡng Phụng xem mạch cho người bệnh. Sơn Nữ chăm chăm nhìn vào mắt bà. ánh mắt bà Dưỡng Phụng sáng dần lên. Buông tay người bệnh, bà Dưỡng Phụng ôm lấy Sơn Nữ nói: "Bà hết lo rồi. Nếu bà bốc thuốc, người bệnh có đi cũng không hề gì. Vì người này phạm "tứ chứng nan y". Nhưng cháu bốc thuốc, người bệnh nằm xuống ắt sẽ mang tiếng. Người ta sẽ nói để trẻ con chữa chạy nên người bệnh bị chết oan là phải. Từ một đứa trẻ mồ côi, bơ vơ ở xó nhà lạnh lẽo bên đường, cháu được như ngày hôm nay, bà mừng lắm. Mẹ cháu hẳn cũng vui lòng." Sơn Nữ quỳ xuống trước bà Dưỡng Phụng nói trong nước mắt rưng rưng: "Cháu được sống và thành người là nhờ bà và nhờ mẹ. Ôn nuôi dạy của bà và mẹ suốt đời cháu khó có thể trả được." Bà Dưỡng Phụng ân cần: "Cháu học chữ cho thông, học nghề cho giỏi để chữa bệnh cứu người là đền công bà, công mẹ rồi".

Năm sau, nhà bà ản Phụng không chỉ có đứa trẻ khốn khổ nương náu mà đã

có thêm mấy đứa bé gái được bà cưu mang. Đứa bé nhất bảy tám tuổi, đứa lớn nhất mười hai, mười ba tuổi. Chúng bảo nhau chăm bón vườn thuốc. Vì chúng biết, bát cơm, manh áo của chúng được bà Phụng cho cũng nhờ những cây cỏ dại cả.

Trong vườn có một số cây thuốc nhựa hoặc phấn hoa của nó rất độc. Nhưng nó lại là thuốc rất quý nếu biết chế biến và dùng nó một cách đúng liều lượng. Có những bệnh phải dùng đến nhựa hoặc phấn hoa của loại "Cỏ độc" ấy mới mong trị nổi. Tin con, Ân Phụng giao cho Sơn Nữ chăm bón, thu lượm, chế biến loại cây thuốc đặc biệt ấy. Ân Phụng cấm những cô bé khác đụng đến những cây thuốc chết người. Ai tiếp xúc với những cây thuốc quý ấy là tiếp xúc với sự chết nếu như không hiểu nó và không làm chủ được nó.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 18

Cậu út chia tay cha ở bến đò băng ngay về báo tin vui cho chị. Thục Trâm vui tới bàng hoàng. Chẳng những mẹ và em vô sự mà Phạm Vũ Long còn đỡ Cử nhân. Hơn mười năm lo ngày lo đêm, hôm ấy Thục Trâm mới cất đi được gánh nặng. Nhưng biết cha đã lên kinh, bà Thục Trâm không khỏi không băn khoăn. Bỗng Mạc từ kinh thành hốt hải về báo ngài Tri huyện và Oanh Nhi đã bị Hoàng thượng ra lệnh tống giam. Thục Trâm ngăn người ra một lúc rồi nói với em trai:

- Cậu lên ngay kinh thành nghe ngóng xem lành dữ thế nào.

Cậu út thương bố khóc rưng rức. Thục Trâm bèn khuyên:

- Cậu không phải khóc. Dù bố bị giam nhưng có lẽ không nguy hiểm lắm đâu. Cậu đi nhanh nhanh lên rồi quay về ngay đây.

Cậu út đi chưa về thì Phạm Vũ Long đã đến chỗ Thục Trâm. Chị em tay bắt mặt mừng. Thục Trâm càng vui hơn khi biết rằng nhà Vua giam cha cốt là bảo vệ tính mạng cho cha. Vậy là suy nghĩ của Thục Trâm đã đúng.

Việc nhà Vua đưa bố và Oanh Nhi vào khám để giữ bí mật và bảo vệ sự an toàn cho hai người chứng tỏ nhà Vua đang chuẩn bị cho một việc động trời. Suy nghĩ như vậy, Thục Trâm nói:

- Có lẽ đông gió sắp nổi lên. Bố mẹ và hai cậu không phải chui lủi nữa. Còn chị, chị muốn trở về ngay để phụng dưỡng bố mẹ. Nhưng còn giọt máu duy nhất của Tướng công Hoàng Kiến Nghiệp chị đã coi như con. Tính mạng của Kim Phụng vẫn còn bị đe dọa nên chị chưa thể bỏ đi dù một ngày. Không chăm lo được cho bố mẹ là nỗi khổ tâm của chị. Bố mẹ giờ như giọt sương dưới nắng. Chẳng bao lâu nữa, giọt sương sẽ hoá thành mây gió. Một giọt máu chia ba nhưng chị đành là đứa con bất hiếu. Chị cậy nhờ cậu chăm lo cho bố mẹ chu đáo. Làm được điều đó, ấy là cậu thương chị rồi.

Những lời của chị gái khiến Phạm Vũ Long rơi nước mắt. Chàng đáp:

- Chị không phải nói nữa. Giá ông Tú còn thì chị đến nỗi nào. Tài hoa như

chị mà phải long đong. Ông trời thật không công bằng. Nhưng có lẽ vì ông trời cho chị tài hoa nên đã bớt đi của chị phần êm ấm. Còn về bố mẹ, chị không phải lo. Đứng trong trời đất, sức dài vai rộng, chữ hiếu mà không tròn thì có đáng làm người hay không?

Hai chị em hàn huyên hơn mười ngày mà chuyện tưởng không bao giờ dứt. Chợt nhớ lời nhà Vua dặn, Phạm Vũ Long cáo biệt chị.

Chàng cất bước mà chân dửng dăng. Mấy lần chàng ngoảnh lại, chị vẫn đứng trông theo. Cuối cùng, chàng phải dẫn lòng dẫn bước. Một dáng liễu vậy gọi. Phạm Vũ Long băng về nhà bà Nhu. Giấc mơ đêm ấy cứ chập chờn trong tâm thức của một Cử nhân đa tình. Tới nơi, chàng rụng rời chân tay. Người ngọc không còn nữa. Bà Nhu kể lại biến cố thảm thương dẫn đến Trần Thị Hương phải quyên sinh. Kẻ gây ra chuyện thương tâm ấy chính là Tổng quản thị vệ. Hoá ra quan lại mà tham lam, tàn ác thì hoạ quan không kém gì hoạ giặc. Rốt cuộc, dân lành là cực khổ nhất, thời nào cũng khổ.

Phạm Vũ Long đứt từng khúc ruột, thơ thần như người mất hồn. Cây hoè xanh vẫn còn đó, giấc mơ tiên trước lúc chàng đến nhà bà Nhu vẫn rộn ràng trong tâm thức nhưng người năm trước thì đã khuất. Bị bán vào lầu xanh rồi, Thị Hương vẫn giữ băng trinh cho người nàng mơ tưởng khiến Phạm Vũ Long cảm kích khôn cùng. Trên đời có mấy người chung tình như nàng? Giá đã có cheo cưới thì không nói làm gì, đằng này chàng chỉ mới tặng nàng bốn câu thơ mây gió. Phạm Vũ Long bèn tìm gặp mục chủ chùa. Nghe lại câu chuyện buồn thương, chàng càng kính phục người con gái tha hương tài hoa, mệnh bạc. Chàng quay về nhà lấy tiền chuộc lại bài thơ rồi ra viếng mộ Trần Thị Hương. Bó hoa trắng dâng trước mộ. Một năm trầm thờm thấp lên. Phạm Vũ Long quỳ xuống. Những lời đứt lòng cất lên: "Nàng ơi ! Ta gặp nàng trong giấc mơ hoè. Nếu không là thiên duyên thì mơ sao lại thành ra thật ? Giữa trần gian ta mơ tưởng tương phùng nào ngờ hôm nay lại thành tương biệt ! Bóng hoè vẫn đó, dáng liễu nay đâu? Nàng thành hương khói, gió mây để ta đường trần lẻ bóng. Thế là âm gian, dương thế đôi nơi. Một lần tương kiến thoát thành thiên thu. Ta chỉ còn biết đa tạ giai nhân. Nếu có luân hồi, hẹn nàng kiếp sau đáp đền tri ngộ...".

Phạm Vũ Long thắp một tuần nhang nữa rồi đọc bài thơ đã tặng nàng mà chàng mới chuộc lại. Sau đó, chàng châm lửa đốt. Bài thơ vừa cháy hết, cuồng phong bỗng nổi lên. Đó là âm dương tương cảm chăng?

Chàng quay về với đôi chân rã rời. Bóng hoè xanh và hình ảnh người ngọc cứ chập chờn hành hạ Phạm Vũ Long.

Những ngày Phạm Vũ Long đi thăm chi thì nhà Vua tuần du mấy tỉnh biên cương. Gặp các võ tướng cầm quân ở đây, Ngài vững lòng lắm... Nhưng trên đường về, ngài bị trúng phong lâm bệnh. Tể tướng bèn nghĩ ngay đến nước cờ đã ấp ủ.

Hoàng thượng có hai Hoàng tử và một công chúa. Hoàng tử trưởng hai mươi bốn tuổi. Hoàng tử thứ mười tám tuổi. Công chúa mười bốn tuổi. Nhà Vua không lập Thái tử. Bởi lập Thái tử, hoàng cung thường nảy ra chuyện rắc rối. Ngài có ý định tới một ngày nào đó, Ngài truyền ngôi ngay.

Những ngày nhà Vua ốm, Tể tướng giao cho hai ngự y mà ông ta tin tưởng nhất thường xuyên túc trực bên long sàng. Ông ta xin nhà Vua lập Thái tử. Nhà Vua hỏi:

- Trẫm có hai Hoàng tử. Ai là người xứng đáng ngôi vào Đông cung ?

Tể tướng rập đầu nói:

- Tâu Thánh thượng, từ cổ chí kim việc truyền ngôi luôn luôn truyền cho Vương tử trưởng. Hoàng tử trưởng của Người nhân hậu, khoan hoà thật hợp mọi bề.

- Trẫm sẽ xem xét ý của người. Cho lui.

- Đội ơn Thánh thượng.

Tể tướng ra về lòng râm ran vui. Còn Hoàng thượng, Ngài đã hiểu thâm ý của Tể tướng. Hoàng tử trưởng của Ngài đúng là khoan hoà nhưng không đủ tài cai quản sông núi. Tể tướng muốn nhà Vua lập hoàng tử trưởng làm Thái tử để ông ta yên lòng. Thái tử kế vị ngôi rồng, ông ta tha hồ khuynh loát thiên hạ. Tể tướng rất sợ Hoàng tử thứ ngôi vào Đông cung. Bởi Hoàng tử thứ là người mẫn tiệp, quyết đoán và lại không hợp với ông ta. Từ lâu, nhà Vua có ý truyền ngôi cho con thứ. Vì lẽ đó, để giữ kín ý định, Ngài bỏ ngỏ ngôi Đông cung.

Trong dự định của nhà Vua, sau khi tuần du, Ngài sẽ cất một mẻ vó. Không

may, Ngài bị ốm. Đang nằm trên giường bệnh, Ngài mà ra tay thì rất nguy hiểm. Nhưng chưa ra tay, cờ phải đi nước nào đây? Nếu Ngài chẳng may... Người kế vị Ngài sẽ đối phó với Tể tướng thế nào? Nhà Vua cân nhắc kỹ càng rồi truyền Hoàng tử trưởng. Nhận được truyền chỉ, Hoàng tử trưởng vội vã vào hầu. Đuổi hết ngự y và Thái giám ra ngoài, Ngài hỏi con:

- Hoàng nhi là trưởng, tuổi đã đủ khôn. Nay mai gánh vác giang sơn, Hoàng nhi có lo lắng gì không?

Hoàng tử trưởng cung kính:

- Đội ơn Vua cha thương. Nếu Vua cha cho phép, con xin được nói ý nghĩ vụng dại của con.

Nhà Vua ôn tồn:

- Hoàng nhi là cốt nhục của ta, có gì cứ nói hết không phải e dè.

Hoàng tử cả thấy yên lòng bèn bộc bạch:

- Nếu được Vua cha truyền ngôi thì thật là ân trạch lớn đối với con. Nhưng con e không gánh vác nổi.

- Người nói rõ ra xem nào.

- Thưa Vua cha, về mặt từ phú con có ít nhiều năng khiếu nhưng về trị quốc con rất kém cỏi e rằng sẽ không làm sáng Vương nghiệp của Vua cha.

Nhà Vua rất kín kẽ nên Người hỏi:

- Vậy ai thay Hoàng nhi giữ sông núi cho ta?

- Thưa Vua cha, Hoàng đệ của con ạ.

- Thôi được, ta sẽ suy nghĩ.

Nhà Vua nhìn chăm chăm vào con giấy lát rồi nói:

- Người lè lưỡi cho ta xem nào.

Hoàng tử trưởng không tin vào tai mình bèn hỏi:

- Thưa Vua cha, Người vừa nói gì ạ?

- Người lè lưỡi cho ta xem.

Hoàng tử trưởng không hiểu ý Vua cha thế nào song vẫn lè lưỡi ra. Nhà Vua nhìn con nói:

- Ta gửi Hoàng nhi cái lưỡi ấy. Nếu người thứ ba biết những điều ta vừa nói với Hoàng nhi thì ta sẽ lấy cái lưỡi ta gửi. Hoàng nhi nghe rõ chưa?

- Tâu Vua cha, con hiểu rồi ạ.

Hoàng tử trưởng lui rồi, nhà Vua truyền Hoàng tử thứ. Hoàng tử thứ vào cung quỳ lạy trước Vua cha rồi hỏi:

- Tâu Vua cha, Người có điều gì răn dạy con ạ?
- Bình thân. Trẫm muốn truyền ngôi cho Hoàng nhi. Vậy Hoàng nhi thấy thế nào?

Hoàng tử thứ đáp rành rọt:

- Tâu Vua cha, được Vua cha ban ân lớn con xin đội ơn. Nhưng con e...
- Người thay ta coi giữ tôn miếu còn phải e gì nữa?
- Thưa Vua cha, Hoàng huynh con tài giỏi đức độ, xin Người truyền ngôi cho Hoàng huynh. Vua cha truyền ngôi cho con e rằng nước sẽ loạn. Con không dám kháng chỉ nhưng con không thể...

Nhà Vua mừng lắm bởi hai con của Ngài không vì cái ngai vàng mà chém giết nhau. Tuy vậy, Ngài vẫn vờ sảng giọng:

- Lạ thật! Anh không nhận, em không nhận vậy ta truyền ngôi cho ai đây?

Hoàng tử thứ cúi đầu suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Thưa Vua cha, Vua cha cho phép con đi gặp Hoàng huynh.
- Không phải đi nữa, anh con vừa ở đây. Trẫm đã hỏi anh con. Anh con nói chỉ có con mới coi giữ được giang sơn. Trẫm cũng thấy như vậy. Con còn nói gì nữa không?

Hoàng tử thứ thầm cảm ơn tấm lòng khoan dung của anh. Nhưng chàng e rằng điều này là Vua cha sắp đặt nên tâu rằng:

- Nếu Hoàng huynh có ý như vậy thì Hoàng huynh phải có chỉ thư kéo thiên hạ cho rằng con dùng sức ép của Vua cha cướp ngôi của anh.

Nhà Vua đang nằm mà phải cố ngồi dậy nói:

- Trẫm rất mừng Hoàng nhi trí tuệ hơn người. Chỉ mấy lời nói vừa giờ thôi, Hoàng nhi cũng xứng đáng cầm quốc ấn.

Rồi ngài cười cười:

- Những điều trẫm vừa nói với Hoàng nhi, mai kia trong kinh thành có mấy người biết?
- Thưa Vua cha, độ ba, bốn người ạ.

Nhà Vua sa sầm nét mặt:

- Đó là những ai?

- Thưa Vua cha, đó là giới đất và quý thần ạ.

Nét mặt nhà Vua tươi tỉnh lại

- Khá! Khá lắm.

Bệnh của nhà Vua ngày càng nặng thêm. Bởi vậy, những gì cần nói, cần làm, Ngài đều bàn với Hoàng tử thứ. Riêng chiếu truyền ngôi, Ngài đã viết sẵn để một nơi chỉ có Ngài và Hoàng tử thứ biết.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 19

Tể tướng chờ đợi nhà Vua lập Thái tử nhưng ông ta chờ mãi vẫn không thấy gì. Là người tinh ranh, ông ta biết nhà Vua có ý định khác. Căng đầu suy đoán, ông ta cảm thấy một điều chẳng lành đối với ông ta đã xuất hiện. Tể tướng bèn tìm cách đối phó. Trước hết, ông ta cho tất cả Ngự y vào chữa cho nhà Vua. Sau nữa, ông ta cho người theo dõi mọi động tĩnh của Hoàng tử thứ. Nếu Hoàng tử thứ ngồi vào ngai vàng thì sẽ là hoạ lớn với ông ta. Ông ta dừng dừng sao được?

Một hôm, vào lúc đêm đã rất khuya, Tể tướng còn mời một viên Thái giám đến nhà. Hai người bàn kín với nhau chuyện gì mà mãi canh ba, Thái giám mới lui gót.

Bệnh của nhà Vua bỗng bành đã hơn một năm. Hết Ngự y này đến Ngự y khác chữa mà bệnh của Ngài lúc thăng lúc giáng rất lạ. Dưới gầm giời có thuốc gì quý, Ngự y đã dâng Ngài cả. Thuốc không chuyển, Hoàng hậu đã mời pháp sư cao tay tới cầu cúng. Kết cục, các pháp sư cũng đành bất lực.

Trong những ngày nhà Vua ốm, hai thế lực ngầm được hình thành. Một bên là Tể tướng. Một bên là Hoàng tử thứ. Hoàng tử trưởng biết là mình đang bị lợi dụng. Cũng may, Hoàng tử trưởng không hề ham quyền lực, danh vị. Vì vậy, tể tướng không thể lôi kéo Hoàng tử trưởng vào cuộc. Vị quan đầu triều thấy rằng chỉ còn một cách là vô hiệu hoá Hoàng tử thứ. Lúc ấy, dù không muốn, Hoàng tử trưởng cũng phải ngồi vào ngai vàng.

Bệnh tình của nhà Vua có chiều hướng xấu đi. Không tin vào các Ngự y nữa, Hoàng hậu bố cáo khắp thiên hạ. Ai có tài y thuật vào cung chữa cho nhà Vua.

Tin này làm cho trăm họ bàng hoàng. Nghe tin này, bà ẩn Phụng thân nhiên như không. Bởi nhà Vua thiếu gì Ngự y giỏi giang, thiếu gì thuốc quý, hoạ chẳng chỉ thiếu gan Giời làm thuốc. Thêm nữa, bà không muốn dây với Vua, vì gần Vua như gần hổ. Nhà bà và nhà quan Ngự sử trong đó có chồng chưa cưới của bà đã chết vì triều chính. Nếu được minh oan, hai nhà chỉ vớt

được cái danh, còn người có hoàn sinh được đâu. Cả hai nhà chỉ còn sót một mình bà thoát chết. ấy cũng là nhờ nhũ mẫu Thục Trâm giỏi giang che chở. Vậy nên, nhà Vua như thế nào là việc của nhà Vua. Bà là dân biết nghề thuốc gắng làm thuốc cứu người. Thế là hợp đạo trời rồi. Nhưng bà không thể không trả thù cho bố mẹ và những người chết oan. Bà thầm nghĩ: "Thôi được, sẽ có cách..."

Sơn Nữ nghe được bố cáo về nói với mẹ:

- Mẹ ạ, nhà Vua ốm chắc là nguy kịch lắm rồi nên Hoàng hậu mới tìm người tài bốn phương chữa cho nhà Vua.

Bà ản Phụng trả lời:

- Chắc là thế.

Thấy mẹ tỏ vẻ thờ ơ, Sơn Nữ lặng lẽ quay ra nói với bà. Bà Dưỡng Phụng nói: "Mẹ cháu đủ khôn nên mẹ cháu biết sẽ phải làm gì rồi". Nhưng tin từ kinh thành lại bay về làm cho Sơn Nữ bồn chồn. Hoàng hậu lại một lần nữa bố cáo. Sơn Nữ lại vào nói với mẹ:

- Mẹ ạ, Hoàng hậu lại kêu gọi trăm họ ai có tài lên kinh chữa cho nhà Vua.

Bà ản Phụng đáp vẻ thản nhiên:

- Có bao thầy thuốc giỏi nhà Vua gọi cả vào cung làm Ngự y rồi, tìm đâu ra danh y nữa.

Sơn Nữ thấy lạ? Phải rồi, nỗi đau của mẹ về sự chết của ông bà nội và bao nhiêu người có khi nào làm cho mẹ nguôi. Sơn Nữ nhớ có lần mẹ dạy: "Chữa bệnh không phân sang hèn. Làm thầy thuốc thấy người bệnh không được làm ngơ. Người không có tiền cũng phải chữa. Phải lấy của người giàu chữa cho người nghèo..." Thế là Sơn Nữ lại quay vào. Bà ản Phụng biết Sơn Nữ muốn về kinh cứu nhà Vua nhưng chưa dám nói: "Có lẽ cái việc bà và nhũ mẫu Thục Trâm chưa làm được là việc này." Nghĩ như vậy, bà hỏi con:

- Con đã lấy phấn hoa chưa?

Dù đã lấy phấn hoa rồi, Sơn Nữ vẫn hỏi mẹ:

- Sao mẹ lại hỏi con như vậy?

Bà ản Phụng đáp:

- Mẹ biết con muốn về kinh nên mẹ hỏi như thế.

Hoá ra mẹ đã biết ý mình. Vậy thì cứ nói ra cho lòng bớt cồn cào:

- Thưa mẹ con lấy rồi.

Bà ần Phụng hỏi:

- Con không sợ chết hay sao mà muốn về kinh chữa cho nhà Vua?

Sơn Nữ đáp:

- Thưa mẹ, mẹ đã dạy con: "Làm thầy thuốc thấy người bệnh không được làm ngơ..." Vua đang thoi thóp, con làm ngơ sao được? Bởi Ngài là chỗ dựa của muôn dân. Nếu con sơ xuất nhà Vua giết con ắt là số giờ, con đành chịu vậy.

Bà ần Phụng dịu giọng:

- Thôi được, mẹ cho con về kinh. Nhưng con phải làm đúng ý mẹ.

Sơn Nữ vui vẻ nói:

- Thưa mẹ, con chưa bao giờ làm sai lời mẹ.

- Bệnh của nhà Vua con sẽ chữa khỏi. Nhớ là phải thận trọng khi dùng phấn hoa. Khỏi bệnh, nhà Vua sẽ ban lộc. Con không nhận một thứ gì, kể cả chức tước. Con chỉ dâng cái bọc này của mẹ lên Vua. Nhớ chưa?

Sơn Nữ suy nghĩ biết trong bọc có cái gì rồi bèn đáp:

- Con sẽ làm đúng lời mẹ dặn.

Bà ần Phụng yên lòng vì biết Sơn Nữ rất khôn khéo. Chắc chắn, nghĩa tử của bà không làm bà thất vọng.

Bà nhờ con gái lớn của bác tiều cùng đi với Sơn Nữ. Tới kinh thành, Sơn Nữ nghe tin có ba bốn người từ trong dân quê về chữa cho nhà Vua đã bị tống giam. Con gái bác tiều phụ khuyên Sơn Nữ nên quay về kéo không khéo chuốc hoạ vào thân. Sơn Nữ cảm ơn lòng tốt của con gái bác tiều và khuyên chị ấy nên về trước kéo nữa lại bị liên lụy. Thấy Sơn Nữ không đổi ý, con gái bác tiều cũng ở lại kinh thành sống chết cùng với Sơn Nữ.

Một không khí buồn bã, lo âu bao trùm kinh thành. Sơn Nữ và con gái bác tiều quỳ giữa "Đại An Chính Môn"- cửa lớn Đại Yên. Như một sự chọc tức, xe ngựa vào ra Hoàng cung đều vấp phải Sơn Nữ. Thị vệ Hoàng cung xông lại đuổi, Sơn Nữ cứ lẳng lẳng quỳ. Thị vệ Hoàng cung hỏi:

- Oan ức gì mà phải quỳ ở đây?

Sơn Nữ đáp:

- Dân nữ không có oan ức gì cả?

Thị vệ sáng giọng:

- Không oan ức gì mà lại cản đường vào Hoàng cung thì chúng mày điên rồi, dễ không sợ ngủ trong ngục hay sao?

Sơn Nữ thản nhiên đáp:

- Sơn Nữ không có tội thì làm sao lại phải ngủ trong ngục?

- Lên mà hỏi Tế tướng.

- Tế tướng to hơn Hoàng hậu à?

- Con ranh này ngang thật, muốn nói gì thì nói đi rồi xéo ngay không nữa lại trách chúng ông nặng tay.

Sơn Nữ nói rành rẽ:

- Nhà Vua đang nguy kịch, dân nữ đến cứu Vua.

Thị vệ Hoàng cung cười diễu cợt:

- Ba bốn đứa điên vào ngục rồi mà vẫn còn con ranh này điên. Thôi được để ông bầm hộ rồi vào ngục chớ có kêu oan. Tên là gì, ở đâu?

- Kẻ quê mùa tên là Sơn Nữ quê ở miền núi cách đây gần hai mươi ngày đường.

- Đúng là vô công rồi nghề.

Ném lại đằng sau một câu nói như vậy, tên Thị vệ ấy vào bầm với Thái giám. Thái giám tâu lên nhà Vua. Nhà Vua đang mê mê tỉnh tỉnh nên Ngài đã nói:

- Ta thiếu gì Ngự y tài giỏi. Bọn rùng rú làm được gì.

- Dựa vào câu nói của nhà Vua, Thái giám cho Thị vệ Hoàng cung bắt Sơn Nữ và con gái bác tiều giam vào ngục. Con gái bác tiều khóc lóc trách Sơn Nữ không nghe lời mình. Sơn Nữ thản nhiên an ủi con gái bác tiều: "Chị đừng sợ. Việc chị em mình làm có Giời chứng giám."

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 20

Hơn nửa tháng trời, Hoàng tử thứ đi hết nơi này, nơi khác tìm mua những loại thuốc quý về chữa cho nhà Vua. Thực ra những loại thuốc quý dưới trần gian thuộc lãnh địa nhà Vua cai quản đều không thiếu trong kho Hoàng cung. Nhưng những loại thuốc quý ấy cũng không làm cho bệnh của nhà Vua thuyên giảm. Thói thường, có bệnh thì vái bốn phương. Bởi vậy, nghe đồn nơi này, nơi kia có loại thuốc chữa được bệnh của nhà Vua, Hoàng tử thứ tới ngay và mua cho bằng được. Vừa về tới kinh thành, Hoàng tử thứ nghe tin có bốn, năm người dâng thuốc cứu nhà Vua đã bị bắt giam. Chàng thấy thật vô lý nhưng không nói ra mà băng ngay xuống nhà ngục để an ủi và tìm cách cứu họ. Tới cửa nhà ngục, Hoàng tử thứ bị lính ngăn lại. Chàng bèn hỏi:

- Các người có biết ta là ai không?

Bọn lính canh cung kính:

- Thưa, tôi tớ chúng con biết người là Hoàng tử ạ.

- Biết sao dám ngăn lại?

- Thưa Hoàng tử, Tổng quản Thái giám cấm người vào thăm ạ.

Hoàng tử rút kiếm hỏi:

- Tổng quản Thái giám có giữ được đầu các người không?

Lính canh sợ quá mở khoá cho Hoàng tử vào trong khu nhà giam. Có hai gian giam những người phạm tội "dâng thuốc". Một gian giam ba người đàn ông dáng vẻ quê mùa. Một gian giam Sơn Nữ và con gái bác tiều. Hoàng tử bắt lính canh mở khoá phòng giam hai người tù gái. Hoàng tử hỏi Sơn Nữ:

- Nàng có biết làm thuốc không?

Thấy người hỏi mình là một thanh niên, Sơn Nữ lấy làm lạ bèn hỏi lại:

- Chàng là ai mà lại vào ngục tối này hỏi han dân nữ?

Hoàng tử đáp:

- Ta là ai nàng không cần biết làm gì. Nàng hãy trả lời câu hỏi của ta đã.

Sơn Nữ nhìn thẳng vào Hoàng tử nói:

- Chàng hãy nói chàng là ai dân nữ mới trả lời. Nếu chàng dấu thân phận, dân nữ không nói.

Hoàng tử bất ngờ trước vẻ cứng cỏi của cô gái còn ở tuổi thiếu nữ. Chàng đáp:

- Thôi được, ta nói. Ta là Hoàng tử.

Sơn Nữ chấp tay vái:

- Dân nữ không biết nên vô lễ, xin Hoàng tử tha tội. Dân nữ có biết qua loa nghề thuốc.

- Nàng có biết nàng phạm tội gì không?

Sơn Nữ thản nhiên đáp:

- Dân nữ được Thái giám cho biết ý chỉ nhà Vua nói rằng: "Hoàng cung không thiếu gì Ngự y tài giỏi, không thiếu gì thần dược. Con bé nơi rừng rú biết gì mà dám đòi chữa cho nhà Vua..." Rồi Ngài sai người bắt dân nữ.

Hoàng tử suy nghĩ rồi hỏi:

- Vua cha ta không thể bắt được người sao?

Sơn Nữ không hề sợ hãi đáp:

- Nhà Vua phải cho bắt người ra bố cáo trước đã rồi mới bắt dân nữ, nếu dân nữ có tội.

Hoàng tử không ngờ cô gái dân quê giữa ngục sâu mà nói năng bình tĩnh, rành rẽ đến thế bèn hỏi:

- Nàng nghĩ rằng nàng không có tội?

Sơn Nữ chững chạc đáp:

- Dân nữ mắc tội vì muốn cứu nhà Vua.

Đến lúc này Hoàng tử thấy cần phải giải thích:

- Ra bố cáo tìm người chữa cho Vua cha ta là Hoàng Hậu. Vua cha ta không biết việc này. Bây giờ ta đưa nàng vào chữa cho Vua cha ta, nàng vui lòng chứ?

Sơn Nữ đáp:

- Chữa bệnh cứu người đừng nói đến vui lòng hay không vui lòng. Thế nhưng dân nữ chưa vào chữa cho nhà Vua được?

Hoàng tử sầm mặt:

- Tính mạng của Vua cha ta như ngọn đèn sắp hết dầu. Ta đưa người vào chữa cho Người người lại nói là chưa vào được. Người giận Vua cha ta đã tống giam người vào ngục chãng. Người không sợ ta trị tội hay sao?

Sơn Nữ cười rất tươi đáp:

- Người đang đau yếu tính tình thất thường có chửi, có đánh thày thuốc thì thày thuốc không được chấp. Người bệnh này là Vua. Nhà Vua có giam dân nữ thì dân nữ cũng không dám giận. Dân nữ chưa vào được vì quanh nhà Vua có hàng chục Ngự y giỏi giang. Một cô bé nương nấu chồn rừng hoang đang bị tống ngục lại vào chữa cho nhà Vua, các Ngự y sẽ nghĩ thế nào. Một người ghen tức ngầm hại dân nữ, dân nữ đành chịu. Nhưng còn tính mạng nhà Vua ai gánh chịu?

Hoàng tử sững người, không ngờ cô gái dân quê mà chín chắn đến thế. Chàng hỏi:

- Vậy phải làm thế nào bây giờ?

Sơn Nữ trả lời:

- Hoàng tử đừng lo. Người mang gói thuốc này về bí mật cho nhà Vua uống.

Cầm gói thuốc rất nhỏ, Hoàng tử tỏ vẻ ngần ngại, Sơn Nữ nói:

- Dân nữ có hỏi một Thị vệ nên đã biết bệnh của nhà Vua. Tính mạng của nhà Vua nguy cấp lắm rồi. Một chút thuốc này giữ cho nhà Vua được năm ngày. Chỉ có như vậy dân nữ mới lo cứu được Người. Nếu Hoàng tử cho nhà Vua uống thuốc rồi, trong năm ngày nhà Vua băng hà, Hoàng tử cứ trị tội dân nữ. Dân nữ đã nói rõ, tin hay không tùy Hoàng tử.

Hoàng tử lại hỏi:

- Nếu không cho Vua cha ta uống gói thuốc này thì sao?

Sơn Nữ giao hẹn:

- Hoàng tử phải hứa với dân nữ một điều, dân nữ mới nói.

- Điều gì?

- Không được bắt tội dân nữ.

- Được.

- Nếu không uống gói thuốc này hai ngày nữa nhà Vua sẽ băng hà.

Hoàng tử giật mình:

- Được, ta làm theo người.

Ra khỏi nhà ngục, Hoàng tử dặn lính canh:

- Canh gác cho nghiêm cẩn. Hai người tù này xảy ra chuyện gì, các người thay vào họ.

Hoàng tử tức tốc tới nơi nhà Vua ngự.

Hàng chục Ngự y và hai Thái giám đang vây quanh giường rồng. Nhà Vua như một cái bóng thoi thóp trên giường. Hoàng tử nói với mọi người:

- Ta có việc hệ trọng cần tấu lên Vua cha. Các người lui cả ra ngoài. Khi nào ta gọi mới được vào.

Mọi người lặng lẽ rời khỏi nơi nhà Vua ngự. Nhanh như chớp, Hoàng tử hoà thuốc rồi cạy mồm nhà Vua đổ thuốc vào. Làm xong việc, Hoàng tử mới thấy sợ. Nếu nhà Vua có mệnh hệ gì, một ai đó biết việc Hoàng tử làm, chàng có thể bị ghép vào tội giết Vua. Hàng chục Ngự y, Thái giám dù đã lui ra ngoài rồi nhưng biết đâu có kẻ vẫn rình rập. ở đâu bức vách cũng có tai, có mắt.

Để xem có kẻ nào nhòm ngó hay không, Hoàng tử rảo bước ra ngoài nấp một chỗ trông vào. Lập tức, Thái giám xuất hiện cầm lấy cái chén Hoàng tử vừa hoà thuốc cho nhà Vua uống dẫu vào người. Ông ta lấy ngay một cái chén khác giống hệt như cái chén mà ông ta đã đánh cắp đặt vào khay vàng. Đợi ông ta quay gót, Hoàng tử mới bước vào.

- Ngài Thái giám vào đây làm gì?

Thái giám cố giữ vẻ thản nhiên đáp:

- Thưa Hoàng tử, thần vào xem Hoàng tử có sai bảo gì không.

Hoàng tử nhìn thẳng vào ông ta. Mắt Hoàng tử như một ánh chớp. Thái giám không chịu được ánh mắt ấy bèn cúi mặt xuống. Hoàng tử vắn Thái giám:

- Ta đã gọi ông chưa?

Thái giám lúng túng:

- Thưa Hoàng tử, Người chưa gọi.

- Vậy ông vào đây làm gì?

Thái giám trả lời loanh quanh. Hoàng tử lật ngựa cây bài:

- Ông bỏ cái chén ra!

Biết không thể làm khác được với chàng thanh niên rất thông minh, mạnh bạo, Thái giám lập cập bỏ cái chén ra. Hoàng tử khôn ngoan buộc tội ngay để khai thác:

- Ta biết kẻ sai người làm việc mờ ám này rồi. Để xem, người có thực lòng với ta không. Muốn sống hãy khai ra.

Thái giám tưởng Hoàng tử đã biết chuyện nên rút ruột nói ra hết. Hoàng tử cầm cái chén còn dính một lượng thuốc rất nhỏ. Chàng đổ một ít nước vào chén lắc đều rồi uống. Đặt cái chén xuống khay vàng, Hoàng tử nói:

- Ông chỉ là tòng phạm, ta sẽ tha cho ông. Nhưng kẻ chủ mưu không tha được. Bởi vậy ông phải làm đúng ý ta.

Sẵn có chiếc khăn lau bằng lụa trắng trên bàn, Hoàng tử cầm đưa cho Thái giám:

- Cẩn tay lấy máu viết vào đây việc ta đã uống căn thuốc còn lại và ghi tên kẻ đã xui ông làm việc xấu.

Thái giám răm rắp làm theo Hoàng tử. Hoàng tử cầm lấy chiếc khăn nói:

- Việc hôm nay, ông không được hé răng. Ông mà hé răng, ta mượn cái lưỡi của ông đấy. Bây giờ ông hãy ra ngoài, ta không gọi thì không được vào.

Thái giám lúi thủi bước ra ngoài, mặt không còn một giọt máu. Hoàng tử hồi hộp đến phục bên giường Vua cha. Chàng mong từng khắc trôi qua. Nhưng giọt đồng hồ cứ như đứng lại. Nếu Vua cha qua cơn hiểm nghèo, Hoàng tử có điều kiện phanh phui một âm mưu... Ngược lại, chàng chưa chắc thoát chuyện rày rà, còn nghiêm trọng nữa là khác, mặc dù chàng đã uống căn thuốc chữa cho Vua cha trước Thái giám.

Nhà Vua uống thuốc đã được non nửa ngày. Điều kỳ diệu do gói thuốc đem đến chưa thấy, mà hình như bệnh của Vua cha lại nặng thêm. Hoàng tử lo lắng. Người tự trách mình nhẹ dạ vội tin một cô bé rùng rú chưa rõ lai lịch.

Thì giờ nặng nề trôi. Lòng chàng càng bối rối. Bỗng Vua cha bừng tỉnh. Mắt của Người có vẻ tinh nhanh hơn. Một lúc sau, Người truyền: "Cho ta ngồi dậy." Hoàng tử sẽ sàng đỡ Vua cha ngồi tựa vào mình. Vua cha ngỡ ngác hỏi:

- Ngự y đâu cả rồi?

Hoàng tử kính cẩn:

- Tâu Vua cha, Ngự y, Thái giám đều mệt cả nên Hoàng nhi cho họ ra ngoài nghỉ một chút.

Vua cha lại hỏi:

- Hoàng huynh của con đâu?

Hoàng tử đáp:

- Tâu Vua cha, Hoàng huynh của con đang lo việc việc cứu đói cho dân.

Thưa Vua cha, Người thấy long thể thế nào rồi ạ?

- Ta thấy trong người đã đỡ buồn bực. Cho ta nằm xuống.

Hoàng tử đỡ Vua cha nằm xuống rồi nói:

- Tâu Vua cha, có gì Người dạy Hoàng nhi sau. Xin Người nằm nghỉ cho sức hồi lại.

Một lúc sau, Vua cha chìm vào giấc bướm. Hoàng tử bèn gọi một Ngự y tin cậy và viên Thái giám đã ăn trộm chén vào rồi dặn:

- Ta có việc phải đi một lúc. Hai ông canh chừng giấc ngủ của Hoàng thượng. Ai đến cũng không cho vào. Việc thuốc thang cho Hoàng thượng phải đợi ta về...

Dứt lời, Hoàng tử băng ngay tới ngục thăm Sơn Nữ. Hoàng tử định ninh Sơn Nữ sẽ hỏi chuyện này chuyện nọ sau khi Vua cha uống thuốc. Nhưng suy đoán của Hoàng tử đã sai. Thấy Hoàng tử tới, Sơn Nữ chỉ vái chào mà không hỏi gì cả. Thế là Hoàng tử phải lên tiếng:

- Ta đã cho Vua cha ta uống thuốc. Việc tiếp theo ta phải làm gì?

Sơn Nữ đáp:

- Thưa Hoàng tử, việc tiếp theo là của Sơn Nữ.

- Nàng nói gì ta chưa hiểu.

Sơn Nữ giải thích:

- Trong bốn ngày tới chỉ có một mình dân nữ ở bên nhà Vua để chữa cho Người. Việc ăn uống của nhà Vua chỉ cho một hầu gái lo. Khi nào dân nữ gọi, người hầu ấy mới được vào. Hoàng tử chọn người hầu thế nào thì chọn để dân nữ không phải nghi ngại.

Hoàng tử lại ngạc nhiên trước sự sắp đặt của Sơn Nữ. Sớm nay, khi đưa gói thuốc cho Hoàng tử, Sơn Nữ đã lường tính những gì có thể xảy ra. Rồi diễn biến không ngoài dự kiến của Sơn Nữ. Lần này, Sơn Nữ đưa ra yêu cầu

ngặt nghèo hơn. Bốn ngày bên nhà Vua chỉ có một mình Sơn Nữ: "Điều gì sẽ xảy ra trong bốn ngày ấy?" Nhưng rõ ràng gói thuốc nhỏ của cô bé không rõ lai lịch đã hiệu nghiệm. Tuy vậy, Hoàng tử vẫn lo lắng. Chàng lặng đi một lúc lâu rồi ánh mắt bỗng sáng lên:

- Người đưa cơm nước cho Vua cha sẽ là ta. Được chứ?

Sơn Nữ khẽ cười đáp:

- Thế thì Sơn Nữ yên lòng.

Đắn đo giây lát, Sơn Nữ lại nói:

- Với Hoàng tử, dân nữ không dám gọi. Người ra vào lúc nào là tùy Người. Nghe được câu nói ấy, Hoàng tử trút đi được một gánh nặng. Quả là Sơn Nữ thông minh hiểu được gan ruột Hoàng tử. Sơn Nữ luôn nghĩ tới những điều mà Hoàng tử lo lắng hoặc chàng chưa nghĩ tới. "Nàng là ai? Gia cảnh thế nào? Kém tuổi ta sao mà nàng chững chạc thế"? Suy nghĩ như vậy, Hoàng tử hỏi:

- Dám lên gặp Vua là nàng có gan. Dám chữa cho Vua là nàng có đức. Vậy nàng có được học hành không?

Sơn Nữ đáp:

- Thừa Hoàng tử, cạnh nhà dân nữ có một ông đồ. Thấy dân nữ võ vẽ nghề thuốc, ông đồ ấy có dạy cho Sơn Nữ mấy chữ.

Hoàng tử nhìn thẳng vào Sơn Nữ thấy Sơn Nữ đẹp và mắt sáng lạ lắm.

Hoàng tử nói:

- Thôi được, chờ nàng chữa khỏi bệnh cho Vua cha ta, ta xem nàng có mấy chữ như thế nào.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 21

Xách một túi nhỏ, Sơn Nữ theo Hoàng tử vào cung. Dù nhà Vua đang thêm thiếp, cô bé nơi rừng rú vẫn quỳ lạy và chúc Người chóng bình phục. Cử chỉ ấy của Sơn Nữ khiến Hoàng tử vừa lòng lắm.

Hoàng tử đứng cách nơi Vua cha ngự chường dăm bảy bước chân mắt không rời Sơn Nữ. Nét mặt Sơn Nữ bình thản đến lạ lùng khi xem mạch cho nhà Vua. Hoàng tử muốn biết bệnh của Vua cha như thế nào qua thái độ của Sơn Nữ, nhưng chàng không đoán được bởi sắc mặt của Sơn Nữ không lộ vẻ vui hay buồn.

Mở chiếc túi vải cũ, Sơn Nữ lấy thuốc hoà với nước cho nhà Vua uống. Sau đó, Sơn Nữ lẳng lặng ra ghế ngồi. Hoàng tử hỏi nhỏ: "Bệnh của Vua cha ta như thế nào?" Sơn Nữ nhỏ nhẹ đáp: "Thưa Hoàng tử, chưa có gì để nói." Tuy không hài lòng với câu trả lời của Sơn Nữ nhưng Hoàng tử vẫn phải gượng cười.

Là con thứ hai của nhà Vua, Hoàng tử rất tuấn tú và nổi tiếng thông minh. Nhà Vua thì không giám nói làm gì, còn Hoàng huynh và các quan trong triều đều kính nể Hoàng tử dù chàng mới chớm tuổi tráng niên. Trước Hoàng tử, mọi người đều thấy mình nhỏ bé. Với Sơn Nữ thì khác, Hoàng tử cảm thấy Sơn Nữ coi mình như mọi người. Thái độ tự nhiên, chững chạc của Sơn Nữ khiến Hoàng tử cảm phục.

Uống thuốc của Sơn Nữ xong, ngày thứ nhất nhà Vua còn động đậy, Ngày thứ hai, Người lịm hẳn đi khiến Hoàng tử hoảng hốt:

- Người cho Vua cha ta uống thuốc gì mà làm cho bệnh của Người có vẻ nặng hơn?

Sơn Nữ đáp:

- Sinh mạng của dân nữ trong tay Hoàng tử, dân nữ biết phải làm gì rồi.

Hoàng tử sảng giọng:

- Sinh mạng của người sao sánh được với sinh mạng của bậc chí tôn?

Sơn Nữ điềm tĩnh:

- Thừa Hoàng tử, làm thuốc cứu người, dân nữ coi mọi sinh mạng đều quý như nhau. Chỉ có điều, nhà Vua phải lo cho dân chúng nên dân nữ xin hết lòng.

Hoàng tử không biết làm gì hơn là nén lòng chờ đợi.

Ngày thứ ba, bệnh của nhà Vua có vẻ trầm trọng hơn. Hoàng tử lấy mấy sợi bông đặt vào mũi Vua cha, sợi bông chỉ hơi động đậy. Không bình tĩnh được nữa, Hoàng tử gọi Ngự y vào. Sơn Nữ bèn nói với Hoàng tử:

- Nếu Hoàng tử để cho Ngự y chữa mà nhà Vua xảy ra chuyện gì, Hoàng tử đừng bắt tội dân nữ.

Hoàng tử không biết phải làm thế nào cho phải nhưng thấy Sơn Nữ bình tĩnh lắm nên chàng đành nhượng bộ. Tuy vậy, Hoàng tử phải nói rõ ý mình:

- Ngày mai, bệnh của Vua cha ta không đỡ, ta sẽ trị tội người đấy.

Hoàng tử vừa nói vừa quan sát nét mặt Sơn Nữ. Nét mặt Sơn Nữ thản nhiên như không.

- Xin Hoàng tử chờ đến ngày mai...

Nói rồi, Sơn Nữ cạy mồm nhà Vua đổ thuốc hoà với nước cháo cho Người. Vậy là ba ngày trời, mỗi ngày bụng nhà Vua chỉ có dăm thìa cháo hoà với thuốc. Ba ngày ấy, Hoàng tử đứng ngồi không yên. Chàng như con kiến bò quanh miệng cháo nóng.

Còn một đêm nữa là đến ngày mai - tức là ngày thứ tư. Sơn Nữ chỉ xin Hoàng tử có bốn ngày. Chẳng những Hoàng tử còn cào chờ đợi mà cả Hoàng cung, cả triều đình, cả trăm họ trông đợi. Các vị Ngự y không dám nói ra nhưng đều thầm mong Sơn Nữ bó tay...

Hoàng tử phục bên giường Vua cha. Gần sáng mệt mỏi, chàng thiếp đi. Ngày hôm sau, mặt trời lên quá ngọn cây tùng trước Hoàng cung, chàng mới thức dậy. Hoàng tử ngỡ ngàng như trong mơ vì thấy Vua cha đang ngồi ăn cháo hạt sen do Sơn Nữ bón cho.

Vua cha nói với Hoàng tử:

- Trẫm thấy Hoàng nhi ngon giấc, Trẫm cứ để cho Hoàng nhi ngủ.

Hoàng tử cung kính đáp:

- Đội ơn Vua cha. Chẳng hay long thể của Người giờ thế nào rồi?

Vua cha cười đáp:

- Trẫm thấy người đã nhẹ nhõm hơn.

Lâu lắm rồi, hôm ấy Hoàng tử mới thấy nét cười đậu trên đôi môi nhợt nhạt của Vua cha. Hoàng tử vui khôn xiết. Cảm thấy Hoàng tử muốn nói điều gì với nhà Vua, Sơn Nữ ngăn lại:

- Lúc này nhà Vua cần được nghỉ ngơi. Vậy có việc gì muốn tấu, xin Hoàng tử đợi vài ngày nữa.

Hoàng tử không thể không nghe lời Sơn Nữ. Bởi những gì Sơn Nữ nói và làm đều đúng. Trong mấy ngày qua, thái độ của Sơn Nữ có lúc phạm thượng khiến Hoàng tử khó chịu. Nhưng thấy Vua cha đã tỉnh táo, Hoàng tử bỏ qua hết. Lúc này, trong mắt Hoàng tử Sơn Nữ như một nàng tiên, như một phúc tinh. Bao nhiêu Ngự y nổi tiếng đều lu mờ đi trước cô bé nơi rừng rú không rõ lai lịch.

Theo "chỉ thị" của Sơn Nữ, Hoàng tử phải cho mang ấm, mang bếp vào cạnh giường rồng của nhà Vua cho Sơn Nữ sắc thuốc. Lúc này mọi cử động của Sơn Nữ đều được Hoàng tử nhìn với ánh mắt trân trọng.

Khi Sơn Nữ cho thuốc vào ấm để sắc Hoàng tử thấy gói thuốc của Sơn Nữ chỉ là một nắm cỏ xoàng xĩnh. Hoàng tử cảm thấy không yên lòng bèn hỏi:

- Các Ngự y bốc thuốc cho Vua cha ta nào là sâm nhung cao quế, nào là linh chi, kỳ thảo mà ta vẫn còn bán khoản. Còn thuốc của nàng bốc, ta thấy rất cỏ dại, vậy có ích gì?

Sơn Nữ sẽ sàng hỏi:

- Thừa Hoàng tử, dân nữ là người làm thuốc, thuốc nào khỏi bệnh thì dân nữ bốc. Sâm nhung cao quế, hay linh chi, kỳ thảo dầu quý thật nhưng không khỏi bệnh thì sao bằng nắm cỏ dại. Thuốc của dân nữ là cỏ dại thật nhưng nó là cỏ tiên đấy.

Hoàng tử ngơ ngác:

- Nàng nói lạ. Cỏ dại mà lại là cỏ tiên, vô lý quá.

Sơn Nữ cười:

- Thừa Hoàng tử, không vô lý đâu. Dân quê ưa cái thật. Cây cỏ nào chữa được bệnh dân gọi là cỏ tiên. Sâm, nhung, cao, quế hiếm và đắt lắm, còn cỏ dại vơ đâu cũng có. Bởi vậy dân quê tội gì rẻ rúng cây cỏ chữa khỏi bệnh rồi bỏ tiền ra mua linh chi, kỳ thảo có khi còn mất tiền oan.

Hoàng tử ngẩn người ra. Càng nói chuyện với Sơn Nữ, Hoàng tử càng thấy Sơn Nữ bình dị mà giỏi giang.

Với dăm chén thuốc dân dã, nhà Vua khỏi bệnh. Điều kỳ diệu Hoàng tử mong chờ đã diễn ra. Chàng không thể ngờ cô bé quê mùa hiền lành, chất phác lại làm được cái việc mà các Ngự y nổi tiếng đã bó tay.

Lúc ấy, nét mặt nhà Vua có vẻ phấn chấn. Sơn Nữ bèn quỳ trước Người cung kính:

- Tâu đức Vua, mấy hôm trước đức Vua có hỏi thân phận dân nữ. Khi ấy, đức Vua vừa tỉnh lại sợ Người mệt nên Sơn Nữ khất, xin đức Vua tha tội cho.

Nhà Vua cho bình thân rồi nói:

- Nhà ngươi không có tội, Trẫm trị sao được. Thân phận nhà ngươi thế nào nói Trẫm nghe.

- Tâu đức Vua, dân nữ con nhà nghèo khó quê ở Bắc Lâm cách kinh thành gần vài chục ngày đường. Nhà dân nữ chỉ có một mẹ một con.

- Ai dạy cho nhà ngươi nghề thuốc?

- Tâu đức Vua, mẹ và bà của dân nữ dạy nghề thuốc cho dân nữ.

- Vì sao nhà ngươi biết Trẫm ốm mà vào chữa cho Trẫm?

- Tâu đức Vua, dân nữ nghe đồn Hoàng Hậu bố cáo.

Nhà Vua hỏi Hoàng tử:

- Hoàng nhi, có việc Hoàng Hậu bố cáo không?

- Tâu Vua cha, Vua cha ốm nặng, các Ngự y chữa mãi mà bệnh cứ nặng thêm nên mẫu Hậu Hoàng nhi có bố cáo tìm người tài chữa bệnh cho Người ạ.

Nhà Vua buồn bực nói:

- Ta thất vọng với các Ngự y.

Quay sang Sơn Nữ, nhà Vua hỏi:

- Thuốc chữa cho Trẫm, người mua ở đâu?

- Tâu đức Vua, thuốc chữa cho Người dân nữ không phải mua mà là mẹ con dân nữ trồng lấy ạ.

Hoàng tử tiếp lời:

- Tâu Vua cha, chỉ có một gói thuốc rất nhỏ của Sơn Nữ mà Vua cha tỉnh

lại đây.

Nhà Vua coi như chuyện lạ bèn hỏi Sơn Nữ:

- Hàng chục Ngự y, hàng trăm dành thuốc quý giá trên đời mà không đuổi được bệnh của Trẫm. Vậy mà chỉ có một gói thuốc rất nhỏ của người lạ làm cho Trẫm hồi tỉnh. Chẳng hay người cho Trẫm uống thuốc gì mà hay thế?

- Tâu đức Vua, đó là một loại phấn hoa rất độc nhưng rất quý.

Nhà Vua ngạc nhiên:

- Tại sao phấn hoa ấy rất độc mà lại quý?

- Tâu đức Vua, nó quý vì nó độc. Độc nhưng nó chữa được nhiều bệnh hiểm nghèo. Một chút phấn hoa ấy thôi cũng kéo dài mạng sống của một người được dăm bảy ngày. Trong khoảng thời gian đó, người thầy thuốc dùng thuốc khác có thể đuổi được bệnh. Nhưng nếu thầy thuốc non tay, dùng hơi quá liều sẽ bị truy mạch. Khi ấy, dẫu là Thần, Tiên cũng đành chịu.

Nét mặt nhà Vua trở nên trầm tư. Người nói:

- Than ôi! Nơi rừng rú mà có người giỏi giang như người còn bên ta chẳng có mấy người tài. Xem ra chỗ nào cũng thấy bị thọt, tham lam, xu nịnh.

Nhà Vua dừng lại giây lát chùng như để suy nghĩ rồi hỏi:

- Hoàng nhi, chỗ ăn chỗ nghỉ của ân nhân đây người có lo chu đáo không?

Hoàng tử được thể tâu luôn:

- Tâu Vua cha, Sơn Nữ hiện nay đang là tội phạm. Hoàng nhi phải đón Sơn Nữ từ nhà ngục ra để chữa cho Người ạ.

Nhà Vua giật mình hỏi:

- Người phạm tội gì?

Hoàng tử bèn tấu lại đầu đuôi câu chuyện Sơn Nữ và con gái bác tiều bị bắt giam. Ngoài ra còn ba người nữa cũng phạm tội "xin chữa bệnh cho Vua" hiện đang trong ngục thất.

Đức chí tôn võ lễ bèn nói:

- Trong lúc tâm trí bất an, Trẫm đã truyền chỉ không rõ ý khiến người bị oan. Người có oán Trẫm không?

Sơn Nữ nghĩ một vị Vua mà dám nhận cái sai với dân thì đúng là phúc cho

trăm nhà, bèn nói:

- Tâu đức Vua, dân nữ chỉ mong đức Vua khoẻ mạnh, anh minh là dân nữ mừng lắm rồi ạ.

- Nhà Vua truyền Thái giám thả ngay những người đã xin vào chữa bệnh cho Vua, cấp tiền cho họ về quê. Rồi Ngài nói với Sơn Nữ:

- Trẫm muốn giao cho người coi vườn hậu cung, trồng cây thuốc quý rồi đón mẹ người vào để sớm chiều mẹ con có nhau, người có bằng lòng không?

Sơn Nữ quỳ xuống vái lạy nói:

- Đội ơn đức Vua. Nếu đức Vua không trị tội thì dân nữ về sống với mẹ già. Mẹ của dân nữ không thể đi nơi khác được. Vì mẹ dân nữ đã nặng tình với dân vùng ấy. Dân vùng ấy khi đau yếu đều trông vào mẹ dân nữ cả.

Nhà Vua tươi cười nói:

- Người quả là có trung lại có hiếu, Trẫm lấy có gì trị tội người được. Chẳng những thế người còn có công lớn. Qua người, Trẫm thấy trong dân quê còn nhiều người tài, còn nhiều cái hay. Đó là của quý mà Trẫm đã bỏ phí.

Nhà Vua ngẫm nghĩ rồi nói tiếp:

- Trẫm định giữ người coi ngự viên hậu cung để bù đắp cho người. Nhưng vì phải phụng dưỡng mẹ, người phải về nơi rừng rú. Vậy ý người muốn xin điều gì Trẫm sẽ cho.

- Đội ơn Hoàng thượng, dân nữ không xin điều gì mà chỉ xin dâng lên người một vật.

- Vật gì?

- Tâu Hoàng thượng, vật gì dân nữ không biết vì nghĩa mẫu của dân nữ đã gói kín.

Đức Vua chau vầng trán: "Chắc là báu vật hoặc việc hệ trọng".

- Người dâng Trẫm xem.

Sơn Nữ lấy từ trong túi áo trong ra một gói vải đỏ nhỏ nhắn dâng lên nhà Vua. Mở gói, nhà Vua thấy một bản cáo giác.

Người đứng tên cáo giác là Hoàng Kim Phụng. Nhà Vua khẽ vung tay. Mọi người lui cả. Lúc ấy, nhà Vua mới hỏi Sơn Nữ:

- Tiểu thư Kim Phụng đang ở đâu?
- Tâu Hoàng thượng, nghĩa mẫu của dân nữ đang ẩn thân ở Bắc Lâm ạ.
- Có ai ở đó nữa không?
- Tâu Hoàng thượng, có bà dân nữ là Thục Trâm.

Nhà Vua suy nghĩ một lúc lâu rồi truyền Hoàng tử thứ vào. Ngài nói:

- Trẫm đã bình phục. Người không phải lo nữa. Việc thuốc thang đã có tiểu nữ này lo liệu. Người về chọn những người tâm phúc ra ngoài thành giả là đi săn rồi dấu họ ở một nơi kín đáo. Giờ tuất ngày mai, người quay lại gặp Trẫm rồi phải đi ngay. Chuyển đi hệ trọng chừng nửa tháng, liệu đấy mà lo.
- Hoàng nhi tuân chỉ.

Nhà Vua nhìn theo người con trai thứ với ánh mắt tin tưởng.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 22

Từ trước, Hoàng tử trưởng đã tâu với Vua cha là Hoàng đệ mới xứng đáng ngồi vào ngai vàng. Ngôi cửu ngũ phải đặt lên vai người đủ sức vóc gánh giang san. Sức vóc, tài trí của chàng mỏng mảnh không đương được đại sự quốc gia. Chàng biết sau khi Vua cha dẹp xong Tế tướng, Người sẽ nghĩ ngay đến việc truyền ngôi. Để Vua cha không phải băn khoăn một chút nào nữa, Hoàng tử trưởng tới Vân Sơn tự xuống tóc đi tu. Vua cha biết Hoàng tử trưởng đã quyết nên Ngai tôn trọng ý nguyện của con. Trong thâm tâm, Vua cha trào lên một tình thương vô hạn đối với trưởng nam. Vì sự yên ổn của triều đình mà Hoàng tử trưởng phải rời xa cung vàng điện ngọc tìm tới Phật đường. Vì ngôi báu, bao triều đại tàn hại cốt nhục. Lý Thế Dân bên Trung Hoa giết anh, giết em và tổng cả bố vào ngục. Đấng này, con trai trưởng của ngài lại khước từ ngôi báu, tự nguyện nhường ngôi báu cho em. Em giỏi thì em phải gánh vác giang sơn. Có như vậy triều đình mới vững, sông núi mới yên, bách tính mới được nhờ. Việc làm của Hoàng tử trưởng thật phúc cho Hoàng tộc. Càng nghĩ Vua cha càng yêu quý Hoàng tử trưởng.

Không còn băn khoăn gì nữa, đức Vua bèn truyền Hoàng tử thứ tới. Ngài trao lại cho Hoàng tử thứ mảnh lụa có bút tích của tên Thái giám khai ra kẻ đã sai y trộm chén. Ngài nói:

- Đưa việc này ra không có lợi gì, trái lại càng làm nao lòng dân. Bởi vì không có bút tích nghịch đạo Tế tướng cũng đã thừa tội chết. Còn tên Thái giám, Trẫm xử rồi. Để hăn sống, việc rò rỉ ra chỉ thêm rắc rối.

Dứt lời, Vua cha đốt mảnh lụa đi.

Từ hôm xử Tế tướng, Hoàng tử thứ cứ băn khoăn tại sao Vua cha không hề đá động đến việc tày đình ấy. Đến khi nghe Vua cha giảng giải, chàng cảm phục Người suy nghĩ rất sâu sắc. Chàng còn sáng ra một điều: Có những việc của triều đình dù là kinh thiên động địa nhưng nếu dập đi được mà lại êm chuyện thì nên dập đi, không đừng được mới phơi nó ra giữa thanh

thiên bạch nhật. Chợt Vua cha nói:

- Trẫm đã suy nghĩ kỹ càng việc này, không cần truy cứu nữa. Vì lòng Hoàng nhi rất sáng.

- Tạ ơn Vua cha, con đã hiểu Vua cha lấy việc an dân làm trọng ạ.

Đức Vua suy nghĩ rồi lại nói:

- Cao kiến của bà Thục Trâm ta đã nói với Hoàng nhi. Hoàng nhi đã nhận với Trẫm xin lo việc đó. Nay mai, Hoàng nhi phải bàn với bà Thục Trâm. Các việc khác, Hoàng nhi có thể tham bác các lương thần nhưng phải giữ kín việc đúc bạc. Tuy vậy, Hoàng nhi không được trở thành kẻ đeo cày giữa đường. Trẫm nói thế, Hoàng nhi có hiểu không?

- Tâu Vua cha, Hoàng nhi hiểu rồi.

- Nhưng trước hết sau khi đăng quang, Hoàng nhi phải giải quyết vụ của Đỗ Hồi. Giao cho Bộ hình hay tự xử là quyền của Hoàng nhi.

- Được Vua cha tin cậy, Hoàng nhi cố gắng làm sáng vương nghiệp của Người.

Nghe được câu ấy, Vua cha mừng lắm. Ngài bèn chọn ngày đại cát truyền ngôi cho Hoàng tử thứ.

Tuy cùng ở trong kinh thành nhưng Sơn Nữ không được ở với mẹ và bà. Bởi Thượng Hoàng rất quý Sơn Nữ. Và nữa, Ngài cần có Sơn Nữ chăm lo sức khỏe cho Ngài. Bởi vậy, Sơn Nữ phải ở trong Hoàng cung. Muốn ra thăm mẹ và bà, Sơn Nữ phải xin phép Thượng Hoàng. Thật phiền phức, Sơn Nữ không làm sao được nên càng ao ước cùng mẹ và bà trở về ngay Bắc Lâm. Nhưng nàng có biết đâu, nhà Vua trẻ mong muốn nàng và bà Thục Trâm ở mãi trong kinh thành....

Một lần, Thượng Hoàng cho phép Sơn Nữ đến thăm mẹ và bà. Mẹ con, bà cháu gặp nhau mừng khôn xiết. Kim Phụng bèn hỏi Sơn Nữ.

- Con muốn ở lại kinh thành hay về Bắc Lâm?

Sơn Nữ hỏi lại:

- Ý của mẹ thế nào?

- Mẹ lúc nào cũng nhớ Bắc Lâm.

Ánh mắt của Sơn Nữ ngời lên:

- Con cũng như mẹ.

- Nhưng con ạ, mẹ con ta trở về Bắc Lâm đâu dễ!
- Con thấy thế này, không biết mẹ có nghĩ như con không?
- Con cứ nói mẹ nghe.
- Bà có thể lo được việc này.
- Con khôn ngoan lắm. Vậy con thưa với bà đi.

Sơn Nữ bèn vòì bà. Bà Thục Trâm nói:

- Mong muốn của mẹ con cháu, bà đã suy nghĩ từ lâu rồi.

Vừa lúc đó có truyền chỉ của Vua tới bà Thục Trâm. Vào tới cung, bà quỳ vái đức Vua rồi nói:

- Đức Vua vạn tuế. Chẳng hay đức Vua có việc gì mà truyền dân phụ vào hầu.

Đức Vua vui vẻ:

- Khanh bình thân. Trước đây khanh đã trình tấu lên Vua cha ta việc đúc lại bạc trong cả nước. Đó là cách thu bạc của bọn gian tham làm cho quốc khố có thêm bạc chi tiêu. Nay ta thay Vua cha lo việc trăm họ. Chẳng hay khanh có giúp ta lo liệu việc ấy không?
- Tâu đức Vua, cao kiến đó là của Tướng công Hoàng Kiến Nghiệp. Hiếu tâm nguyện của Hoàng Tướng công, dân phụ bèn tâu lên Thượng Hoàng. Nếu Hoàng thượng không sợ gánh núi trên vai thì mới làm được.
- Tiếc quá! Lương thần ấy không còn. Không biết Tổng đốc Hải đông có lường thấu khó khăn của việc này không?

Bà Thục Trâm biết nhà Vua ướm lời để thăm dò bèn đáp:

- Tổng đốc Tướng công đồ rằng làm việc này được lòng dân, mất lòng quan và phải mất một năm công thương đình đến.
- Trẫm không sợ mất lòng quan, chỉ sợ mất lòng dân. Mất dân, Trẫm làm Vua với ai? Một năm công thương đình tổn hại tiền của không phải là ít. Nhưng việc ấy làm nức lòng dân thì tổn hại ấy đâu phải là không có ích.
- Hoàng thượng anh minh.

Đức Vua chau chau vầng trán rồi nói:

- Khanh có hết lòng vì Trẫm trong việc này không?
- Tâu Hoàng thượng, nếu giúp gì được cho Người và để Hoàng Tướng công thỏa tâm nguyện, dân phụ xin hết lòng.

Hoàng thượng tỏ vẻ hài lòng lắm.

- Khanh về suy nghĩ việc này nên làm như thế nào, chọn ai chủ sự đại cuộc, khanh ghi cả ra càng cụ thể càng tốt. Trẫm sẽ tham bác để tìm ra cách hành sự tốt nhất.

- Dân phụ tuân chỉ và xin Người ân chuẩn cho một việc.

- Khanh xin việc gì?

- Tâu Hoàng thượng, dân phụ xin cho nghĩa nữ Kim Phụng và cháu Sơn Nữ được sớm trở về Bắc Lâm.

Hoàng thượng chột dạ... Với Kim Phụng, ngài chuẩn cho ngay nhưng còn Sơn Nữ.... Sau một thoáng suy nghĩ, nhà Vua đáp:

- Trẫm bằng lòng để Kim Phụng trở về Bắc Lâm. Rời kinh thành ngày nào là quyền của bà ấy. Còn Sơn Nữ, Trẫm không được phép quyết định. Bởi Vua cha cần có Sơn Nữ lo cho sức khỏe của Người.

Là người thông minh, bà Thục Trâm đã cảm nhận được điều sâu kín trong lòng nhà Vua. Bà có thể lên ngay Vua cha xin điều bà muốn. Nhưng nếu bà làm như vậy e nhà Vua phật ý. Lúc ấy, việc sẽ trở nên rắc rối. Suy đi nghĩ lại, bà bèn thưa:

- Tâu Hoàng thượng, vậy thì Hoàng thượng xin Vua cha giúp dân phụ cái điều mà dân phụ vừa tâu lên Người.

Hoàng thượng khẽ cười:

- Khanh đã hết lòng vì Vua cha và vì Trẫm. Phải làm gì cho Khanh, Trẫm biết mà.

Vái tạ nhà Vua ra về, bà Thục Trâm bước vội. Nhưng bà về tới nhà, Sơn Nữ đã hồi cung. Trông sắc diện của mẹ, Kim Phụng đoán mẹ có điều gì đó phải động tâm bèn hỏi:

- Mẹ có chuyện gì phải không mẹ?

Bà Thục Trâm hỏi lại con:

- Nếu nhà Vua chọn Sơn Nữ làm phi, con có vui không?

Kim Phụng giật mình:

- Có chuyện đó à mẹ?

- Mẹ cảm thấy nhà Vua có ý đó.

- Mẹ đã cảm thấy ắt không khác được. Nếu đúng vậy thì sẽ là tai họa. Bà

mất cháu. Mẹ mất con. Trong thâm cung, bao chuyện thương tâm, lành ít dữ nhiều. Được Vua sủng ái thì chết non. Vua chóng nhạt tình thì chết già. Mẹ có đành lòng cho cháu của mẹ héo úa trong cung không?

- Nhưng nếu Vua chọn mà Sơn Nữ lại bằng lòng thì con tính sao?

- Chẳng lẽ mẹ lại không hiểu cháu gái của mẹ.

- Mẹ hỏi là hỏi thế thôi. Mẹ biết lắm chứ. Việc của con và Sơn Nữ, mẹ đã xin Vua. Người lấy cố Sơn Nữ phải lo sức khỏe cho Vua cha nên Người không dám quyết. Con thì rời kinh thành lúc nào cũng được.

- Vậy mẹ phải làm gì chứ?

- Mẹ đang nghĩ cách.

- Con nghĩ, mẹ lên Vua cha việc chắc xong.

- Làm thế có khi hỏng việc. Chuyện này chỉ Sơn Nữ mới gỡ được.

Kim Phụng tỏ vẻ lo lắng, nói:

- Làm sao mà báo cho Sơn Nữ được? Hay là mẹ vào cung gặp cháu.

- Làm như vậy e cũng không tiện. Rồi Sơn Nữ sẽ ra thăm mẹ con ta.

Hai mẹ con lặng đi một lúc rất lâu. Chợt bà Thục Trâm bảo con:

- Nhà Vua đã chuẩn lời mẹ xin cho con về. Muốn lo cho Sơn Nữ, con phải về ngay Bắc Lâm.

Một câu hỏi lóe lên trong đầu: "Tại sao lo cho Sơn Nữ mình lại phải về Bắc Lâm". Kim Phụng nghĩ mãi không ra. Khi ấy, bà Thục Trâm hí hoáy viết. Rồi bà đưa cho Kim Phụng tờ giấy với những hàng chữ còn thơm mùi mực. Ánh mắt Kim Phụng sáng lên bởi những hàng chữ ấy.

- Con đã hiểu ý mẹ thì con mang về đưa cho bác tiều. Với bác tiều, mẹ con ta không phải băn khoăn gì cả.

Khi Kim Phụng cất bước, bà Thục Trâm còn dặn:

- Bác tiều đọc xong, con phải xin lại tờ thư rồi hủy đi.

Sau khi Kim Phụng đi, bà Thục Trâm đến chỗ Phạm Vũ Long. à nói:

- Nhà Vua muốn tham khảo ý kiến của chị để Ngài đúc lại bạc. Cậu thấy nên như thế nào?

Phạm Vũ Long cười:

- Giá như chị đừng thông tuệ. Giá như chị đừng nói cho nhà Vua biết ý tưởng thân dân sâu sắc của Hoàng Tướng công.

- Đã trót rồi biết làm thế nào?

- Chị hãy đặt chị vào chỗ đứng của nhà Vua, rồi chị lại đặt chị vào vị trí của tham quan. Chị sẽ viết ra được những điều nhà Vua cần. Nhưng nếu chỉ có thế thôi e rằng nhà Vua sẽ nản. Bởi vì việc này kinh thiên động địa. Chị lại phải đứng vào chỗ đứng của dân manh lệ. Chắc chắn, ngòi bút của chị sẽ khoáng đạt bởi sự hồ hởi, phấn chấn của nghìn vạn người. Nếu nhà Vua là bậc anh minh vì sông núi này thì trời nghiêng đất sục Ngài vẫn cứ làm.

- Cậu không giúp chị được hơn nữa hay sao?

- Nhà Vua sẽ hỏi chị khi Ngài đọc những điều chị viết ra. Chị có nghĩ ra viết ra, chị mới trả lời nhà Vua được. Khi nào chị viết xong, chị cho em ngó qua. Nếu góp thêm được ý nào đó, em không tiếc chị.

Những điều em nói, bà Thục Trâm đã nghĩ tới. Nhưng vì em đã là một Cử nhân đến Thượng Hoàng cũng phải khen văn tài sâu rộng nên bà không thể không hỏi em. Có mấy lời của em, bà vững tâm lắm. Bà thấy đầu bà thêm sáng, bút bà thêm chắc. Những suy nghĩ đẹp đẽ của Tổng đốc Hải Đông sống lại, hiện lên trên mặt giấy. Hoàng Tương công đã lường trước được những gì diễn ra khi nhà Vua đặng vào bọn tham quan. Bởi vậy, ngài đã vạch ra cách tiến hành khi nhà Vua đã chuẩn bị chu đáo...

Viết xong, bà Thục Trâm đưa cho em. Phạm Vũ Long đọc đi đọc lại rồi nói với chị:

- Còn vài điều chị bỏ qua hoặc chị chưa nghĩ tới?

- Đó là những điều gì?

- Chị xem những vị quan liêm khiết có ai sống sung túc không? Họ đều khổ khổ vì cơm áo. Nhiều vị quan phục chỉ có một bộ, lên công đường vội khoác vào, về tới cửa đã phải cởi ra ngay, gấp cho vào hòm. Hoa trên áo đã xờn, lưng áo đã bạc mà vẫn phải nâng niu, muốn may bộ mới nhưng không có tiền. Ngày xưa, bố là người trong số các vị đó. Chắt chiu được ít bạc, bố phải dành cho chị để chị lánh nạn. Ngày cả nhà ta trốn khỏi làng, bố mẹ chỉ có hai bàn tay trắng. Ở nơi ẩn náu, mẹ và em phải làm thuê để sống. Tha hương, bố và em phải trông vào nghề thuốc độ nhật. Đến như Tổng đốc Hải Đông, ngài cũng phải trông vào cỗ khung cử của Tổng đốc phu nhân, cơm áo mới tạm đủ.

Bà Thục Trâm cứ ngăn người ra. Thì ra những ngày mình có bạc để chạy trốn, cả nhà với cơm mòng áo, lần hồi từng ngày. Vậy mà bố mẹ và hai em không ai hé răng. Rồi bà thốt lên:

- Đúng là chị chưa hiểu được nỗi cực khổ của cả nhà và chưa nghĩ tới những điều em vừa nói.

Phạm Vũ Long đỡ lời chị:

- Trong số đông tham quan có những vị chẳng được nên cũng đành nhắm mắt làm liều. Vua chặn dân chưa đủ mà phải chặn cả quan nữa, phải chặn những người bảo vệ cái ngai vàng. Những kẻ một dân, một nước Vua phải quyết không nhẹ tay. Còn những vị quan thanh liêm, những người đổ mồ hôi cho quốc khố có bạc, những người lấy thân che đỡ cho triều đình, Vua phải ngó xuống xem họ sống có ra người không. Vua lo cho họ chính là lo cho ngai vàng của Vua. Họ trước sau hết lòng vì Vua nếu Vua không là hôn quân. Vua mà lo cho họ, họ không dại gì ăn cây táo lại đi rào cây bồ hòn. Cứ xem những người thợ săn chăm lo cho con chim mỗi thế nào ta sẽ hiểu vì sao nó hết lòng với chủ.

Bà Thục Trâm vui lắm bởi trí tuệ của Phạm Vũ Long đã vượt xa sự nhìn nhận của bà. Nếu Phạm Vũ Long ham danh, tân Cử nhân chắc hẳn có một ngôi vị tàm tạm. Nhưng cuộc đời chìm nổi của bố, cái chết oan ức của Hoàng Tổng đốc khiến em trai bà nhận ra quan trường đầy cạm bẫy, tham ắt chuốc họa, thanh chưa dễ đã yên thân, nhu người ta chèn, cương người ta triệt....

Qua chuyện trò với em, bà sáng thêm bao điều. Những điều đó lại được thể hiện trên mặt giấy.

Nhận được truyền chỉ, Thượng thư Bộ hình vào cung ngay. Quỳ trước nhà Vua, Thượng thư Bộ Hình run run:

- Hạ thần chúc Hoàng thượng anh minh, vạn thọ.

- Khanh đứng lên đi. Vụ Đỗ Hối, khanh tra xét đến đâu rồi?

- Tâu Hoàng thượng, thần có đủ chứng cứ, chứng nhân về tội tày đình của Đỗ Hối.

- Những cáo giác của bà Nương và của con giai Đỗ Hối đã làm rõ chưa?

- Tâu đức Vua, thần đã cho Đỗ Hối và nhân chứng đối chất. Những điều mà

bà Nương và tên Hoan tố giác đều đúng. Số vàng bà Nương đã nộp đúng với số vàng Thị Xiêm đã đưa cho bà Nương.

- Trùm Hân đã nhận từ Đỗ Hối bao nhiêu bạc để xây cống?

- Tâu đức Vua, Trùm hân đã nhận được bốn vạn lạng từ Đỗ Hối nhưng phải đưa lại cho Thị Xiêm một vạn rưỡi lạng.

- Thế còn hai vạn lạng nữa đi đâu?

- Tâu Hoàng thượng, còn hai vạn lạng nữa là tiền thuế đất đập vào việc xây cống. Đỗ Hối chưa chuyển cho Trùm Hân.

- Sao lại có chuyện đó?

- Tâu Thánh quân, Đỗ Hối bắt Trùm Hân xây xong cống mới trả hết tiền. Trùm Hân thiếu tiền nên bỏ bề việc mặc dù trong bản giao kèo tháng tư là xây xong cống. Tháng tám mưa lớn, lũ trên nguồn đổ về gặp hồi triều cường, cống Bình An bỏ dở lại không hoành triệt nên bị đục kéo theo vỡ đê.

- Còn cái chết của Trùm Hân đầu đuôi thế nào?

- Tâu Thánh minh, sau khi đê vỡ, Đỗ Hối cho thuộc hạ là Tuất và Chín lập mọo đầu độc trùm Hân rồi mới treo cổ trùm Hân lên. Làm xong việc ấy, Tuất và Chín trốn luôn. Vì chúng biết không trốn cũng chết.

- Ai là nhân chứng tội này?

- Tâu đức Vua, Tuất và Chín đã về thú tội.

Nhà Vua suy nghĩ khá lâu rồi truyền:

- Đã đủ chứng cứ chứng nhân, khanh phải định ngày mở đại tòa giữ nghiêm phép nước. Đỗ Hối phải xử đại hình. Các tội nhân khác cứ theo khung hình mà tuyên phạt. Bà Nương tha bổng. Con trai trùm Hân và hai tên thuộc hạ của Đỗ Hối ăn năn đầu thú cứ khép đúng khung hình rồi giảm cho một bậc. Phải trả lại nhà cho Quách Văn Trường, trả lại đất cho Bùi Viết Tồn. Đê Bình An đã vỡ lâu rồi. Tiền của của dân đã mất không bù lại được, hàng chục người chết không sống lại được. Bởi vậy vụ án này khanh phải xử thật nghiêm và thật minh. Trẫm tin rằng dân chúng sẽ thông cảm và sẽ hiểu phép nước bênh người lương thiện chứ không bênh kẻ ác.

Ngừng giây lát, đức Vua nói tiếp:

- Còn Thượng thư Bộ Lễ buông lỏng phận sự để kẻ xấu hà lạm quà của Vua

cha ban cho người có công, khanh không phải bận tâm. Trẫm không bỏ qua những kẻ ăn lộc triều đình mà lại trể nải việc Vua. Có điều, Trẫm phải làm thế nào để không mất hiền tài trót sai phạm mà vẫn giữ được phép nước. Khanh rõ chứ?

- Tâu Hoàng thượng, thần đã rõ. Thần sẽ làm đúng ý chỉ của Người.

Nhà Vua đọc đi đọc lại những điều bà Thục Trâm bộc bạch trên mặt giấy.

Ngài lấy bút khuyên son vào mấy chỗ rồi truyền bà Thục Trâm vào hầu.

Bà Thục Trâm bèn vào cung. Nhà Vua cho miễn lễ và nói:

- Từ nay vào cung, khanh không phải quỳ lạy, chúc tụng. Trẫm cần là cần tấm lòng và cái đầu của khanh chứ đâu có cần đầu gối dẻo và những lời đầu môi đến nhằm cả tai của những kẻ lấy khúm lúm thay cho tài đức.

- Đệ ơn Hoàng thượng anh minh.

- Trước đây, khanh đã trình lên Vua cha những ý sáng suốt của khanh. Trẫm đã được đọc. Hai điều mà Vua cha rất coi trọng là: Muốn biết quan xấu hay tốt cứ hỏi dân và muốn nâng cao dân trí trước hết phải nâng cao quan trí. Những điều ấy sờ sờ trước mắt mà đâu dễ nhận ra.

- Tâu Hoàng thượng, những điều ấy dân phụ nghe được từ Tướng công Hoàng Kiến Nghiệp bèn trình lên Vua cha. Nhìn nhận ra những điều đó đã khó. Nhưng khi đã nhìn nhận ra rồi có dám làm hay không mới là điều khó hơn.

Nhà Vua khẽ cười:

- Những kiến giải khanh mới trình lên Trẫm có dòng: Nếu nhà Vua chưa chuẩn bị chu đáo mà lại cho thu bạc cả nước đúc lại e rằng sẽ loạn. Vậy chuẩn bị chu đáo là chuẩn bị những gì? Khanh nói rõ ra xem nào.

- Tâu Hoàng thượng, Hoàng tướng công nói phải chuẩn bị chu đáo là như thế này: Trước hết nhà Vua phải thu binh quyền vào tay, phải có những người tài giỏi một lòng với nhà Vua, sống chết vì việc này thì đại sự mới mong thành.

Bà Thục Trâm ngừng lời ngược nhìn dung quang Hoàng thượng giây lát để thăm dò. Sắc diện nhà Vua không hề thay đổi. Bà nhận ra vị Vua trẻ có nghị lực sắt đá khiến bà tin tưởng, hy vọng... Bỗng nhà Vua hỏi:

- Tổng đốc Hải Đông chỉ nói có thể thôi sao?

- Tâu Thánh quân, Tổng đốc Hải Đông còn nói: Nhà Vua phải giữ bí mật cho tới khi hành sự. Những vị quan nào có quyền thế lớn mà cảm thấy sẽ chống đối thì phải có cách từ trước khi khởi sự... Đừng để như đến lúc xuất chinh phá giặc, chủ soái mới rà soát trong quân có nội gián hay không? Điều cuối cùng bắt buộc phải lo. Đó là quốc khố phải có đủ bạc chi tiêu trong một năm. Có điều này nhà Vua sẽ làm chủ được đại cuộc.

Nhà Vua tư lự giây lát, nói:

- Các điều khác dù chẳng dễ nhưng Trẫm không lo. Điều Trẫm lo nhất là quốc khố với bạc. Nhưng không phải không có cách khi Trẫm đã quyết.

- Tâu Thánh minh, nghị lực và tài trí của Hoàng thượng Vua cha đã biết. Chính vì vậy Vua cha có ý truyền ngôi cho Người trước khi Hoàng tử trưởng khước từ ngôi báu.

- Trẫm hỏi khanh, vì sao khanh thấu tỏ gan ruột Hoàng Kiến Nghiệp đến thế?

- Tâu Hoàng thượng, dân phụ là thầy học lại còn là nhũ mẫu của tiểu thư Kim Phụng. Hoàng Tướng công tuy đáng bậc chú bác của dân phụ nhưng quý trọng dân phụ nên ngài đã coi dân phụ như bằng hữu vong niên. Bởi vậy có điều gì tâm đắc, Hoàng tướng công đều cho dân phụ biết.

ánh mắt của nhà Vua bỗng trở nên xa xăm, rồi Ngài nói:

- Ước gì, Trẫm cũng có người tương giao tương cảm như khanh với Hoàng Kiến Nghiệp.

Bà Thục Trâm rất hiểu hàm ý câu nói của nhà Vua. Bà ái ngại cho Ngài. Vì điều Ngài ao ước chỉ là ảo vọng mà khởi phát của ảo vọng ấy lại chính là từ bà. Bà nói gì Kim Phụng và Sơn Nữ cũng nghe. Nhưng bà lại biết Kim Phụng không thể sống nổi khi phải xa Sơn Nữ. Hơn nữa, Sơn Nữ như con họa mi, phải trả nó về rừng xanh không thể nhốt vào lồng được. Bỗng nhà Vua hỏi:

- Còn ai là người giúp Trẫm lo việc lớn sao không thấy khanh nói tới?

- Tâu Hoàng thượng, dân phụ làm sao mà biết được các đại thần của ngài.

- Trẫm muốn việc này bất ngờ đến phút chót. Các đại thần tâm phúc chỉ nhập cuộc khi đại sự khai triển. Vua cha chọn Phạm Vũ Long. Khanh thấy thế nào?

- Tâu Thánh quân, không được ạ.

- Vì sao?

- Thưa, muốn làm việc này phải chính danh. Em dân phụ quyết không nhận một chức quan. Làm việc lớn mà không phẩm trật nói ai nghe?

- Trẫm không bắt em trai khanh vận quan phục. Không quan phục Trẫm dùng theo cách không quan phục. Em trai khanh từ chối ư? Trẫm như Lưu Bị cầu hiền, khanh nghĩ sao? Trẫm không thể không làm việc lớn này. Có điều "dục tốc bất đạt" cho nên không ngày một ngày hai được. Một vài năm nữa quốc khố khá lên, Trẫm phải làm một mẻ.... Một kẻ sĩ như Phạm Vũ Long sẽ hiểu Trẫm nên không thể làm ngơ trước cảnh bách tính lầm than. Giá khanh là trai thì phúc cho Trẫm biết bao.

- Thánh thượng anh minh. Dân phụ rất mong Hoàng thượng cách tân, chấn hưng sông núi.

- Không biết khanh đã biết chưa? Mới rồi, Vua cha ban cho thân phụ khanh đặc ân và cho thân phụ khanh chọn. Thân phụ khanh xin được về quê cùng cậu út làm thuốc và truyền nghề cho Mộc và Mạc. Thật là phúc cho hai kẻ không cha mẹ. Trẫm có hỏi đến con của Oanh Nhi. Thân phụ khanh nói hai mẹ con Oanh Nhi đã nương cửa Từ Bi. Thế cũng tốt.

Nhìn thẳng vào bà Thục Trâm một thoáng rồi nhìn vào mênh mông, nhà Vua nói:

- Vua cha và Trẫm ghi công của khanh. Sau này, ở lại kinh thành hay về đâu là tùy ý khanh. Nhưng khi cần là Trẫm phiền khanh đấy.

- Đội ơn Hoàng thượng, dân phụ chỉ mong được yên thân.

Phạm Vũ Long được nhà Vua truyền. Chàng bước tới trước bệ rồng vái bằng cử chỉ đường hoàng với lời chúc khiêm từ không mồn sáo khiến nhà Vua bằng lòng lắm. Nhà Vua ôn tồn:

- Tân Cử nhân bình thân.

Nhà Vua chăm mắt vào Phạm Vũ Long, hỏi:

- Bao người mơ mũ cao áo rộng. Còn khanh là cử nhân mà lại xin Vua cha không làm quan, hà cứ gì vậy?

- Tâu Hoàng thượng, mỗi người có một sở nguyện. Vì vậy, Hoàng tử trưởng mới tới am mây, gánh nặng xã tắc mới đè lên vai Hoàng tử thứ là

Người.

Hoàng thượng sững người. Trí tuệ sâu sắc của Phạm Vũ Long trong một câu nói mà làm sáng một việc rất lớn. Lấy ngay chuyện của anh em Vua để trả lời, Phạm Vũ Long quả là khôn khéo. Nhà Vua khẽ cười. Ngài lại hỏi:

- Không nhập quan trường, khanh làm gì?
- Tâu Thánh quân, hàn nho dạy đạo Thánh hiền cho đời.
- Để chốn hưng sông núi cho dân đỡ lầm than, Trẫm cần cái đầu và văn tài của khanh, khanh có vui không?

Phạm Vũ Long suy nghĩ, đáp:

- Hàn nho biết Hoàng thượng dùng hàn nho vào việc gì rồi. Việc ấy lại do chị gái hàn nho khởi xướng. Bởi vậy có thể nào nói vui hay không vui.
- Trẫm hiểu. Khanh là một kẻ sĩ có tâm kia mà.
- Tuy vậy, xin Thánh quân ân chuẩn. Khi đại sự hoàn tất, hàn nho xin được về quê truyền bá đạo Thánh hiền.
- Trẫm khước từ sao được. Đạo Thánh hiền được quảng bá, dân trí sáng thêm, phúc cho nước. Trẫm mong điều đó lắm.

Nhà Vua đưa bài viết của bà Thục Trâm tâu trình lên nhà Vua cho Phạm Vũ Long, nói:

- Đây là tâm huyết của chị gái khanh. ý khanh thế nào cứ nói:

Phạm Vũ Long mắt trông hờ vào trang giấy, đầu óc lại suy nghĩ tới điều mà chị chưa nghĩ tới. Bởi vì những kiến giải của chị chàng biết cả rồi. Chợt ánh mắt Phạm Vũ Long sáng lên. Chàng bèn hỏi:

- Tâu Hoàng thượng, nhất quyết Hoàng thượng sẽ đặt trái núi lên vai?
- Một vài năm nữa quốc khố bạc đủ dùng, Trẫm sẽ hành sự.
- Chúc mừng Hoàng thượng. Hàn nho xin dâng người một ý nhỏ. Khi binh quyền đã thu vào tay Người, quốc khố đã đủ bạc, muốn xem cá béo cá gày, Hoàng thượng phải rung chà.
- Khanh nói vậy nghĩa là thế nào?
- Tâu Hoàng thượng, Người xuống chiếu buộc các quan từ thất phẩm trở lên mỗi người phải có một bản tự bạch. Từ khi làm quan, họ đã làm được gì, những gì chưa làm được, dân yêu hay ghét, đã làm gì trái phép nước chưa, tiền của tích góp được bao nhiêu... Có những bản tự bạch của các

quan, Hoàng thượng sẽ hiểu diện mạo của các quan: thật, giả, trung, nịnh, thanh, tham, ngay thẳng, dối trá không giấu được . Lúc đó, Hoàng thượng có căn cứ dùng ai, bỏ ai tùy ý. Quan nào có ý chống đối, sự chống đối đó có thể bị tiêu tan, hoặc bị phát giác. Các quan muốn kết bè chống lại nhà Vua cũng ngại. Người người nơm nớp sờ lên gáy, không biết nhà Vua dùng mình hay bỏ mình. Trong tâm trạng ấy, các quan răm rắp tuân theo ý chỉ Hoàng thượng. Đại cuộc ắt thành.

Gương mặt nhà Vua tươi tỉnh hẳn lên:

- Khanh nói lại cho Trẫm nghe.

Phạm Vũ Long nói lại một cách rành rọt. Nhà Vua thốt lên:

- Giỏi ! Giỏi ! Trẫm sẽ làm theo kế của khanh.

- Tâu Hoàng thượng, cùng lúc Hoàng thượng ban chiếu khiến các quan làm tự bạch, người của Thánh quân phải để mắt đến dinh các quan, đến các nhà giàu không cho họ phân tán bạc vàng.

Hoàng thượng tán đồng:

- Nhất thiết phải như vậy.

- Tâu thánh minh, còn điều này nữa. Trước khi Thánh minh buộc các quan làm tự bạch, Người bố cáo cho bách tính khai gia sản và nói rõ hoàn cảnh sống để triều đình có kế sách khuyến dân. Đây là cách không cho nhà giàu chạy của.

Đang ngồi mà nhà Vua phải đứng phắt dậy:

- Hay! Hay lắm! Không như vậy, các quan sẽ giấu hết của cải.

- Tâu thánh minh, từ nay đến ngày khởi sự còn lâu, hàn nho chưa phải để tâm đến việc này. Hàn nho phải dồn trí lực chuẩn bị giúp Vua cha để Người cho viết lại Bách Khoa Thư.

- Trẫm mừng lắm. Trẫm thật may mắn nên gặp được bà Thục Trâm và Khanh.

Phạm Thái Quỳnh

Huyền sử Cổ tiên

Chương 23

Từ sau ngày gặp Sơn Nữ rồi cùng Sơn Nữ sớm hôm bên Vua cha lo thuốc thang cho Người, vị Vua trẻ không sao xua đuổi được hình ảnh người thiếu nữ thông minh, giỏi dang ra khỏi tâm tưởng. Ngay cả khi bên cạnh Hoàng hậu, hình bóng Sơn Nữ vẫn hiện lên trong Ngài. Tuy Ngài và Hoàng hậu không "đồng sàng dị mộng" nhưng Ngài cảm thấy Sơn Nữ mới là tri âm tương giao, tương thức.

Việc lớn Ngài trù liệu đã xong. Phải gặp Sơn Nữ để bộc bạch tâm tư, ý nghĩ ấy vụt lên trong lòng nhà Vua trẻ. Chợt Ngài nghĩ, Sơn Nữ được Vua cha rất yêu quý. Bởi thế, Ngài không thể không thưa với Vua cha trước khi Ngài dãi bày sự lòng với người trong mộng.

Ngài bèn vào yết bái Vua cha. Dẫu đã trao ấn nhưng những việc trọng đại vẫn canh cánh trong lòng nên con vừa vào Vua cha hỏi ngay:

- Tâm nguyện của Hoàng Kiến Nghiệp cũng là tâm nguyện của ta. Hoàng nhi đã hứa với ta sẽ làm việc ấy. Vậy Hoàng nhi định bao giờ khởi sự?

- Tâu Vua cha, Hoàng nhi đã bàn với bà Thục Trâm. Bà ấy đã trù liệu chu đáo. Tuy vậy, vâng lời Vua cha, Hoàng nhi đã tham bác sự sáng suốt của Phạm Vũ Long. Thật là phúc, Phạm Vũ Long đã dâng một ý rất hay khiến phương lược hành sự rất vẹn toàn.

- Phạm Vũ Long có kế gì mà Hoàng nhi cho là rất hay?

- Tâu Vua cha, Phạm Vũ Long nói những điều bà Thục Trâm trình lên là đúng, cách thức tiến hành gọn và kín. Tuy vậy, khi những gì cần có đã có, Hoàng nhi phải xuống chiếu buộc các quan từ thất phẩm trở lên làm tờ tự bạch. Tờ đó phải nói rõ từ khi nhậm chức đã làm được những gì cho dân, thi hành phép nước thế nào, có được dân tin hay không, tài sản có bao nhiêu. Có những bản tự bạch, Hoàng nhi biết được bụng dạ các quan...

- Ta đã hiểu mẹo của Phạm Vũ Long. Mẹo đó làm cho các vị quan thanh liêm, ngay thẳng phẫn chấn, những viên quan tham lam, gian xảo hoang mang. Lúc ấy, Hoàng nhi dùng ai bỏ ai không phải băn khoăn. Vậy Hoàng

nhi sắp ra tay rồi chứ?

- Tâu Vua cha, chưa ra tay được.

- Vì sao?

- Thưa, phải chờ vài năm nữa cho quốc khố vượng lại đã.

- Nếu thế, Hoàng nhi phải lưu ý đến chị em bà Thục Trâm để giữ kín việc sẽ làm và tránh điều nguy hại có thể xảy ra với chị em bà ấy.

- Hoàng nhi xin làm đúng ý của Vua cha.

- Còn vụ Đỗ Hối thế nào?

- Thưa, mọi việc đã hoàn tất. Bộ Hình sắp mở đại tòa ạ.

- Phải xử cho nghiêm để cảnh cáo những kẻ định nhờn với phép nước.

Thấy Vua cha có vẻ hài lòng với những điều mình tâu trình, vị Vua trẻ mới bộc bạch chủ ý của Ngài:

- Tâu Vua cha, Hoàng nhi có một việc xin thưa với Người.

- Có việc gì cứ nói.

- Thưa, đó là việc liên quan đến Sơn Nữ.

- Sơn Nữ sao?

Nhà Vua trẻ lúng túng không biết nói thế nào nên cứ ngây ra. Hiểu ý con, Vua cha bèn hỏi:

- Phải chăng Hoàng nhi có lòng với Sơn Nữ?

- Thưa, thưa.... Đúng thế ạ.

Vua cha cân nhắc rất lâu rồi mới hỏi:

- Hoàng nhi dãi bày với Sơn Nữ chưa?

- Tâu Vua cha, chưa.

- Thế thì tốt. Việc này hệ trọng lắm. Hoàng nhi cũng đã biết, sau khi khỏi bệnh, ta ban cho Sơn Nữ coi hậu viên để bù đắp cho Sơn Nữ. Nhưng Sơn Nữ không nhận mà lại xin được về hầu hạ nghĩa mẫu và bà. Ta định sắp tới cho Sơn Nữ về Bắc Lâm vì ta khỏe hẳn rồi. Ta cũng không thể là kẻ ích kỷ được. Người ta là gái, còn chuyện riêng tư của người ta. Nay Hoàng Nhi có ý, nhưng Sơn Nữ lại là cháu yêu của bà Thục Trâm. Vai trò của bà Thục Trâm và em trai bà ấy trong ván cờ lớn sắp tới như thế nào, Hoàng nhi đã rõ. Sơ xuất một chút là đụng tới đại sự. Để ta ướm thử xem sao.

Nhà Vua trẻ vái lạy Vua cha, buồn rầu trở gót.

Bà Thục Trâm cồn cào mong cháu đến mà không thấy Sơn Nữ đến. Bỗng Vua cha vờ. Đã từ lâu, bà chỉ được có vị Vua trẻ truyền bà vào cung còn Vua cha thì không. Nay bỗng Người gọi, vậy có việc gì mà Vua cha lại gọi? Bà vội vàng vào cung. Vua cha cho miễn lễ và nói:

- Ta có việc vui mừng muốn bàn với khanh đây.

Nghe Vua cha nói, bà hiểu là việc gì rồi. Là người khôn ngoan, bà hỏi khác đi mà lại bộc lộ được điều mong muốn.

- Tâu Hoàng thượng, chắc là việc Người cho bà cháu dân phụ về Bắc Lâm.

- Về Bắc Lâm mà cũng đáng mừng sao?

- Bẩm, về Bắc Lâm lại không mừng sao được? Bắc Lâm ngày nay đã là quê của dân phụ. Mồ hôi và vui buồn của dân phụ đã thấm sâu mảnh đất ấy. Ở đó có nghĩa nữ của dân phụ, có những người dân nghèo một nắng hai sương mà ấm áp tình làng nghĩa xóm. Bao nhiêu người Bắc Lâm đêm ngày mong dân phụ. Bởi lúc họ ốm đau có dân may ra họ thoát khỏi bệnh tật.

- Hóa ra khanh đã nặng tình với rừng núi Bắc Lâm. Thế nhưng việc trở về Bắc Lâm của khanh bây giờ do Hoàng thượng quyết. Ông già này không giúp được gì cho khanh nữa.

Bà Thục Trâm thấy Vua cha thật khôn khéo. Ngài nói vậy có nghĩa là việc lớn chưa khởi sự, bà đừng xin Ngài trở về Bắc Lâm. Nếu bà có xin thì xin Hoàng thượng. Đương nhiên là Hoàng thượng không cho khi những thói bạc chưa có hình quốc ấn. Nhưng bà sẽ có cách... Không bao lâu nữa, bà cháu bà sẽ về Bắc Lâm. Còn việc hiện tại, dù biết rồi bà vẫn hỏi:

- Tâu Vua cha, vậy việc vui mừng Người nói là việc gì ạ?

- Khanh rất thông minh. Vậy mà việc này khanh lại không nghĩ ra. Truyền Sơn Nữ.

- Bà Thục Trâm giật mình. Sơn Nữ chưa biết mẹo của bà. Sơn Nữ tới mà lại không biết việc bà đã sắp đặt, không khéo lời của hai bà cháu vênh nhau thì chết. Phải nói thế nào ngấm báo cho Sơn Nữ? Bà căng đầu suy nghĩ...

Vào tới điện Vĩnh Thọ, Sơn Nữ quỳ chúc Vua cha. Ngài cho bình thân. Nàng quay sang vái bà. Vua cha cười:

- Hoàng thượng chọn người làm phi. Người vui chứ?

Bà Thục Trâm càng lo. Cháu bà sẽ nói sao đây? Còn Sơn Nữ, nàng suy

nghĩ rồi mới đáp:

- Tâu Vua cha, việc này hệ trọng lắm. Nghĩa mẫu của dân nữ không có ở đây. Nhưng cũng may là có bà của dân nữ. Vậy ý của bà dân nữ thế nào thì ý của dân nữ cũng thế.

Nghe cháu nói, bà Thục Trâm như trút đi được một gánh nặng. Bà thầm khen Sơn Nữ sáng trí. Vua cha cũng nhận thấy Sơn Nữ giữ đạo trên dưới phân minh. Ngài quay sang bà Thục Trâm:

- Cháu yêu của khanh đã nói vậy, hẳn khanh mừng lòng chứ?

- Tâu Thượng Hoàng, Sơn Nữ là kẻ nghèo hèn được Hoàng thượng ngó tới, lại được Thượng Hoàng cho phép thật phúc lớn cho cháu gái dân phụ.

Sơn Nữ choáng váng trước câu nói của bà. Bởi nàng biết bà rất vui khi nàng khước từ việc coi hậu viên mà Vua cha ban cho. Đối với cung cấm, bà của nàng coi đó là ngục tối. Ai vô phúc mới phải vào cung. Con gái vào cung có khác nào vào nhà mồ. Bao nhiêu mỹ nữ ghen ghét nhau vì một người đàn ông cũng đủ chết. Vậy tại sao bà lại nói là phúc. Bà thay đổi rồi chẳng? Có phải cuộc sống kinh thành đã làm cho bà thay đổi. Nếu đúng như vậy thì hương phấn phù hoa đúng là cái bả rồi, "bần tiện bất năng di" bà đã dậy mình còn có nghĩa gì? Còn mình, mình chẳng lẽ lại cam tâm chui vào nhà mồ?

Bao nhiêu câu hỏi cứ nhảy múa trong đầu Sơn Nữ. Nàng chưa tìm được câu trả lời. Tiếng Vua cha lại vui vẻ cất lên:

- Ta biết việc đại phúc này rất đẹp lòng khanh. Ngày mai, Hoàng thượng sẽ truyền Bộ Lễ lo liệu. Rồi Hoàng thượng sẽ định ngày....

- Đội ơn Vua cha, đúng là Hoàng thượng ban cho Sơn Nữ đại ân. Nhưng phúc của cháu gái dân phụ mỏng lắm.

Vua cha không tin vào tai Ngài nữa. Ngài hỏi ngay:

- Khanh vừa nói gì?

- Tâu Vua cha, phúc của Sơn Nữ mỏng lắm. Cháu nó đã có hôn phu.

- Người đó là ai?

- Tâu Vua cha, đó là cháu trai ông tiều ở gần nhà dân phụ.

Sắc diện Vua cha từ vui chuyển dần sang buồn. Ngài nói:

- Một lời đã ước là vàng đá rồi. Nào ngờ Hoàng thượng không có duyên

với cháu gái của khanh.

- Đội ơn Vua cha.

Sơn Nữ mừng khôn xiết. Bà Thục Trâm vái chào Vua cha lui gót. Còn Vua cha, Ngài ngẫm nghĩ: Phải nói với con thế nào cho khéo đây?

Nhà Vua biết ngày giờ Thượng Hoàng triệu bà Thục Trâm vào điện. Ngài bồn chồn chờ đợi. Bà Thục Trâm vừa cáo biệt Vua cha, Hoàng thượng đã vào gặp Thượng Hoàng. Không để con phải hỏi, Vua cha đã nói:

- Việc của Hoàng nhi ta đã nói với bà Thục Trâm và Sơn Nữ.

Vua cha không nói gì thêm. Nét mặt của Ngài rất tự nhiên khiến nhà Vua không đoán được Vua cha vui hay buồn. Là người thông minh nên nhà Vua biết chuyện vui chưa đến. Nhà Vua cứ đi đi lại lại. Thượng Hoàng vẫn im lặng khiến nhà Vua phải hỏi:

- Tâu Vua cha, việc của Hoàng nhi ra sao?

Vua cha đáp một cách vô cảm:

- Vì là việc hệ trọng nên bà Thục Trâm nói là còn phải nghĩ.

- Tâu Vua cha, thế còn Sơn Nữ thì sao?

- Bà Thục Trâm đã nói như thế, Sơn Nữ còn nói gì được nữa?

Nhà Vua buồn rầu vái Thượng Hoàng quay ra. Chưa ra khỏi điện Vĩnh thọ, Ngài đã quay lại. Vua cha bèn hỏi:

- Hoàng nhi còn điều gì muốn nói à?

- Tâu Vua cha, bây giờ Hoàng nhi nên làm gì?

Thượng Hoàng ngẫm nghĩ rồi nói:

- Hoàng nhi nên gặp Sơn Nữ....

Nét mặt nhà Vua sáng lên... Vua cha nhìn con bằng ánh mắt ái ngại, hỏi:

- Hoàng nhi chơi cờ cũng hay. Dạo này Hoàng nhi có mó đến cờ không?

- Tâu Vua cha, Hoàng nhi muốn chơi nhưng có lúc nào rảnh đâu ! Sao bỗng nhiên Vua cha lại hỏi đến chuyện chơi cờ.

- Ấy là vì nói chuyện với ai đó cũng như chơi một ván cờ vậy.

Nhà Vua ngẫm nghĩ chợt nhận ra ý tứ sâu xa của Vua cha bèn đáp:

- Tâu Vua cha, Hoàng nhi đã hiểu Người ngầm khuyên Hoàng nhi khi gặp Sơn Nữ phải như thế nào rồi.

Lúc ấy, Vua cha mới khẽ cười.

Hoàng thượng vái tạ Vua cha rồi rảo bước. Vãng trán thanh xuân của nhà Vua lúc giãn ra, lúc chau lại: "Không thể truyền Sơn Nữ tới cung. Trong chuyện này dùng truyền chỉ còn ra cái gì ! Vậy phải làm thế nào?". Chợt mắt Ngài xôn xao... Về tới cung, Ngài nói nhỏ với Thái giám điều gì đó. Thái giám gật gù đầu rồi rảo bước. Trưa ngày hôm sau, Thái giám hơn hờ.

- Tâu Hoàng thượng, vẫn chiều nàng thường thơ thẩn bên hồ Nguyệt Tú.

Gương mặt nhà Vua tươi hẳn lên:

- Chiều nay, người theo ta tới hồ Nguyệt Tú.

- Thần hiểu rồi ạ.

Hồ Nguyệt Tú nằm phía sau điện Vĩnh Thọ, cách điện Vĩnh Thọ không xa. Hồ không rộng nhưng cảnh hồ tuyệt mỹ. Dân gian kháo rằng: Có một giọt lệ tiên rơi xuống tan ra hóa thành hồ nên nước quanh năm trong như bích ngọc. Ven hồ những hàng liễu rủ xanh như tóc thiếu nữ thướt tha buông, những hàng lựu tới mùa hoa bao đốm đỏ lập lòe. Cảnh hồ vắng lặng. Thiên nga bồng bênh trên sóng như thuyền trôi. Cách hồ không xa, một hoa viên với những trâm cầm, dị thảo. Vua cha thường chậm bước nơi đây. Ai đến bên hồ Nguyệt Tú đều ngỡ như lạc vào cõi Thiên Thai.

Chiều hôm ấy, Sơn Nữ thơ thẩn bên hồ với niềm nhớ mẹ, nhớ quê. Nhìn mây trôi về phía núi xa xôi, nàng ước gì hóa thành mây để trôi về nơi ấy. Chợt có tiếng nói nhỏ phía sau: "Nàng thật là sướng, thanh thản hơn ta." Sơn Nữ quay lại trông thấy nhà Vua sợ quá bèn sụp xuống, nói:

- Tâu Hoàng thượng, Sơn Nữ có tội không biết Người tới, xin Người tha cho.

- Nàng có tội gì đâu mà xin ta tha. Ta mới là người có lỗi vì đã phá vỡ yên tĩnh của nàng.

- Đội ơn Hoàng thượng.

- Ta muốn dáng vẻ, nói năng của nàng hồn nhiên như những ngày nàng chữa bệnh cho Vua cha ấy.

- Tâu Hoàng thượng, dân nữ không thể như những ngày ấy. Bởi hôm nay, Người đã là Vua của một nước.

- Hóa ra càng lên cao vẻ tự nhiên, phóng khoáng càng mất đi, dù ta không muốn người người cứ bắt ta phải như thế.

Việc riêng tư, nhà Vua không biết nên nói gì. Suy nghĩ một thoáng, Ngài cũng tìm ra cách phá vỡ được tình thế mà lại ngầm báo cho Sơn Nữ biết điều Ngài sẽ nói.

- Ta có việc vừa vào tâu Vua cha. Trên đường về cung, ta ghé qua đây xem cảnh hồ có khác trước không. Vì mấy tháng nay bận quá, ta không đến ngắm Nguyệt Tú được. Chiều nay qua đây thật là may, ta được gặp nàng.

Một ý nghĩ lướt nhanh trong đầu Sơn Nữ. Những lời của nhà Vua mang hàm ý: Nhà Vua gặp mình là ngẫu nhiên. Nhưng Ngài lại vừa ở chỗ Vua cha nên đã biết ý tứ của bà Thục Trâm. Tuy vậy, chắc gì Vua cha đã nói thật với Hoàng thượng. Mình phải như thế nào nhỉ? Tốt hơn hết, mình phải coi như không có chuyện gì. Chợt nhà Vua hỏi:

- Nàng thấy cảnh nơi đây có đẹp không?

- Tâu Hoàng thượng, nơi đây không đẹp thì còn nơi đâu đẹp nữa?

- Nàng có biết sau này ai làm chủ nơi đây không?

- Tâu Hoàng thượng, sau này làm chủ nơi đây là Ngài và Hoàng hậu.

- Nàng mới nói đúng một nửa.

Sơn Nữ vờ ngạc nhiên, ngây ra rồi mới nói:

- Dân nữ không hiểu ý của Hoàng thượng ạ.

- Hoàng hậu phải lo hậu cung. Ta phải chọn một người tương xứng, tương cảm giỏi giang như nàng mới cùng ta làm chủ được cảnh trí diễm lệ này.

- Tâu Hoàng thượng, hậu cung thiếu gì người giỏi dang, xinh đẹp hiểu Hoàng thượng. Ngài chọn một người dễ như vào vườn hoa kia chọn lấy một bông.

- Hậu cung không có ai vừa ý ta. Nàng chọn giúp ta một người.

- Tâu Hoàng thượng, không khó gì.

- Vậy là nàng cùng ta làm chủ nơi đây?

- Hoàng thượng nói, dân nữ không vâng sao được?

- Thật phúc cho ta lắm. Ta biết mà.

- Dân nữ sẽ hết lòng vì Hoàng thượng.

- Vua cha mà biết tin này thì vui lắm. Nàng cùng ta vào yết Vua cha đi.

- Tâu Hoàng thượng, Ngài cho tuyển người đẹp. Dân nữ sẽ chọn giúp Ngài một mỹ nhân trong số hàng trăm người đẹp muốn được vào cung hầu Ngài.

Nhà Vua sững người. Ngài nhìn thẳng vào Sơn Nữ nói:

- Người ta chọn không nằm trong số đó.

Sơn Nữ cười. Nhà Vua bèn hỏi:

- Sao nàng lại cười?

- Tâu Hoàng thượng, Ngài không bắt tội, dân nữ mới dám nói. Vì điều này là điều vui mừng của dân nữ.

Nhà Vua hồi hộp, hy vọng:

- Điều gì vui nàng cứ nói ra. Ta không trị tội.

- Tâu Hoàng thượng, Ngài cứ nói xa nói gần y như người thân của dân nữ.

Nhà Vua thầm nghĩ: "Sơn Nữ, sao nàng lại như vậy? Đã nhận lời ta sao lại còn bỡn cợt..." Cỗ nén niềm vui, nhà Vua hỏi:

- Ta "y như người thân" của nàng à? Vậy ta giống người thân của nàng ở điểm nào?

- Tâu Hoàng thượng, đầu đuôi câu chuyện là thế này: Cháu ông tiều phu ở Bắc Lâm có ý với dân nữ. Muốn ngỏ lời với dân nữ nhưng người ấy cứ rào đón xa gần. Dân nữ bèn trêu: "Chàng vừa ý ai trong tổng này cứ nói ra, em giúp." Người ấy đáp: "Người anh vừa ý trong tổng này không có ai, trừ một người..." Để ngầm báo cho người ấy, dân nữ nói: "Người mà chàng định cưới làm vợ cũng thương chàng. Về nói với bố mẹ mang giàu cau sang đi kéo nữa lại chậm chân..." Người ấy hiểu ra chạy như bay về nhà thưa với bố mẹ. Mấy ngày sau, bố mẹ người ấy mang lễ sang... Vài ngày sau gặp nhau, hôn phu của dân nữ nói: "Cảm ơn em. Trước em, anh sợ bị khước hôn nên không dám nói thẳng." Mấy lời quê mùa có gì mạo phạm, xin Hoàng thượng xá cho.

Nhà Vua sững sờ. Đứng lặng hồi lâu, Ngài mới nói:

- Cứ tạm coi hôm nay, ta chưa nói gì với nàng.

- Đội ơn Hoàng thượng, dân nữ hiểu rồi ạ.

Xa xa, Thái giám đứng trông lại. Thấy Hoàng thượng chuyện trò với Sơn Nữ lâu lâu, y đồ rằng Sơn Nữ ưng thuận hầu nhà Vua mãi mãi. Nhưng khi thấy Ngài nặng nề lê gót, long nhan ủ rũ, y nhận ra phải đâu cứ là Vua thì muốn điều gì cũng được. Thái giám chỉ còn biết lặng lẽ theo gót nhà Vua về cung.

Một nỗi buồn mênh mông vây quanh nhà Vua. Ngài biết Vua cha đã nói với Ngài không đúng những điều mà bà Thục Trâm và Sơn Nữ đã nói với Người. Giá Vua cha nói thật ra thì hay hơn. Nhưng vì sao Người lại dấu? Hay là Người muốn ta thuyết phục nàng. Song Sơn Nữ đã có hôn phu. Là một vị Vua ta đành lòng làm cái việc trái với lòng ta sao? Nhà Vua lại dăm dăm nghĩ ngợi. Chắc gì chuyện nàng nói ra đã là thật. Có thể đó chỉ là cách chối từ khéo. Mong rằng suy đoán của ta không sai. Nếu đúng nàng chưa có hôn phu.... Nhưng nàng lại vẫn từ chối? Ta ghép cho nàng tội khi quân? Không được ! Làm như thế ta chỉ chiếm đoạt được một cái xác không hồn. Đã không tưởng cảm thì làm gì có tương giao, "đồng sàng" mà lại "đị mộng" thì tìm đâu ra sự tương thức ! Tuy vậy, dù sao đi nữa, ta vẫn phải biết chuyện của nàng thật hay là giả.

Ngài nói với Thái giám. Viên quan hoạn gật gật đầu:

- Ngày mai, thần đi sớm.
- Người phải dấu thân phận cho khéo.
- Bẩm, thần biết phải làm thế nào rồi ạ.

Gần một tháng sau, Thái giám mới về. Y run run thưa:

- Bẩm Hoàng thượng, đúng là Sơn Nữ đã đính hôn với cháu ông tiều. Nhà trai mong Sơn Nữ sớm về để làm lễ vu quy.

Màu u buồn quán đặc hiện lên trong mắt nhà Vua. Một lúc sau, Ngài mới hỏi:

- Người có sơ xuất điều gì không?
- Bẩm, thần biết cái đầu thần trong tay Người mà.

Ngày hôm sau, nhà Vua tới điện Vĩnh Thọ. Ngài buồn rầu quỳ trước Vua cha:

- Hoàng nhi chúc Vua cha vạn tuế.

Vua cha biết con đến vì việc gì rồi, nhưng Ngài cứ lờ đi. Nhà Vua bèn nói:

- Giá như hôm trước, Vua cha nói thật với Hoàng nhi.

Vua cha cười:

- Hoàng nhi không hiểu ý ta sao?
- Tâu Vua cha, Sơn Nữ đã có hôn phu...
- Chính vì thế ta mới muốn Hoàng nhi phải gặp. Hoàng nhi định thế nào?

- Hoàng nhi chỉ thấy buồn thôi.
 - Giai nhân là trọng hay giang Sơn là trọng?
 - Vua cha đã đặt sông núi lên vai Hoàng nhi, Hoàng nhi biết phải làm gì rồi.
 - Nghĩ được như thế là phúc. Cũng vì trái duyên nên mới như vậy. Có thật Hoàng nhi thương Sơn Nữ lắm phải không?
 - Hoàng nhi thấy Sơn Nữ mới là tri âm.
 - Đã như vậy, Hoàng nhi hãy làm điều gì tốt cho Sơn Nữ. Nó được hạnh phúc cũng như Hoàng nhi được hạnh phúc.
- Vua cha đăm đăm nhìn con rồi lại nói:
- Ta đã biết Sơn Nữ có hôn phu rồi. Thế mà ta vẫn bảo Hoàng nhi đến gặp. Hoàng nhi có hiểu vì sao không?
 - Tâu Vua cha, Hoàng nhi chưa hiểu. - Bảo Hoàng nhi đi gặp Sơn Nữ để xem Hoàng nhi xử sự thế nào. Nếu là kẻ nghịch đạo, Hoàng nhi sẽ tìm mọi cách để chiếm được người mà Hoàng nhi muốn. Nhưng thấy Hoàng nhi quay lại, ta biết điều tồi tệ không xảy ra. Hoàng huynh quả không nhằm nên đã nhường giang Sơn cho Hoàng nhi.
- Qua nhiều đêm suy nghĩ, bà Thục Trâm xin vào bái yết nhà Vua. Ngài cho phép. Bà vừa quỳ trước bệ rồng, nhà Vua đã hỏi:
- Khanh đã nghĩ thêm được điều gì cho Trẫm chăng?
 - Tâu Hoàng thượng, dân nữ không nghĩ được gì nữa. Bởi việc lớn đã được Người tính đến mọi lẽ thiệt hơn rồi ạ.
 - Vậy khanh có việc gì?
 - Bẩm, dân phụ xin Người ân chuẩn cho dân phụ và Sơn Nữ về Bắc Lâm.
 - Khanh phải ở lại kinh thành cho tới ngày khởi cuộc. Còn Sơn Nữ, Trẫm đã nói rồi.
 - Tâu Hoàng thượng, dân phụ ở lại kinh thành không có lợi cho đại sự.
 - Sao khanh nói vậy?
 - Thưa, kẻ gian sẽ biết: Hẳn là có việc lớn nhà Vua mới giữ con gái Tri huyện Trường định ở trong kinh thành. Biết đâu từ đó sẽ xảy ra chuyện...
 - Thế còn Phạm Vũ Long ở lại cũng phiền sao?
 - Bẩm, em dân nữ ở lại kinh thành vì bộ sách nhiều người đã biết.
 - Cho khanh về Bắc Lâm, Trẫm không lo là khanh sẽ làm lộ bí mật mà lo

cho sự an toàn của khanh.

- Bẩm, dân phụ biết cách lo cho dân phụ rồi. Dân phụ về Bắc Lâm còn yên ổn hơn ở kinh thành. Nếu Hoàng thượng e ngại, xin Người cho phép dân phụ lên xin Vua cha.

Nhà Vua suy nghĩ. Ngài nhớ tới câu nói của Vua cha: "Hoàng nhi hãy làm điều gì tốt cho Sơn Nữ...." Bởi vậy, nhà Vua nói:

- Việc của Sơn Nữ, khanh để ta lo liệu.

- Tạ ơn Hoàng thượng.

Trước ngày bà Thục Trâm và Sơn Nữ rời kinh, nhà Vua truyền hai người vào cung. Bà Thục Trâm dặn cháu:

- Vào yết kiến nhà Vua, Ngài hỏi cháu điều gì hễ thấy khó đáp, cháu hướng ánh mắt sang bà. Cháu phải nhớ đấy.

- Thưa, cháu xin nhớ ạ.

Hai bà cháu vào tới cung. Nhà Vua cho miễn lễ rồi nói:

- Các khanh giúp Vua cha và Trẫm nhiều rồi. Trẫm muốn giữ các khanh ở lại kinh những mong bù đắp cho. Nhưng ý nguyện của các khanh muốn về với rừng thanh núi vắng. Chim về với tổ, Trẫm có giữ cũng không được. Vậy các khanh muốn xin Trẫm điều gì cứ nói ra.

Bà Thục Trâm cảm động đáp:

- Đội ơn Hoàng thượng, Người cho bà cháu dân phụ trở về Bắc Lâm là đại ân rồi ạ. Bà cháu dân phụ không xin gì nữa.

- Trẫm biết, những người như các khanh thường không nghĩ về mình. Các khanh khắc kỷ phục lễ thái quá cũng không được đâu. Những điều khanh trình lên trẫm có một ý: "Hoàng thượng chẳng những chặn dân mà còn phải chặn quan..." Các khanh không là quan nhưng công lớn lắm. Trẫm biết chứ.

- Đội ơn Hoàng thượng, Người làm cho nước yên, dân vui là bà cháu dân phụ được nhờ rồi ạ.

- Ai cũng như các khanh tự lo cho bản thân thì tốt biết bao. Tuy vậy, bao lâu nay các khanh hết lòng vì Vua cha, hết lòng vì Trẫm, Trẫm phải có trách nhiệm. Nếu Trẫm vô tình, còn ai hết lòng vì Trẫm nữa. Rồi Bộ Lễ sẽ lo cho các khanh.

Nhà Vua phóng tầm mắt, ngời ngời về phía xa, rồi Ngài quay nhìn Sơn Nữ, nói:

- Trí tuệ của bà khanh đã giúp triều đình nhiều rồi. Còn nàng, trí tuệ của nàng ta đã biết qua những ngày chữa bệnh cho Vua cha.

Ngừng chốc lát, nhà Vua nói tiếp:

- Hoàng huynh đặt giang sơn lên vai ta. Muốn chấn hưng xã tắc nhưng bá quan rất những kẻ bất tài, tham lam, xu nịnh. Nhân tài thì thưa, kế hay thì thiếu, giá nàng là trai.. Hơn nữa, nàng lại nặng lòng quê. Trọng trí sáng của nàng, ta hỏi một điều: Nếu ở cương vị ta, nàng sẽ làm thế nào để có nhân tài?

Sơn Nữ chớp chớp mắt rồi nói:

- Tâu Hoàng thượng, Sơn Nữ trẻ dại, quê mùa không dám bàn việc lớn. Nhưng dân nữ mạo muội nói điều đã nghe, đã thấy nếu Người cho phép.

Bà Thục Trâm lo lắng. Sơn Nữ mà nhờ mồm thì chết. Còn nhà Vua, Ngài khẽ cười:

- Nàng đã nghe, đã thấy gì cứ nói.

Bà Thục Trâm hắng giọng... Nhưng tiếng Sơn Nữ đã cất lên:

- Tâu Hoàng thượng, ngài Tuần phủ Bắc Lâm gặp việc gì khó bèn xúc đến các làng. Ai có ý hay dâng lên cho ngài. ý của ai hay, ngài dùng ngay và thưởng cho người ấy. Vùng biên cương thuộc quyền của ngài cai quản được yên ổn cũng do ngài làm theo ý của các làng trình lên. Điều này già trẻ Bắc Lâm biết cả. Hoàng thượng cai quản cả nước. Người bố cáo khắp nơi. Ai có ý hay, lời sáng thì dâng lên nhà Vua. May ra, Hoàng thượng tìm được người tài.

Nhà Vua thốt lên:

- Giỏi ! Giỏi ! Nàng thật là giỏi ! Tại sao trẫm không nghĩ ra nhỉ?

Bà Thục Trâm nhẹ hẫng lòng. Nhà Vua nhìn bà Thục Trâm, nhìn Sơn Nữ rồi ngược lên nói như nói với đất trời:

- Nếu Vương nghiệp của ta có một chút gì đó được ghi vào tre lụa, người đời sau chắc gì đã nhớ. Nàng và cây cỏ tiên của nàng không cần ghi chép đời vẫn không quên. Bởi cây cỏ tiên đã thuộc về dân gian nên nó thành hương hoa tồn tại cùng xóm làng còn mãi mãi.

Qua câu nói của nhà Vua, bà Thục Trâm nghĩ: Điều mà Hoàng Thượng công báo ứng đã đúng - Sơn Nữ đã làm được một việc lớn mà bà và Kim Phụng không làm được.

Nhà Vua lại nói:

- Nàng trẻ tuổi nhưng giỏi giang chẳng ngại quan san, nguy hiểm về kinh chữa cho Vua cha khỏi bệnh. Cảm tấm lòng trung nghĩa của nàng, ta tặng nàng một vế đối:

- Kỳ nữ thương kinh lưu vĩ tích.

ánh mắt Sơn Nữ hướng sang bà Thục Trâm. Hiểu ý, bà Thục Trâm bèn tâu:

- Tạ ơn Hoàng thượng đã ban cho cháu những chữ như ngọc. Dân nữ xin đỡ lời cháu dâng lên Hoàng thượng những lời quê mùa, xin Người dung cho:

- Chân long ngộ vũ xuất linh thần.

Nhà Vua nhắm đọc:

Kỳ nữ thương kinh lưu vĩ tích

Chân long ngộ vũ xuất linh thần

Ngài suy nghĩ từng chữ một, nghĩa của hai vế câu đối hiện rõ:

Gái giỏi lên kinh để lại công lớn

Rồng khôn gặp nước hóa ra thần thiêng

Nhà Vua hiểu ngụ ý của bà Thục Trâm khen Ngài bèn nói:

- Hay! Hay lắm! Nay Trẫm mới biết thêm tài văn chương của khanh.

Bà Thục Trâm khôn khéo:

- Tâu Hoàng thượng, vế xuất của Người sâu sắc quá. Dân nữ phải cố gắng lựa chữ may sao vế đối lại xứng với vế xuất của Người.

Trở về triều, sau nhiều đêm ngẫm nghĩ, nhà Vua ban bố cáo:

"Muôn dân xa gần, không kể sang hèn, ai có kế hay mưu giỏi dâng ngay lên Trẫm. Mưu của ai giỏi, kế của ai hay giúp được Trẫm chấn hưng đất nước sẽ được trọng thưởng. Trẫm sẽ cất nhắc những người có thực tài trong dân gian. Muôn dân được phép tấu lên Trẫm ai làm quan giỏi, ai làm quan dở để Trẫm biết mà thưởng phạt cho minh. Nghiêm cấm thù hằn, ghen ghét mà đặt điều làm hại lương thần. Kẻ nào cố ý vu cáo người ngay sẽ bị nghiêm trị.."

Dân khắp nước vui mừng hưởng ứng bố cáo của nhà Vua. Triều đình có thêm người tài. Các quan thanh liêm nức lòng. Bọn tham quan sợ dân tố giác nên chúng bớt hà hiếp dân lành. Lúc ấy, nhà Vua càng nhớ tới Sơn Nữ. Ngài nghĩ: "Có lẽ Giời xui nàng cho ta ý hay." Từ đó Cỏ Tiên - Sơn Nữ trong lòng nhà Vua như một huyền sử lung linh.

* * *

Những dòng cuối cùng được tôi viết ra sau khi đồng đội tôi đã đọc bản thảo quyển sách này - Huyền Sử Cỏ Tiên.

Mười tám người năm xưa nghe Mai Như Xuân kể chuyện giữa rừng trung Lào trong mưa xối ngày đêm, thay cơm là măng rừng đắng bụng chỉ còn có tám người. Mười người nữa, sáu người đã hóa thành một phần đất đai Tổ quốc, bốn người nay không biết trôi dạt ở phương trời nào!

Tám người ngồi bên nhau hai ngày một đêm. Kẻ điều cày, người điều giấy "liên hoan" vài trăm trang sách của tôi viết lại chuyện Mai Như Xuân đã kể. Hay hoặc chưa hay, đồng đội tôi đều trân trọng. Vì nó làm sống lại kỷ niệm thời thanh xuân chiến trận, làm cho hình ảnh Mai Như Xuân và những người đã ngã xuống sống lại trong tâm thức chúng tôi.

Gấp sách lại, đồng đội tôi mong muốn: Phải làm gì để bớt đi Triệu Quảng Thành, Đỗ Hồi, Đinh Văn Thạc; có thêm Tổng đốc Hải Đông, quan Ngự sử, Thục Trâm, Sơn Nữ.... Càng mong muốn hơn, trong dân quê tiềm ẩn những trí tuệ sáng suốt và những giá trị đẹp đẽ. Đó là vốn quý như ngọc cần phát hiện, nâng niu, nuôi dưỡng. Một nhân vật trong ruyện đã nói: "Hãy xem người thợ săn chăm lo con chim mỗi thế nào, ta sẽ hiểu vì sao nó trung thành với chủ". Phải đâu ý nghĩ này chỉ dành cho người đời xưa suy nghĩ.

Với riêng tôi, viết lại chuyện anh kể dù chưa hay cũng là một nén hương, tôi tưởng niệm Mai Như Xuân.

Nam Định, xuân Giáp Thân 2004

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vy.

Hiệu đính: Chuột lắt

Nguồn: VNmedia

Được bạn: Chuột lắt đưa lên

vào ngày: 25 tháng 7 năm 2006